

NHÂN VẬT NỘI CUNG TRIỀU NGUYỄN

Lê Nguyễn Lưu, Nguyễn Công Trí*

I. HAI BÀ HOÀNG HẬU

1. Hoàng hậu Tổng Thị Lan (1762-1814)

Thần vị tại Thê Miếu phần hăm trung đề: “越故簡恭齊孝翼正順元皇后姓宋諱蘭字[王+連]⁽¹⁾第三行神主 - 辛巳年十二月二十五日...時聖誕 - 甲戌年二月初三日戌時升遐” (Thần chủ của Hoàng hậu Giản Cung Tề Hiếu Dực Chính Thuận Nguyên đã mất, họ Tống húy Lan tự Liên, là con thứ ba - sinh giờ... ngày 25 tháng Mười Hai năm Tân Tỵ - mất giờ Tuất ngày mùng 3 tháng Hai năm Giáp Tuất).

Bà Tống Thị Lan (còn có tên là Liên), người huyện Tống Sơn (Thanh Hóa), con gái thứ ba của Quy quốc công Tống Phúc Khuông,⁽²⁾ mẹ họ Lê, quê gốc xã Bùi Xá, huyện Tống Sơn, xứ Thanh Hoa (Thanh Hóa); sinh ngày 25 tháng Chạp năm Tân Tỵ (19/01/1762). Sau cuộc biến năm Giáp Ngọ (1774), quân Trịnh chiếm Phú Xuân, bà theo cha vào Nam, đến ở Gia Định, rồi được tiến cung năm Mậu Tuất (1778), khi bà 18 tuổi, tấn phong làm Nguyên phi. Bà là người cung kính, cẩn thận, cử động có phép tắc, lễ độ, vua rất quý trọng. Bà sinh được hai con trai, cả là Chiêu, mất sớm, thứ là Cảnh, sau được phong Đông cung Thái tử, nhưng cũng mất trước khi Nguyễn vương khôi phục Phú Xuân.

(*) Thừa Thiên Huế.

(1) Những chữ Hán mà phần mềm Hán Nôm chúng tôi đang sử dụng không có, xin mở ngoặc ghi cấu tạo gồm bộ nào và chữ gì kèm theo như thế này cho tiện.

(2) Thủy tổ họ Tống xứ Thuận Hóa là Tống Phúc Trị, người huyện Tống Sơn, xứ Thanh Hóa, làm quan với nhà Lê, được cử vào Thuận Hóa giữ chức trấn phủ. Năm 1558, Nguyễn Hoàng vừa đến nhậm chức Trấn thủ Thuận Hóa, ông đã đem sổ sách, bản đồ trong cũi dâng nạp, rồi hết lòng giúp đỡ vị tổng trấn mới, bình định các nơi, rồi ốm chết tại chức. Về sau, ông được xếp vào hàng Khai quốc công thần hạng nhì. Con cháu ông tiếp tục làm quan với các chúa Nguyễn. Đến cuối thế kỷ XVIII, có Tống Phúc Hiệp, Trấn thủ dinh Long Hồ, Tống Phúc Hòa, Chương dinh, quận công, là anh em chú bác. Lại có Tống Phúc Thành, không rõ quan hệ họ hàng như thế nào, làm quan thời chúa Nguyễn Phúc Khoát đến chức Nội thủy Chương cơ, sau khi mất tặng Chương dinh, quận công, thụy Đôn Trực. Con ông là Tống Phúc Khuông, tập ấm làm đến chức Chương dinh, lấy vợ người họ Lê ở Quảng Nam, sinh con gái là Tống Thị Lan, rồi lại lấy công nữ Ngọc Cư (con gái thứ sáu của chúa), sinh con trai là Tống Phúc Lương. Năm Ất Mùi (1775), ông đem gia quyến chạy theo chúa Nguyễn Phúc Thuần vào Gia Định. Sau khi chúa bị Tây Sơn bắt giết, ông theo Nguyễn Phúc Ánh, cùng Đỗ Thanh Nhân tôn làm Đại Nguyên soái (1778), rồi tôn lên ngôi vương (1780). Nguyễn vương cho ông làm Ngoại tả Chương dinh kiêm Chương sử, cử đi chiêu dụ nước Chân Lạp. Ông ốm chết, Chương cơ Hồ Văn Lân đem hài cốt về táng tại Gia Định. Năm Gia Long 3 (1804), cải cát về kinh, vua thân đến đưa đám, cho dựng đền thờ, tặng Suy trung Dực vận Công thần, Đặc tiến Khai phủ Phụ quốc Thượng tướng quân, Thượng trụ quốc, Thái bảo, Quốc công, thụy Trung Ý. Năm 1833, vua Minh Mạng đổi tặng Đặc tiến Tráng vũ Thượng tướng quân, Tiền quân Đô Thống phủ Chương phủ sự, Thái bảo, thụy Cung Mẫn; bà họ Lê gia tặng Quy Quốc nhất phẩm phu nhân.

Năm Quý Mão (1783), quân Tây Sơn (Nguyễn Huệ) vào đánh Gia Định, Nguyễn vương phải lánh ra đảo Phú Quốc, giao Hoàng tử Cảnh cho Giám mục Bá Đa Lộc đem đi Pháp cầu viện, rồi mình cũng từ giả sang Xiêm. Trước khi đi, vương lấy một dật vàng (vàng 10 tuổi, 20 lượng) chặt đôi trao cho bà một nửa và dặn rằng: “*Con ta đi rồi, ta cũng đi đây. Phi ở lại phụng thờ quốc mẫu, chưa biết sau này gặp nhau ở nơi nào, ngày nào, hãy lấy vàng này làm tin*”.⁽¹⁾ Năm 1820, vua Minh Mạng ghép hai nửa thoi vàng ấy lại, cho khắc dòng chữ: “*世祖帝后癸卯百千時信物 Thế Tổ Đế, Hậu, Quý Mão, bá thiên thời tín vật*” (Tín vật muôn đời của Hoàng đế và Hoàng hậu vào năm Quý Mão) và thờ tại điện Phụng Tiên làm kỷ niệm. Năm 1928, theo chỉ dụ của vua Khải Định, thoi vàng cùng những tủ bảo vật được chuyển đến đại sảnh của điện Cần Chánh.

Mùa xuân năm Giáp Thìn (1784), Nguyễn vương trở về, bà vẫn theo hầu Quốc mẫu (mẹ vua Gia Long, Nguyễn Thị Hoàn) ở lại đảo Phú Quốc. Mùa thu năm Mậu Thân (1788), Nguyễn vương lấy được Gia Định, cho rước cả gia quyến về ở yên. Bấy giờ đã có thêm bà Trần Thị Đương; cả hai bà đều lo việc hậu cần. Từ đó, mỗi khi vương đi chinh chiến, bà đều theo bên để giúp đỡ. Bà “*thờ Thái hậu đủ mọi gian khổ, hiếu kính, cần kiệm, hiền hậu, yêu người, thường tự tay kéo dệt và may cắt quần áo để cấp cho các tướng sĩ. Một hôm đi thuyền gặp giặc, vua liền đốc quân ra sức chiến đấu, hậu cũng cầm dùi thúc trống. Quân sĩ nức lòng, tranh nhau phấn đấu, bèn đánh được giặc*”.⁽²⁾ Ngày mùng 7 Kỷ Mão tháng Mười năm Bính Thìn (1796), Nguyễn vương tấn tôn mẹ (Nguyễn Thị Hoàn) lên ngôi vị Quốc mẫu Vương Thái phi, sau đó sách lập bà làm Vương phi. Hàng năm, Nguyễn vương theo gió mùa đánh ra Quy Nhơn, rồi theo mưu “*tượng kỳ khí xa*”, ngày mùng 3 tháng Năm năm Tân Dậu (2/6/1801), ông khôi phục được thành Phú Xuân, và để “*chính danh*” trước khi hoàn tất cuộc thống nhất non sông, ông làm lễ đặt niên hiệu mới Gia Long ngày mùng 1 tháng Năm năm Nhâm Tuất (31/5/1802). Ông tiếp tục tiến quân ra Bắc và ngày 17 tháng Sáu năm Nhâm Tuất (16/7/1802) chiếm được Thăng Long, vua tôi nhà Tây Sơn lần lượt bị bắt giải về Huế “*tận pháp trừng trị*”. Nhà Nguyễn chính thức được thành lập. Mặc dù Đông cung Cảnh đã mất, ngày 21 tháng Ba năm Quý Hợi (1803), vua Gia Long kính cáo Thái Miếu, rồi ngày 22 Bính Thân tháng Ba năm Quý Hợi (12/5/1803) làm lễ sách lập bà làm Vương Chính hậu (trước đó, đã tấn tôn mẹ làm Vương Thái hậu). Sách văn như sau:

天道資陰養之功化醇萬物
聖人設內輔之職表正六宮
稱是懿章
歸于令德
眷惟元妃宋氏
琚璫美業
琬琰芳儀

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Một, tr. 218.

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Một, tr. 553.

潛龍初天妹定祥貞靜嗣徽音於京室
 維鳩日邦媛表淑勤儉基王化於舟梁
 椒寔蕃而慶衍麟振
 樛蔭茂而寵延魚串
 洎遭屯步
 樂得坤朋
 艱關湯旆武旄其朕八九世先王之讎恥
 迢遞蜀城秦棧隨予三十年鄰國之風塵
 坎坷愈篤堅貞
 婉婉夙閑禮度
 助孝思於長樂親調御膳之珍甘
 分苦節於會稽自織同袍之絺綌
 永巷脫簪多資補袞
 明庭望燎屢贊求衣
 朕思九廟之蒸嘗香襪同懷於履露
 朕念六軍之勞苦翠蛾並蹙於聞鼙
 飽殷憂而淵塞秉心
 遵晦養而和柔著德
 當熊衛漢不愧馮姬
 走馬造周有光姜女
 乾坤再造既同濟於艱難
 日月並明宜共享其富貴
 載稽往典
 用錫徽稱
 奉王太后慈命特遣掌神武軍范文仁禮部鄧德超捧金冊琮寶立為王正后
 夫惟肅恭可以事上
 夫惟仁茲可以接下
 后克勤人用弗怠
 后克約人用弗泰
 后其念茲以承宗廟之慶以綏子孫之祚⁽¹⁾
 於戲

⁽¹⁾ *Đại Nam thực lục*. Chính biên Đệ nhất kỷ. Quyển Nhị thập, tờ 22b-24a. So với bản chép trong *Đại Nam liệt truyện chính biên*. Sơ tập. Quyển 1, tờ 11b-12a, có vài chữ khác: vũ mao 其 **kỳ** trăm bát cửu thể / vũ mao 共 **cộng** trăm bát cửu thể; thúy蛾 **nga** tịnh súc / thúy娥 **nga** tịnh súc; nhân 茲 **tư** khả dĩ / nhân 慈 **từ** khả dĩ; dĩ thừa 宗 **tông** điện / dĩ thừa 尊 **tôn** điện, và không có mấy câu cuối (từ “Ô hí...”).

帝座次星配帝者妃正乎内睹彝倫之敘
家人初爻閑家為吉御于邦觀德化之成
欽哉毋替厥命

Tạm dịch

Đạo trời nhờ công âm dưỡng mà hóa thuận muôn vật;

Thánh nhân đặt chức nội phụ để nêu mẫu sáu cung.

Ban tặng tên hay;

Về cho đức tốt.

Mến nghĩ Nguyên phi họ Tống;

Cư hoàng nền nếp;

Uyển diễm hình dung.⁽¹⁾

Buổi rồng chìm⁽²⁾ trời sớm định duyên lành, trinh tñnh nổi tiếng hay nơi kinh thất;

Ngày cưu náu⁽³⁾ nước đã khen nét thực, kiệm cần gây tục tốt chốn chu lương.

Quả tiêu sai⁽⁴⁾ mà phúc rủ tới cháu con;

Bóng cù mát⁽⁵⁾ mà yêu chung cùng hầu thiếp.

Gặp trong bước gấp;

- (1) Cư, hoàng, uyển, diễm đều là các loại đá quý (ngọc), có thể làm trang sức trên áo quần và cơ thể phụ nữ.
- (2) Rồng chìm: Hào Cửu nhất trong *Dịch kinh*: “潛龍勿用 *Tiềm long vật dụng*” (Rồng chìm, không nên hoạt động), chỉ vua khi chưa lên ngôi, như rồng còn ẩn náu dưới hang sâu. Đây ý nói vua Gia Long lúc còn là công tử Nguyễn Phúc Ánh, bốn ba trốn tránh trong dân gian ở Nam Bộ.
- (3) Cưu náu: Cưu là loài chim không biết làm tổ, mượn tổ chim khác mà đẻ trứng, khi con lớn rồi thì bay đi. Chỉ Nguyễn vương khi phải nương nhờ ở nước Xiêm (Thái Lan) thời gian bị quân Tây Sơn truy đuổi.
- (4) Quả tiêu sai: cây tiêu nhiều quả (tiêu thực tiễn), chỉ người vợ sinh nhiều con, là hạnh phúc trong gia đình xưa. Cháu con: nguyên văn “lân chân”, chữ trong *Thi kinh*, *Quốc phong*, thơ *Chu Nam*, thiên *Lân chi chi*: 麟之趾/振振公子/于嗟麟兮 *Lân chi chi* / *Chân chân công tử* / *Hu ta lân hề*. Lân là loại thú mình giống con mang, đuôi bò, móng ngựa, thú đứng đầu trong các loài có lông; *chỉ* là chân, chân con lân không đạp lên cỏ tươi, không dẫm lên côn trùng còn sống; *chân chân* là đáng nhân hậu; *hu ta* là tiếng than. Chu Hy giải thích: “Văn vương và Hậu phi lấy đức hạnh tu thân, mà con cháu tông tộc đều hóa ra hiền lành. Cho nên nhà thơ mới lấy chân con lân mà khởi hứng để nói về con của Văn vương và Hậu phi. Nói rằng tính con lân nhân hậu, cho nên chân của nó cũng nhân hậu. Văn vương và Hậu phi nhân hậu, cho nên con của ngài cũng nhân hậu. Nhưng lời nói không thể tả đủ, cho nên lại than thở khen tặng”.
- (5) Bóng cù mát: cù mộc, cũng có người phiên âm *Cưu mộc*, *Giao mộc*, không đúng. *Nam hữu cù mộc* là tên một thiên trong *Thi kinh*, phần *Quốc phong*, thơ *Chu Nam*. Cù mộc là loài cây gỗ lớn, để cho các loại cây nhỏ thân dây leo quanh mà sống, ví với người vợ cả yêu thương đùm bọc các người vợ lẽ (chế độ đa thê ngày xưa); theo Chu Hy, thơ *Nam hữu cù mộc* ca tụng ân đức bà Hậu phi của Văn vương đối với kẻ dưới. Chương mở đầu như sau: 南有樛木/葛藟累之/樂只君子/福履綏之 *Nam hữu cù mộc* / *Cát lủy luy [lôi] chi* / *Lạc chỉ quân tử* / *Phú lý tuy chi* (Núi Nam cù mộc có cây / Cuốn leo quanh quất có dây sắn bìm / Mừng vui quân tử một niềm / Chúc cho phúc lộc càng thêm dồi dào).

Vui được vợ hiền.

Dưới ngọn cờ Thang Vũ⁽¹⁾ khó khăn, cùng ta rửa tám chín đời tiên vương thù nhục;

Trong đường hiểm Thục Tần⁽²⁾ vất vả, theo ta ba chục năm lân quốc phong trần.

Nhọc nhàn càng tỏ nét kiên trinh;

Mềm mại vốn quen chiều lễ độ.

Giúp việc hiếu ở cung Trường Lạc,⁽³⁾ thân làm đồ ngon ngọt dâng cơm;

Chia nỗi khổ ở núi Cối Kê,⁽⁴⁾ tay dệt vải mỏng dày cho lính.

Bỏ trâm nơi Vĩnh Hạng,⁽⁵⁾ chính sự giúp nhiều;

Trông đuốc chôn Minh Đình, văn thư lắm vẻ.

Ta nghĩ lễ chung thường dâng chín miếu, chân giày thorn cùng nhớ lúc dầm sương;

Ta thương tình lao khổ của sáu quân, vẻ may biếc cũng cau vì tiếng trống.

Đầy lo nghĩ mà cầm lòng vững chắc;

Gặp vận đen mà tỏ đức nhu hòa.

(1) Thang Vũ: ông Thành Thang diệt vua Kiệt nhà Hạ tàn bạo hoang dâm mà dựng nên nhà Thương; ông Tây Bá Phát diệt vua Trụ tàn bạo hoang dâm nhà Ân (tức nhà Thương giai đoạn cuối, đóng đô tại Ân Khư) mà lập ra nhà Chu, tức Vũ vương.

(2) Thục Tần: xứ Ba Thục thời nhà Tần ở phía tây nam Trung Quốc, là nơi hiểm yếu, núi non trùng trùng điệp điệp, người ta chỉ làm được một con đường bằng gỗ ván gọi là sạn đạo để giao thông. Sau khi diệt Tần, Sở vương Hạng Vũ phong cho Lưu Bang làm Hán vương vào đóng ở đất Ba Thục. Mưu sĩ Trương Lương đã bày kế đốt sạn đạo để tránh sự dòm ngó của Sở vương, rồi ra sức xây dựng lực lượng, đến khi thực lực mạnh lên, ông lại nhanh chóng tái thiết sạn đạo, bất ngờ đánh ra và cuối cùng tiêu diệt Hạng Vũ, dựng nghiệp nhà Hán.

(3) Trường Lạc: Tên cung thời Hán, được xây dựng năm 200 TCN, đời Hán Cao Tổ (Lưu Bang), nguyên tên Trường Môn, sau đổi Trường Tín, rồi Trường Lạc, nay ở trong di chỉ thành cũ Trường An (huyện Trường An, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc). Thời Hán, cung này dành cho các bà thái hậu ở; Hán Huệ Đế hết lòng nuôi mẹ trong cung ấy. Thời Sơ Đường vẫn còn, đến niên hiệu Thiên Bảo (742-755) thì bỏ. Thời Hán, cung là nơi bà thái hậu ở, rồi thái hậu chuyển sang cung khác, bỏ không, dùng làm nơi ở cho những cung nữ, phi tần bị vua ruồng rẫy hay xử phạt vì phạm lỗi; trong đó có nàng Tiệp dư họ Ban giỏi giang xinh đẹp, nên thi nhân thường lấy làm đề tài cho thơ cung oán (nỗi oán giận trong cung), như Vương Xương Linh với các bài *Trường Tín oán*, *Trường Tín thu từ*... Các triều đại phong kiến Việt Nam cũng dùng lại tên này để đặt cho nơi ở của các bà, như bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền (con gái ông Nguyễn Văn Lang, vợ vua Lê Thánh Tông, mẹ vua Lê Hiến Tông).

(4) Cối Kê: tên núi, thuộc nước Việt thời Chiến quốc, nay ở huyện Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang. Việt vương Câu Tiễn bị Ngô vương Phù Sai đánh bại, bắt giam lỏng rồi cho về Cối Kê ở. Câu Tiễn chịu nhục, dùng Phạm Lãi và Văn Chủng làm mưu thần, ngầm khôi phục lực lượng, rồi dâng hiến nàng Tây Thi cho Phù Sai, dùng kế mỹ nhân để lung lạc tinh thần đối phương, sau đó bất ngờ tấn công đánh bại Phù Sai, chiếm cả nước Ngô.

(5) Vĩnh Hạng: tên một ngõ xóm trong đô thành thời nhà Chu, để giam cầm các cung nữ phạm lỗi hay bị ruồng bỏ. Khi Chu Tuyên Vương ham chơi, không chăm lo chính sự, bà Khương hậu rút bỏ trâm, vào ở Vĩnh Hạng để can gián. Tuyên Vương tỉnh ngộ, từ đấy thức khuya dậy sớm, chăm lo chính sự, nhà nước trở nên mạnh mẽ, bèn tổ chức đi săn để biểu dương lực lượng, sai đeo đá làm trống khắc thơ thị uy, gọi là "thạch cổ văn".

Đón gấu giữ vua Hán, chẳng kém Phùng Cơ;⁽¹⁾
 Chạy ngựa dựng nghiệp Chu, còn hơn Khương Nữ.⁽²⁾
 Càn khôn dựng lại, đã cùng gánh việc gian nan;
 Nhật nguyệt sáng đều, nên chung hưởng nền phú quý.
 Noi theo lễ trước;
 Cho được tiếng thơm.

Vâng từ mệnh của Vương Thái hậu, đặc biệt sai chưởng Thần Võ quân Phạm Văn Nhân và Lễ Bộ Đẳng Đức Siêu bưng sách vàng và ngọc tông lập làm Vương chính hậu. Ôi! Nghĩ rằng có nghiêm kính mới thờ được bề trên, có nhân từ mới tiếp được kẻ dưới. Hậu hay siêng năng thì người ta không dám lười biếng; Hậu hay tận tụy thì người ta không dám xa hoa. Hậu nên nghĩ đó, để nối phúc cho tông miếu, để thêm vui cho cháu con.

Ôi!

Vị thứ hai sao Đế tọa,⁽³⁾ sánh ngôi vua là hậu, chính trong nhà bày tỏ di luân;
 Hào thứ nhất quả Gia nhân,⁽⁴⁾ trọn đạo nhà là hay, trị việc nước xét xem đức hóa.
 Kính thay! Chớ coi thường sắc mệnh này.⁽⁵⁾

- (1) Phùng Cơ: Hán Thành Đế ra chơi vườn Thượng Lâm, chợt một con gấu sống chuồng chạy đến, nàng Tiệp dư họ Phùng xông tới đứng đón trước con gấu che đỡ cho vua khỏi bị hại. Do việc ấy, Thành Đế tấn phong nàng lên bậc Chiêu nghi.
- (2) Khương Nữ: người đàn bà thuộc tộc Khương, vợ của Cổ Công Đản Phủ (đời sau tôn phong Thái Vương), theo chồng rời bỏ ấp Mân, cùng ruồi ngựa đến vùng dưới Kỳ Sơn, xây dựng ấp mới. Bà sinh ra Quý Lịch thì được vua Đế Ất nhà Ân (giai đoạn sau của nhà Thương) phong tước Mục Sư; con là Xương được phong tước Tây Bá. Con Xương là Phát tập tước cha, nhưng vì vua Trụ nhà Ân tàn bạo, hoang dâm, nên Tây Bá Phát cử binh với sự giúp sức của Lã Thược và Chu Công, lật đổ vua Trụ lập ra nhà Chu, đóng ở đất Cảo (nay phía tây tỉnh Tây An, Trung Quốc).
- (3) Đế tọa: hay đọc “Đế tòa”, tên một chòm sao trong thiên văn cổ Trung Quốc. Chúng tôi chưa rõ xuất xứ điển tích này.
- (4) Gia nhân: Một quả trong *Dịch kinh*, quả thứ 37, gồm hai quả đơn, trên là Tồn (gió), dưới là Ly (lửa). *Thoán từ*: 家人利女貞 *Gia nhân, lợi nữ trinh* (Người trong nhà, lợi ở chỗ đàn bà giữ được chính đáng). Nói đàn bà chính đáng, nhưng thật ra đàn ông cũng phải chính đáng mới được. Nói rộng ra là tất cả các thành viên trong nhà đều phải giữ được chính đáng, cha mẹ và con cái, anh và em, vợ và chồng; nếu có một người không giữ được chính đáng thì gia đình không thuận. Các hào của quả đều nói lên ý đó. Hào Sơ cửu (quả thứ nhất, dương) nói: *Nhàn hữu gia, hối vong* 閑有家悔亡 (Phòng ngừa từ khi mới có nhà thì không phải hối hận), giữ đúng đạo ngay khi mới lập gia đình thì sẽ tốt đẹp lâu dài. Hào Lục nhị: *Vô du toại, tại trung quỹ, trinh cát* 無攸遂在中饋貞吉 (Không việc gì mà tự chuyên lấy thành công, ở trong nhà lo nấu nướng, giữ đạo chính thì tốt), chỉ người nữ (hào âm) không nắm quyền lớn trong nhà mà biết chăm lo nội trợ thì tốt. Hào Lục tứ: *Phú gia, đại cát* 富家大吉 (Làm cho nhà giàu lên, rất tốt), chỉ người đàn bà ở địa vị cao, người mẹ (hào âm) có trách nhiệm tạo ra tiền bạc của cải cho gia đình. Hào Cửu ngũ: *Vương cách hữu gia, vật tuất, cát* 王假有家勿恤吉 (Chủ khéo giữ việc nhà, không có gì phải lo, tốt), chỉ người chủ trong nhà (cha, như vua trong nước), khéo xếp đặt việc nhà đâu ra đấy thì gia đình hạnh phúc.
- (5) Tham khảo bản dịch trong: Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục* Sđd. Tập Một, tr. 553-554; Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2014). *Đại Nam liệt truyện*. Tập 1-2. Bản dịch: Viện Sử học. Nxb Thuận Hóa. Huế, tr. 177-178.

Sau khi đăng quang đế vị, ngày mồng 3 Mậu Thân tháng Bảy năm Bính Dần (16/8/1806), vua Gia Long dâng kim sách tấn tôn mẹ (bà Nguyễn Thị Hoàn) làm Hoàng Thái hậu, rồi ngày 14 Kỷ Mùi cùng tháng (27/8/1806), sách lập Vương hậu làm Hoàng hậu. Bài văn sách phong không viết theo thể biên ngẫu tứ lục, mà theo lối văn xuôi gọi là “biên tản kiêm thi”.

Nguyên văn:

朕惟純坤之體配乎乾元王化之始基於內治同尊並貴於禮為正睠惟王后宋氏義問汪洽淑行純備司朕壺職穆然中饋曩在播越朕焦勞于外后勤相于內艱難共濟夷險備嘗祁僮致敬甘旨盡孝恩施子姓澤被戎伍溫柔恭儉以弘相朕珩璫之懿式範庭園關雎之風化成天下修齊治平寔有助焉肆朕甫協廷臣奏請既正帝號言念后位于內與朕同治宮中之職必本諸朝朕已上白皇太后領旨特遣掌神武軍兼監神策軍謙郡公范文仁持節戶部尚書積善侯阮奇計為副齎金冊金寶晉封為皇后以隆位號后其膺此崇稱勛修內正恪事宗廟母儀臣庶祇勤于德每思儀而有光克篤其永承庥於無斁⁽¹⁾

Dịch nghĩa

Trẫm nghĩ: Thể Thuần Khôn sánh cùng Càn nguyên là mối đầu của vương hóa, nền tảng của việc bên trong; tôn quý như nhau, theo lễ là đúng. Nghĩ đến Vương hậu họ Tống: Tiếng hay rộng khắp, nét tốt vẹn toàn; giữ việc trong cung, bếp núc gọn ghẽ. Ngày trước xiêu dạt khắp nơi, trẫm khó nhọc ở ngoài, hậu siêng năng ở trong, gian nan cùng vượt, hiểm bằng từng qua. Cúng thờ hết kính, ngon ngọt thảo hiền; ơn huệ để cho con cháu, đức trạch ban đến quân binh. Ôn hòa kiệm ước để giúp đỡ trẫm; thùy mị nét na nê phép khuôn nhà; phong thái Quan thư, giáo hóa ra dân chúng. Sửa mình, sắp nhà, trị nước, bình thiên hạ, thật có giúp đỡ cho trẫm. Nay trẫm mới theo lời tâu xin của đình thần đã lên ngôi Đế, nghĩ rằng ngôi Hậu ở trong, cùng trị với trẫm; chức vụ trong cung, cũng gốc ở triều đình, nên trẫm đã tâu xin ý chỉ của Hoàng Thái hậu, đặc biệt sai chương Thần Võ quân kiêm giám Thần Sách quân Khiêm quận công Phạm Văn Nhân cầm cờ tiết, Hộ Bộ Thượng thư Tích Thiện hầu Nguyễn Kỳ Kế làm phó, bung sách vàng ấn vàng tấn phong làm Hoàng hậu để tôn vị hiệu. Hậu nên nhận lấy danh hiệu vẻ vang này, gắng sức sửa sang việc nhà, kính thờ tôn miếu, tỏ khuôn phép làm mẹ thần dân. Siêng năng việc đức, hằng nhớ điều nghĩa cho sáng thêm, để hưởng phúc lành mãi mãi không cùng.⁽²⁾

Ngày Ất Mùi mồng 3 tháng Hai năm Giáp Tuất (22/2/1814), Hoàng hậu Tống Thị Lan băng, quan tài đặt tại điện Khôn Nguyên, nơi ở của bà trong Tử Cấm Thành, và nghi lễ tang ma cũng tiến hành ở đó. Qua tháng Ba, “ngày Kỷ Hợi dựng điện Hoàng Nhân (ở phía bắc bên ngoài tường Thái miếu. Năm Minh Mệnh thứ 10 [1829] đổi tên làm điện Phụng Tiên; năm thứ 18 [1837] dời dựng ở phía bắc ngoài tường Thế miếu). Sai vệ úy Tống Phúc Đặng trông coi công việc. Làm hai tháng điện xong. Thương

⁽¹⁾ *Đại Nam thực lục*. Chính biên. Đế nhất kỷ. Quyển 30, tờ 3b-4a.

⁽²⁾ Tham khảo bản dịch trong *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Một, tr. 679; *Đại Nam liệt truyện*. Sđd. Tập 1-2, tr. 178-179.

cho đốc biện, giám tu và binh thợ hơn 4000 quan tiền”.⁽¹⁾ Đến tháng Bảy, “ngày Mậu Tuất [mùng 10 tháng Bảy năm Giáp Tuất, Dương lịch: 24/8/1814], dâng sách đặt thụy cho Đại hành Hoàng hậu Tổng thị là Giản Cung Tề Hiếu Dực Chính Thuận Nguyên Hoàng Hậu”.⁽²⁾ Sách văn như sau:

內治資內相詩先正始之章
 大行受大名禮重飾終之典
 永懷淑德
 宜賁徽稱
 大行皇后宋氏
 誕出名家
 肅閑義訓
 自天配合
 與朕修齊
 雲雷方屯
 風塵協濟
 海天艱險動相朕躬
 霸旅淒涼承歡母后
 夙夜匪懈儆戒相成
 廟社之讎思與朕復之
 黎元之苦思與朕拯之
 肆
 光復輿圖
 廓清海宇
 惟后
 奉天思孝
 接下思恭
 仁逮妃嬪
 愛均子姓
 惠同紳弁
 心注閭閻
 襄事瑞陵戚哀備至
 始終一德中外歸仁
 花甲未週
 翟軒返促

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Một, tr. 879.

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Một, tr. 886.

靜思良佐

載舉彝章

是用請命宗廟茲特遣欽差掌右軍監神策軍謙郡公范文仁為正使禮部尚書興讓侯范登興為副捧金冊金寶晉諡曰簡恭齊孝翼正順元皇后尚其

光受龍稱

昭垂奕葉

於戲

行之迹功之表禮固宜然

生也榮死也哀后其斯諒⁽¹⁾

Tạm dịch

Việc nhà nhờ vợ đảm, *kinh Thi* có thiên “Chính thủy”⁽²⁾ mở đầu;

Nết tốt nhân tên to, *kinh Lễ* coi trọng tổng chung làm phép.

Nhớ hoài đức tốt;

Nêu rõ hiệu hay.

Đại hành Hoàng hậu họ Tống:

Dòng dõi tiếng tăm;

Vâng lời dạy bảo.

Duyên trời chấp mỗi;

Cùng trăm sửa mình.

Vất vả sấm mây;

Dầm dề gió bụi.

Biển trời gian hiểm, hết sức giúp ta;

Đất khách lạnh lùng, vui lòng hầu mẹ.

Ngày đêm chẳng mỗi;

Công việc mới nên.

Mối thù miếu xã nặng nề, quyết cùng ta báo phục;

Nỗi khổ nhân dân đầy dẫy, quyết cùng ta cứu mang.

Nay:

Lấy lại đất đai;

Dẹp yên bờ cõi.

Nghĩ Hậu:

Lấy hiếu thảo phụng thờ tiên tổ;

⁽¹⁾ *Đại Nam liệt truyện*. Chính biên. Sơ tập. Quyển 1, tờ 15a-16a.

⁽²⁾ Thiên “Chính thủy”: thiên đầu tiên trong *Thi kinh*, là thiên *Quan thư*, phần *Quốc phong*, thơ *Chu Nam*, nói về trai tài gái sắc kết duyên vợ chồng.

Giữ khiêm nhường tiếp đãi nhân dân.
 Nhân hậu với phi tần;
 Mến yêu đều con cháu.
 Ôn cùng quan lính;
 Chăm khắp xóm làng.
 Tang chế thụy lăng, lòng đầy thương xót;
 Trước sau một đức, ai cũng mến yêu.
 Sáu chục chưa tròn, xe tiên đã rước;
 Nhớ người giỏi giúp;
 Mở giấy đẹp ban.

Đã xin mệnh Tông miếu, nay đặc biệt sai Khâm sai chương Hữu quân giám Thần Sách quân Khiêm quận công Phạm Văn Nhân làm chánh sứ, Lễ Bộ Thượng thư Hưng Nhượng hầu Phạm Đăng Hưng làm phó, bưng sách vàng ấn vàng tấn phong là Giản Cung Tề Hiền Dực Chính Thuận Nguyên Hoàng Hậu. Xin hãy:

Nhận hiệu về vang;
 Đề thơm đăng dặc.
 Than ôi!
 Công thì nêu, hạnh thì thưởng, lễ hân nên làm;
 Sống ắt vinh, chết ắt thương, Hậu xin hãy xét.⁽¹⁾

Đầu năm Ất Hợi (tháng Giêng), vua Gia Long sai đình thần bàn việc tang nghi, Ninh lăng và diễn tập binh sĩ, bố cáo khắp trong ngoài cho thần dân cùng biết. Đến tháng Ba, ngày Kỷ Sửu cáo Khải kỳ (cáo thời gian đưa đám), ngày Tân Mão tế Khải điện (cúng để đưa, dời quan tài đến đặt tại điện Hoàng Nhân), ngày Bính Thân tế Tổ điện, ngày Canh Tý tế Khiển điện, bắt đầu rước quan tài rời điện lên lăng, ngày Quý Mão (sau lại chép là ngày Nhâm Dần) an táng tại bên hữu huyền cung lăng Thiên Thụ (núi Thụ Sơn, xã Định Môn, huyện Hương Trà), theo lối song táng (huyệt bên trái dành cho vua Gia Long ngày sau). Ban đầu, Hậu được thờ ở điện Minh Thành, đến ngày 19 tháng Ba năm Ất Hợi (28/4/1815], thần chủ rước vào thờ tại điện Hoàng Nhân (sau đổi dựng điện Phụng Tiên), năm 1822 cũng rước vào thờ ở miếu Thế Tổ (sau là Thế Miếu). Lễ rước thần chủ vào thờ tại điện, về Đế thì gọi là lễ Thăng phụ, về Hậu thì gọi là Thăng phối. Nguyên trước, con trai bà Trần Thị Đương là Nguyễn Phúc Đảm khi mới lên ba, vua Gia Long giao cho Hậu nuôi, sai Lê Văn Duyệt viết tờ khoán, Hậu đưa cung tỳ Nguyễn Thị Lê cất giữ; “*đến sau, hoàng trưởng tử là Cảnh, hoàng nhị tử là Hy, hoàng ba là Noãn nối nhau chết đi, đến lúc có tang Hậu, các quan hặc có người bàn đem hoàng tôn Đan giữ việc thừa tự. Vua dụ rằng: Hoàng tử là con của hoàng*

⁽¹⁾ Tham khảo bản dịch trong *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Một, tr. 886; *Đại Nam liệt truyện*. Sđd. Tập 1-2, tr. 180.

hậu, còn có khế khoán ở kia, nên sai làm chủ việc thờ cúng; việc lớn của nước không thể nhất khái câu nệ lễ của nhà mọi người. Nguyễn Văn Thành lại cho là lời xưng hô trong văn khấn khó nói. Vua bảo rằng: Con phụng mệnh cha để tế mẹ, danh chính ngôn thuận, có gì là không được. Lời nghị mới quyết định”.⁽¹⁾ Hoàng tử Đảm thủy chung vẫn kính thờ bà mẹ nuôi ngang với bà mẹ đẻ, hiếu nghĩa vẹn toàn. Sau khi lên ngôi, ngày mùng 7 tháng Sáu năm Canh Thìn (16/7/1820), vua Minh Mạng dẫn quần thần rước thần chủ Hoàng tử (tức bà Trần Thị Dương) phối với Hoàng khảo và bưng kim sách, kim bảo truy tôn là Thừa Thiên Tá Thánh Hậu Đức Từ Nhân Giản Cung Tề Hiếu Dục Chính Thuận Nguyên Cao Hoàng Hậu, thường gọi tắt là Thừa Thiên Cao Hoàng hậu. Đây là trường hợp thứ nhất thờ một Đế hai Hậu (trường hợp thứ hai là vua Đồng Khánh). Sách văn như sau:

禮莫大於尊名
孝莫大於述德
永懷懿範
式賁徽稱
欽惟皇妣簡恭齊孝翼正順元高皇后
慈孝天資
端莊義訓
內治相艱難之業修齊首正王風
上事敦婉順之容終始克成至孝
母儀之化被于海宇
子育之愛慶及宮庭
雖雲輶先逝於帝鄉
而彤管永垂於壺則
肆藐德初承大統追崇既述於聖功
惟坤儀上配乾元繼美載稽於鉅典
謹率群臣請命宗廟恭奉冊寶加上尊諡曰承天佐聖厚德慈仁恭齊孝翼正順
元高皇后伏惟
光膺顯諡
陟配○⁽²⁾宮
於戲
敬其所尊厚載難名於至德
洋洋在上崇成永迓於繁禧⁽³⁾

⁽¹⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Hai, tr. 28.

⁽²⁾ Nguyễn văn viết bộ THỊ 示 + chữ NHĨ 爾. Phần mềm chúng tôi dùng không có. *Khang Hy tự điển* giảng là miếu thờ cha.

⁽³⁾ *Đại Nam liệt truyện Chính biên*. Sơ tập. Quyển 1, tờ 17b-18b.

Tạm dịch

Lễ gì lớn kịp tôn danh;

Hiếu gì trước hơn thuật đức.

Nhớ luôn phép tốt;

Tỏ rõ hiệu hay.

Kính nghĩ: Hoàng tử Giản Cung Tề Hiếu Dực Chính Thuận Nguyên Cao Hoàng Hậu:

Từ hiếu trời cho;

Đoan trang nghĩa dạy.

Đảm việc nhà giúp cơ đồ gian khổ, tu tề giữ đúng vương phong;

Thờ đáng thân bày dáng vẻ dịu hiền, chung thủy vẹn lòng chí hiếu.

Khuôn phép mẹ nêu gương ra hải vũ;

Mến yêu con ban phúc đến cung đình.

Tuy xe mây đã ruổi đến cõi tiên;

Mà ngòi đỏ còn ghi nơi cửa cấm.

Nay quả đức mới vâng đại thông, truy tôn đã thuật ở thánh công;

Nghĩ Khôn nghi phải sánh Càn nguyên, nêu tốt nên dựa vào cự điển.

Kính dẫn quần thần xin mệnh Tông miếu, kính đem sách bảo dâng thêm tôn thụ
là: Thừa Thiên Tá Thánh Hậu Đức Từ Nhân Giản Cung Tề Hiếu Dực Chính Thuận
Nguyên Cao Hoàng Hậu. Cúi nghĩ:

Nhận cho thụ sáng;

Lên cạnh cung cha.

Than ôi!

Kính trọng bề trên, đức dày dặn khó hình dung ra được;

Khí thiêng cao vọi, phúc dồi dào dễ an hưởng về sau.⁽¹⁾

2. Hoàng hậu Nguyễn Hữu Thị Lan (1904-1963)

Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy, con độc nhất của vua Khải Định, mẹ là Hoàng Thị Cúc (1890-1980), sinh ngày 23 tháng Chín năm Quý Sửu (22/10/1913). Thừa bé, ông học chữ Hán và chữ Quốc ngữ trong cung với thầy Lê Nhữ Lâm, rồi được phụ hoàng ký sắc (20/02/1920) ban cho cung An Định để làm chỗ ở. Ngày 28/4/1922, Vĩnh Thụy được sách phong Đông cung; theo ý nguyện của vua Khải Định, triều đình Huế đã làm lễ rước Đông cung từ Đại Nội về cung An Định. Cũng năm này, Khải Định sang Pháp, đem Vĩnh Thụy theo, rồi cho ở lại du học, có vợ chồng Khâm sứ Charles đỡ đầu. Năm 1925, vua Khải Định mất, Toàn quyền Monguillot ép Hội đồng Phụ chính do Tôn Thất Hân cầm đầu, ký một hiệp ước, theo đó, viên Khâm sứ Trung Kỳ là Chủ

⁽¹⁾ Tham khảo bản dịch trong *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Hai, tr. 67; *Đại Nam liệt truyện*. Sđd. Tập 1-2, tr. 181.

tịch Hội đồng Nội Các cũng là Cơ Mật Viện của Nam triều, còn các quan lại đều trở thành công chức của chính phủ Bảo hộ. Hiệp ước ký ngày 20 tháng Chín năm Khải Định 10, Tây lịch ngày 06/11/1925, rồi ra thông tư cho các nơi biết. Sau đó, Vĩnh Thụy về nước làm lễ tang hoàng khảo và làm lễ đăng quang vào ngày 8/01/1926, đặt niên hiệu Bảo Đại lúc mới 13 tuổi. Lên ngôi rồi, sau lễ Ninh lăng, vua Bảo Đại trở qua Pháp ngay để tiếp tục học, công việc trong triều do Hội đồng Phụ chính trông nom. Năm 1932, tốt nghiệp xong, Bảo Đại “hồi loan” cùng vợ chồng Charles trên chuyến tàu biển D’Artagnan (lấy tên nhân vật chính trong tác phẩm *Les trois musquetaires* của Victor Hugo) khởi hành từ bên cảng Marseille; cập bến Vũng Tàu, ông lại theo chiến hạm Dumont Durville ra Đà Nẵng. Sau khi đến Kinh đô Huế, ngày 08/9/1932, Bảo Đại tuyên bố chấp chính, hứa cải cách chính trị, mọi lời lẽ dĩ nhiên do Pháp sắp đặt sẵn, và cả một số việc tiếp theo cũng vậy, như ra dụ tổ chức chính phủ quân chủ lập hiến (10/9/1932), ra dụ xóa bỏ hiệp ước 1925 nói trên (10/1932), cho “về vườn” một lúc năm “cụ Thượng thư” gồm: Lại Bộ Nguyễn Hữu Bài, Hình Bộ Tôn Thất Đàm, Binh Bộ Phạm Liệu, Lễ Bộ Võ Liêm, Công Bộ Vương Tứ Đại. Tiếp đó, Bảo Đại thành lập Hội đồng Thượng thư (02/5/1933), đặt các Bộ mới như Bộ Quốc dân Giáo dục, Bộ Công tác kiêm Mỹ thuật và Lễ nghi, Bộ Tài chánh và Xã hội Cứu tế, rồi thêm Bộ Xã hội Kinh tế, tổ chức Ngự tiền Văn phòng (Phạm Khắc Hòe từ Đà Lạt được gọi về làm Tổng lý)...

Trong một dịp đi chơi Đà Lạt, vua gặp cô Nguyễn Hữu Thị Lan, người tỉnh Gò Công, Nam Bộ, con ông điền chủ phú hộ Nguyễn Hữu Hào (sau được phong tước Long Mỹ quận công). Cô gái ấy sinh ngày 17 tháng Mười năm Giáp Dần (04/12/1904), theo Thiên Chúa giáo, tên thánh là Marie Thérèse, năm Đinh Mão (1927) cũng đã từng sang Pháp du học tại trường Couvent des Oiseaux, thủ đô hoa lệ Paris. Năm Nhâm Thân (1932), cô về nước, nhân một chuyến lên Đà Lạt nghỉ mát, tình cờ gặp vua Bảo Đại. Thế rồi ngày mùng 6 tháng Hai năm Giáp Tuất (20/3/1934), hôn lễ hoàng gia được cử hành, vào ở điện Kiến Trung. Và ngày mùng 10 tháng Hai (24/3/1934), vua làm lễ long trọng tại điện Dưỡng Tâm tấn phong ngay bà làm Nam Phương Hoàng hậu. Sau khi Bảo Đại thoái vị (1945), bà đem các con sang Pháp rồi không về nữa, cho đến khi mất năm Quý Mão (1963). Bà sinh được hai con trai (Bảo Long, Bảo Thắng) và ba con gái (Phương Mai, Phương Liên, Phương Dung).

II. CÁC BÀ HOÀNG THÁI HẬU

Ngoài hai bà Hoàng hậu được đương kim Hoàng đế sách phong ngay đã nói trên, thì các bà khác có con nối ngôi mới tấn tôn danh vị Hoàng Thái hậu. Thế nhưng sau khi các bà tạ thế, thân vị phối thờ với Hoàng đế vẫn ghi danh vị Hoàng hậu. Suốt triều Nguyễn cũng chỉ có 9 bà, trong đó nội cung vua Đồng Khánh có đến 2 bà.

1. Bà Nguyễn Thị Hoàn (? -1811)

Bà Nguyễn Thị Hoàn, theo *Đại Nam liệt truyện* thì là người làng Minh Linh, phủ Thừa Thiên (*Nguyễn Phúc tộc thế phả* chép: tỉnh Thừa Thiên, cũng thế), nhưng cả tỉnh Thừa Thiên và tỉnh Quảng Trị xưa nay đều không có làng Minh Linh, chắc vốn

là huyện Minh Linh⁽¹⁾ mà ghi nhầm thành làng (xã). Bà là con gái của Diên quốc công Nguyễn Phúc Trung, sử sách triều Nguyễn cũng không xác định được ông vốn họ Nguyễn Phúc hay được ban công tính Nguyễn Phúc, làm đến Chính dinh Cai cơ thời Nguyễn Phúc Khoát, rồi mất, không có con thừa tự. Mẹ họ Phùng. Bà được nạp thiếp không rõ năm nào, khi công tử Nguyễn Phúc Côn⁽²⁾ (1733-1765) ở trong phủ Dương Xuân phía nam sông An Cựu.

Nguyễn Phúc Côn là con của Võ vương Nguyễn Phúc Khoát, còn có tên húy là Gọ, do bà Trương Thị Dung sinh ngày 29 tháng Tư năm Quý Sửu (11/6/1733), lớn lên giữ chức Chương cơ, tước Chương Vũ hầu, được chọn làm thế tử thay anh cả và anh hai (Hạo, Chương) đã mất (1763), học tập với Ý Đức hầu Trương Văn Hạnh và Thị giảng Lê Cao Kỳ, lại cho cùng các quan các tướng bàn bạc việc quân việc nước. Nhưng khi Võ vương mất, Trương Phúc Loan chuyên quyền, giết Hạnh và Kỳ, bắt giam ông vào ngục rồi lập Nguyễn Phúc Thuần. Sau được tha, ông về phủ, do lo buồn nên phát bệnh mất ngày 10 tháng Chín năm Ất Dậu (24/10/1765), khi bé Noãn mới bốn tuổi.⁽³⁾ Bà sinh được ba công tử Nguyễn Phúc Đồng, Nguyễn Phúc Ánh và Nguyễn Phúc Diên, một công nữ là Nguyễn Phúc Ngọc Tú. Sau khi ông bị bệnh mất, không rõ bà ở đâu. Tháng Giêng năm Ất Mùi (1775), quân Trịnh chiếm đô thành Phú Xuân, bà lánh ra ẩn náu tại làng An Du,⁽⁴⁾ các công nữ cùng đi theo. Năm Kỷ Hợi (1779), Nguyễn vương sai thủ hạ ra tìm đón bà vào Gia Định, tôn làm Quốc mẫu, “*gặp khi giặc Tây Sơn vào lấn cướp, Thế Tổ phải thiên di nơi khác, Hậu và cung quyến lui đóng ở đảo Phú Quốc. Thuyền của Thế Tổ ngự đi đảo Côn Lôn, gặp gió lớn, trôi dạt ở ngoài biển 7 ngày, trong thuyền hết nước uống, bỗng chốc nước nhật chảy ra, nhờ thế mới đỡ. Tới khi thuyền của Thế Tổ trở về đảo Phú Quốc, Thế Tổ thuật lại tình trạng*

(1) Huyện Minh Linh: Nguyên là châu Ma Linh của Champa. Năm Thái Ninh 4 (1075), vua Lý Nhân Tông đổi làm huyện Minh Linh. Thời thuộc Minh, đặt làm châu Nam Linh. Đầu thời Hậu Lê, khôi phục tên cũ Minh Linh. Năm Quang Thuận 10 (1469), vua Lê Thánh Tông định bản đồ thiên hạ, tách huyện Minh Linh sang phủ Tân Bình (nay Quảng Bình). Đầu thời Nguyễn, năm Gia Long 5 (1806), cho thuộc dinh trực lệ Quảng Đức, nhưng vẫn thống hạt thuộc phủ Quảng Bình; đến năm Minh Mạng 3 (1822) mới đổi thuộc phủ Triệu Phong. Năm Minh Mạng 13 (1832), chia đặt các tỉnh, huyện Minh Linh thuộc tỉnh Quảng Trị (sau gọi là đạo Quảng Trị, trực thuộc phủ Thừa Thiên). Đầu triều Hàm Nghi (1885), vì húy ngự danh (Nguyễn Phúc Minh), nên đổi tên Chiêu Linh (nhưng *Đồng Khánh địa dư chí* vẫn ghi tên Minh Linh), rồi đầu triều Thành Thái, lại húy ngự danh (Nguyễn Phúc Chiêu), đổi là Vĩnh Linh cho đến nay. Có lẽ bà là người làng An Du, huyện Minh Linh, phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hóa.

(2) Tên này thuộc loại chữ hiếm, gồm bộ NHẬT và chữ LUÂN (hay LÔN): 日+倫, nên trước đây người ta đọc LUÂN theo phép hình thanh của Lục thư, nhưng phiên thiết trong các vận thư Trung Quốc thì phải đọc CỒN hay CÔN (古純切昆去聲日光也 CỒ ĐỘN thiết, CỒN khứ thanh; nhật quang dã).

(3) Năm 1780, Nguyễn vương truy tôn là Từ Tạng Đạm Bạc Khoan Dụ Ôn Hòa Hiếu Khang Vương; năm 1806, sau khi đăng quang, vua Gia Long truy tôn là Nhân Minh Cần Hậu Khoan Dụ Ôn Hòa Hiếu Khang Hoàng Đế. Năm 1821, vua Minh Mạng tôn dâng miếu hiệu là Hưng Tổ. Long vị thờ tại Hưng Miếu, mộ táng tại làng Cư Chánh (nay thuộc xã Thủy Bằng, thị xã Hương Thủy), lăng tên Cơ Thánh.

(4) Làng (xã) An Du, sau chia làm hai giáp, giáp Nam xã An Du và giáp Đông xã Minh Du, đều thuộc tổng Minh Lương, huyện Minh Linh, đạo Quảng Trị (nay thuộc huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị).

cay đắng khi ở giữa biển, Hậu than rằng: “Gió lớn ở đảo Côn Lôn, giữa biển có suối nước ngọt, có thể biết lòng trời ngầm giúp cho, con ta chớ nên lấy sự khó nhọc ấy mà tự nản chí”. Thế Tổ lại tạ nói rằng: Xin kính cẩn vâng lời dạy. Mùa xuân năm Giáp Thìn (1784), Thế Tổ sang nước Xiêm cầu viện, Hậu và cung quyến dời đi đóng ở đảo Thổ Châu; mùa thu năm ấy, Thế Tổ đem quân đi Xiêm về đánh nhau với giặc không lợi [đại bại trận Rạch Gầm - Xoài Mút]. Mùa xuân năm Ất Tỵ (1785), Thế Tổ lại sang nước Xiêm, bèn đóng tạm ở Long Khâu, sai người rước từ giá (mẹ vua) và cung quyến đến nơi hành tại. Mùa thu năm Đinh Mùi (1787), Thế Tổ từ nước Xiêm về, thuyền ngự tiến đóng ở Hà Tiên, sai Vũ Di Ngụy, Phạm Văn Nhân hộ vệ từ giá và cung quyến lưu lại ở đảo Phú Quốc. Mùa thu năm Mậu Thân (1788), quân ta lấy lại được thành Gia Định, liền sai bọn Nguyễn Văn Nhân rước về Gia Định; mùa xuân năm Canh Tuất (1790), dựng làm hậu điện rước đến ở”.⁽¹⁾ Từ thời điểm này, bà mới được thành thời, chấm dứt giai đoạn long đong khổn khổ.

Yên nơi ăn chốn ở rồi, ngày mùng 7 Kỷ Mão tháng Mười năm Bính Thìn (1796), Nguyễn vương tấn tôn bà lên ngôi vị Quốc mẫu Vương Thái phi. Tháng Năm năm Tân Dậu (1801), Nguyễn vương khắc phục được Phú Xuân; sang tháng Tư năm Nhâm Tuất (1802), sai Hoàng Việt Toàn, Trịnh Ngọc Trí vào đón cả cung quyến ra, tháng Sáu đến kinh đô. Sau khi thu phục Bắc Hà, vua Gia Long ra ơn cho làng họ ngoại, tức làng An Du, được miễn tạp dịch và thế lính. Ngày mùng 8 Nhâm Dần tháng Ba năm Quý Hợi (28/4/1803), vua đem bệ tôi dâng sách vàng bửu vàng tấn tôn Quốc mẫu làm Vương Thái hậu, lời sách rằng:

蓋聞帝王至德要道莫先於孝故愛敬行於家而風化被於國所謂達孝者也恭惟聖母陛下德闕流輝芳閨擅美粵事仁考內修壺政雖在顛危周還匪懈撫育藐質至于有成繼遭國難愈篤勤斯郊外關河莫遑啟處宗國之憂夙夜儆戒以有今日仰荷列先聖王在天之靈相佑其成亦惟聖母篤生教養所致至仁大德無得而名參考典章徽稱敢後謹奉金冊上尊號為王太后以敘崇徽而揚懿鑠以教孝敬而答慈恩於戲尊其所親景仰乾元之德綏之以福永綿履吉之祥⁽²⁾

Tạp dịch

Tùng nghe: Đức của bậc đế vương, đạo cốt yếu không gì trước hơn hiếu. Thế cho nên yêu kính thi hành trong nhà thì phong hóa mới lan ra cả nước; đó là cái gọi là đạt hiếu vậy. Kính nghĩ Thánh mẫu bề hạ: Thế phiệt đức ngồi; khuê phòng thom nức. Giúp cho Nhân khảo, sửa việc bên trong. Tuy trải gian nguy, hầu quanh chẳng trễ. Vỗ nuôi tuổi bé, cho đến lớn khôn. Gặp hồi nạn nước, càng gắng chăm nom. Ngoài cõi quan hà, không hề ở rồi; tấm lòng lo nước, canh cánh sớm khuya, mới có ngày nay. Ngửa nhờ oai thiêng trên trời của các bậc tiên thánh giúp cho đến thành công, nghĩ cũng do Thánh mẫu sinh đẻ dạy nuôi mới được như thế. Nhân to đức lớn khó hình dung ra. Tham khảo điển chương, hiệu đẹp dám đâu chậm trễ. Kính cẩn đem sách vàng dâng tôn hiệu là Vương Thái hậu. Để kể công cao mà nêu đức tốt; để sâu hiểu

⁽¹⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam liệt truyện*. Sdd. Tập 1-2, tr. 172-173.

⁽²⁾ *Đại Nam liệt truyện*. Chính biên. Sơ tập. Quyền nhất, tờ 3b - 4a.

kính mà báo ơn từ. Than ôi! Tôn trọng người thân, vùi vùi Càn nguyên đức lớn; nói theo phúc hậu, lâu dài Lý cát⁽¹⁾ điềm lành.

Ngày mồng 10 Giáp Thìn tháng Ba (30/4/1803), vua ngự điện, hoàng thân và đình thần dâng biểu chúc mừng, cho họ ăn yến, rồi ban chiếu bố cáo cho trong ngoài biết. Tháng Ba năm Giáp Tý (1804), vua cho xây cung Trường Thọ, đến tháng Mười lăm thành, rước Vương Thái hậu về ở đấy. Năm Bính Dần (1806), sau khi đăng quang ngôi vị Hoàng đế và truy tôn liệt thánh, ngày mồng 3 tháng Bảy, vua bưng sách vàng bửu vàng tôn Vương Thái hậu làm Hoàng Thái hậu, sách văn rằng:

臣聞

孝必先於立愛

禮莫大於尊親

緬考常經

足徵盛典

欽惟王太后陛下

淑問博洽

高邁前古

厚德懿行

夷險一致

化式庭闈

利施社稷

福貽子姓

澤被臣民

積功累德以有今日肆臣甫協僉言既膺帝號深惟發育之功與天無極敢不推崇徽美以答鴻慈謹奉金冊金寶恭上尊號為皇太后伏惟

光受鴻稱

永綏多祉

名惟德稱長侔兩耀之輝

福自天申益衍九如之壽⁽²⁾

⁽¹⁾ Lý cát: quẻ Lý trong *Dịch kinh*, gồm hai quẻ đơn Càn trên (trời, ba hào dương), Đoài dưới (chằm, một hào âm hai hào dương), trong đó hào Cửu nhị *Hào từ* rằng: 履道坦坦幽人貞吉 *Lý đạo thân thân, u nhân trinh cát* (Đi trên đường phẳng, một mình giữ theo đường chính thì tốt lành); hào Thượng cửu *Hào từ* rằng: 視履考祥其旋元吉 *Thị lý khảo tường, kỳ tuyền, nguyên cát* (Xem cách ăn ở để đoán họa phúc, nếu được hoàn toàn không thiếu sót thì rất tốt). Nhà nghiên cứu giảng rằng: Quẻ này tên Lý, có nghĩa là lễ, là dấn lên, nhưng cả sáu hào đều nói về cách ăn ở trong suốt đời người. Mới ra đời thì phải giữ tính chất phác trong trắng, rồi sau giữ vững đường chính (hào 2), biết sức mình, đừng tự phụ để tránh nguy (hào 3), biết thận trọng, sợ hãi thì tốt (hào 4), và ở địa vị cao nhất, đừng ý thể mà cương quyết quá (hào 5); cách ăn ở như vậy cho đến cuối đời thì tốt không gì bằng.

⁽²⁾ *Đại Nam liệt truyện*. Chính biên. Sơ tập. Quyển nhất, tờ 5a-b.

Tạm dịch

Bề tôi nghe rằng;
 Hiếu trước hết có lòng yêu mến;
 Lễ không gì hơn nghĩa tôn thân.
 Rộng xét phép thường;
 Đủ nêu điển lớn.
 Kính nghĩ Vương Thái hậu bề hạ:
 Nết hiền rộng khắp;
 Tiếng vượt đời xưa.
 Đức hạnh tốt dày;
 Yên nguy một mực.
 Trong nhà dạy dỗ
 Ngoài nước mở mang.
 Phúc để cháu con;
 Ổn đều dân chúng.

Dồn công chứa đức mới có ngày nay. Vừa rồi, bề tôi mới theo lời các quan, đã lên ngôi Đế. Nghĩ sâu xa đến công sinh đẻ nuôi nấng như trời không cùng, đâu dám không tôn sùng hiệu đẹp để đáp lại lòng từ lớn lao. Kính đem sách vàng bữu vàng dâng tôn hiệu là Hoàng Thái hậu. Cúi nghĩ:

Vinh nhận hồng danh;
 Mãi nhuần phúc tốt.
 Danh do đức xứng, sáng lâu như mặt nguyệt vùng dương.
 Phúc tự trời cho, sống mãi như núi sông gò đồng.⁽¹⁾

Năm Đinh Mão, Gia Long 6 (1807), tháng Bảy, tiết Thánh Thọ của Hoàng Thái hậu, “*vua thân đem bầy tôi đến cung Trường Thọ làm lễ chúc mừng (Tôn Nhân phủ, hoàng tử, hoàng tôn, tả hữu cung tần, văn ban, võ ban, mệnh phụ các quan văn võ, công tể, quan thuộc cung Trường Thọ, các thành dinh trấn đạo, dòng dõi công thần huyện Tống Sơn, con cháu họ Lê, họ Trịnh đều dâng lễ mừng). Sai nhạc công múa*

⁽¹⁾ Như núi sông gò đồng: dịch thoát từ “cửu như”, chỉ tuổi thọ, do trong *Thi kinh*, phần *Tiểu nhã* có thiên *Thiên bảo* chúc vua dồi dào sống lâu, ở chương 3 và chương 6: “天保定爾以莫不興如山如阜如岡如陵如川之方至以莫不增 / 如月之恒如日之升如南山之壽不騫不崩如松柏之茂無不爾或承 *Thiên bảo* đỉnh nhĩ, dĩ mạc bất hưng, như sơn, như phụ, như cương, như lăng, như xuyên chi phương chí dĩ mạc bất tăng / Như nguyệt chi hằng, như nhật chi thăng, như Nam Sơn chi thọ bất khiển bất băng, như tùng bách chi mậu vô bất nhĩ hoặc thừa” (Trời giữ gìn người chắc chắn để không gì là không thịnh vượng, như núi, như gò, như đồi, như sườn non, như sông chảy khắp miền, không gì không tăng thêm, như mặt trăng mọc, như mặt trời lên, sống mãi như núi Nam không nghiêng không đổ, như tùng bách tốt tươi, cho người được đầy đủ trọn vẹn). Đoạn này có 9 chữ “như”, nên người ta gọi là “cửu như”.

khúc Bát dật, hát các bài Vạn niên hoan, Thiên hạ lạc và Thái bình lạc. Lễ xong, vua ngự ở điện Cần Chánh, ban yến và thưởng cho các quan văn võ từ tam phẩm trở lên, theo thứ bậc khác nhau”.⁽¹⁾

Từ đầu tháng Chín năm Tân Mùi (1811), bà bắt đầu se mình, “Trước đây sao chổi xuất hiện, người hầu đem tâu, Hoàng Thái hậu buồn rầu không vui; một hôm lên ra xem, rồi vào bảo người hầu rằng: “Sao chổi chính ứng điềm vào thân già này”. Đến nay se mình. Vua sớm chiều đến châu ở cung Trường Thọ, sai hoàng tử, hoàng tôn vào hầu. Các quan văn võ đều họp ở công thự bên hữu”.⁽²⁾

Bà mất ngày 14 tháng Chín năm Tân Mùi (30/10/1811). Đây là lễ tang đầu tiên của một Hoàng hậu triều Nguyễn, nên đình thần họp bàn rất kỹ về tang nghi, đặt ra thể lệ tang phục, thành phục, kỳ hạn để chế đối với từng người từ thân đến sơ... Quan tài đặt tại chính điện cung Trường Thọ. Ngày mùng 6 tháng Ba năm Nhâm Thân (16/4/1812), vua dẫn hoàng thân và quần thần bung sách vàng đến cử hành lễ thượng tôn thụy hiệu. Sách văn rằng:

臣聞

易稱成物

詩美生民

惟厚德體于至元

故徽音垂諸永世

欽惟大行皇太后

慈仁得乎天性

弘大配于坤儀

艱難居貞

勵相仁考

既乃遭罹國步暨臣于艱躬健順之儀型勛憂勤之機略俾臣得於再造邦家一統海宇自非惠訓曷克臻此

美成之化洽于群方

大壽之年逾乎七〇⁽³⁾

遽棄天下之養

而為帝鄉之遊

謂天蓋高欲酬恩而罔極

如地之載宜述德於無疆

謹率群臣請命宗廟恭奉金冊上尊諡曰懿靜惠恭安貞慈獻好康皇后伏惟

懋昭靈爽

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Một, tr. 705.

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Một, tr. 822.

(3) Chữ DẬT viết chữ THẤT (七) giữa bộ Y (衣). Phần nhiều viết chữ THẤT (失) giữa bộ Y (衣).

光受大名

陟配○⁽¹⁾宮

萃歆萬福⁽²⁾

Tạm dịch

Bề tôi nghe rằng:

Kinh Dịch khen đất làm nên vật;⁽³⁾

Kinh Thi tụng trời sinh được dân.⁽⁴⁾

Nghĩ đức dày hợp với quẻ Khôn;

Nên tiếng tốt truyền lưu muôn thừa.

Kính nghĩ Đại hành Hoàng Thái hậu:

Hiền hậu vốn là thiên tính;

Lớn lao sánh với khôn nghi.

Bền chí trong lúc khó khăn;

Giúp cha đang thời chạy vạy.

Từ khi vận nước nguy nan, bề tôi trải bao vất vả, mẹ đem mình làm mẫu khuôn kiện thuận, lo toan giúp đỡ cơ mưu; nhờ đó bề tôi dựng lại nước nhà, thống nhất bờ cõi. Nếu không có ơn mẹ dạy bảo thì sao được như thế?

(1) Chữ trong dấu ○ là chữ Nễ, gồm: 示 + 爾

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam liệt truyện*. Chính biên. Sơ tập. Quyển 1, tờ 7b-8b.

(3) Trong *Dịch kinh*, hai quẻ mở đầu là Càn và Khôn, cũng gọi là Thuần Càn và Thuần Khôn, vì quẻ Càn gồm cả 6 hào dương, quẻ Khôn gồm cả 6 hào âm; lại cũng gọi là Càn nguyên và Khôn nguyên, nguyên là lớn nhất, là đầu tiên. Càn là trời, có đức “nguyên” vì là nguồn gốc của vạn vật, lại có đức “hanh” vì làm ra mây, mưa, sấm, chớp giúp vạn vật nảy nở, thêm có đức “lợi” và “trình” vì biến hóa vô cùng, khiến cho mọi vật đều được bẩm thụ nguyên khí giúp cho vũ trụ tuần hoàn không dứt. Khôn là đất, cũng có đủ bốn đức như Càn, chỉ khác ở chỗ đức “trình” là “tấn mã trình”, “trình của con ngựa cái”, vì một mình Khôn không làm gì được, phải có Càn giúp vào mới sinh ra và nuôi nấng vạn vật được. Càn cường kiện thì Khôn nhu thuận. Càn tạo ra vạn vật ở thể vô hình, thuộc phần khí, phải nhờ Khôn vạn vật mới thành hữu hình, mới sinh trưởng, phát triển, cho nên công của Khôn cũng lớn như công của Càn, chỉ khác Khôn phải ở sau Càn, thuận theo Càn, bổ túc cho Càn. Vì thế Càn tượng Trời, đàn ông, người chồng; Khôn tượng Đất, đàn bà, người vợ.

(4) Trong *Thi kinh*, phần *Đại nhã*, thiên *Chung dân* có những câu: 天生烝民/有物有則/民之秉彝/好是懿德 *Thiên sinh chung dân / Hữu vật hữu tắc / Dân chi bình di / Hảo thị ý đức* (Trời sinh ra dân / Có vật có phép / Dân giữ tính thường / Thì có đức tốt). Phần *Đại nhã* cũng có thiên *Sinh dân*, kể sự tích Hậu Tắc, thủy tổ nhà Chu, do bà Khương Nguyên sinh ra: 厥初生民/時維姜嫄/生民如何/克禋克祀/以弗無子/履帝武敏歆/攸介攸止/載振載夙/載生載育/時維后稷 *Quyết sơ sinh dân / Thì duy Khương Nguyên / Sinh dân như hà / Khắc ân khắc tự / Dĩ phát vô tử / Lý đế vũ mẫn hân / Du giới du chỉ / Tái chấn tái túc / Tái sinh tái dục / Thì duy Hậu Tắc* (Người đẻ đầu tiên / Do bà Khương Nguyên / Sinh đẻ thế nào? / Thành khẩn cúng cầu / Trừ nạn không con / Thấy vết chân trời ngón cái / Bền dẫm lên trên / Động lòng có chữa / Rồi đẻ rồi nuôi / Ấy là Hậu Tắc).

Thuần phong tốt đẹp lan khắp mọi nơi;
 Tuổi thọ lâu dài vượt hơn bảy chục.
 Vội bỏ sự chăm nuôi của con đỏ;
 Mà tìm nơi dong ruỗi ở cõi tiên.
 Ổn tựa trời cao, muôn báo đền trong muôn một;
 Đức như đất chở, toan kẻ lẽ đến không cùng

Kính đem các quan xin mệnh ở Tông miếu, kính bưng sách vàng dâng tôn thụy là Ý Tĩnh Huệ Cung An Trinh Từ Hiến Hiếu Khang Hoàng Hậu. Cúi nghĩ:

Hồn thiêng sáng suốt;
 Vinh nhận đại danh.
 Lên sánh Nễ cung,⁽¹⁾
 Hưởng hoài vạn phúc.

Tháng Tư, “ngày Quý Sửu an táng lăng Thụy Thánh. Trước mười ngày là ngày Giáp Thìn, đem việc kính cáo các miếu. Ngày Kỷ Dậu tế Khải điện. Ngày Canh Tuất, thuyền ra đi. Qua các tôn lăng đều sai quan đem việc kính cáo trước. Ngày ấy an táng. Ngày Giáp Dần dâng tên lăng là Thụy Thánh. Rước thần chủ về để ở cung Trường Thọ. Ngày Ất Mão, đem việc ninh lăng đã xong cáo ở các miếu như lúc đầu”.⁽²⁾ Lăng Thụy Thánh, tại làng Định Môn huyện Hương Trà phủ Thừa Thiên (trước thuộc xã Hương Thọ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, nay thuộc xã Thủy Bằng, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế), cách thành phố Huế khoảng 16km. Đây là khu vực bao quát một quần sơn với 42 ngọn núi lớn nhỏ, rộng khoảng 28km², gọi là quan phòng, trong có lăng vua Gia Long và nhiều tẩm mộ của thân nhân hoàng gia, như lăng Trường Phong (chúa Nguyễn Phúc Chú), lăng Quang Hưng (vợ chúa Nguyễn Phúc Tần), lăng Vĩnh Mậu (vợ chúa Nguyễn Phúc Thái), lăng Hoàng Cô (chị ruột vua Gia Long)... Các ngọn núi đều được ban tên, ngọn lớn nhất được chọn làm tiền án lăng Thiên Thụ là Đại Thiên Thụ Sơn. Sách *Thực lục* chép: “Ngày Tân Mão, xây lăng ở Định Môn (Ở phía tả bảo thành dựng tẩm điện, nhà chính và nhà trước đều một; ở tả hữu phối điện đều một; một nghi môn đằng trước; chu vi xây tường gạch, các núi trông thông khắp). Sai Sơn Lăng sứ là Tổng Phước Lương và Lê Quang Định trông coi công việc, Trần Quang Thái làm giám tu, thưởng cho các quân 3.000 quan tiền. Vua nhiều lần đến xem. Gặp một hôm gió tây hơi mạnh, trên lăng có chiếc nhà tranh đổ, vua lánh xuống chỗ lồi, bị thương ở chân. Quan quân không ai là không sợ hãi tái mặt. Hoàng tử và các đại thần tranh nhau dặt đỡ. Vua yên ủi nói: “Không can gì. Quan quân được vô sự chứ?”. Hoàng bảy Tấn, hoàng tám Phổ, hoàng chín Chấn đều bị thương nặng. Quân nhân có

(1) Nễ cung: chỉ miếu thờ cha, đây tức là Hoàng Khảo Miếu, do vua Gia Long xây dựng, sau vua Minh Mạng trùng tu, đổi gọi là Hưng Miếu, ở góc tây nam trong Hoàng Thành Huế.

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Một, tr. 837.

người chết. Bầy tôi đều nói Quang Thái vâng làm sơ suất, xin trị tội đại bất kính. Vua nói: “Đó là tình cờ thôi. Quang Thái làm thế nào với gió được? Miễn tội cho”. Một lát, vua cho vời những cụ già ở Định Môn hỏi thăm đời sống của dân, các cụ nói dân ít ruộng. Ra lệnh cho dân 500 quan tiền, 500 phương gạo, lại sắc cho các quân không được đi riêng xuống làng. Có ai đau ốm thì quan cho thuốc chữa”.⁽¹⁾

Nhà văn hoàng tộc Bửu Kế thuật lại, còn dẫn thêm đoạn văn trong cuốn hồi ký về Huế của Michel Đức Chaigneau: “Khăn bịt của vua Gia Long sổ tung để lộ đầu tóc bạc rồi bù và ướt đầm cả nước, trán của ngài vậy máu do vết thương chạm phải xà ngang gây ra. Cặp mắt ngài trông rất dễ sợ, gương mặt như đang bị kích thích mạnh, nhưng cũng may vua chỉ bị bầm tím ở bắp vế và thương tích nhẹ trên trán”. Nhà văn kể thêm chuyện khác: “Lăng Thoại Thánh cũng như mấy lăng kia đều chung một lối kiến trúc. Có một vài điểm cần nói đến là ngoài cái tử cung bằng gỗ lại có cả một tử cung bằng đá chạm trổ trùm ra ngoài, trước sân châu có một bể cạn một bể 73 thước và một bể 88 thước, trồng sen, mặt có hai trụ biểu. Về việc xây lăng này, có một số việc xảy ra. Tương truyền lúc đặt địa bàn xuống đất để nhằm phương hướng thì mặt gương của địa bàn bỗng nhiên bị vỡ, vua Gia Long lớn tiếng bảo với thần núi: Quý gì mảnh đất này mà Người lại cố giữ không cho trẫm chôn Mẫu hậu? Thế rồi vua bảo các quan đặt lễ tam sinh cúng thần và xây lăng tại đó. Khi đào huyệt, người ta thấy dưới đất có 5 màu khác nhau. Vua Gia Long cho là điềm lành. Các quan đều chúc tụng. Riêng Nguyễn Văn Thành chỉ đứng im lặng. Vua Gia Long hỏi vì sao, thì Thành đáp: “Việc ấy chẳng có gì lạ. Huyệt chọn thân mẫu của hạ thần đất cũng 5 màu như thế”. Vua Gia Long vẫn yên lặng. Thành nói tiếp: “Tại Châu Ô có một huyệt rất tốt”. Phạm Văn Nhân và các quan mới hỏi Thành: “Thế sao ông không tâu để Hoàng đế biết?”. Thành đáp rằng: “chỗ đất thì tốt nhưng không nên chôn, vì quan tài đặt vào đó có thể bị sét đánh”. Câu trả lời trên này đã khiến cho Gia Long bất bình”.⁽²⁾ Chuyện này, sách *Thực lục* cũng có kể lại vào tháng Hai năm Nhâm Thân (1812), còn thêm khi ấy, Hoàng tử Đảm quay lại bảo: “Tây Sơn là bọn tiếm nguy, tất gặp vạ sét đánh, còn nay là đời thánh minh, được trời giúp đỡ. Đứng trước mặt vua, Khanh sao vội nói những câu như thế?”. Văn Thành tự biết mình nói sai rồi, xấu hổ sợ hãi, lùi đi nơi khác.⁽³⁾

Tháng Một năm Quý Dậu (1813), sau ngày tiểu tường tế Đạm, theo lời nghị của các quan Bộ Lễ, vua rước thần chủ của Hoàng Thái hậu vào phối thờ ở miếu Hoàng Khảo; sau vua Minh Mạng trùng tu, đổi tên là Hưng Miếu.

2. Bà Trần Thị Đương (1769-1846)

Bà Trần Thị Đương (còn đọc là Đàng), tên húy là Kính, người làng Võ Xá, huyện Hương Trà, phủ Triệu Phong, xứ Thuận Hóa (sau đổi xã Văn Xá; nay thuộc phường Hương Văn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế), con gái của Thọ quốc

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Một, tr. 832.

(2) Bửu Kế. (1990). *Chuyện triều Nguyễn*. Nxb Thuận Hóa. Huế, tr. 29-30.

(3) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Một, tr. 837.

công Trần Hưng Đạt (lại có tên là Trọng),⁽¹⁾ mẹ là Lê Thị Kính,⁽²⁾ sinh ngày 27 tháng Mười Một năm Mậu Tý (14/01/1769). Cuối năm Giáp Ngọ (1774), quân Trịnh đánh vào Phú Xuân, Quốc mẫu Nguyễn Thị Hoàn (1748-1811) lánh nạn về làng An Du (Quảng Trị), bà mới 14 tuổi, được tiến theo hầu. Năm Mậu Tuất (1778), Nguyễn Phúc Ánh chiếm được Gia Định, sai người ra tìm mẹ; mùa xuân năm Kỷ Hợi (1789), Quốc mẫu vào đến Gia Định, bà cũng đi theo hầu hạ, rồi được tiến cung, phong Tá cung tần, gọi là Nhị phi. Bấy giờ đang buổi chiến tranh với Tây Sơn, bà thường cầu nguyện: “方今國步斯頻君臣奔播未有定止倘蒙鴻慶一旦舉子恐當此亂離之際棄之不忍若攜負相從不免重煩主上關懷兩難區處如我命應有子願俟天下太平然後子寔惟荷天之賜也”⁽³⁾ [Đang lúc vận nước còn nhiều rối ren vua tôi phải bôn ba khắp nơi, chưa có yên định hẳn. Ví như đội ơn lớn một mai mà sinh con sợ đang lúc gặp loạn li, bỏ đi thì không nỡ, mang công theo lại không khỏi phiền chúa thượng phải bận lòng, cả hai đều thật khó xử lý cho thỏa đáng. Nếu như ta được có con, xin đợi đến lúc thiên hạ thái bình, rồi sau đó mới có con thì thật là đội ơn trời ban cho vậy].

Sau khi Nguyễn Vương đặt vững chân ở Gia Định, năm Tân Hợi (1791), phi mới hạ sinh Nguyễn Phúc Đảm.

Các nhà viết *Ngọc điệp* kể câu chuyện sau đây: “夢見神人呈璽一印二璽正紅色光潤鮮明如日印一紫色一色最淡順天高皇后皆允之及至生帝應其首兆誕生之日適真臘將兵助順隸在駕前聞世祖生子相率拜賀世祖樂之命發賀砲九聲聖人應運而生事出非偶我大南昌大之基文明之兆應于此矣”⁽⁴⁾ ([Phi] nằm mơ thấy vị thần dâng một chiếc tỳ và hai chiếc ấn; chiếc tỳ màu hồng thắm, nhẵn bóng sáng tươi như mặt trời, chiếc ấn thứ nhất màu tía, chiếc ấn thứ hai màu rất nhạt; Thừa Thiên Cao Hoàng hậu đều thu giữ cả. Đến khi sinh ra vua, là ứng với chiếc tỳ đầu tiên. Vào ngày sinh, gặp lúc người Chân Lạp đem binh giúp, đến trước xe vua, nghe Thế Tổ sinh con trai, cùng nhau đến lạy mừng; Thế Tổ rất vui, sai bắn chín phát súng đại bác. Bậc thánh ứng vào thời vận mà sinh ra, việc ấy chẳng phải là ngẫu nhiên. Nước Đại Nam ta, cơ nghiệp lớn lao thịnh vượng, vận hội tiền bộ văn minh, là ứng vào việc ấy).

Bấy giờ gia quyến đang ở nhờ nhà Tổng phu nhân họ Lê tại ấp Tân Lộc, huyện Tân Bình; về sau vua Minh Mạng sai người tìm lại vị trí cũ, cho xây chùa Khải Tường để kỷ niệm...⁽⁵⁾ Sau khi Đông cung Cảnh mất, cho đến khi khôi phục cựu cung và

(1) Theo *Hoàng triều Ngọc điệp đệ nhị*, tờ 16a.

(2) Lê Thị Kính: không rõ năm sinh và năm mất, con gái của ông Lê Thăng (người làng Ba Nguyệt, nay thuộc huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, làm đến chức Ký lục) và bà Nguyễn Thị Trân (con gái thứ tám của ông Nguyễn Đăng Thịnh, người làng An Hòa, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên, con ông Trịnh Sử tức Nguyễn Đăng Tiên. Hương Danh hầu Nguyễn Đăng Thịnh [1694-1755] là danh thần thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, anh chú bác của Tân Minh hầu Nguyễn Cư Trinh [1716-1767]).

(3) *Hoàng triều Ngọc điệp đệ nhị*, tờ 23a.

(4) *Hoàng triều Ngọc điệp đệ nhị*, tờ 23a- 23b.

(5) Tháng Tám năm Nhâm Thìn (1832), vua Minh Mạng bảo Bộ Lễ: “Cố cung chỗ sinh Hoàng khảo Thế tổ Cao Hoàng đế ta tại xã Dương Xuân, từ khi trải qua binh biến mất cả dấu tích. Sau khi cả nước đã yên, tìm hỏi không ra, mỗi khi nghĩ đến thương cảm không nguôi! Nhân

lấy cả đất nước, lên ngôi Hoàng đế, vua Gia Long vẫn chưa tính đến lập ngôi trừ nhĩ mới, cho đến năm Canh Dần (1816) mới sách lập Nguyễn Phúc Đảm làm Đông cung Thái tử, nhưng cũng không nói đến ngôi vị của bà Trần Thị Đương. Rồi Thái tử lên ngôi năm Canh Thìn (1820), tháng Bảy sai xây dựng cung Từ Thọ cho mẹ ở, lại ban ơn cho họ ngoại và làng ngoại. Các quan dâng biểu xin phong tôn hiệu. Bà nói: *“Ta xem tờ biểu văn đã biết lòng thành của Hoàng đế và các quan rồi. Nhưng ta nghĩ Tiên đế ninh lăng chưa được bao lâu, ta còn thất ăn ngủ chưa ngon. Lại nay trời làm dịch lệ, quân dân phần nhiều ốm đau, ta thấy Hoàng đế lo lắng siêng năng sớm trưa không yên như thế, lòng ta thương xót không biết chừng nào. Tuy tai lệ ấy vị tất là bởi nhà vua kém đức mà nên nổi thế, nhưng người có thiên hạ phải chịu trách nhiệm về thiên hạ mới phải. Vậy thì ta được thiên hạ phụng dưỡng, ta lo về sự lo của thiên hạ cũng phải. Ta xin các lão tiên sinh cùng một đức, dốc một lòng giúp đỡ Hoàng đế những điều không biết tới để hỏi lại ý trời, để cho dân vui sống thì ta mừng lắm. Còn tờ biểu xin tôn sùng bắt tất cử hành”*.⁽¹⁾ Đến tháng Chín, cung Từ Thọ làm xong (thuộc Tử Cấm Thành, khu vực phía tây bắc Hoàng Thành), nhà vua rước Hoàng mẫu về nơi ở mới, sau đó, các quan lại làm biểu xin tấn tôn, lần này thì bà xuống chỉ chịu nhận. Vua rất mừng. Mùa xuân, ngày mùng 3 Quý Sửu tháng Ba năm Tân Tỵ (04/4/1821), sau khi kính cáo Tông miếu, vua dẫn quần thần bưng sách vàng đến cung Từ Thọ dâng tôn hiệu Hoàng Thái hậu. Bài sách văn như sau.

Nguyên văn

至元稱母資生參乾始之仁

大德得名眷命介天申之祐

彤書煒煒

玉冊煌煌

欽惟皇母陛下

仁厚天資

賢明世德

慈愛施于子姓

đó nghĩ đến chỗ sinh ta ở nhà cũ của Tổng quốc công phu nhân tại ngoại thành Gia Định, vậy sai quan địa phương tìm hỏi xem” (Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Ba, tr. 374). Khi quan thành Gia Định tìm hỏi được, vẽ bản đồ dâng lên, vua ban dụ: *“Lân Tân Lộ ở phía hữu thành Gia Định, khi trước Hoàng thái hậu ta đi theo Hoàng khảo Thế Tổ Cao Hoàng đế từng dừng lại ở nơi ấy. Thực là hợp với điềm tốt “Cầu vòng trôi ở bến hoa”. Nghĩ đến đất quý phát phúc càng nên giữ mãi dấu tích, để khuyến khích sau này. Vậy nên xây dựng ngôi chùa ở ngay chỗ đất ấy, gọi là chùa Khải Tường để ghi sự tốt lành to tát chứng tỏ nơi phát phúc lâu dài”* (Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Ba, tr. 374). Tiếp ngay đó, vua cấp kinh phí 300 lượng bạc, sai quan địa phương thuê thợ xây dựng theo thiết kế của Bộ Công, rồi chọn sư về ở lo Phật sự, hạn 20 người. Lại đặt ruộng thờ để chi dụng hàng năm. Chùa Khải Tường nay không còn, nhưng pho tượng Phật tạc ở Huế bằng gỗ thếp vàng cao chừng 1,98m ngồi trên tòa sen thì hiện trưng bày tại Viện Bảo tàng Thành phố Hồ Chí Minh.

⁽¹⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Hai, tr. 81.

福慶裕于邦家
訓迪臣躬
以有今日
既享天下之至養
宜膺天下之顯名
肫誠纔俞允於僉言翹望謙謙之德
鴻號庶敷揚於懿範式稽貴貴之文
用是請命宗廟親率群臣恭奉冊寶上皇太后尊號伏惟
丕正鴻名
茂膺繁祉
怡愉溢一堂之慶化原丕式於自家
壽考徵萬祀之祺福履永綏於奕世⁽¹⁾

Tạm dịch

Gốc đầu là mẹ, hợp lòng nhân của cha trước sinh ra;
Đức lớn nổi danh, được ơn mệnh của trời cao ban xuống.
Chữ son rực rỡ;
Sách ngọc rạng ngời.
Kính nghĩ, Hoàng mẫu bệ hạ:
Nhân hậu tính trời;
Hiền minh dòng họ.
Yêu mến đôi cùng con cháu;
Cơ may chung với nước nhà.
Dạy dỗ tôi con;
Ngày nay mới có.
Đã được thiên hạ phụng dưỡng;
Đáng được thiên hạ vinh danh.

Chân thành chuẩn lời tấu của đình thần, ngửa trông đức từ khiêm tôn;⁽²⁾ thận trọng bày hiệu hay về phụ nữ, nên dùng lời lẽ quý tôn.⁽³⁾ Đã xin mệnh Tôn miếu, thân đem bề tôi kính mang sách ấn dâng tôn hiệu Hoàng Thái hậu. Kính nghĩ:

⁽¹⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Chính biên. Đệ nhị kỷ. Quyển bát, tờ 1b - 2a.

⁽²⁾ Khiêm tôn: nguyên văn “khiêm khiêm”, *Dịch kinh*, quẻ 15 Địa Sơn Khiêm, Hào từ: 初六謙謙君子用涉大川吉 *Sơ lục: Khiêm khiêm quân tử, dụng thiệp đại xuyên, cát* (Nhún nhường, nhún nhường, người quân tử dùng đức ấy để qua sông lớn thì tốt), ý nói hể nhún nhường thì gặp hiểm nguy nào cũng vượt qua được. Lời giải của *Tiểu tượng truyện*: 謙謙君子擠以自睦 *Khiêm khiêm, quân tử ty dĩ tự mục* (Nhún nhường, nhún nhường, người quân tử lấy đạo ấy để tự xử).

⁽³⁾ Quý tôn: Nguyên văn “quý quý”, sách *Mạnh tử*: 用下敬上謂之貴貴 *Dụng hạ kính thượng vị chi quý quý* (Người dưới kính người trên gọi là quý quý).

Chính đáng tên hay;

Dồi dào phúc tốt.

Lòng hơn hờ một nhà đều vui vẻ, thói hay nguyên phát xuất từ đây;

Thọ dài lâu muôn thừa vững bền, phúc tốt hãy lưu truyền sau đó.

Hôm sau, vua ban ân chiếu cho trong ngoài, bắt đầu lấy ngày 27 tháng Mười Một hàng năm làm tiết Thánh thọ Hoàng Thái hậu. Tháng Mười Một năm Đinh Hợi (1827), Thái hậu thọ 60 tuổi, triều đình tổ chức lễ mừng rất lớn (Lục tuần đại khánh tiết), phải chuẩn bị trước từ khá lâu. Các quan Bộ Lễ tham khảo điển lễ, “cho rằng: *“Nhà nước ta đã được trời thương, phúc lộc rộng lớn. Hoàng Thái hậu khỏe mạnh, phúc tốt tuổi cao. Hoàng thượng kính vâng lòng mẹ, cử hành khánh điển, từ nay về sau cứ mỗi năm làm một tiết, để cho cả nước đều mừng, sử sách thêm sáng. Đến như khắc ngọc đúc vàng, tôn dâng huy hiệu, thì đợi thứ sau cử hành, để rõ đức sáng”*. Vua theo lời bàn. Sai Hữu ty làm rạp kết hoa ở tả hữu nhà Duyệt Thiện, dựng lầu hoa ở trước sân trong của Tiên Thọ, ở tả hữu thì dựng rạp hoa; lại dựng rạp hoa ở sau điện Cần Chính và nhà yến ở trước lầu Phú Văn (...). Chế bài ca nhạc, lại chọn hơn 60 người ca công ở Bắc Thành và Thanh Nghệ cùng các trò chơi, hơn 20 người nhạc công Chân Lạp và Cam Lộ, đều đến họp ở cửa khuyết để diễn ca nhạc”.⁽¹⁾ Chôn kinh kỳ treo đèn kết hoa và cấm sát sinh từ 5 đến 10 ngày, quan chức phải mặc áo đẹp đi làm việc... Các địa phương trong nước và các thuộc quốc như Chân Lạp, Vạn Tượng, Cam Lộ, Thủy Xá, Hòa Xá... đều dâng lễ mừng. Ngày 24 tháng ấy, vua kính cáo điện Hoàng Nhân, ngày 27, dẫn quân thần dâng tờ kim tiên chúc thọ Hoàng Thái hậu, rồi đãi yến khắp lượt mấy ngày kế tiếp.

Thái hậu tính cần kiệm, đặt nhà nuôi tằm dệt vải trong cung và thường đi lại để tỏ ra mình khỏe mạnh, nói: *“Ta biết hoàng đế chăm lo suốt ngày, há nỡ lấy cái tuổi gần 70 mà lại làm lụy cho con, cho nên hàng ngày cố gắng ăn thêm, tự thấy tâm thần thanh thoi, hoàng đế nên chớ phải lo”*.⁽²⁾ Năm Đinh Dậu (1837), nhân tiết Thất tuần đại khánh của Hoàng Thái hậu, vua sai Bộ Lễ định nghi tiết tấn tôn danh hiệu Hoàng Thái hậu, các nơi trong Kinh Thành, Hoàng Thành làm lầu, rạp kết hoa, trên các tầng Kỳ Đài treo 2.000 đèn lộ thiên, thấp sáng liên tục nhiều đêm (trước chính lễ 10 ngày, sau 2 ngày); nhà quan, nhà dân trong ngoài Kinh Thành cũng treo đèn kết hoa; cấm sát sinh nhiều ngày; lại xuống lệnh cho các địa phương cử đại biểu về kinh chúc mừng, các thuộc quốc và các phiên phụ cũng thế... *“Trước ngày Đại khánh 3 ngày, vua thân đến điện Phụng Tiên đem việc ấy lễ cáo, trước ngày Đại khánh 2 ngày, Hoàng Thái hậu thân đến điện Phụng Tiên làm lễ kính cáo, trước ngày Đại khánh 1 ngày, phái tôn thất, đại thần đến cáo ở đền Hoa quốc công. Ngày chính lễ, vua thân đến làm lễ ở cung Từ Thọ, hoàng tử, các công và ban văn từ thự tứ phẩm, ban võ từ thự tam phẩm trở lên, theo lạy ở tiền điện, còn chức quan văn võ và ủy viên các địa phương đều lạy*

⁽¹⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Hai, tr. 683.

⁽²⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam liệt truyện*. Sđd. Tập 1-2, tr. 185.

mừng ở sân lầu kết hoa. Lễ xong, quan ở bộ bắt đầu dẫn các bề tôi ở nước phụ thuộc và các đầu mục ở nơi phiên phụ mới mở mang theo bên hữu nghị môn vào trước sân lầu kết hoa làm lễ 5 lạy chúc mừng, sau dẫn quan viên hưu trí cùng người chưa có đủ phẩm phục và kỳ lão tôn thất, họ Trần ở Văn Xá đến trước lầu kết hoa, viên nhân xã Văn Xá, họ Lê Xuân ở Ba Nguyệt và các cử nhân, hành tẩu ở 6 bộ, giám sinh ở Giám đến phía ngoài cửa tả hữu nghị môn, xếp thành 2 hàng làm lễ 5 lạy, hộ vệ bắn mừng 9 tiếng. Vua ngự về cung, bách quan đi ra. Phi tần cho đến trưởng công chúa và hoàng nữ, hoàng tôn, công nữ, thiếp của hoàng tử, các công, phụ nữ tôn thất, mệnh phụ văn võ đều mặc phẩm phục do cung giám dẫn vào sân làm lễ chúc mừng 3 lần quỳ và 6 vái. Sau ngày làm lễ 1 ngày, vua ngự điện Thái Hòa ban ân chiếu. Sau ngày làm lễ 2 ngày, vua ngự điện Cần Chính, nhận lễ triều hạ, ban yến cho hoàng tử, các công và bách quan”.⁽¹⁾ Ngày 16 Canh Dần, tháng Mười Một [13/12/1837], vua Minh Mạng dâng sách tấn tôn danh hiệu Nhân Tuyên Từ Khánh Hoàng Thái Hậu.

Nguyên văn

有德必得其名

尊親之謂達孝

是故

思齋雅什

美揭瑤編

長樂隆儀

光留彤史

皆所以賁嘉釐而揚景鑠者也 欽惟聖母皇太后陛下

含弘毓慶

靜穆端型

襄帝業于重光始基孚化

勛冲人于嗣服啟迪垂慈

八〇⁽²⁾薰流衍之和風

七〇⁽³⁾薦康彊之壽祉

歡逢慶典

倍慰歡衷

至哉坤元博厚難名夫懿德稽諸古典崇鴻用慰於芳徽謹奉金冊金寶恭上徽號曰仁宣慈慶皇太后伏惟

光受崇稱

永綏景嘏

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Năm, tr. 201.

(2) Chữ HOÀNH viết chữ HOÀNH và bộ THỔ (土+宏), không thấy trong *Khang Hy tự điển*.

(3) Chữ DẬT viết chữ THẤT (七) giữa bộ Y (衣). Phần nhiều viết chữ THẤT (失) giữa bộ Y (衣).

九州榮養長舒愛日之忱
聖壽申祺僅獻如山之頌⁽¹⁾

Tạm dịch

Có đức ắt được nêu danh;

Tôn thân ắt là đạt hiếu.

Thế nên:

Nghiêm trang thơ Nhã;⁽²⁾

Đẹp dễ văn Dao.⁽³⁾

Lễ trọng cung riêng;

Lời khen sử đỏ.

Đều là để tỏ phúc lành mà nêu phép tốt vậy. Kính nghĩ Thánh mẫu Hoàng Thái hậu bệ hạ:

Sâu xa phúc chứa;

Tĩnh lặng phép nghiêm.

Giúp nghiệp để lại sáng tươi, dựng nền giáo hóa;

Dạy con thơ tự gánh vác, mở mối từ nhân.

Tám phương lồng lộng gió hòa;

Bảy chục mây mây tuổi thọ

Gặp vui lễ khánh;

Cho đẹp lòng từ.

Lớn thay đạo mẹ! Dày rộng khó lường đức tốt. Xét xem phép cổ, tôn tên lớn để tỏ tiếng thơm. Kính đem sách vàng bửu vàng dâng hiệu đẹp là Nhân Tuyên Từ Khánh Hoàng Thái Hậu. Cúi nghĩ:

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam liệt truyện*. Chính biên. Sơ tập. Quyển Nhất, tờ 27a-b.

(2) Thơ Nhã: phần *Tiểu Nhã* trong *Thi kinh* có thiên *Tư trai* (tư: tiếng đệm; trai: trang nghiêm, kính cẩn, cũng như chữ “túc”), chương I là thơ khen ngợi các bà vợ của các lãnh tụ bộ tộc Chu có đức hạnh và khéo dạy con lập nên sự nghiệp: 思齊大任/文王之母/思媚周姜/京室之婦/大姒徽音/則百斯男 *Tư trai Thái Nhâm / Văn vương chi mẫu / Tư mị Chu Khương / Kinh thất chi phụ / Thái Tự huy âm / Tắc bách tư nam* (Thái Nhâm nghiêm kính / Là mẹ Văn vương / Thái Khương yêu mến / Xứng vợ Chu vương / Thái Tự nổi tiếng tốt / Con đông lạ thường). Bà Thái Nhâm là vợ của Vương Quý, sinh ra Cơ Xương tức Văn vương; Bà Thái Khương là vợ của Cổ Công Đán Phủ (ông nội của Văn vương); Bà Thái Tự là vợ của Văn vương, sinh ra Cơ Phát tức Võ vương. Bà Thái Nhâm có đức hạnh nên được bà Thái Khương yêu mến, rồi truyền đức tốt cho bà Thái Tự.

(3) Văn Dao: chỉ sách chép việc trong Nội cung (cung của các bà gọi là Dao Cung, sánh với cung của bà chúa tiên Tây Vương Mẫu trên núi Côn Luân). Trong Cẩm thành, có chức nữ sử chuyên chép những việc xảy ra hàng ngày, được dùng quản bút màu đỏ, gọi là đồng quản, và sách ấy gọi là đồng sử (đồng: màu đỏ).

Vinh nhận tên to;

Mãi nhờ phúc lớn.

Chín châu vinh dưỡng, giải lòng yêu mến hàng ngày;

Tuổi thọ tăng thêm, dâng tiếng ngâm nga như núi.⁽¹⁾

Năm Tân Sửu (1841), vua Thiệu Trị đăng quang, ngày 24 tháng Ba (15/4/1841) kính dâng tôn thụy cho Hoàng khảo tại miếu thờ (điện Hoàng Phúc); đến ngày 27 tháng Ba (18/4/1841), dẫn quần thần bung sách vàng ấn vàng đến cung Từ Thọ tấn tôn bà nội danh vị Nhân Tuyên Từ Khánh Thái Hoàng Thái Hậu.

Nguyên văn

道莫大於孝聖人端立教之元

禮莫大於名王者重尊親之典

故雅詠思齋盛稱京室

而頌歌濬哲歸美商姬

皆所以表淑垂鴻用揚景鑠者也欽惟聖祖母仁宣慈慶皇太后陛下

莊靜垂慈

含弘敷化

宣懿德而懋修壺教佐我世祖十有八年締造之基

迪前徽而敷遺後人啟我先帝二十一載太平之治

壽愷茂綏繁祉闡澤洽乎邦家

昌蕃永裕慈釐福慶施于子姓

怡預式孚榮養

顯揚久賁崇稱

俯紹承受此丕基燕翼仰憑於厚廕

肆繼述僅思達孝崇尊載舉於隆儀

是用虔告宗廟奉金冊金寶恭上尊號曰仁宣慈慶太皇太后伏惟

丕正鴻名

誕膺景嘏

恆貞久炤宮庭長睦於徽音

履吉凝祥社稷永孚于利⁽²⁾

Tạm dịch

Đạo không gì lớn hơn hiếu, thánh nhân dựng giáo dục làm căn nguyên;

Lễ không gì lớn hơn danh, vương giả chuộng tôn thân làm phép tắc.

(1) Tiếng ngâm nga như núi: tức là hát bài *Thiên bảo* trong *Thi kinh* để chúc thọ, trong có câu chúc ý nói trời giúp yên vững mãi như tuổi thọ của núi Nam: 天保定爾如南山之壽 Thiên bảo định nhĩ... như Nam Sơn chi thọ... (xem chú thích đã có).

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam liệt truyện*. Chính biên. Sơ tập. Quyển Nhất, tờ 28a-29b.

Nên thơ Nhã Tư trai khen đức Kinh thất;⁽¹⁾

Mà khúc Tụng Tuần triết quy công Thương cơ.⁽²⁾

Đều là để nêu nét hạnh lớn lao làm nên khuôn mẫu sáng tỏ vậy. Kính nghĩ Thánh tổ mẫu Nhân Tuyên Từ Khánh Hoàng Thái Hậu bệ hạ:

Nghiêm lặng gương lành;

Bao dung nếp dạy.

Tổ đức tốt mà sửa sang cung cấm, giúp Thế Tổ ta ba mươi tám năm gây dựng cơ đồ;
Nói nét xưa mà nuôi nấng đời sau, giúp Tiên đế ta hai mươi một hạ mở mang
bình trị.

Tuổi thọ dồi dào phúc tốt, ra ơn khắp cả nước nhà;

Đàn đông dầy đặc ơn sâu, may mắn rũ cùng con cháu.

Nhân hạ vẻ vang phụng dưỡng;

Kính yêu rức rở tôn xưng.

Đã được vâng ngôi lớn thế này, che chở ngửa nhờ phúc tốt;

Nay nghĩ nói hiếu sâu như vậy, tôn sùng kính cử lễ to.

Vậy nên kính cáo nhà Tông miếu, đem sách vàng bửu vàng dâng tôn hiệu là Nhân Tuyên Từ Khánh Thái Hoàng Thái Hậu. Cúi nghĩ:

Đã đáng hồng danh;

Nhận ngay phúc tốt.

Hằng trinh⁽³⁾ sáng dội, cung đình mãi dậy tiếng hay;

Lý cát⁽⁴⁾ lành ngưng, xã tắc luôn nhờ lợi đẹp.

(1) Nhã Tư trai: thiên *Tư trai* trong phần *Đại nhã* của *Thi kinh* (xem chú thích ở bài sách văn trước). Kinh thất chỉ bà Thái Nhân, vợ của Văn vương.

(2) Tụng Tuần triết: thật ra, “tuần triết” là hai chữ mở đầu trong thiên *Trường phát*, mục *Thương tụng* trong phần *Tụng* của *Thi kinh*. Bài này dài, nội dung chỉ nói về công lao của các vua nhà Thương, kể từ ông Vũ trị thủy, quy công cho bà Hữu Tung (Giản Địch), mẹ ông Tiết, thủy tổ của nhà Thương. Theo truyền thuyết, bà Giản Địch nuốt trứng chim én mà có thai, sinh ra ông Tiết, nhưng thiên *Huyền diệu* trong *Thương tụng* chỉ nói Trời sai chim én xuống mà sinh ra nhà Thương.

(3) Hằng trinh: Quẻ Hằng trong *Dịch kinh*, gồm hai quẻ đơn trên Chấn gồm 2 hào âm trên và một hào dương dưới (lôi: sấm), dưới Tốn gồm hai hào dương trên và một hào âm dưới (phong: gió). *Thoán từ*: 恆亨无咎利貞利有攸往 Hằng: hanh, vô cửu; lợi trinh, lợi hữu du vãng (Hằng: hanh thông, không lỗi; giữ được đạo chính thì có lợi, làm việc gì cũng thành công). Thoán truyện giải thích: “Cứng (Chấn) ở trên, mềm (Tốn) ở dưới; sấm gió giúp sức nhau. Chấn động trước, tượng người chồng; Tốn theo sau, tượng người vợ; thế là thuận đạo, mà thuận đạo thì bền vững, lâu dài. Lại thêm ba hào âm đều ứng với ba hào dương, cũng là nghĩa thuận nữa, cả hai bên giữ được đạo chính lâu dài”. Trinh là tính chất chắc chắn, bền vững, cho nên lâu dài. Đây chỉ đạo vợ chồng, như tục ngữ của ta: “Thuận vợ thuận chồng, tát Bể Đông cũng cạn”. Mỗi hào lại mang một ý nghĩa khác nhau.

(4) Lý cát: quẻ Lý trong *Dịch kinh*, nói về cách ăn ở trong suốt đời người, xem chú thích bài sách văn trước.

Một hôm, “Hiển Tổ thân đến hầu cơm. Thái hoàng Thái hậu dụ rằng: Hoàng đế hầu cơm, đi bằng đầu gối dâng đĩa, chính tay điều hòa nước canh, vui vẻ dâng chén, nhất nhất đều tuân theo chỉ của người trước, tình lễ thực là đầy đủ cả. Hiển Tổ gơ tay lên trán lạy tạ. Thái hoàng Thái hậu thường đến chơi vườn Thường Mậu, lên lầu Kỷ Ân xa trông ruộng tịch điền, dụ Hiển Tổ rằng: Thánh Tổ yêu quý, chú ý đến Hoàng đế, khác hẳn các con khác. Tổ mẫu già này biết rõ từ lâu. Năm trước Thánh Tổ Nhân Hoàng đế dựng ra vườn này, vì sợ sự giàu sang dễ thành ra kiêu căng xa xỉ, không biết lo cho dân, thương nhà nông, cho nên dựng nhà phủ đệ cho Hoàng đế ở trước ruộng tịch điền, khiến cho Hoàng đế biết cày gặt khó nhọc. Hoàng đế nên nghĩ kỹ về tiết kiệm, chớ xa xỉ về ăn uống, sửa sang cung nhà vườn tước để làm vui, thực không phải là chí của người trước”.⁽¹⁾ Lại tháng Năm năm Giáp Thìn (1844), “Thái hoàng Thái hậu đến chơi vườn Cơ Hạ. Hiển Tổ quỳ đón ở cửa vườn, đi trước dẫn đường, cho võng Thái hoàng Thái hậu chơi xem khắp cả, nhân thể ngự coi ao Minh Giám, các Quang Biểu, xem làm sóng gợn, thả câu được nhiều cá tốt. Thái hoàng Thái hậu dụ rằng: Cá ở ao này không lo chài lưới, đầm ruộng cũng chẳng hơn thế. Xưa kia Chiêu Liệt nhà Hán đối với Gia Cát Vũ hầu lấy cá nước tương đặc với nhau làm lời ví, thực là câu nói hay. Và đạo nhân quân làm chính trị, cốt nên thân người hiền xa kẻ gian, răn xa xỉ, chuộng tiết kiệm. Hoàng đế nên nhớ kỹ đấy”.⁽²⁾

Ngày mùng 5 tháng Bảy mùa thu năm Ất Ty, năm Thiệu Trị thứ 5 [07/8/1845], nhân Dao cung (chỉ phi tần) có việc vui mừng “ngũ đại đồng đường”, vua dâng biểu xin tấn tôn vị hiệu, bà sung sướng nhận lời. Ngọc điệp chép: “原皇子安豐公洪保生庶長子原膺導(原膺福嗣德四年欽奉改著)八月初十日生庶二子原膺祥閱月五天憲祖章皇帝連舉兩皇孫是為仁宣慈慶太皇太后之玄孫也皇元孫原膺導既週月憲祖章皇帝親攜於慈壽宮前行抱見聖慈悅育之宮中初明命年間聖祖仁皇帝嘗為五世蕃昌圖獻祝瑤宮以祈僊齡望八五代同堂旁稽史冊自三代及漢唐宋明以來諸母后之賢皆未之得憲祖章皇帝思仰副聖孝顯揚慈徽乃命有司參考彝章親撰冊文蠲吉以聖誕之月舉行晉尊”⁽³⁾ (Nguyên hoàng tử An Phong công sinh thứ trưởng tử Ứng Đạo (nguyên tên Ứng Phúc, năm Tự Đức thứ 4 [1851] kính dâng đôi tên), ngày mùng 10 tháng Tám sinh thứ nhị tử nguyên tên Ứng Tường. Sau một tháng, Hiển Tổ Chương Hoàng đế đích thân dẫn đến cung Từ Thọ làm lễ Bão kiến. Đức thánh từ vui lòng, nhận nuôi trong cung. Trước kia, trong khoảng năm Minh Mạng, Thánh Tổ Nhân Hoàng đế thường vẽ tranh năm đời phồn thịnh mà chúc Dao cung để cầu tuổi tiên dài mãi [Thái hậu sống lâu] mong được Ngũ đại đồng đường [năm đời cùng sống]. Xem khắp sử sách từ thời Tam đại Hạ, Thương, Chu cho đến Hán, Đường, Tống, Minh trở lại, chưa có vị mẫu hậu hiền đức nào đạt được. Hiển Tổ Chương Hoàng đế ngưỡng mộ cha hiếu, biểu dương mẹ hiền, sai Hữu ty tham khảo phép tắc, tự mình soạn bài sách văn, chọn ngày tốt thánh đàn cử hành lễ tấn tôn).

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam liệt truyện*. Sđđ. Tập 1-2, tr. 187.

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam liệt truyện*. Sđđ. Tập 1-2, tr. 188.

(3) *Hoàng triều Ngọc điệp đệ nhị*, tờ 18a-18b.

Lễ tấn tôn cử hành ngày mùng 2 Kỷ Mùi tháng Mười Một (23/11/1845), danh hiệu mới là Nhân Tuyên Từ Khánh Phúc Thọ Khang Ninh Thái Hoàng Thái Hậu. Bài văn sách do chính nhà vua làm như sau:

臣聞聖善之德宣受多福天其申命用休身其康彊子孫其逢吉惟曾與玄而其見曠古之所希聞刻玉範金以稱揚尊親之謂達孝正於今日者也欽惟聖祖母仁宣慈慶太皇太后陛下

思齊聖哲

啟佑賢明

佐重興一統山河化基肇始

憑垂裕三朝文物曆服延鴻

日受訓彝勛冲人於善述

天錫純嘏啟邦國於明徵

洛書開五福之祥

神篋薦萬年之算

望八僊齡益茂欣瞻五代同堂

奉三天道咸孚榮養九州四海

千方稱頌

八表騰歡

載舉隆儀行慶以彰其惠吉

參諸古典徽稱用賁其崇鴻

謹率群臣奉金冊晉尊曰聖祖母仁宣慈慶福壽康寧太皇太后伏惟

齊日得天

順乾配地

高明悠久之無疆

博厚含弘之有永

懿德宣昭海宇臚誠萬國之歡

含飴普及會玄齊上九如之頌⁽¹⁾

Dịch nghĩa

Bề tôi nghe rằng: Có đức thánh tốt lành, chắc nhận nhiều phúc. Trời ban mệnh che chở cho, mình được khỏe mạnh, con cháu gặp điều may mắn. Duy có cả chất lẫn chút thì thấy từ xưa chưa từng nghe nói đến; cho nên khắc sách vàng chạm ấn ngọc để xưng tụng tôn thân, gọi là đạt hiếu, chính ở ngày nay đây. Kính nghĩ Thánh tổ mẫu Nhân Tuyên Từ Khánh Thái Hoàng Thái Hậu bệ hạ:

Ngang thánh triết trước;

Mở hiền minh sau.

⁽¹⁾ Đại Nam thực lục Chính biên Đệ tam kỷ. Quyển Ngũ thập nhị. tờ 1b-3a.

Giúp phục hưng một dải sơn hà, mở đường tiến bộ;
 Nâng vận hội ba triều văn vật, gây nghiệp lâu dài.
 Khuyên dạy từng ngày, rèn con nhỏ thêm hay kể thuật;
 Chắt chùng lắm phúc, cho nước nhà càng tỏ minh trung.
 Sách Lạc⁽¹⁾ khai năm phúc điền lành;
 Cỏ thần⁽²⁾ tiến muôn năm tuổi thọ.
 Gần tám mươi mà vẫn khỏe, vui xem năm đại một nhà;
 Đủ ba đức⁽³⁾ mà không riêng, vinh dưỡng chín châu bốn biển.
 Nghìn phương chúc tụng;
 Tám cõi mừng vui.
 Xếp đặt long nghi, bày lễ lớn để rạng ngời ơn tốt;
 Xét xem cổ điển, tôn tên hay mà sáng tỏ công to.

Xin đem các quan dâng sách vàng tâu tôn là: Thánh tổ mẫu Nhân Tuyên Từ
 Khánh Phúc Thọ Khang Ninh Thái Hoàng Thái Hậu. Cúi nghĩ:

Phát sáng ngang trời;
 Thuận can sánh đất.
 Sáng cao soi dọi không cùng;
 Dày rộng bao trùm hết cả.
 Đức tốt lan tràn trời biển, mở rộng lòng muôn nước tươi vui;
 Ôn lành phủ rợp chất chiu, dâng lên khúc “cửu như”⁽⁴⁾ rộn rã.

Năm Bính Ngọ (1846), ngày 12 tháng Tám, bà bắt đầu ốm: “初仁宣慈慶福壽康
 寧太皇太后不豫奉憲祖章皇帝親詣慈壽宮左右侍疾朝夕問安竭誠懇禱天祖垂庥
 是月二十九日聖躬稍得安和九月初一日憲祖章皇帝親率群公百執詣奉先殿行密
 告禮”⁽⁵⁾ (Khi Nhân Tuyên Từ Khánh Phúc Thọ Khang Ninh Thái Hoàng Thái Hậu mới
 bắt đầu ốm, Hiến Tổ Chương Hoàng đế đích thân đến cung Từ Thọ chăm sóc hai bên,
 sớm chiều hỏi thăm sức khỏe, hết lòng cầu khẩn xin Trời và Tổ phò hộ. Ngày 29 tháng
 ấy, mình thánh lại được an hòa; ngày mùng 1 tháng Chín, Hiến Tổ Chương Hoàng đế
 dẫn các Công và trăm quan đến điện Phụng Tiên làm lễ cáo kín...).

(1) Lạc thư: Tương truyền thời vua Nghiêu, có con lân mã mang hòm sách hiện lên ở sông Lạc, vua Nghiêu xem đó để làm ra lịch, gọi là Nghiêu lịch.

(2) Cỏ thần: Chỉ lịch. Thời vua Nghiêu có loài cỏ thần mọc ở sân, hàng tháng cứ từ mùng 1 đến ngày rằm, mỗi ngày nảy thêm một lá, từ ngày 16 đến ngày 30, cứ mỗi ngày rụng bớt 1 lá; tháng nào thiếu thì lại một lá không rụng; người ta nhân đó mới làm ra lịch, gọi là Giáp lịch.

(3) Ba đức không riêng: Theo sách *Lễ ký*: 天無私覆地無私載日月無私照奉三者以宰天下 *Thiên vô tư phủ, địa vô tư tải, nhật nguyệt vô tư chiếu, phụng tam giả dĩ lao thiên hạ* (Trời không che riêng ai, đất không chở riêng ai, mặt trời mặt trăng không soi riêng ai, vâng theo ba đạo ấy để trị thiên hạ). Ý nói phải công bằng.

(4) Cửu như: Thơ chúc thọ trong *Thi kinh*, xem chú thích ở phần trước.

(5) *Hoàng triều Ngọc điệp đệ nhị*, tờ 19a.

Các quan Thái Y Viện dâng thuốc, đã hơi bớt, nhưng rồi bệnh càng lúc càng nặng, đến giờ Dậu ngày 18 tháng Chín (06/11/1846) thì mất tại cung Từ Thọ. “憲祖章皇帝深追仁宣慈慶福壽康寧太皇太后功德宏鉅仰副聖祖仁皇帝尊親大孝自初喪凡一切典禮必詳必審衷于至當諭示尊人府及在庭文武臣工會同議上尊諡僉稱大行仁宣慈慶福壽康寧太皇太后中興之初協贊艱難共成內治寔與承天佐聖厚德慈仁簡恭齊孝翼正順元高皇后功德比隆而其篤生聖嗣光受丕基又為國家億萬年篤慶鍾祥之所自始禮宜祔廟請從廟諡憲祖章皇帝欽加裁定上尊諡曰順天興聖光裕化基仁宣慈慶德澤元功高皇后”⁽¹⁾ (Hiển Tổ Chương Hoàng đế nghĩ sâu xa đến công đức lớn lao của ngài Nhân Tuyên Từ Khánh Phúc Thọ Khang Ninh Thái Hoàng Thái Hậu, từng giúp Thánh Tổ Nhân Hoàng đế hầu hạ Quốc mẫu đại hiếu từ thừa đầu, điển lễ về việc tang ma nhất thiết phải rõ ràng đầy đủ, từng dụ bảo Tôn Nhân Phủ và các quan văn võ trong triều hội đồng đề nghị dâng tôn thụy, cho rằng Đại hành Nhân Tuyên Từ Khánh Phúc Thọ Khang Ninh Thái Hoàng Thái Hậu trong buổi đầu trung hưng, cùng chung gian khổ mà tán thành nội trị, thực cùng Thừa Thiên Tá Thánh Hậu Đức Từ Nhân Giản Cung Tề Hiếu Dực Chính Thuận Nguyên Cao Hoàng Hậu công đức lớn lao như nhau, nhưng đã sinh ra bậc thánh nổi dòng, nắm giữ ngôi cao, lại làm cho nước nhà ức muôn năm độc khánh chung tường bắt đầu từ đó. Vậy nghị lễ thờ phụ vào miếu xin theo như miếu thụy [của Thánh Tổ]. Hiển Tổ Chương Hoàng đế kính xét định dâng thêm tôn thụy là Thuận Thiên Hưng Thánh Quang Dụ Hóa Cơ Nhân Tuyên Từ Khánh Đức Trạch Nguyên Công Cao Hoàng Hậu).

Ngày 20 Tân Sửu tháng Mười Một năm Bính Ngọ (06/01/1847), vua thân đem các quan Tôn Nhân Phủ và văn võ đình thần mang sách vàng đến cung Từ Thọ dâng tôn thụy Thuận Thiên Hưng Thánh Quang Dụ Hóa Cơ Nhân Tuyên Từ Khánh Đức Trạch Nguyên Công Cao Hoàng Hậu.⁽²⁾ Sách văn viết:

臣聞有天下之大德必受天下之大名故尊名之典著於經而述德之文垂諸策
欽惟皇祖妣大行仁宣慈慶太皇太后

含弘表懿

齊媚嗣徽

德協坤元翊聖功于興夏

⁽¹⁾ Hoàng triều Ngọc điệp đệ nhị, tờ 19b-20a.

⁽²⁾ Sách Thực lục chép: “Trước kia, vua dụ cho Tôn Nhân Phủ, các tước công và văn võ đình thần rằng: Từ cổ, các bậc đế vương hiếu phụng, đối với lễ tôn đáng thân, tất có huy hiệu đẹp để tỏ tát, để bảo rõ cho muôn đời, là điển lễ rất to. Kính nhớ Hoàng tổ Đại hành Thái hoàng Thái hậu ta như mặt trời được khí sáng của trời, thuận trời sánh với đất, rộng giúp những lúc gian nan, công rất cao, phúc thừa để thịnh về sau, đức rất là hậu, mặc áo vi y để dâng lễ tế. Đức hiếu rất long trọng, khuôn phép đoan chính như ngọc cư ngọc vũ, cung kính dốc một lòng; gà gáy dậy sớm, tỏ đức cần cù; thân làm việc nuôi tằm ươm tơ, tỏ đức tiết kiệm; rộng yêu mọi vật, tỏ đức hiền lành. Ban ra sáu cõi, mở rộng ân trạch; cao như trời, muốn đền ơn mà không biết đâu là cùng; dày như đất, nên thuật đức lâu mãi không cùng! [Các người] nên tra xét điển lệ, bàn việc đặt tên thụy, rồi tâu lên. Đến khi nghị dâng lên, vua nghe theo, sai quan cáo các miếu điện và đền Thọ Quốc Công, đền họ Trần, ngày hôm ấy, vua thân đem các quan đến chỗ bàn thờ, dâng sách và ấn” (Quốc Sử Quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục. Sđd. Tập Sáu, tr. 937).

祥呈神璽受帝命于生商
垂裕之光施于社稷
始基之化式于邦家
仁能博愛而聖善周聞
慈以凝和而福壽降貴
三朝集慶
四代同堂
敷釐德洽垓埏
篤祐功齊覆燾
溯積慶鍾祥之所自感慕何窮
仰至人大孝之難名答揚曷稱
式稽彝典
允協公忠

是用請命列廟親率宗人府文武臣工奉金冊金寶上尊諡曰順天興聖光裕化
基仁宣慈慶德澤元工高皇后伏惟

光正鴻稱
懋揚懿鑠
高明陟配齊悠久以無疆
右饗孚馨篤翼承于有永⁽¹⁾

Tạm dịch

Bề tôi nghe rằng: Có đức lớn trong thiên hạ ắt nhận danh lớn của thiên hạ, cho nên phép tắc tôn danh chép trong kinh mà văn chương thuật đức ghi trong sách sử. Kính nghĩ Hoàng tổ tỷ Đại hành Nhân Tuyên Từ Khánh Thái Hoàng Thái Hậu:

Chất nêu bao rộng;

Tiếng nổi tốt hay.

Đức hiệp Khôn nguyên, giúp công thánh mà hưng nhà Hạ;⁽²⁾

Điềm bày Thần tỷ, chịu mệnh trời mà mở nhà Thương.⁽³⁾

Tỏ rõ đức huy lan ra xã tắc;

(1) *Đại Nam liệt truyện Chính biên*. Quyển Nhất, tờ 24a-25b.

(2) Hưng nhà Hạ: vợ ông Vũ là người con gái đất Đồ Sơn (vùng Cối Kê, nay thuộc tỉnh An Huy, Trung Quốc), tên là Du, từ khi ông Vũ làm quan, được vua Thuần sai đi trị thủy sông Hoàng Hà, ông chỉ ở nhà với vợ bốn ngày rồi ra đi, suốt ba năm dù có đi qua nhà cũng không ghé thăm, bà một mình chăm lo tề gia nội trợ. Nhờ đó, ông Vũ thành công, được vua Thuần truyền ngôi cho, lập nên nhà Hạ.

(3) Mở nhà Thương: Bà Giản Dị ở trên lầu, được trời sai chim én (huyền điểu) xuống ban cho trứng mà sinh ông Tiết, thủy tổ của nhà Thương. Thần tỷ: nhắc lại chuyện khi Hậu mang thai, mơ thấy thần trao cho cái ấn tỷ màu tía, rồi sinh ra Nguyễn Phúc Đảm.

Dựng đầu phong hóa sửa đến nước nhà.
 Lòng nhân yêu rộng mà tiếng tốt bay xa;
 Đức mẹ khí hòa mà phúc lành thọ mãi.
 Ba triều tập khánh;
 Bốn đại đồng đường.
 Đức dày ban khắp cõi bờ;
 Công lớn sánh ngang trời đất.
 Xét gốc chứa điềm lành phúc tốt, cảm mộ đâu cùng;
 Ngửa trông vời nhân tốt hiếu to, báo đền sao xứng.
 Xét xem điển cổ;
 Hợp với lễ chung.

Bèn xin mệnh ở các miếu, thân dẫn Phủ Tôn Nhân, các quan văn võ, đem sách vàng bửu vàng, dâng tôn thụ là Thuận Thiên Hưng Thánh Quang Dụ Hóa Cơ Nhân Tuyên Từ Khánh Đức Trạch Nguyên Công Cao Hoàng Hậu. Cúi nghĩ:

Sáng tỏ hiệu to;
 Nêu cao đức tốt.
 Sánh trời cao sáng, cùng lâu dài đến chỗ vô cương;
 Hưởng tế thơm lành, mong giúp đỡ đời sau vĩnh viễn.

Rồi vua Thiệu Trị “*kính chọn ngày tốt, các miếu, lấy ngày mùng 2 tháng 12 mùa đông năm nay, kính đến nơi bàn thờ dự cáo kỳ phát dân; ngày mùng 6 làm lễ Khai điện, ngày mùng 7 rước linh giá tiến phát; ngày mùng 9, phụng an táng ở lăng Thiên Thụ Hữu, theo dùng 9 lễ tế ngu, ngày 23 làm lễ Tốt khốc*”.⁽¹⁾ Lăng Thiên Thụ Hữu ở núi Thuận Đạo, gần lăng Thiên Thụ của vua Gia Long, là do vua Minh Mạng cho xây dựng sẵn, “*Thánh Tổ Nhân Hoàng đế đã sai đại thần văn võ cùng đi với Thái sử đến bên hữu lăng Thiên Thụ chọn sẵn đất lành muôn năm, gọi núi ấy là núi Thuận Sơn. Phàm huyện cung, bảo thành, lăng tẩm, nhà cửa cần được sửa sang, đã có phép trước cả. Đến đây, vua sai Đô Thống phủ Đô thống Tả quân là Ninh Lạc tử Nguyễn Tiến Lâm, Thống chế dinh Thân Cơ là Kiều Dững tướng Dương Thai, quyền Thống chế dinh Kỳ Võ là Nguyễn Doãn, quyền Hữu Tham tri Bộ Binh là Hoàng Tế Mỹ sung làm đồng lý đại thần, 8 quân vệ, 50 suất đội, 2.500 biên binh và thuộc viên các nha môn ở bộ, viện phụ để tuyền sai phái. Công việc làm xong, dâng tôn hiệu: lăng gọi là lăng Thiên Thụ Hữu, điện gọi là điện Gia Thành, cửa gọi là cửa Minh Ý. Thương cho từ đồng lý đến quan quân, lại dịch, lính thợ; gia cấp Kỷ lục, lương bổng và tiền có thứ bậc*”.⁽²⁾ Thần chủ đặt ở cung Từ Thọ, đến năm Mậu Thân (1848), tháng Mười Một, vua Tự Đức rước thần chủ vào phối thờ với thần chủ Cao Hoàng đế ở án chính giữa Thế Miếu, phía tây

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Sáu, tr. 931.

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Sáu, tr. 920.

(bên cạnh thần chủ Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu), và ở án giữa điện Phụng Tiên, cũng ở phía tây. Lễ rước thần chủ vào miếu hay điện gọi là Thăng phụ (Đế và Hậu) hay Thăng phối (Hậu). Bà có ba con trai là Nguyễn Phúc Đảm, Kiến An vương Nguyễn Phúc Đài (1795-1849), Thiệu Hóa quận vương Nguyễn Phúc Chẩn (1803-1824).

3. Bà Hồ Thị Hoa (1791-1807)

Hồ Thị Hoa người thôn Linh Chiêu Tây, huyện Bình An, trấn Biên Hòa,⁽¹⁾ con ông Phúc quốc công Hồ Văn Bôi,⁽²⁾ mẹ họ Hoàng. Bà sinh ngày mùng 5 tháng Mười Một năm Tân Hợi (30/11/1791). Năm Bính Dần (1806), vua Gia Long và Tổng Hoàng hậu cho tuyển vào hầu hoàng tử Đảm ở tiềm đề. Bà là người hiền thực, hiếu kính, vua Gia Long ban cho tên mới, bảo: “*Chữ “華 Hoa” chỉ lấy bốn chữ “hương thơm đưa lên” làm nghĩa, sao bằng chữ “實 Thập” gồm có cả quả phúc*”.⁽³⁾

Năm Đinh Mão, Gia Long 6 (1807), bà sinh hoàng tử Nguyễn Phúc Dung (sau đổi Miên Tông, tức vua Thiệu Trị) tại tư dinh của ông bà Phúc Quốc công ở phường Du Ninh, nên về sau, vua Thiệu Trị cho xây chùa Diệu Đế tại đó để kỷ niệm.⁽⁴⁾ Mười ba ngày sau khi sinh con, vào ngày 23 tháng Năm năm Đinh Mão (28/6/1807), bà mất; táng tại sơn phận làng Cư Chánh, huyện Hương Thủy, phủ Thừa Thiên (nay thuộc xã Thủy Bằng, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế). Tháng Sáu năm Tân Tỵ (1821), vua Minh Mạng sách tặng Chiêu nghi, thụy Thuận Đức, hợp tể vào nhà thờ Gia phi họ Phạm.⁽⁵⁾ Năm Bính Thân (1836), vua sai Tiền quân Đô thống phủ chương

(1) Theo Hoàng triều Ngọc điệp đệ nhị, tờ 29b. Thôn Linh Chiêu nay thuộc quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

(2) Hồ Văn Bôi người huyện Bình An, trấn Biên Hòa, lúc đầu theo Nguyễn Phúc Ánh, làm Túc Trực đội trưởng, hai lần theo đi Vọng Các. Năm Đinh Mùi (1878), về Gia Định, có quân công, được thăng Thuộc Nội cai đội, thường đem quân Túc Trực Trung Ngũ theo Nguyễn vương ra trận; năm Nhâm Tuất (1802), được thăng Vệ úy vệ Tả Nhất quân Thị Trung, rồi thăng tiếp Khâm sai Thuộc Nội chương cơ. Năm Quý Hợi (1803), ông theo vua tuần miền Bắc, được ban áo mũ, khi trở về, vì già cả, xin hưu trí, rồi mất. Sau, vua Minh Mạng tặng Nghiêm Uy tướng quân, Thượng hộ quân thống chế (1826), vua Thiệu Trị gia tặng Đặc tiến Tráng Vũ tướng quân, Tả quân Đô thống phủ Đô thống chương phủ sự, Thái bảo, thụy Trung Dũng, phong Phúc Quốc công, vợ là Hoàng thị được phong Phúc Quốc nhất phẩm phu nhân (1841), dựng đền thờ ở ấp Vạn Xuân; lại truy phong bốn đời trên, lập Hồ Tộc từ, vua Tự Đức đổi tên Dụ Trạch từ (1852).

(3) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd, Tập Ba, tr. 15. Những chữ này, sách *Liệt truyện* cũng như *Thực lục* viết theo lối mô tả, vì là những chữ húy, “Hoa” là một chữ gồm trên theo chữ 〇 [không có chữ phù hợp], dưới theo chữ “thập”, nghĩa là mùi thơm bốc lên; “Thập” [hay “Thực”] là một chữ gồm trên theo bộ “miên”, dưới là chữ “quán”, nghĩa là quả, trái; thời Minh Mạng, chữ “Hoa” phải húy “kính khuyết nhất bút”, bỏ nét sổ giữa, còn chữ “thập” hay “thực” thì đổi viết 寔 và đọc “thiệt”.

(4) Chùa Diệu Đế nằm bên đường Bạch Đằng, phía đông sông Hộ Thành, thuộc phường Phú Cát, thành phố Huế.

(5) Gia Phi từ, lúc đầu có tên là Hồ Phạm nhị tần từ, được dựng ở phía đông sông Hộ Thành vào đầu đời Minh Mạng để hợp thờ bà Hồ Thị Hoa và Gia phi Phạm Thị Tuyết (thân mẫu của Thọ Xuân Vương). Qua năm 1839 lại làm nhà thờ riêng cho Gia phi ở bờ tây sông Hộ Thành, đến năm 1849 Thọ Xuân Vương mới dời đến ấp Đông Trì (nay là phường Phú Cát, Huế).

phủ sự Phan Hữu Tâm làm chánh sứ, Lễ Bộ Thượng thư Phan Huy Thực làm phó sứ, cầm cờ tiết, mang sách vàng đến từ đường tuyên phong tấn tặng Thần phi, vẫn thụ Thuận Đức. Tháng Mười năm Mậu Tuất (1838), vua cho đổi dựng nhà thờ tại ấp Vạn Xuân, bờ tây sông hữu Hộ Thành; tháng Sáu năm Kỷ Hợi (1839), làm xong, rước thần chủ về thờ.

Tháng Sáu năm Tân Ty (1821), vua Minh Mạng sách tặng Chiêu nghi, thụ Thuận Đức. Chế văn như sau:

禮乃理之宜然賜謚賁彰古典
恩亦義之所在追褒載侈隆儀
允協穀辰
煥頒芝綍
睠惟選侍胡氏
簪紳令閥
琬琰清標
莊閒雅奉於閨儀勳無違節
令淑夙徵於潛邸綽有遺徽
熊占協吉恩寵方隆
蟻夢乍醒天年遽嗇
緬懷逝者深有惻然特命使臣齎銀冊贈為昭儀諡順德尚其
服此徽章
式欽成命
用慰瓊瑤之懿
永膺葩袞之榮⁽¹⁾

Tạm dịch

Lễ là đúng lẽ tự nhiên, ban thụ sáng noi điển cổ;
Ơn là bày niềm nghĩa khí, nêu khen tỏ rõ phép hay.
Chọn được ngày lành;
Ban cho tờ chế.
Mến nghĩ nàng họ Hồ được tuyển vào hầu;
Trâm anh dòng dõi;
Ngà ngọc nét na.
Đoan trang gìn giữ chốn khuê nghi, không hề trái đạo;
Hiền hậu đảm đang nơi tiềm ẩn, còn lại tiếng hay.

⁽¹⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam liệt truyện Chính biên. Nhị tập*. Tập 1. Quyển nhất, tờ 1b.

Điềm hùng⁽¹⁾ mới ứng, ơn sủng vừa trao;

Mộng kiến⁽²⁾ chột tàn, tuổi trời đã hết.

Nhớ người đã khuất, thương xót tấm lòng; đặc biệt sai sứ vâng đi, dâng ban sách bạc. Tặng: Chiêu nghi, thụy Thuận Đức. Mong hãy:

Nhận lấy hiệu hay;

Vâng theo mệnh lớn.

Để thỏa dạ hồn thiêng tốt đẹp;

Để hưởng lời khen ngợi vẻ vang.

Năm Bính Thân, Minh Mạng thứ 17 (1836), vua sai Tiền quân Đô thống phủ chương phủ sự Phạm Hữu Tâm làm chánh sứ, Lễ Bộ Thượng thư Phan Huy Thực làm Phó sứ, cầm cờ tiết, bung sách vàng đến từ đường bà Chiêu nghi tuyên phong tấn tặng Thần phi, vãn thụy Thuận Đức. Bài văn sách phong như sau:

聖人因人情而制禮惇庸自有常經

王者隆厚道以推恩褒表式彰異數

穀辰宣協

芝綍孔〇⁽³⁾

睠惟原 贈昭儀胡氏

軒綵名門

瓊瑤秀質

佩閨箴于潛邸珩〇⁽⁴⁾揚徽

- (1) Điềm hùng: mộng thấy gấu là điềm sinh con trai. Thành ngữ “xà hủi hùng bì”, nói về điềm mộng sinh con trai hay con gái. *Thi kinh*, phần *Tiểu nhã*, thiên *Tư can*, có hai đoạn: 6. 下莞上簟/乃安斯寢/乃寢乃興/乃占我夢/吉夢維何/維熊維羆/維虺維蛇/ 7. 大人占之/維熊維羆/男子之祥/維虺維蛇/女子之祥 6. *Hạ quan thượng điệm / Nãi an tư tẩm / Nãi tẩm nãi hưng / Nãi chiêm ngẩ mộng / Cát mộng duy hà / Duy hùng duy bì / Duy hủi duy xà*. - 7. *Thái nhân chiêm chi / Duy hùng duy bì / Nam tử chi tường / Duy hủi duy xà / Nữ tử chi tường* (6. Dưới chiếu trên mền / Ở yên nơi ngủ / Lại ngủ lại thức / Đoán thử chiêm bao / Mộng tốt thế nào / Mộng thấy gấu sao? / Mộng thấy rắn sao? 7. Thầy bói đoán rằng / Mộng thấy loài gấu / Là điềm sinh trai / Mộng thấy loài rắn / Là điềm sinh gái).
- (2) Mộng kiến: “nghĩ mộng”, chiêm bao thấy kiến, cũng gọi là “giấc nam kha”, “giấc hòe”. Theo *Dị văn lục*, Thuần Vu Phần đi chơi, nằm ngủ dưới gốc cây hòe, mộng thấy mình bay lên không trung, đến một nước có bảng đề “Đại Hòe An quốc”, được quốc vương kén làm phò mã, cho làm Thái thú quận Nam Kha, giàu sang phú quý, vợ đẹp con khôn, rất sung sướng mấy chục năm. Sau cầm quân đi đánh giặc, bị thua trận, rồi công chúa mất, ông bị vua ngờ ghét, đuổi về. Tỉnh mộng, ông thấy mình nằm dưới bóng cành hòe bỏ về phía nam, có một tổ kiến trên ấy. Ông nghĩ rằng mình nằm mơ thấy mình lạc vào đó (nam kha: cành cây phía nam, nước Hòe An chính là cây hòe).
- (3) Khổng dương: chữ “dương” viết chữ “易 dịch” và bộ “攴 phốc” bên phải, cũng là cách viết khác của chữ “揚 dương”, thường thấy trong văn bản sắc phong, chế phong thời Nguyễn.
- (4) Hành củ: hay đọc “hành vũ”, chữ “củ” viết bộ “玉 ngọc” và chữ “禹 vũ”.

鐘茂蔭于芳枝麟螽衍慶
 久閱金鈿之彩
 尚留彤管之香
 撫年前恩恪有加贈典永孚於苾祀
 肆今日宮階初定榮名庸貴於潛馨
 再舉彝章
 用均渥澤
 茲特晉爾為宸妃仍諡順德尚其
 恪欽寵命
 祇受徽稱
 一字袞葩增賁重泉之爽
 千秋胖蠻長留奕葉之光⁽¹⁾

Tạm dịch

Bậc thánh nương tình người mà đặt lễ, buộc ràng tự có thường kinh;
 Bậc vương theo đạo lớn để ban ơn, khen thưởng tỏ ra đặc biệt.
 Ngày lành đã hợp;
 Tờ chiếu nên ban.
 Mến nghĩ nàng họ Hồ nguyên tặng Chiêu nghi:
 Sang quý tiếng nhà;
 Đẹp trong chất ngọc.
 Giữ đạo thường nơi tiềm ẩn, đức hạnh thơm nêu;
 Rủ bóng mát ở phương chi, lân chung⁽²⁾ phúc tỏ.
 Hoa tai vàng từ lâu đã khuất;
 Ngồi bút đỏ nay vẫn còn thơm.
 Những năm trước ân cách từng ra, điển tặng mãi còn nơi thờ cúng;
 Đến ngày nay cung giai mới định, tên vinh cho thấm chốn âm hồn.
 Lại cử lễ nghi;
 Để ban ơn thắm.

Nay đặc biệt tấn phong nàng làm Thần phi, vẫn tên thụ là Thuận Đức. Nàng hãy:

⁽¹⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam liệt truyện Chính biên*. Nhị tập. Quyển nhất, tờ 2a-b.
⁽²⁾ Lân chung: tức hai thiên “Lân chi chi” và “Chung tư” trong *Thi kinh*. Thiên “Lân chi chi” nói con cháu, họ hàng của vua hiền hậu thì cũng hiền hậu, như con lân hiền hậu thì ngón chân của nó cũng hiền hậu, không bao giờ đạp lên các loài sinh vật. Thiên “Chung tư” nói bà Hậu Phi sinh nhiều con để nối dõi như loài châu chấu.

Kính tuân mệnh lớn;

Nhận lấy tên hay.

Một chữ sáng tươi, thêm đẹp hồn thiêng chín suối;

Nghìn thu thờ cúng, càng dài hương khói muôn đời.

Tháng Mười năm Mậu Tuất (1838), vua cho đổi dựng nhà thờ tại ấp Vạn Xuân, bờ tây sông hữu Hộ Thành; tháng Sáu năm Kỷ Hợi (1839), làm xong, rước thần chủ về thờ. Năm Tân Sửu (1841), vua Thiệu Trị lên ngôi. Tháng Ba nhuận, đình thần dâng biểu xin truy tôn huy hiệu cho phi. Vua vào cung Từ Thọ thỉnh ý chỉ của Nhân Tuyên Từ Khánh Hoàng Thái hậu. Bà ban dụ nói: “順德宸妃胡氏欽奉世祖高皇帝與老躬慎選功臣胡文孟之長女充作聖祖仁皇帝配思齊淑慎端謹賢貞素為仁皇帝所禮愛焉又能善事世祖高皇帝及老躬克盡孝道故特賜之以嘉名茲積德鍾祥篤生元孫承此大統其慶源固有自也嗟夫妃之薨於壽不及見有今日豈不悲哉仁皇帝情懷元配恩禮加厚諡之以順德封之以宸妃御治二十一年而宮中猶虛位以待非無意也茲僉辭奏上帝后同尊禮之正而理之宜允合老祖母之心又可以慰仁皇帝不忘故劍之情者矣準元孫皇帝傳諭諸臣知道”⁽¹⁾ (Thuận Đức Thần phi họ Hồ con gái trưởng của công thần Hồ Văn Bôi là do Thế Tổ Cao Hoàng đế với thân già này đã tuyển chọn cẩn thận để làm vợ của Thánh Tổ Nhân Hoàng đế. Chín chắn dịu hiền cẩn thận, đoan trang kính cẩn hiền lành. Vốn được Nhân Hoàng đế kính yêu; lại khéo phụng sự hầu hạ Thế Tổ Cao Hoàng đế và thân già này hết lòng hiếu thảo, cho nên mới được đặc biệt ban cho danh tốt như vậy. Nay: Chứa nhiều đức tốt, tạo nên điềm lành, sinh ra cháu trưởng kế thừa nghiệp lớn, phải biết là nguồn phúc từ đâu mà có vậy. Than ôi! Tiếc là phi mất sớm, không kịp được thấy ngày nay, há chẳng buồn sao? Nhân Hoàng đế nhớ người vợ cả, ân lễ thêm hậu. Ban cho tên thụy Thuận Đức, phong cho được làm Thần phi. Trị vì hai mươi một năm, mà ngôi chính phi ở trong cung vẫn còn để trống đợi chờ không phải là không có ý vậy. Nay quần thần đều tâu lên để hậu cùng được tôn xưng thì mới đúng với lễ mà hợp với lý; thỏa với lòng của lão tổ mẫu, lại có thể an ủi chút tình của Nhân Hoàng đế không quên grooms cũ của mình vậy. Chuẩn cho Hoàng đế cháu trưởng truyền dụ cho các quan biết rõ). Vua sai các quan họp bàn đặt thụy hiệu, sao cho Đế và Hậu đều ngang nhau theo ý của Hoàng Thái hậu, rồi ngày 16 tháng Tư (05/6/1841), làm lễ dâng kim sách kim bảo truy tôn là Tá Thiên Lệ Thánh Đoan Chính Cung Hòa Đốc Khánh Từ Huy Minh Hiền Thuận Đức Nhân Hoàng Hậu. Bài văn sách như sau:

資生參乎資始而天道成

合親推以合尊而人道備

故

資父以事母

本地以配天

廟制之義同

⁽¹⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Chính biên. Đệ tam kỷ. Quyển Lục, tờ 1b - 2a.

孝子之心一也
 欽惟皇妣順德宸妃陛下
 含章應地
 履順承天
 勳臣之後宣協福徽
 惟德之行早孚篤眷
 奉聖祖皇考仁皇帝在潛邸辰皇祖有命聞定厥祥京室來嬪茂其始化
 默贊維新之景命
 先符利見之德元
 其蘊於心也端以一志正以守恒
 其發於外也恭而有儀和而理義
 肇慶源于光大厥後克昌
 裕慈蔭于含弘與仁同體
 徽音克嗣聖慈素諒其孝心
 壺教久虛皇考追尊其懿行
 上天孚鑒
 景貺允膺
 嗣廟鼎新發明馨于於穆
 妃階晉贈表賢譽于永貞
 積九而徵合坤之至順
 流行不息配乾之無疆
 厚德流光名必歸
 聖志先定終而顯
 臣
 承事尊廟
 永懷始生
 禮有追崇
 念存表顯
 以恩則尊親兼至
 以義則中外一辭

迺先奏達慈壽宮欽奉聖祖母仁宣慈慶太皇太后俞旨謹用涓吉請命列廟几筵親率尊仁府文武臣工恭奉金冊金寶上尊諡曰佐天儷聖端正恭和篤慶慈徽明賢順德仁皇后伏惟

光正鴻稱

丕端懿範

彰徽有廟齊伸右饗于億年
長發其祥協錫繁禧于萬世⁽¹⁾

Tạm dịch

Tư sinh ứng cùng tư thủy, đạo trời mới nên;

Hợp thân do ở hợp tôn, đạo người mới đủ.

Cho nên:

Nương cha để thờ mẹ;

Dựa đất để sánh trời.

Cái nghĩa của miếu chế giống nhau;

Tấm lòng của hiếu tử như một.

Kính nghĩ Hoàng tử Thuận Đức Thần phi bệ hạ:

Ngậm sáng mà sánh đất;

Sửa thuận mà vâng trời.

Huân thần nối dõi, hòa hiệp phúc lành;

Đạo đức giữ nền, sớm nhờ yêu mến.

Lúc Hoàng khảo Thánh Tổ Nhân Hoàng đế ta còn ở tiềm ẩn, Hoàng tổ ta đã có lệnh chỉ sai nộ sinh lễ, đón dâu về cung, phong hóa buổi đầu tốt đẹp:

Ngâm giúp buổi đầu vận hội;

Trước vậy đức cả bao dung.

Chứa trong lòng thì bền để giữ chí; thẳng để theo thường;

Phát ngoài mặt thì kính mà có nề, hòa mà hợp nghĩa.

Gây nguồn phúc sáng ngời to lớn, lưu tốt về sau;

Rủ bóng im rộng rãi sâu xa, tỏ nhân cùng thể.

Tiếng hay nói trước, Thánh từ khen hiếu thảo xiết bao;

Ngôi chính để không, Hoàng khảo ngợi nét na sẵn có.

Trời cao soi xét;

Phúc lớn ban cho.

Tự miếu mới tinh, hương khói tỏa dâng ngào ngạt;

Phi giai yêu tặng, tiếng hiền khen ngợi bấy chầy.

Báo chứa càng tỏ bày, hợp với khôn rất thuận;

Chuyển vận mà không nghĩ, sánh với càn thì không cùng.

⁽¹⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục Chính biên*. Đệ tam kỷ. Quyền Thất, tờ 19b - 21b; *Đại Nam liệt truyện Chính biên*. Nhị tập. Quyền Nhất, tờ 7a-9a.

Đức dày sáng tỏa, danh ắt về;
 Ý thánh định rồi, vinh ắt được.
 Bề tôi:
 Nổi coi tôn miếu;
 Mãi nhớ thân sinh.
 Lễ có truy sùng;
 Nghĩa còn biểu hiện.
 Về ân thì kính tôn gồm cả;
 Về nghĩa thì trong ngoài giống nhau.

Bèn trước hết tâu lên cung Từ Thọ, kính vâng dụ chỉ của Thánh tổ mẫu Nhân Tuyên Từ Khánh Thái hoàng Thái hậu, kính xem ngày tốt, cáo yết bàn thờ các miếu xin mệnh, thân dẫn Tôn Nhân Phủ và văn võ thần công, kính bưng sách vàng ấn vàng, dâng tôn thụy là Tá Thiên Lệ Thánh Đoan Chính Cung Hòa Đốc Khánh Từ Huy Minh Hiền Thuận Đức Nhân Hoàng Hậu.

Cúi nghĩ:
 Hiệu lớn rõ ràng;
 Phép hay chính đáng.
 Sáng thay miếu mới, tế thờ hâm hưởng ức năm;
 Phát mãi điềm lành, được phúc dồi dào muôn thừa.

Hôm sau, đề thần chủ đề thờ và xuống chiếu bố cáo cho trong kinh, ngoài các tỉnh đều rõ. Rồi, đặt tên mộ táng là lăng Hiếu Đông, hiệp tế ở điện Sùng Ân. Tháng Năm, truy tặng các đời họ Hồ và cho âm thụ thân nhân 4 người để coi giữ các đền thờ. Ngày 20 tháng Tám năm Tân Sửu (04/10/1841), rước thần chủ vào phối tự ở điện Hiếu Tư, dỡ bỏ từ đường cũ. Ngày mùng 9 tháng Giêng năm Quý Mão (7/2/1843), rước thần chủ vào thờ chung ở gian tả nhất Thế Miếu, rước thánh vị vào thờ chung ở gian tả nhất điện Phụng Tiên; rước thánh vị thờ chung ở điện Hiếu Tư. Năm Nhâm Tý (1852), vua Tự Đức cho đổi Hồ Tộc từ làm Dụ Trạch từ, hàng năm chi cấp tiền công để sung việc thờ cúng.

4. Bà Phạm Thị Hằng (1810-1901)

Vua Thiệu Trị có 29 hoàng tử và 35 hoàng nữ. Trong nhiều cung tần, thì bà Phạm Thị Hằng, thân mẫu vua Tự Đức, là người phụ nữ đặc biệt nổi tiếng về kiến thức lẫn tư cách. Bà người gốc ấp Tân Niên Đông, giống Tân Quy, huyện Tân Hòa, hạt Gia Định (Gò Công, nay thuộc tỉnh Tiền Giang),⁽¹⁾ con của Đức Quốc công Phạm

⁽¹⁾ Theo gia phả và bài văn bia mộ Đức Quốc công do Phan Thanh Giản và Trương Quốc Dụng viết, thì dòng dõi họ Phạm từ Bắc vào, chuyển địa bàn cư trú nhiều nơi. Ông tổ hứ Đàng Khoa, học rộng, nổi tiếng văn chương; trong khoảng niên hiệu Chính Hòa đời Lê, giận họ Trịnh lấn quyền, không chịu ra làm quan, rồi đem cả họ theo trấn thủ Nguyễn Hoàng vào

Đặng Hưng,⁽¹⁾ sinh ngày 19 tháng Năm năm Canh Ngọ (20/6/1810)⁽²⁾ tại Kinh đô Phú Xuân, “小好讀書通經史大義有賢德至行年十二其母夫人病好獨卧凡家人不得親近服侍后日夜奉侍膳藥不離左右迨夫人薨晝夜號哭不絕執喪哀毀若成人遠近聞之咸嘖嘖稱異年十四順天高皇后聞其賢召選入宮命進侍憲祖潛邸后思齊表德坤順持躬為帝所鍾愛辰荆門郡公阮文仁之女令妃亦同辰召進令妃以父爵故位次居先一日聖祖仁皇帝賜金花紗平領衣各一至拜辭辰奉順天高皇后賜金衣釵各一其一鏤鳳其一鏤花仍各用紙密封祝曰如誰取得鳳釵者則先有子命女官遞頒令各取其一勿開仍將原封進后讓令妃先取及至遞進開封則令妃得花釵后得鳳釵年十五生延福長公主隔歲又生次長公主自是寵命日加位轉居右后於令妃特深友愛”⁽³⁾ (Lúc nhỏ thích đọc sách, thông nghĩa lớn kinh sử, là người hiền đức. Đến đúng vào năm 12 tuổi, phu nhân là mẹ của Hậu bị bệnh, chỉ thích nằm một mình, mọi người trong nhà không ai được gần gũi hầu hạ, Hậu ngày đêm hầu hạ chăm lo việc ăn uống thuốc thang, không rời bên cạnh. Đến khi phu nhân mất, ngày đêm kêu khóc mãi không thôi, chịu tang thương xót giống như đã thành người lớn, xa gần nghe thấy đều nức nở khen là lạ. Đến năm 14 tuổi, Thuận Thiên Cao Hoàng hậu nghe tiếng hiền lành cho gọi tuyển vào cung sai hầu Hiến Tổ lúc còn tiềm ẩn. Hậu nghĩ suy chín chắn, đức tốt sáng ngời, thuận thực cung kính được vua rất yêu quý. Bấy giờ, con gái của Kinh Môn quận công Nguyễn Văn Nhân tức là Lệnh phi cũng cùng lúc được gọi vào cung. Lệnh phi vì tước của cha, nên vị thứ ở trên. Một hôm, Thánh Tổ Nhân Hoàng đế ban cho mỗi người một chiếc áo sa có hoa vàng, cỏ bằng. Đến lúc bái chào từ biệt, được Thuận Thiên Cao Hoàng hậu ban cho mỗi người một chiếc áo bằng vàng, một cái có chạm hình con phượng, một cái có chạm hình cái hoa nhưng đều dùng giấy phong kín lại và khấn rằng: “Nếu ai lấy được cái cúc có con

Nam, trước ngụ ở Ái Tử, sau đến Phú Xuân. Đời thứ hai húy Đặng Tiên, do có văn học, được bổ Huấn đạo phủ Tư Nghĩa, nên dời nhà vào Mỹ Khê, huyện Bình Sơn (nay ở tỉnh Quảng Ngãi). Đời thứ ba húy Đặng Dinh (Doanh), thông thạo cả nho y, tự lấy hiệu là Huyền Thông đạo nhân, vì yêu mến cảnh núi sông Gia Định, nên làm nhà ở thôn Tân Niên Đông, huyện Tân Hòa. Đời thứ tư húy Đặng Long, nổi tiếng về học thức lẫn đức hạnh, ẩn cư dạy học, kẻ sĩ trong vùng tôn gọi là Kiến Hòa tiên sinh. Phạm Đặng Hưng là con ông Long.

(1) Phạm Đặng Hưng, tự Khiết [Hiệt] Củ, gia phả ghi sinh ngày 24 tháng Ba năm Ất Dậu (15/5/1765), văn bia thì ghi sau 10 ngày. Lúc bé ông học ở nhà, lớn lên được thầy giỏi Nguyễn Bảo Trí (? -1800) truyền dạy rộng, nên hiểu biết nhiều. Khi Nguyễn Phúc Ánh làm chủ đất Gia Định, mở hai khoa thi, ông bèn dự thi khoa Bính Thìn (1796), trúng cách ba trường, làm lễ sinh ở phủ, rồi bổ vào Viện Cống Sĩ (chức năng như Viện Hàn Lâm), được ít lâu, đổi làm Tham luận vệ Phấn Võ; tất cả phép tắc, luật lệ trong quân, ông đều biên chép không sót điều nào. Từ đó ông theo Nguyễn vương đi chinh chiến cho đến lúc lấy lại Phú Xuân, dẹp yên đất Bắc, rồi lần lượt đảm nhiệm các chức vụ quan trọng, lập nhiều công trạng cho đến lúc mất, văn bia ghi ngày 14 tháng Sáu năm Ất Dậu (29/7/1825), gia phả chép ngày mùng 4 tháng Sáu năm Ất Dậu (19/7/1825), hưởng thọ 61 tuổi. Đang khi ông nằm trên giường bệnh, vua sai quan thái y đến lo thuốc thang chăm sóc; ngày ông mất, vua rất thương xót, ban nhiều gấm lụa, tặng Vinh Lộc Đại phu, Trụ quốc, Hiệp biện Đại học sĩ, cho thụy Trung Nhã, sai quan lo việc tang, đưa về chôn tại làng cũ Tân Niên Đông. Năm 1849, vua Tự Đức truy tặng Đặc tiến Vinh Lộc Đại phu, Thái bảo, Cần Chính Điện Đại học sĩ, tước Đức Quốc công, văn thụy Trung Nhã.

(2) Sách *Đại Nam liệt truyện* ghi ngày mùng 9 tháng Năm năm Canh Ngọ (10/6/1810).

(3) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam liệt truyện*. Nhị tập. Quyển Nhị, tờ 1a - 2a.

phượng thì có con trước”, rồi sai nữ quan đem ban cho, bảo mỗi người lấy một cái, nhưng đừng mở ra, cứ để nguyên phong dăng lên. Hậu nhường Lệnh phi lấy trước. Đến khi dăng lên mở ra, thì Lệnh phi được cái cúc có chạm bông hoa, hậu được cái cúc có chạm hình con phượng. Năm 15 tuổi, sinh trưởng công chúa Diên Phúc, cách một năm lại sinh thứ trưởng công chúa. Từ đây, ngày càng được yêu quý thêm, địa vị thành ra ở trên. Hậu đối với Lệnh phi riêng có lòng yêu quý và hòa thuận với nhau lắm).

Một đêm bà nằm mơ thấy: “一神人冠衣博帶白首蟠眉捧將黃紙朱書璽迹一幅並明珠一串各授之曰觀此即為後驗聖曾祖母皆久之既而誕生翼宗英皇帝其徵應不凡如此嗣奉憲祖章皇帝光臨寶位節次晉封至一階位正六宮之首帝常以妃稱而不名又奉常諭云妃性行端謹撫育眾子皆如己出有德必有福子孫必蒙其澤矣”⁽¹⁾ (Một vị thần mũ cao, áo rộng, đai to, tóc bạc, mi trắng cầm đưa một tờ giấy vàng viết chữ son có đóng dấu và một chuỗi minh châu, trao hết cho và bảo: Xem đây để nghiệm về sau. Thánh tăng tổ mẫu cất đi rồi ít lâu thì sinh Dục Tông Anh Hoàng đế; cái điềm ứng không tầm thường như thế. Từ khi Hiến Tổ Chương Hoàng đế lên nối ngôi, nhiều lần tấn phong đến bậc nhất, đứng đầu trong sáu cung. Vua thường gọi là phi chứ không kêu tên, lại thường bảo rằng phi tính nét đoan trang, cẩn thận, nuôi nấng các con như chính mình sinh ra. Có đức thì có phúc, con cháu tất được hưởng ơn vậy).

Vua Thiệu Trị lên ngôi, năm đầu, Tân Sửu (1841), phong bà làm Cung tần. Năm sau, vua ngự giá Bắc tuần làm lễ bang giao (thụ phong với nhà Thanh), bà được theo hầu, giữ các ấn báu, vật tin. Thường ngày trong cung, bà coi giữ sáu chức thượng (Thượng cung, Thượng nghi, Thượng phục, Thượng thực, Thượng tẩm, Thượng công), nhiều khi thức suốt đêm để hầu vua đọc sách, nếu được ban ơn không tranh cạnh với người, ai phạm lỗi thì tự nhận thay. Năm Quý Mão (1843), tháng Tư, vua sách phong làm Thành phi, sách văn như sau:

朕惟

易繫家人久表閑貞之吉

禮詳內則式彰敘秩之常

谷旦載蠲

芝綸誕播

睽惟宮嬪范氏

儀文令閥

琬琰芳姿

齋莊輦輶之儀潛邸夙孚淑問

繁茂螽麟之慶香閨悠穆和風

端嫺遠媲徽音

勤恪彌教雅行

迨朕丕端遑範懋章基化之儀型

⁽¹⁾ Hoàng triều Ngọc điệp đệ nhị, tờ 49a.

肆今申定宮階盖賁序賢之章袞
載稽古典
用侈殊褒
茲特晉封爾為誠妃其
光受嘉稱
虔供內政
恪循規範思服訓以弗違
長荷寵光尚承休于無斁⁽¹⁾

Tạm dịch

Trẫm nghĩ:

Kinh Dịch có quẻ Gia nhân,⁽²⁾ nêu nét tốt u nhân trình tĩnh;

Kinh Lễ có thiên Nội tắc,⁽³⁾ tỏ phép thường thứ bậc di luân.

Chọn được ngày lành;

Ban cho mệnh lớn.

Mến nghĩ Cung tần họ Phạm:

Nếp nhà quyền quý;

Tính nét trắng trong.

Nhẹ nhàng sửa túi nâng khăn, nơi tiềm ẩn sớm hôm chăm sóc;

Đông đúc ấp con ôm cháu,⁽⁴⁾ chốn hương khuê mưa gió thuận hòa.

Đoan trang đã nổi tiếng hay;

Cẩn thận thêm dày nét tốt.

Kịp khi trẫm mới lên bảo vị, phải mở nền phong hóa thật cao xa;

(1) Quốc Sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam liệt truyện*. Chính biên. Nhị tập. Quyển 2, tờ 3b-4a.

(2) Gia nhân: quẻ thứ 37 trong *Kinh Dịch* nói về vai trò của người phụ nữ trong gia đình, xem chú thích ở phần sách văn bà Tống Thị Lan.

(3) Nội tắc: thiên thứ 12 trong *Kinh Lễ*, nói về công việc, bổn phận của con trai con gái trong nhà; con gái thì khi xuất giá còn có bổn phận đối với gia đình nhà chồng, cha mẹ chồng.

(4) Đông đúc ấp con ôm cháu: dịch thoát cụm từ “chung lân”, kết hợp hai điển tích “chung tư” và “lân chi”. 1. “Chung tư” là một thiên trong *Thi kinh* (phần *Quốc phong, Chu Nam*), ca ngợi người phụ nữ cao quý, sinh nhiều con cái như loài cào cào, châu chấu để nối dõi tông đường (người xưa quan niệm sinh nhiều con là gia đình hạnh phúc, như bức tranh “tam đa” phúc, lộc, thọ: nhiều con, nhiều cửa, nhiều tuổi): 螽斯羽詵詵兮/宜爾子孫振振兮/螽斯羽薨薨兮/宜爾死孫繩繩兮/螽斯羽輯輯兮/宜爾子孫螯螯兮 *Chung tư vũ sần sần hề / Nghi nhĩ tử tôn chân chân hề / Chung tư vũ hoăng hoăng hề / Nghi nhĩ tử tôn thẳng thẳng hề / Chung tư vũ tập tập hề / Nghi nhĩ tử tôn trập trập hề* (Cào cào bay chụm lại chừ / Con cháu nó ắt đông ghê chừ / Cào cào bay thành bầy chừ / Con cháu nó ắt nổi dài mãi chừ / Cào cào bay nhóm lại chừ / Con cháu nó ắt bộn bề chừ). 2. “Lân chi” cũng là một thiên trong *Thi kinh*, phần *Quốc phong, Chu Nam* (thiên *Lân chi chi*), gồm ba chương nội dung nói con lân tính nhân hậu, nên ngón chân nó cũng nhân hậu, không đạp lên bất cứ sinh vật gì, cũng như Văn vương và Hậu phi vậy. Xem chú thích đã có.

Đến lúc này lại định cung giai, nên nêu thưởng hiền tài cho rạng rỡ.

Xét xem điền cũ;

Khen ngợi phong thêm.

Nay đặc biệt tấn phong nàng làm Thành phi. Phi hãy:

Nhận lấy tên hay;

Gắng làm việc nội.

Tuân theo khuôn phép, nhớ theo lời dạy chớ sai;

Chịu mãi ơn vinh, đội mãi phúc lành không dứt.

Tháng Giêng năm Bính Ngọ (1846) lại tấn phong Quý phi. Vua sai hai đại thần Vũ Xuân Cẩn và Tạ Quang Cự bung sách văn đến cung Khôn Nguyên tuyên phong. Sách văn rằng:

朕惟

王化本原所自治國在齊家

朝廷恩格之施由內以及外

穀辰宣協

芝綽孔〇⁽¹⁾

睠惟誠妃范氏

儀禮名家

齋莊懿行

璜〇⁽²⁾肅雍雅範賢淑居九御之先

螽麟洋溢和音風化贊二南之始

歡奉懋敦壺則

怡愉上慰慈寧

正今四〇⁽³⁾開祥積羨仰弘于晉福

嘉乃六宮表德榮褒洵稱于袞章

彝典載稽

嘉名誕錫

茲特晉封爾為貴妃妃其

祇承恩命

益凜閨儀

(1) Chữ “dương” (đưa lên, mở ra) gồm chữ “易 dịch” và bộ “攴 phộc” bên phải; thật ra đây là cách viết khác của chữ “揚 dương”.

(2) Chữ “vũ” (một loại đá quý dùng làm đồ trang sức) gồm bộ “玉 ngọc” và chữ “禹 vũ”.

(3) Chữ “dật” (10 năm là 1 dật) gồm bộ “衣 y” và chữ “失 thất” ở giữa.

服訓惟虔丕式柔嘉之化
承休無斁承申寵命之光⁽¹⁾

Tạm dịch

Trẫm nghĩ:

Vương hóa gây từ căn bản, làm việc nước tại sửa việc nhà;
Triều đình ban xuống ân vinh, trước người thân sau ra người khác.

Ngày lành đã hợp;

Tờ sắc nên ban.

Mến nghĩ Thành phi họ Phạm:

Nghi lễ tiếng nhà;

Đoan trang nét tốt.

Đẹp đẽ áo khăn khuôn phép, cung giai chín bậc đứng đầu;

Sum vầy con cái thuận hòa, phong hóa hai Nam⁽²⁾ gây mối.

Vui vẻ phụng thờ hiếu đạo;

Dịu dàng an ủi từ ninh.⁽³⁾

Nay nhân bốn dật⁽⁴⁾ lễ bầy, sung sướng hưởng nhiều phúc lớn;

Nên chọn sáu cung đức tốt, vẻ vang xứng với giấy khen.

Đã xét điển thường;

Nên ban tên đẹp.

Nay đặc biệt tấn phong nàng làm Quý phi. Phi hãy:

Kính vâng ân mệnh;

Gắng giữ khuê nghi.

Lời dạy chớ quên, giữ lấy đức hiền hòa thuận thảo;

Phúc lành không dứt, vâng nhờ ơn yêu mến ban khen.

Năm Đinh Mùi (1847), tháng Tám, vua Thiệu Trị bắt đầu lâm bệnh, qua tháng Chín, bệnh trở nặng, bèn dặn dò: “後事皆奉囑托復面諭諸臣云貴妃係朕元配福德賢明佐朕內治七年于茲朕意欲册立為皇后正位宮中惜乎事未及耳”⁽⁵⁾ (Mọi việc

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam liệt truyện Chính biên*. Nhị tập. Quyển nhị, tờ 4a-b.

(2) Hai Nam: Chu Nam và Thiệu Nam, hai nước chư hầu đều là dòng dõi vua nhà Chu. Phần *Quốc phong* trong *Thi kinh* bắt đầu là ca dao của hai nước này.

(3) Từ ninh: chỉ mẹ hay bà nội của vua.

(4) Bốn dật: bốn chục tuổi (mỗi dật là 10 tuổi). Năm Bính Ngọ (1846) là năm tứ tuần đại khánh của vua Thiệu Trị, nên triều đình tổ chức lễ mừng rất lớn, nhân đó, vua ban chiếu gia ân cho thần dân khắp trong ngoài.

(5) *Đại Nam liệt truyện*. Nhị tập. Quyển Nhị, tờ 6a.

về sau đều dặn dò ủy thác cho Hậu. Lại diện dụ các quan rằng: Quý phi là nguyên phối của trẫm, là người phúc đức hiền minh, giúp ta coi công việc trong cung cấm đã bảy năm. Nay ý trẫm muốn sách lập làm Hoàng hậu chính ngôi trong cung, tiếc vì việc không làm kịp mà thôi).

Sau khi vua băng, tháng Chạp, tân Hoàng đế đem hoàng thân Phủ Tôn Nhơn và các quan văn võ dâng biểu xin cử hành lễ tấn tôn theo lời căn dặn của Đại hành Hoàng đế,⁽¹⁾ bà bảo: “余覽疏文已知皇帝及諸臣誠惻了然念先帝梓宮在殯未及百日悲戀之哀不能自己復念皇帝尚屬冲齡未諳政體見其朝乾夕惕不暇寢食我殊深憐憫且皇帝受天考眷命作民君師先天下之憂而憂後天下之樂而樂凡先帝之所訓皇帝之所承要宜銘刻之於心以思圖繼述惟願諸親藩勳臣同資協恭盡心竭力以匡輔皇帝之天庥民安國泰余其何樂如之此皆皇帝既諸親勳元老當深思之余何必贅說哉至如所請推尊一款不必舉行可也”⁽²⁾ (Ta xem sơ văn, đã biết Hoàng đế và các quan đã có lòng thành rồi. Nhưng nghĩ quan tài của Tiên đế còn quản chưa đến trăm ngày, thật lòng đau buồn luyến tiếc không thể nguôi được. Lại nghĩ hoàng thượng tuổi đang còn trẻ, chưa am hiểu về chính thể, thường thấy buổi sớm chăm lo, buổi tối sợ hãi, không có thời gian rảnh để nghỉ ngơi ăn uống ta rất thương xót. Và lại, Hoàng đế nhận mệnh lớn của trời, làm quân sư cho dân, phải lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau sự vui của thiên hạ. Phàm những lời Tiên đế đã dạy bảo, mà Hoàng đế đã vâng theo, nên ghi vào trong lòng để lo mưu toan kế tục nghiệp lớn. Chỉ mong các thân phiên công thần cùng nhau hết lòng gắng sức giúp đỡ Hoàng đế để được hưởng phúc lâu dài, dân yên nước thịnh thì ta còn gì vui hơn nữa. Đó là những việc mà các bậc công thần nguyên lão nên phải suy nghĩ kỹ, ta chẳng phải nói rườm rà để làm gì. Còn như việc xin suy tôn không nên cử hành là phải). Vì Hoàng đế trẻ tuổi phải vâng theo.

Năm Mậu Thân (1848), tháng Giêng vua Tự Đức cho xây cung Gia Thọ làm nơi ở của Hoàng Thái hậu (cung gọi là Gia Thọ, điện gọi là Thọ Ninh, đài tạ gọi là Trường Du, cửa gọi là Thọ Chỉ); qua tháng Sáu, vua lại cùng các hoàng thân và đình thần kêu xin, bà bảo hãy dời tây cung khánh thành đã. Ngày 15 tháng Tư năm Kỷ Dậu (7/5/1849), cung Gia Thọ khánh thành, vua rước từ giá đến nơi ở mới rồi ngày Canh Thân 23 tháng Tư (15/5/1849), cử hành lễ tấn tôn Hoàng Thái hậu. Sách văn rằng:

臣聞

母道法坤德茂參夫資始

聖人立教禮莫大於尊親

自古帝王紹庥凝命慶善奉慈所以賁嘉釐而颺懿燦也欽惟皇母陛下

景胄流芳

徽音允穆

相皇考始基之化慶洽邦家

⁽¹⁾ Vua mới chết mà chưa chôn thì gọi là Đại hành Hoàng đế, sau khi đã chôn (ninh lăng) mới gọi bằng miếu hiệu hay thụy hiệu.

⁽²⁾ *Hoàng triều Ngọc điệp đệ nhị*, tờ 49b - 50a.

勛藐躬初政之勤利施社稷
德邁塗山之翼夏
望孚莘妣之熙周
迺者
億兆同辭
再三籲請
仰惟慈懿
彌篤謙光
肆今長樂宮成永集天家之慶
稽古歷朝典在亶膺太母之尊
謹用請命廟殿親率臣工奉金冊金寶恭上皇太后尊號伏惟
丕正嘉稱
茂綏繁祉
康彊迪吉億年晉紀僊齡
昌大申祺奕世永熙純嘏⁽¹⁾

Tạm dịch

Thần nghe:

Đạo mẹ theo khôn, đức tốt mới tày tư thủy;

Bậc vua lập giáo, lễ to gì sánh tôn thân.

Từ xưa, đế vương nối ngôi chịu mệnh, dâng mẹ tên hay, là để tỏ rõ phúc lành mà nêu cao phép tốt vậy. Kính nghĩ Hoàng mẫu bệ hạ:

Dòng dõi họ to;

Tiếng tăm đức tốt.

Giúp Hoàng khảo thừa xưa sửa trị, phúc khắp nước nhà;

Dạy trẻ thơ buổi mới siêng chăm, lợi cho xã tắc

Công vượt Đồ Sơn phò Hạ;

Danh ngang Sắn Tự⁽²⁾ dấy Chu.

Gần đây:

Muôn kẻ một lời;

Ba lần xin mãi.

⁽¹⁾ *Đại Nam thực lục Chính biên*. Đệ tứ kỷ. Quyển Tứ, tờ 15a-17a; *Đại Nam Chính biên liệt truyện*. Nhị tập. Quyển nhị, tờ 7b-8b.

⁽²⁾ Bà Thái Tự họ Tự, người ở đất Sắn, là vợ ông Cơ Xương (sau được con truy tôn là Văn vương), sinh ra Cơ Phát, đều làm chức Tây bá nhà Thương (nên gọi là Tây bá Xương, Tây bá Phát). Ông Phát diệt vua Trụ nhà Thương mà lập ra nhà Chu.

Ngửa trông từ ý;

Vẫn giữ khiêm nhường.

Nay cung Trường Lạc làm xong, phúc thiên gia lâu dài tụ hợp;

Xét điển lịch triều để lại, hiệu thái mẫu thực đáng dâng lên.

Kính cẩn xin mệnh ở miếu, điện, thân đem các quan bưng sách vàng, ấn vàng, kính dâng tôn hiệu là Hoàng Thái hậu. Cúi xin:

Nhận lấy tên hay;

Hưởng nhiều phúc tốt.

Khang cường càng khá, ức năm tuổi thọ dồi dào;

Phồn thịnh thêm hay, nổi thế phúc thuần chan chứa.

Mùa đông năm Mậu Ngọ (1858), vua và các quan lại xin dâng tôn hiệu mỹ tự. Thái hậu bảo: “覽奏情辭懇切已洞悉了第念享天下之奉者必憂天下之憂今年穀未盡豐登方民未盡利樂此正當皇帝憂勤惕厲之日予心何忍恣然且予性本儉素不尚浮葩不意今日受此尊榮每常恐懼修省之不暇况增飾虛名以重予不德乎其所請宜罷之惟願諸公群臣靖共爾位贊襄政教使予日見太平之盛何樂如之”⁽¹⁾ (Xem những lời trong bản tấu thật khẩn thiết ta đã rõ hết rồi. Nhưng nghĩ rằng được hưởng sự phụng dưỡng của thiên hạ, nên lo cái lo của thiên hạ. Năm nay, lúa má các nơi chưa được mùa cả, dân các địa phương chưa vui đủ cả. Đúng là lúc Hoàng đế phải chăm lo cố gắng, lòng ta sao nỡ thân nhiên. Và lại tính ta tiết kiệm, vốn không thích phù hoa, không ngờ hôm nay nhận được sự tôn vinh ấy, luôn sợ hãi sửa mình không rồi. Huống chi tăng thêm hư danh, làm nặng nổi bất đức của ta ư? Việc ấy xin nên bỏ đi. Chỉ mong các vị quan lại quần thần giữ đúng chức vụ cùng mưu toan giúp việc chính giáo để ta thấy được buổi thái bình thịnh trị, thì còn gì vui hơn).

Mùa đông năm Mậu Thìn (1868), vua và các hoàng thân, quan lại xin nhân sang năm gặp lễ Lục tuần đại khánh dâng tôn huy hiệu, Thái hậu vẫn khước từ: “據奏情辭已洞悉皇帝與皇親諸臣誠悃矣第念我順天高皇后慈仁厚德慶衍邦家晉號表徽固其宜矣老躬寡薄安敢仰企况今邊境未靖機務尚繁皇帝與臣工正切殷憂惕厲圖後效補前過我亦何心獨樂哉若援例陳請不合辰宜甚乘予意姑且止之為妥其開年慶節儀文宜大加省節與夫賀品亦酌辦土產一二足以表誠勿可過侈用合予意”⁽²⁾ (Cứ theo lời lẽ trong bản tấu, đã rõ hết lòng thành của Hoàng đế, hoàng thân cùng các quan rồi. Nhưng nghĩ rằng Thuận Thiên Cao Hoàng hậu ta nhân từ đức độ, phúc tốt khắp nước nhà, tấn phong huy hiệu cố nhiên là phải. Thân già này đức mỏng, đâu dám ngóng cao được. Huống chi nay biên cương chưa yên, công việc bề bộn; Hoàng đế cùng với các quan phải lo kính sợ gắng sức mưu toan, sau đó học theo những điều hữu ích trước đây, ta còn lòng nào mà vui một mình được. Nếu vin theo lệ cũ mà tâu xin thì không hợp thời, mà rất trái với ý ta. Hãy dừng việc đó lại thì thỏa đáng hơn. Còn về khánh tiết sang năm, lễ nghi phải giảm bớt đi rất nhiều. Cả đến phẩm vật chúc mừng,

⁽¹⁾ Hoàng triều Ngọc điệp đệ nhị, tờ 51a-51b.

⁽²⁾ Hoàng triều Ngọc điệp đệ nhị, tờ 52a - 52b.

cũng nên châm chước mà làm, dâng một hai thứ thổ sản là đủ biểu hiện lòng thành, chớ quá xa xỉ, để hợp ý ta). Vì thế, trong lễ Lục tuần đại khánh ngày 19 (Canh Dần) tháng Năm (Canh Ngọ) năm Kỷ Tỵ (28/6/1869), vua Tự Đức chỉ tổ chức đơn giản. Vua sai Gia Hưng công Hồng Hưu kính đến điện Long An cáo yết, hôm sau rước từ giá đến chiêm bái, lại sai Lễ Bộ Tả Thị lang Phan Đình Bình đến đền Đức Quốc công kính cáo. Đến ngày chính lễ, vua thân suất hoàng thân, văn võ đại thần đến cung Gia Thọ, sai Tuy Lý quận vương bưng kim tiên chúc mừng, Kiến Thụy công Hồng Y bưng mâm rượu, Hoằng Trị quận công Hồng Tổ bưng chén làm lễ thượng thọ.

Năm Quý Mùi (1883), vua Tự Đức băng, trong di chiếu truyền ngôi lại cho Ứng Chân, có đoạn căn dặn tự hoàng: “*Tân tôn Hoàng Thái hậu làm Từ Dụ Thái hoàng Thái hậu, ngõ hầu báo ơn muôn phần được một phần. Tôn Trung phi làm Hoàng Thái hậu, coi việc bên trong, dạy vua nối ngôi. Trẫm chỉ có một mẹ một con, ngày thường nương nhờ nhau, nay không được tổng chung mẹ, là trẫm đại bất hiếu. Mẹ con người nên khéo thờ Thái hoàng Thái hậu, cốt cho vui lòng, ngày càng mạnh khỏe, tiếng tốt trong vey. Gia pháp bản triều rất nghiêm, từ trước không có lệ buông rèm nghe chính sự*”.⁽¹⁾ Nhưng sau đó, trong triều xảy ra sự cố “tứ nguyệt tam vương” (thay đổi bốn tháng ba vua Dục Đức, Kiến Phúc, Hiệp Hòa, do Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường chủ trương), mãi sau khi Ứng Lịch lên ngôi, niên hiệu Hàm Nghi, mới cử hành lễ tấn tôn ngày mùng 3 tháng Ba năm Ất Dậu (17/4/1885). Sách văn như sau:

臣聞

成物惟坤德久符方厚載

繼志謂孝禮莫大於尊崇

蓋至厚配乎至高

而大名歸于大德

慶壽之尊光獻盛典可稽

寶慈之奉宣仁隆儀斯賁

雲霞並彩

海宇垂輝

欽惟皇祖母太皇太后陛下

履順承乾

含章應地

贊我皇祖七年內治嫔商莘周姒而有光

奉我先皇一念孝誠備四海曰州之逮養

卅六載母儀丕正重霄疑寶婺之輝

億萬年天眷重申三慶誌僊桃之瑞

福慶永垂于 孫子

⁽¹⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Tám, tr. 574.

利澤普施于邦家

臣下鴻恩

祇承先志

皇考不忘孝深懷玉几之遺言

小子未有知獨切瑤宮之歡奉

發揚懿懌

載考彝章

茲欽奉遺詔涓吉請命廟殿几筵親率尊人府文武臣工等恭上金冊金寶晉尊
徽號慈裕太皇太后伏望

光受鴻稱

茂增遐祉

履祥其還元吉愜萬方愛敬之同

壽考以翼後生慰九廟投遺之重⁽¹⁾

Dịch nghĩa

Bề tôi nghe rằng:

Nuôi nên vật là khôn, đức ấy lâu nên hậu tải;

Nói được chí là hiếu, lễ nào lớn bằng tôn sùng.

Vì đất dày phải sánh với trời cao;

Mà tiếng lớn ắt về người đức lớn.

Cung Khánh Thọ tôn bà Quang Hiến, thịnh điển nên kê;

Cung Bảo Từ thờ hậu Tuyên Nhân, long nghi khá sáng.⁽²⁾

Dáng mây tỏ vẻ;

Cõi biển tươi màu.

Kính nghĩ: Hoàng tổ mẫu Thái hoàng Thái hậu bệ hạ:

Đức thuận theo trời;

Vẻ hay sánh đất.

Giúp Hoàng tổ bảy năm nội trị, sánh Thương Sần Chu Tự càng sáng tươi;

Thờ Tiên hoàng một dạ hiếu thành, đem bốn biển chín châu mà nuôi nấng.

Ba sáu tải cao treo gương mẹ, bóng sao Bảo Vực rạng muôn tầng;

Ước muôn năm từng thăm ơn trời, diễm quả tiên đào ghi ba cuộc.

Phúc nọ rủ cho con cháu;

Lợi kia ra khắp nước nhà.

⁽¹⁾ Đại Nam Chính biên liệt truyện. Nhị tập. Quyền tam, tờ 23a-25a.

⁽²⁾ Bà Quang Hiến ở cung Khánh Thọ và bà Tuyên Nhân ở cung Bảo Từ đều là Hoàng hậu về thời nhà Tống.

Thần đội ơn to;

Kính vâng chí trước.

Cha kính không quên, ghé ngọc ghi sâu lời di chúc;

Con thơ chưa biết, cung đao càng mến cuộc thừa hoan.

Mở nêu đức tốt;

Khảo xét phép thường.

Nay vâng di chiếu, chọn lấy ngày lành, xin mệnh ở miếu, điện và bàn thờ, thân đem quần thần văn võ, Phủ Tôn Nhơn, kính dâng sách vàng, ấn vàng tấn tôn huy hiệu là: Từ Dụ Thái Hoàng Thái Hậu. Cúi mong:

Nhận lấy tiếng khen;

Hưởng thêm phúc lớn.

Giữ trước cho tròn điềm tốt, để thỏa lòng kính mến muôn phương;

Sống lâu để giúp người sau, được yên việc gửi trao chín miếu”.⁽¹⁾

Nguyễn Phúc Ưng Lịch, ngự danh Nguyễn Phúc Minh, con thứ năm của Kiên Thái vương Nguyễn Phúc Hồng Cai, em của Ưng Đường (vua Đồng Khánh) và Ưng Đăng (vua Kiến Phúc), mẹ là Phan Thị Nhân, sinh ngày 17 tháng Sáu năm Tân Mùi (3/8/1871), được Tôn Nhân phủ Miên Định, Phụ chính phủ thần Hồng Hưu, các đại thần Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết, Phạm Thân Duật xin mệnh Thái hoàng Thái hậu đưa lên ngôi ngày 12 tháng Sáu năm Giáp Thân (02/8/1884), đổi niên hiệu năm sau (Ất Dậu) làm Hàm Nghi năm thứ nhất. Hội đồng Phụ chính không thông báo cho Tổng trú sứ Pháp biết, nên họ phản đối, nhưng rồi chấp nhận với điều kiện vua phải chịu làm lễ để họ tuyên phong như Trung Quốc trước đây. Triều đình Huế phải nhận. Vì thế, ngày 27 tháng Sáu năm Giáp Thân (17/8/1884), khâm sứ Rheinart và đại tá Guerrier vào cửa chính giữa Ngọ Môn, lên điện Thái Hòa, thực hiện lễ tuyên phong. Sau đó, Pháp đòi đem quân vào đóng ở Trần Bình Đài, triều đình Huế buộc phải chấp nhận. Tôn Thất Thuyết rất căm giận, chủ trương chống Pháp đến cùng, nên đã ngầm ngầm chuẩn bị quân đội và chiến khu (Tân Sở, miền núi Quảng Trị), lập đội Phấn Nghĩa để tự bảo vệ mình. Vì thế, quan hệ giữa Pháp và Việt càng thêm căng thẳng. Đầu năm 1885, Thống tướng toàn quyền De Courcy đem quân vào Huế, ở tại tòa sứ, mời Tường và Thuyết sang thương nghị. Thuyết cáo ốm, Tường cùng Phạm Thân Duật đi. Y không chịu, đòi cho được Thuyết. Thuyết sợ có việc gì xảy ra chẳng, nên nhất quyết không sang, rồi “*Đêm 22 tháng ấy [tháng Năm, năm Ất Dậu], Thuyết ngầm chia quân các dinh vệ làm 2 đạo: 1 đạo sai em là Trị phòng tham biện (nguyên ở phòng, Thuyết sức yếu) Tôn Thất Lệ cai quản, nửa đêm sang dò sông Hương hợp cùng với bọn đề đốc Thủy sư và hiệp lý đánh úp tòa sứ. Thuyết tự cùng với bọn Phấn Nghĩa chũm vệ là Trần Xuân Soạn làm 1 đạo đánh úp đài Trần Bình, doanh Nam*

⁽¹⁾ Tham khảo bản dịch trong *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Chín, tr.129-130; *Đại Nam liệt truyện*. Sđd. Tập 3-4, tr. 52.

Pháp, Nguyễn Văn Tường không biết gì hết. Thuyết phân bố xong, bèn ở lúc đầu trông canh tư (tức ngày 23), bắt đầu nổ súng ở đài Trấn Bình, tiếng kêu càng động”.⁽¹⁾ Khi nghe tiếng súng nổ, “*Văn Tường ở bộ Lại đương ngủ. Thự tham tri bộ Binh là bọn Hoàng Hữu Thường nghe tiếng súng nổ, tức thì đến gõ cửa báo Văn Tường biết*”. Bấy giờ, Tường mới hốt hoảng chạy vào cửa Hiển Nhân, đến Tả vu, “*một lát xin mở cửa Hòa Bình đến chỗ Thuyết điều khiển, nhìn trông biết là thất bại rồi, lại vào Tả vu tâu xin vua xuất hành, trong khi vội vã, chỉ soạn được cái ấn ở ngự tiền văn lý mật sát và ấn kiểm 2 quả với hạng để vàng bạc đồ đệ đem theo*”, “*Dùng Hữu quân đô thống là Hồ Văn Hiến phủ xe, giờ Thìn hôm ấy bắt đầu từ cửa tây nam ra. Văn Tường vâng ý chỉ của Thái hoàng Thái hậu và lưu lại giảng hòa, tức thì đi tắt vào nhà thờ đạo Kim Long. Thuyết ra sau gập giá, bèn một mình hộ chuyển đi đến trường thi...*”⁽²⁾ Sự kiện đêm 22 rạng 23 tháng Năm năm Ất Dậu (đêm 4 rạng 5/7/1885) ấy, đời sau gọi là cuộc binh biến Ất Dậu, thất thủ kinh đô. Nguyễn Văn Tường vào nhà thờ Kim Long, nhờ giám mục Lộc làm môi giới để về “đầu thú” với De Courcy; y đồng ý nhưng bảo ông phải đưa vua và Tam cung về, hạn trong ba tháng. Bấy giờ Kinh Thành đã bị giặc tàn phá và chiếm đóng, nên Tường phải ra làm việc tại Thương Bạc.

Tôn Thất Thuyết phải phò vua Hàm Nghi xuất bôn, ra sơn phòng Quảng Trị, nhưng không đến được Tân Sở, nên phải vòng qua Lào ra miền núi Hà Tĩnh và Quảng Bình, ban lịch Cần Vương ngày mùng 2 tháng Sáu năm Ất Dậu (13/7/1885) và tổ chức kháng chiến. Trong lúc đó, xa giá Tam cung (Thái hoàng Thái hậu Phạm Thị Hằng, Hoàng Thái hậu Vũ Thị Duyên, Hoàng Thái phi Phan Thị Điều) từ Quảng Trị lên đường trở về Huế (14/7/1885), trú tắt tại Khiêm Lăng vì Kinh Thành chưa ổn định (16/7/1885). Ngày 18/7/1885, Tam cung chỉ định Thọ Xuân Vương Miên Định quyền coi việc nước (nhiếp lý quốc chính). Ngày 27 tháng Sáu (1885), Pháp giao trả lại Kinh Thành, Nhiếp chính vương Miên Định và Nguyễn Văn Tường mời Tam cung trở về Đại Nội. Thái hoàng Thái hậu bảo: “*茲聞大法國都統大臣欽使大臣好意還我城池要迎我輩回宮甚是歡喜然我輩婦人非諸國政況我國家法從無垂簾之政須當先定帝位有以主之然後我輩還宮方為妥合宜商問如何回覆既*”⁽³⁾ (Nay nghe Đại Pháp quốc Đô thống đại thần, Khâm sứ đại thần có ý tốt trả lại Kinh Thành cho ta, đón lữ ta về cung, ta rất vui mừng. Nhưng lữ ta đàn bà không hiểu quốc chính. Hơn nữa, phép nhà nước ta từ trước không có phép Hoàng hậu ngồi trong màn nghe chính sự, nên trước định ngôi vua có người làm chủ, rồi sau chúng ta về cung mới là thỏa đáng. Nên bàn nói thế nào trả lời cho biết). Vua Hàm Nghi vẫn kháng chiến ở vùng rừng núi Hà Tĩnh. Hết hạn, vẫn không “chiêu hồi” được vua, Nguyễn Văn Tường bị giải xuống tàu đầy đi Côn Đảo, đưa sang Tahiti ngày 5/9/1885, rồi ông chết ở đó. Triều đình Huế vời hai đại thần từ Bắc Kỳ về là Võ Hiễn Điện Đại học sĩ sung Cơ Mật Viện đại thần Nguyễn Hữu Độ và Hộ Bộ Thượng thư sung Cơ Mật Viện đại thần Phan Đình

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Chín, tr. 138-139.

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Chín, tr. 139.

(3) *Đại Nam liệt truyện*. Chính biên nhị tập. Quyển Tam, tờ 28b.

Bình, lãnh ý chỉ của Thái hoàng Thái hậu, hợp cùng Pháp là Toàn quyền đại thần De Courcy, trú kinh Khâm sứ đại thần De Champeaux đưa Ưng Đường lên ngôi,⁽¹⁾ ngự danh là Nguyễn Phúc Biện. Lễ đăng quang diễn ra ngày 11 tháng Tám năm Ất Dậu (19/9/1885), niên hiệu Đồng Khánh (kể từ ngày mồng 1 tháng Mười năm Ất Dậu). Tân Hoàng đế đem quần thần đón từ giá về cung như cũ, rồi năm Đinh Hợi, tháng Tư nhuận ngày 20 (12/5/1887), dẫn các hoàng thân, đại thần bùng sách vàng ấn vàng đến cung Từ Thọ tấn tôn huy hiệu Từ Dụ Bác Huệ Thái Hoàng Thái Hậu. Sách văn viết:

竊聞

因親教愛帝王之上儀

榮號歸尊古今之鉅典

蓋惟有天下之大德

必宜受天下之大名

欽惟聖祖母慈裕太皇太后陛下

沙麓呈祥

香蘭兆慶

佐我憲祖七年之治化翼夏塗山

啟我翼宗三紀之昇平熙周姜后

美利施于社稷

德化洽于邦家

肆惟冲人嗣有丕緒

坤元厚載寔多燕翼之留貽

謙德尊光難罄鴻名之報稱

謹率群臣奉金冊金寶上尊號曰慈裕博惠太皇太后伏惟

徽稱丕正

闔澤誕敷

穀貽培仁厚之基樂天下亦憂以天下

飴弄引康彊之祉燕文子以及于文孫⁽²⁾

(1) Nguyễn Phúc Ưng Thị (Thị hay Kỳ: bên tả chữ “豆 đậu”, bên hữu chữ “支 chi”), là con đầu của Kiên Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Cai (1845-1876), cháu nội vua Thiệu Trị, mẹ là Bùi Thị Thanh (? - 1900), sau tấn phong Hoàng thúc mẫu. Ông sinh ngày 12 tháng Giêng năm Giáp Tý (19/2/1864), lúc hai tuổi được vua Tự Đức chọn làm con nuôi, gọi là Hoàng nhị tử (1865), đổi tên Ưng Đường, giao cho bà Thiện phi Nguyễn Thị Cẩm (con ông Nguyễn Đình Tân) chăm sóc. Năm 1879, ông được xuất các, ra ở học tại Chính Mông Đường trong Thị Vệ Xứ, rồi dời dựng ở phía tả Dục Đức Đường (1881); tháng Giêng năm Quý Mùi (1883) được phong Kiên Giang quận công (1883). Tháng Chín năm Giáp Thân (1884), ông có lỗi, bị giáng Kiên Giang hầu.

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam Chính biên liệt truyện*. Nhị tập. Quyển tam, tờ 21a-22a.

Tạm dịch

Trộm nghe:

Mẹ cha yêu dạy, phép tốt của đế vương;

Tên hiệu tôn xưng, điển hay từ cổ đại.

Cho nên có đức lớn trong thiên hạ,

Ắt cũng có tên to ở quốc gia.

Kính nghĩ Thánh tổ mẫu Từ Dụ Thái hoàng Thái hậu bệ hạ:

Sa Lộc bày diễm lành;⁽¹⁾

Hương Lan gây phúc tốt.

Giúp Hiến Tổ ta bảy năm trị hóa, đỡ Hạ Đồ Sơn;

Mở Dục Tông ta ba kỷ thắng bình, đẩy Chu Khương Hậu.

Đẹp đẽ vun bồi đền miếu;

Sáng tươi nhuận gội nước nhà.

Nay con trẻ này được nối nghiệp lớn:

Khôn nguyên dày chở, giúp cho con cháu rất nhiều;

Khiêm đức sáng tôn, báo đáp tiếng thơm khó xứng.

Kính dẫn các quan mang sách vàng bửu vàng dâng tôn hiệu là Từ Dụ Bác Huệ Thái Hoàng Thái Hậu. Cúi nghĩ:

Tên hay chính đáng;

Ơn lớn đầy đầy.

Ăn cơm nghĩ bồi nền nhân hậu, vui dân rồi lại phải lo dân nữa.

Ngậm đường chơi nuôi sức khang cường, giúp con trước rồi lại đỡ cháu sau.

Sau khi lên ngôi, gặp lễ Bát tuần khánh thọ của Thái hậu, vua Thành Thái dẫn các quan Tôn Nhơn Phủ và các đại thần đến cung Gia Thọ xin dâng thêm tôn hiệu. Thái hậu từ chối, bảo nay chỉ mong cho nước thịnh dân yên mà thôi. Phải sau mấy lần nài nỉ, Thái hậu mới chịu. Ngày 15 tháng Tư năm Kỷ Sửu (14/5/1889), vua Thành Thái tấn tôn thêm huy hiệu Từ Dụ Bác Huệ Khang Thọ Thái Thái Hoàng Thái Hậu. Sách văn rằng:

巽中正以介福協眷佑於三靈

坤光大而應天寓包涵於萬有

蓋有天下之大德

宜受天下之崇名

於赫昌期

⁽¹⁾ Sa Lộc: tên núi, *Hán thư*, Nguyên Hậu truyện chép: núi Sa Lộc lở là điềm có thánh nữ (chú của sách *Đại Nam thực lục*); núi Sa Lộc lở, sau 80 năm có thánh nữ sinh. Xem Bộ văn vận phủ, chữ lộc (chú của sách *Đại Nam thực lục*).

賁茲茂典
 欽惟聖曾祖母慈裕博惠太太皇太后陛下
 岳曜靜德
 淵塞芳猷
 襄 治化於七年塗山興夏
 啟憂勤於三紀文母隆周
 方天步之多艱
 仰聖心之默運
 大計既定臣民有主
 至誠所發社稷以安
 家用平康
 民皆仁壽
 是惟懋九疇而斂福曰康曰壽
 攸兼普八表以揚庥其寔其名
 備至況茲藐質祇受丕基
 值八秩之晉祺
 切萬安之尊奉
 雖謙謙自牧讓大美而弗居
 顧蕩蕩難名諒徽稱之宜襲
 謹率皇親文武廷臣奉金冊金寶恭上尊號曰慈裕博惠康壽太太皇太后伏惟
 鴻名丕正
 茂教對揚
 久道化成歷四世為天下母
 安貞薦祉合四海為一家春
 庶乎曾孫篤之
 俾以芾祿康矣⁽¹⁾

Tạm dịch

Quả Tồn thẳng ngay gần với phúc, cùng yêu mến giúp ba linh;
 Quả Khôn lớn sáng sánh với trời, ngụ bao trùm khắp muôn vật
 Hễ có đức dày trong thiên hạ;
 Ất được thiên hạ cùng tôn danh.
 Rạng rỡ thời lành;
 Về vang điển lớn.

⁽¹⁾ *Đại Nam thực lục Chính biên Đệ lục kỷ Phụ biên*. Quyển nhất, tờ 36b-37b; *Đại Nam Chính biên liệt truyện*. Nhị tập. Quyển tam, tờ 33a-34a.

Kính nghĩ Thánh tăng tổ mẫu Từ Dụ Bác Huệ Thái Thái Hoàng Thái Hậu bệ hạ:
 Đức như núi sáng;
 Trí tựa vực sâu.
 Giúp việc trị hóa bảy năm, Đồ Sơn đầy Hạ;
 Mở tính ưu cần ba kỷ, Văn Mẫu hưng Chu.
 Vừa rồi quốc bộ khó khăn;
 May được thánh tâm giúp đỡ.
 Kế lớn định xong, thần dân có chủ;
 Lòng thành tỏ rõ, xã tắc đã yên.
 Nhà được an lành;
 Dân đều khỏe mạnh.
 Ấy chỉ nhờ tốt chín loài mà thu phúc, vừa khang vừa thọ;
 Lại còn gồm vui tám cõi mà ra ơn, có thực có danh.
 Huống chi nay tuổi còn thơ ấu mà nhận ngôi to:
 Gặp lúc tuần thọ tám mươi;
 Nên đặt lễ tôn muôn phúc.
 Tuy khiêm nhường tự hạ, để tiếng tốt không màng;
 Mà rộng lớn khôn lường, chọn tên hay phải tiến.
 Kính dẫn hoàng thân, văn võ đình thần đem sách vàng bửu vàng kính dâng tôn
 hiệu là Từ Dụ Bác Huệ Khang Thọ Thái Thái Hoàng Thái Hậu.
 Cúi nghĩ:
 Hồng danh chính đáng;
 Đức tốt cao nêu.
 Đạo dạy đã nên, trải bốn đời làm mẹ trăm họ;
 Trinh an được phúc, hợp bốn biển làm xuân một nhà.
 Hầu để tăng tôn cố gắng;
 Mong cho lộc vị an khang.

Năm Kỷ Hợi (1899), ngày 19 tháng Năm (26/6/1899), lễ Cửu tuần đại khánh, đồng thời mừng Ngũ đại đồng đường (hoàng tử thứ ba Vĩnh Trân chào đời ngày 11 tháng 11 năm Kỷ Hợi (13/12/1899), vua Thành Thái đích thân dẫn hoàng thân, đại thần văn võ và đại diện chính phủ Bảo hộ tới cung Gia Thọ dâng lễ mừng. Ngày mùng 5 tháng Tư năm Tân Sửu (22/5/1901) bà ốm rồi mất, quan tài đặt tại cung Gia Thọ; ngày 27, bắt đầu xây dựng sơn lăng (theo quy mô của lăng Hiếu Đông) trong Vạn niên đại cát cục bên trái Xương Lăng (ở sơn phận xã Cư Chánh, huyện Hương Trà). Ngày mùng 10 tháng Năm Tân Sửu (25/6/1901), vua Thành Thái làm lễ tấn tôn thụy là Nghi Thiên

Tán Thánh Từ Dũ Bác Huệ Trai Túc Huệ Đạt Thọ Đức Nhân Công Chương Hoàng Hậu (thường gọi tắt là Nghi Thiên Chương Hoàng Hậu. Ngày 22 cùng tháng, cử hành lễ Ninh lăng: “丁丑 (十三日)帝具衰杖親率群臣詣几筵行啟告禮癸未(十九日)題神主于尊宮綵殿是日行啟奠禮前二日有司放筒七聲靈駕發嘉壽宮帝步送至彰德蘆殿御車(各塗青色)隨後皇太后御軟輿先至御舟恭俟靈駕至京城南門津次登舟由水程進二十一日抵居正尋起陸至日庚寅刻奉安玄宮于昌陵之左恭上陵名曰昌壽陵奉安聖位于謙陵良謙殿奉翼尊英皇帝遺囑也”⁽¹⁾ Ngày Quý mùi (ngày 19) đề thần vị ở thái điện tôn cung, hôm ấy khải cáo trước án cúng. Hôm sau hữu ty phóng bảy tiếng pháo, linh giá ra cung Gia Thọ, vua đi bộ đưa tới điện cỏ Chương Đức thì lên xe (đều sơn màu xanh) theo sau, Hoàng thái hậu ngự kiệu mềm tới ngự chu trước kính chờ linh giá. Tới bến Nam Môn ngoài kinh thành lên thuyền theo đường thủy đi, ngày 21 tới Cư Chính lên bộ. Đến giờ Canh Dần hôm ấy kính an huyền cung bên trái Xương lăng, kính dâng tên lăng là Xương Thọ, kính an thánh vị ở điện Lương Khiêm trong Khiêm lăng, là theo di chúc của Dục tông Anh hoàng đế.⁽²⁾

Bà là người phụ nữ sắc sảo, thông minh và có đức độ. Trong đời sống hàng ngày, bà luôn dè sẻn, không bao giờ xài phí, “后自居嘉壽宮以來雖尊極域中養以天下而自奉儉約一切服用皆尚樸素不異昔辰常謂自省不能有所作為以益國家況敢侈於自奉故凡事節儉取足而已不有妄費”⁽³⁾ (Từ khi Hậu đến ở cung Gia Thọ đến nay, mặc dù đã tôn lên đến bậc cao quý ở trong nước được thiên hạ phụng dưỡng, nhưng vẫn kiệm ước, tất cả quần áo đồ dùng đều còn mộc mạc vốn không khác lúc trước. Thường bảo rằng: tự xét thấy không thể làm được gì ích lợi cho nước nhà, sao dám tự xa xỉ. Cho nên mọi việc tiết kiệm đủ dùng mà thôi, không có lãng phí bậy). Sáp vàng đốt hà tiện, còn thừa cất vào kho, ví như máu mỡ của dân, để lại cho nhà nước dùng. Những đồ ngự dụng chỉ toàn quạt giấy nan tre, chén bát nứt rạn, túi đựng hạt thủy tinh xoa mặt đã cũ, người hầu xin đổi cái mới, bà không cho, vì “若換新項久置之亦舊不如仍舊何必換”⁽⁴⁾ (Nếu đổi cái mới, để lâu nó cũng cũ đi, chẳng như cái cũ, hà tất phải đổi). Đến việc thờ cúng nơi từ đường, tôn miếu, bà cũng khuyên nên vừa phải, cốt thành kính mà thôi. Đối với hoàng thân, công chúa thường kêu xin vì thiếu thốn, bà bảo; “此由不能節儉所致若能儉得一分則有一分之益蓋俸祿足以度用量入以為出隨辰豐嗇稱家所有至匱乏失體乃狃於奢侈雖家資已乏而專事浪費其用常豐乃妄加干貸以快目前一受債則息日生終無了期安得不乏”⁽⁵⁾ (Đây là do không biết tiết kiệm mới đến như vậy. Nếu tiết kiệm được một phân thì có thêm một phân. Bởi bổng lộc đủ chi dùng, liệu thu mà chi, tùy lúc cân nhắc thiếu đủ. Nhà có thể nào tiêu thế ấy, làm gì đến thiếu thốn thất thế. Mà quen thói xa xỉ, tuy nhà đã thiếu thốn mà chỉ lo việc phung phí, muốn cho đầy đủ bèn đi vay để tiêu cho sướng trước mắt. Đã mắc nợ rồi thì lãi đẻ ra không bao

(1) *Đại Nam thực lục*. Chính biên Đệ lục kỷ Phụ biên. Quyển Thập tam, tờ 28a-29a.

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2011). *Đại Nam thực lục Chính biên Đệ lục kỷ Phụ biên*. Cao Tự Thanh dịch. Nxb Văn hóa Văn nghệ. TP. Hồ Chí Minh, tr. 370-371.

(3) *Đại Nam Chính biên liệt truyện*. Nhị tập. Quyển tam, tờ 11b.

(4) *Đại Nam Chính biên liệt truyện*. Nhị tập. Quyển tam, tờ 12b.

(5) *Đại Nam Chính biên liệt truyện*. Nhị tập. Quyển tam, tờ 13b-14a.

giờ trả xong, làm sao chả thiếu?). Đối với họ ngoại, bà không cho “thỉnh thác” dựa thế để chạy chọt làm quan, như: “有不好學者求為侍衛后聞之曰戚里中人不患不達惟患不才故已優給糧錢定其家室使之專心學問幸登科第以振家聲不謂朽木難雕急於進修喜於奔競誠負作成至意且侍衛必有職事無故豈應濫居況戚里縱有補官亦只奉朝請而已豈可率爾拔擢從政預事若徇其所請則戚里中人皆可官之乎殊失老躬之意”⁽¹⁾ (Có người không thích học, xin làm thị vệ. Hậu nghe thấy, bảo rằng: Người trong thích lý, không lo không hiển đạt, chỉ lo không có tài. Cho nên đã ưu cấp tiền gạo, làm cho cửa nhà, khiến chuyên tâm học hỏi, may mà thi đỗ, làm nổi tiếng nhà, chứ không như cây gỗ mục chẳng đặng chạm gì được, lười việc tu tiến, thích đi cầu cạnh, phụ ý tác thành. Vả lại chân thị vệ vốn có chức có việc, vô cớ há nên bỏ bừa. Hơn nữa, thích lý nếu được bổ quan cũng chỉ vâng chầu hầu mà thôi, há được tự dưng đưa lên cho dự vào chính sự à! Nếu cứ theo như lời xin thì những người trong thích lý ai cũng cho làm quan ư? Thực là trái ý thân già này).

Đối với bản thân, bà không ham thích danh vọng, không ưa dùng đồ trân quý, không bao giờ “có mới nới cũ”. Mỗi lần các Hoàng đế xin tôn phong huy hiệu, bà thường từ nhượng, không chỉ từ khi đất nước gặp khó khăn về sau, mà cả khi đang hoi thịnh vượng. Đối với Hoàng đế cũng vậy, bà luôn luôn khuyên con ăn uống cẩn thận, cốt đủ chất dinh dưỡng, không cần phải cao lương mỹ vị. Trong dịp Ngũ tuần đại khánh tiết (lễ Vạn thọ) của con năm Mậu Dần (1867), bà dụ: “惟予與女同病相憐惟疾之憂獨是家中相識維憂用老喜同天下貴年計十載始遇一年國有大慶禮當行也合萬心亦同一理人共尊親情可已乎是謂合萬心以事親斂五福以錫庶幾和平致福允宜勉彊而行若夫從來尚紛葩與爾亦同質樸家物有何珍貴是示肴奇慶年非比尋常豈應忽略食雖彊體未表吾顧復之深懷物以將情正望子康彊之如願且爾飲食素少羸瘦增多肴羞經飭益精恐非爽口鹹菜亦為使用可助加餐爾宜領此至真予自笑其近野”⁽²⁾ (Chỉ ta và con cùng bệnh thương nhau. Chỉ lo đau ốm là việc trong nhà biết với nhau; chỉ cứ lo lắng mà già đi. Vui cùng với thiên hạ quý trọng tuổi tác. Cứ mười năm mới gặp một năm, nước có lễ mừng to, đáng làm như vậy. Hợp muôn người cũng cùng một lễ; người ta cùng nhau tôn thân, tình há thôi được sao? Thế là hợp muôn lòng để thờ đáng thân, thu lấy năm phúc để ban cho thân thứ. May ra được phúc hòa bình, cũng nên miễn cưỡng mà làm. Còn như từ trước ta không thích xa hoa, cũng chất phác giống mọi nhà. Vật có gì là quý báu, ấy là để tỏ ra lạ lùng; lễ mừng tuổi không phải tầm thường, há lại sơ sài ư? Ăn cho khỏe người, chưa tỏ lòng ta coi sóc; vật để tỏ tình, chính mong con được khỏe mạnh. Vả con ăn uống vốn ít ỏi, gầy còm thêm nhiều. Thịt thà vẫn sai làm kỹ càng, sợ chưa ngon miệng; dưa muối cũng là tiện dụng, giúp cho ăn thêm cơm. Con nên lĩnh lời ta đó; ta cũng tự cười mình quê mùa).

Vua Tự Đức cũng là người con rất hiếu nghĩa, trả lời mẹ bằng một bài văn, có đoạn: 有云 介福受于餘慶知命屆茲正上欲慰夫歡奉下重拂夫輿情斟酌長宜樽節浮費有成典在臣何心哉想家庭樂以天真忽珍品特蒙慈惠有云嘉言拜受變色祇承

(1) Đại Nam Chính biên liệt truyện. Nhị tập. Quyền tam, tờ 14b-15a.

(2) Đại Nam Chính biên liệt truyện. Nhị tập. Quyền tam, tờ 1a-b.

水陸萃一筵洵稱富有四海酸鹹和五味豈惟美擅八珍有云惟是鹹功潤下菜氣寬中其味彌長其香彌後食之所急雖貴不可不須蓄以禦冬居官不可不識臣因增玉飯誠若綸音⁽¹⁾ (Có câu rằng: Phúc lớn mới nhờ được ơn thừa. Từ tuổi năm mươi đến nay chính thọ, trên muốn vui lòng mẹ, dưới để thuận tình dân, nên châm chước cho hợp thời, bỏ bớt tốn phí vô ích, làm thành phép tắc vậy. Con đâu có lòng nào khác. Tưởng nghĩ gia đình vui bởi tính trời chân thực, bỗng lại được mẹ đặc biệt cho vật quý báu. Lại có câu rằng: Lời hay lạy nhận, sắc đổi kính vâng. Đồ dưới nước và đồ trên bộ hợp lại một mâm, thực là giàu có bốn biển; chua mặn hòa năm vị, há chỉ cần đủ bát trân. Lại có câu rằng: Chỉ là vị muối nhuận trường, khí rau mát ruột, vị ấy ngon lâu, hương ấy càng đậm; thức ăn cần kíp, dù quý không thể không dùng; ăn để chống rét, làm quan không thể không hay. Bề tôi nhân ăn thêm cơm, thực là theo lời mẹ dặn).

Bà cũng rất thích đọc sách lịch sử, mỗi khi nhàn rỗi thường đem ra đọc để “*biết điều thiện điều ác, điều thiện làm gương, điều ác làm răn*”, ông vua con mỗi lần đến châu hầu, cũng đều đọc cho mẹ nghe “*nhị thập tứ sử*” của Trung Hoa. Bà luôn có những nhận định sâu sắc về những sự kiện hay dở, và lấy đó làm bài học để khuyên con cẩn thận trong chính sự, như “*讀齊魏相問有寶否句云得此四臣勝珠寶十倍故謂所寶惟賢信夫讀至秦事云秦專用刑法不修仁德又殺扶蘇蒙恬信用趙李斯故不長久可見立國惟尚仁義乃可久遠矣*”⁽²⁾ (Đọc đoạn vua Tề vua Ngụy hỏi nhau có gì quý không, câu nói: được bốn bề tôi giỏi quý hơn mười lần châu báu. Cho nên bảo rằng: chỉ người hiền là quý, thật như thế. Đọc đến chính sự đời Tần thì nói rằng: nhà Tần chuyên dùng hình pháp, không làm điều nhân đức. Lại giết Phù Tô, Mông Diêm, tin dùng Triệu Cao, Lý Tư, cho nên không được lâu dài. Xem như thế thì biết dựng nước phải chuộng nhân nghĩa mới lâu dài được).

Bà không bao giờ “*buông rèm thính chính*”, và cho đó không phải là việc làm của đàn bà, nhưng những khi con vào cung Gia Thọ châu hầu, bà thường nhỏ to nhắc nhở con về việc đặc thất trong đường lối trị nước, về việc “*dùng nhân như dùng mộc*” (dùng người như dùng gỗ) sao cho thích hợp để họ phát huy hết tài năng: “*為政在乎得人得人則吏稱職民安其業今朝廷恩澤屢加而民瘼猶聞非貪官所致乎若官得其人則國家無憂矣又曰官職雖有大小之殊而無賢庸之別一縣雖小而得公正一人治之則恩威所加亦足以濟用人可不慎歟*”⁽³⁾ (Làm chính trị cốt có được người giỏi, người giỏi thì quan được tôn chức, dân được yên ổn làm ăn. Nay, triều đình luôn ban ân trạch, mà sự đau khổ của dân vẫn thường nghe thấy. Chẳng phải do quan tham nên mới như vậy sao? Nếu được người quan tốt thì nước nhà không gì phải lo. Lại nói: quan tuy có lớn nhỏ khác nhau, còn quan tốt hay quan hèn thì không phân biệt lớn nhỏ. Một huyện tuy nhỏ mà có được một người công chính để cai trị thì ân uy cũng đủ khắp nơi. Dùng người há chẳng lẽ không nên cẩn thận ư?).

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Tập 2. Quyển 3, tờ 1b-2a.

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Tập 2. Quyển 3, tờ 15b-16a.

(3) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Tập 2. Quyển 3, tờ 20a.

5. Bà Vũ Thị Duyên (1828-1902)

Vũ Thị Duyên là con gái ông Ngự tiền đại thần Thái tử Thái bảo Đông Các Đại học sĩ Đặc tiến Kim tử Vinh Lộc Đại phu Lệ quốc công Vũ Xuân Cẩn,⁽¹⁾ mẹ là Lệ Quốc nhất phẩm phu nhân họ Trần. Người làng Hòa Luật, huyện Lệ Thủy, phủ Quảng Bình (nay là làng Hòa Luật Nam, thuộc xã Cẩm Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình). Bà sinh ngày 12 tháng Năm năm Mậu Tý (23/6/1828), bà vốn húy danh là Hải, ngự danh là Duyên.⁽²⁾ Lúc bé được học hành, thích đọc sử sách, tính nét dịu dàng, đoan trang. Năm Quý Mão (1843), bà được tuyển vào hầu hoàng tử Hồng Nhậm nơi tiềm đề, vua Thiệu Trị và Hoàng Thái hậu khen ngợi yêu thương vì đức hạnh. Năm Mậu Thân (1848), vua Tự Đức lên ngôi, phong bà làm Cung tần. Năm Canh Tuất (1850), vua định lại cung giai, phong lên Cần phi, bậc ba, sách văn viết:

奉若天道次星式列于宸垣御于家邦內宮寔襄夫王化

宮階有序

禮命宜加

睠惟宮嬪武氏

喬閣標芳

瓊姿表淑

內洽式修齊之化婦道恪循

上事嫺婉婉之儀慈心允慰

式稽彝典

用侈殊恩

茲特晉封為勤妃爾其

祇佩恩榮

彌敦素履

陳圖顧史思弼佐夫王風

議福論仁尚長膺于寵渥⁽³⁾

(1) Vũ Xuân Cẩn (1772-1852) người xã Hòa Luật, huyện Lệ Thủy, phủ Quảng Bình, xứ Thuận Hóa (nay là làng Hòa Luật Nam, thuộc xã Cẩm Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình), trước thi đỗ Cống sĩ, năm Tân Dậu (1801), Nguyễn vương khôi phục kinh thành Phú Xuân, ông vào cửa quân yết kiến và được thu dụng. Ông làm quan trải 4 đời vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức, có chính tích tốt, nhiều lần được vua khen ngợi, thăng dần đến thự Đông Các Đại học sĩ, lĩnh Hình Bộ Thượng thư, gia hàm Thái tử Thái bảo. Năm Nhâm Dần (1852), ông về nghỉ hưu, rồi mất vào tháng 4 (âm lịch) năm ấy, vua chuẩn cấp tiền tuất ưu hậu, sai quan đến tế, ban tên thụy Văn Đoan, sai Bộ Lễ lập đình dựng bia ở cửa làng, biển ngạch đề “四朝元老 Tứ triều nguyên lão”, khắc bài thơ và bài minh của vua làm. Năm 1858, vua Tự Đức cho thờ ông trong đền Hiền Lương tại Kinh đô Huế.

(2) Theo *Hoàng triều Ngọc điệp*. Đệ nhị tờ 101a.

(3) *Đại Nam Chính biên liệt truyện*. Nhị tập. Quyền tứ, tờ 1b-2a.

Tạm dịch

Kính vâng theo đạo Trời, ngôi sao thứ bảy trong vườn vua, quan hệ đến nước nhà, ở trong cung thực giúp cho vương hóa.

Cung giai có bậc;

Lễ mệnh nên thêm.

Mến nghĩ Cung tần Vũ thị:

Dòng lớn ngát thơm;

Dáng quỳnh nêu tốt.

Giúp trong nội cung nghi sửa đặt, đạo vợ siêng năng;

Thờ bề trên cử chỉ dịu dàng, lòng từ vui vẻ.

Dựa theo điển cũ;

Tỏ rõ ơn to.

Nay đặc biệt tấn phong làm Cần phi. Nàng hãy:

Kính đội ơn vinh;

Càng chăm nét tốt.

Bày đồ xem sử, để giúp đỡ cho vương phong;

Bàn phúc luận nhân, mà cứu mang mãi sủng mệnh.

Tháng Giêng năm Canh Thân (1860), vua bảo các quan Bộ Lễ: “去年恭遇我聖慈五旬大慶節奉慈諭云內庭妃嬪善事老躬十二年于茲宜晉擢以勸勤事而肅宮儀欽奉玉音不敢違越第以戎事未遑姑且緩之今又奉慈旨詢及適因春韶布令慶澤均行正可推恩用弘慈惠乃晉封為純妃”⁽¹⁾ (Năm ngoái kính gặp lễ Ngũ tuần đại khánh tiết của Thánh Từ ta, kính vâng từ dụ rằng: “Phi tần nội đình phụng dưỡng thân già này rất tốt. Đến nay đã mười hai năm, nên tấn phong để khuyến khích sự siêng năng công việc mà giữ nghiêm phép tắc trong cung”. Kính vâng lời ngọc không dám trái, nhưng việc quân chưa rồi, tạm hoãn. Nay vâng từ chỉ, gặp lúc tiết xuân sáng sủa, ban bố phúc Trạch đều khắp, cũng nên suy ân để tỏ rõ lòng mẹ. Bèn tấn phong làm Thuần phi). Sách văn rằng:

天文次星妃位寔為之佐宸宮內職寵秩用褒其賢

穀旦載諏

祇音誕播

睠惟勤妃武氏

勳賢令闕

淑慎貞姿

端莊茂著芳徽內治迪修齊之化

勤恪彌敦善行上事嫺婉順之儀

⁽¹⁾ Đại Nam Chính biên liệt truyện. Nhị tập. Quyển tứ, tờ 2a-2b.

怡愉上慰慈寧
 嘉獎稠蒙厚眷
 奉
 聖壽襄逢盛典
 推恩先自近周
 諄祇奉於玉音肆韶光恰值元辰
 施惠始於春首褒寵宜弘夫湛闔
 茲特晉爾為純妃爾其
 榮承恩遇
 佩服訓彝
 壺教協修愈穆柔嘉之範
 袞章榮耀永覃渥澤之霑⁽¹⁾

Tạm dịch

Ngôi sao thứ hai [của chòm Tử Vi]⁽²⁾ trong thiên văn là ngôi Phi, chức bên trong giúp đỡ cung vua, phong cho bậc cao để khen đức độ giỏi giang.

Chọn được ngày lành;

Ban ra giấy quý.

Mến nghĩ Cần phi họ Vũ:

Vốn nhà dòng dõi;

Bẩm tính hiền hòa.

Đoan trang rõ rệt tiếng thơm, việc trong nội khéo khôn xếp đặt;

Chăm chỉ trần trề nét tốt, thờ đấng thân ngoan thuận chăm nom.

Giúp cho lòng mẹ yên vui;

Đã được nhiều lần khen thưởng.

Thánh thọ nay làm lễ lớn;

Suy ân trước ở nơi gần.

Đình ninh lời ngọc dặn dò, ánh sáng đẹp chan hòa trời đất;

Rạng rỡ đầu xuân ân ái, ơn móc nhuần dào dạt cung vi.

Nay đặc biệt tấn phong nàng làm Thuần phi. Nàng hãy:

⁽¹⁾ *Đại Nam Chính biên liệt truyện*. Nhị tập. Quyển tứ, tờ 2b.

⁽²⁾ Ngôi sao thứ hai: chỉ người vợ thứ (vợ lẽ) trong nhà theo chế độ đa thê ngày xưa (một chồng nhiều vợ). Bài *Tiểu tinh* trong mục *Thiệu Nam* phần *Quốc phong*, *Thi kinh*, có hai đoạn (chương), đoạn thứ nhất: 彗彼小星/三五在東/肅肅宵征/夙夜在公/實命不同 *Huệ bỉ tiểu tinh / Tam ngũ tại đông / Túc túc tiêu chinh / Túc dạ tại công / Thực mệnh bất đồng* (Kia những sao nhỏ / Năm ba ngôi đông / Đêm đi gọn ghẽ / Sớm hôm việc công / Phận chẳng tương đồng [với bà chính]).

Vinh vâng ơn hậu;

Kính giữ lời khuyên.

Khuôn phép sửa sang, luôn giữ nếp nề mềm dịu;

Giấy tờ rạng rỡ, mãi nhuần mưa móc nồng nàn.

Năm Tân Dậu (1861), cải phong Trung phi, sách văn như cũ, chỉ đổi chữ huy hiệu. Năm Kỷ Ty (1869), vua giao con nuôi Hoàng trưởng tử Ứng Chân cho phi trông nom. Ứng Chân vốn là con thứ hai của Thụy Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Y (1833-1877), cháu nội vua Thiệu Trị, mẹ là Trần Thị Nga (1832-1911), nguyên tên là Ứng Ái, sinh ngày 4 tháng Giêng năm Quý Sửu (11/02/1853), được vua Tự Đức chọn làm dưỡng tử. Tháng Chín năm Kỷ Ty, Tự Đức 22 (1869), vua xuống dụ: “朕以涼德冲齡早承大統柰稟薄命蹇事繁過重疾病牽纏又不識黃老岐扁之術嗣續遲艱無以慰主鬯之屬含飴之樂罪莫大焉深自悚慙日月斯邁老將至矣深念社稷至計不敢少有躊躇堯舜之公宋仁之懿誠可式也爰於十八年先請揀取朕二十六弟堅國公洪[彳+亥]之長子膺跂育于宮中辰方二歲今已六歲矣向來膝下歡奉教之誦習頗蒙色笑屈今馬齒日長氣血日衰惟夫國有長君社稷之福去年又請揀取朕四弟建瑞公洪依之第二子膺[香+蓋]許居于宮城之左原集賢院育之教之今年十有八學行稍進節經趨拜多蒙賞賜乃營育德堂于顯仁門之旁以居之設官屬以教習護衛焉期成德安宅”(1) (Trẫm đức bạc, tuổi trẻ, sớm nối nghiệp lớn, khôn nối tư bầm bạc nhược, vận mệnh kiển bị, việc nhiều lỗi nặng, bệnh tật liên miên, lại không biết cách tu luyện của Hoàng đế, Lão Tử, Kỳ Bá, Biển Thước, nên con nối muện hiếm, không được yên lòng về việc lập Thái tử và sự vui vẻ giữa bà chơi với cháu, tội ấy không còn tội gì to hơn! Rất tự lấy làm sợ hãi, hổ thẹn. Ngày tháng trôi qua, tuổi già sắp đến, rất lo về kế lớn xã tắc, không dám trừ trừ chút nào, lòng công như Nghiêu Thuấn, đức tốt như Tống Nhân Tôn, thực đáng bắt chước, bèn đến năm thứ 18 [1865], đầu tiên xin chọn lấy người con trưởng của Kiến quốc công Hồng Cai, em thứ 26 của trẫm, là Ứng Thị, nuôi ở trong cung, khi đó mới 2 tuổi, nay đã 6 tuổi, từ trước đến nay, hầu hạ dưới gối, dạy cho học tập, rất được vui vẻ. Đến nay tuổi ngựa ngày một thêm, khí huyết ngày một suy, chỉ nghĩ nước có vua lớn tuổi là phúc của xã tắc, nên năm ngoái [1868] lại xin chọn lấy người con thứ 2 của Kiến Thụy công Hồng Y, em thứ tư của trẫm, là Ứng Ái, cho ở Viện Tập Hiền cũ ở phía tả cung thành, nuôi nâng dạy dỗ, năm nay đã 18 tuổi, học hành dần tiến, nhiều lần đã vào châu hầu, được ban thưởng luôn, bèn làm Dục Đức Đường ở cạnh cửa Hiển Nhân để cho ở, đặt quan, thuộc để giảng dạy và hộ vệ, mong cho được nên đức ở yên...).(2)

Sau đó, vua lại chọn con nhà tử tế cho Ứng Ái lấy làm thiếp để sớm có con nối dõi, và cho đổi tên Ứng Ái thành Ứng Chân, rồi gọi là Hoàng trưởng tử, đến tháng Bảy năm Kỷ Ty (1869), cho làm con nuôi bà Trung phi Vũ Thị Duyên, dụ rằng: “Hoàng tử Ứng Chân đã ban cho tên mới ấy sung làm hoàng tử. Kìa như trời đất sinh nuôi, lẽ đó không thể thiếu được. Vậy Ứng Chân cho sung làm con nuôi Trung phi họ Vũ cho tiện

(1) *Đại Nam thực lục Chính biên* Đệ tứ kỷ. Quyển 42, tờ 12a-13a.

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Bảy, tr. 1200.

trông nom dạy dỗ, xây dựng gia thất cho. Về hoàng tử ấy và hai người phủ thiếp, các lệ được cấp lương bổng, quan có trách nhiệm phải xét ngay mà làm...”⁽¹⁾

Mùa xuân, tháng Giêng năm Canh Ngọ (1870), bà được tấn phong Hoàng Quý phi, vua dụ: 宮圍之內風化之原不可無佐以率其屬執成婦道忠妃武氏名家之子欽奉選賜藐頗有德行久宜晉擢其晉封為皇貴妃率攝六院⁽²⁾ (Chốn cung vi là gốc của phong hóa, không nên không có người đứng đầu để dẫn dắt cung nhân bên dưới, giữ trọn đạo của người làm vợ. Trung phi họ Vũ: con nhà gia thế, kính vâng tuyển chọn, tốt đẹp mà có đức hạnh từ lâu nên phong lên. Vậy tấn phong làm Hoàng Quý phi, nắm giữ sáu viện). Sách văn như sau:

紫微帝坐五星其次為妃
風火家人六二居中則吉
懋惟令德
允稱彝章
咨爾忠妃武氏
淑慎貞姿
勳賢令閼
家亭素教詩書圖史之箴
禮法夙閑珩[玉 + 禹]琚璜之節
選賜允孚聖旨
齋莊式表儀型
年來歡奉慈徽巽順彌敦夫素行
節次疊蒙厚眷謙恭不弛夫初心
徽音以久而徵
顯號有加 已
茲特晉爾為皇貴妃爾其
恪遵成 命相予一人
益懋閨儀率攝六尚
慎終如始迪孝敬勤儉之風
惟理而和裕子姓宮闈之福⁽³⁾

Tạm dịch

Năm vị Tử Vi Đế Tọa, sao thứ là Phi;⁽⁴⁾

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Bảy, tr.1201.

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục Chính biên*. Tập 2. Quyển 4, tờ 3a.

(3) *Đại Nam Chính biên liệt truyện*. Nhị tập. Quyển tứ, tờ 3a-4a.

(4) Tên chòm sao gồm 15 ngôi, phía đông 8 ngôi, phía tây 7 ngôi, nằm về phía đông bắc sao Bắc Đẩu, lấy Bắc Cực làm trung khu (cũng gọi là Tử Cung, Tử Viên, Tử Vi Cung, Tử Vi Viên, Tử Cung Viên), ví như triều đình trăm quan châu quanh vua, nội cung các phi tần mỹ nữ hầu hạ vua, muôn dân đều trông cậy vào đó. Cũng chỉ một khoa bói toán xưa.

Sáu hào Phong Hỏa Gia Nhân,⁽¹⁾ âm hai thì tốt.
 Bởi có đức lớn;
 Nên được tở phong.
 Nay nàng là Trung phi họ Vũ:
 Tính tình thực thận;
 Dòng dõi huân hiền.
 Gia đình sẵn dạy, thi thư đồ sử chăm xem;
 Lễ phép đã quen, hành vũ cư hoàng giữ nét.
 Ý thánh chọn cho rất hợp;
 Mẫu khuôn nêu rõ càng hay.
 Bấy lâu hầu hạ từ vi, Tốn thuận⁽²⁾ càng trau dồi nét hạnh;
 Lắm bận ban khen hậu quyền, Khiêm cung không sao nhãng lòng xưa.
 Tiếng hay từ trước đã vang;
 Hiệ lớn có thêm không dứt.
 Nay đặc biệt tấn phong nàng làm Hoàng Quý phi. Nàng hãy:
 Khá vâng thành mệnh, giúp đỡ một ta;
 Gắng giữ khuê nghi, trông coi sáu thượng.
 Trước sau cẩn thận, dỗi nếp hay nơi hiếu kính kiem cần;
 Tình lý hợp hòa, để phúc tốt cho họ hàng con cháu.

Tháng Chạp năm Nhâm Ngọ (1882), tình hình trong nước rất rối rắm, cơ vụ bộn bề, vua không được thông thả, có khi quá trưa mới ăn. Một hôm, vua se mình đang uống thuốc, cung nhân dâng ngự thiện chậm trễ. Vua phật ý, giáng bà xuống nguyên giai Trung phi quản nhiếp Thượng nghi, không cho suất nhiếp sáu viện. Đã thế, trong quá trình nuôi dạy Hoàng trưởng tử, bà gặp nhiều điều bất như ý vì “anh chàng” này không học tập nghiêm túc, lại có những hành động trái lễ độ hoàng gia, nhiều lần bị vua Tự Đức trách phạt. Ứng Chân có lần vào chầu, mặc quần đỏ (tháng Ba năm Tân Mùi, 1871), vua phạt bổng 6 tháng, treo lại việc tấn phong tước Xuân Trường công, rồi cử Thượng thư Phạm Phú Thứ và Trục học sĩ làm giáo đạo (trước cử Nguyễn Tri Phương và Nguyễn Văn Phong, nhưng cả hai vị xin từ vì tuổi già). Tháng Bảy năm

(1) Gia nhân: Quẻ thứ 37 trong *Kinh Dịch* nói về vai trò của người phụ nữ và các thành viên khác trong gia đình, xem chú thích phần sách phong Hoàng hậu Tổng Thị Lan.

(2) Tốn thuận: Quẻ Tốn trong *Kinh Dịch*, gồm hai quẻ Tốn đơn chồng lên nhau, có nghĩa là hai luồng gió cùng thổi, do đó Tốn có nghĩa là thuận, gọi là Thuận Tốn. *Thoán từ* viết: 巽小亨利有攸往利見大人 *Tốn: tiểu hanh, lợi hữu du vãng, lợi kiến đại nhân* (Thuận thì hơi được hanh thông, làm thì có lợi; theo bậc đại nhân thì có lợi). Đại tượng truyện giảng rằng trên là gió, dưới cũng gió, hai luồng gió cùng theo nhau; người quân tử tiếp tục phát xuất mệnh lệnh để thi hành chính sự mà thiên hạ tuân phục, cũng như muôn vật ngã theo chiều gió.

này, vua lại sai Phủ Tôn Nhân và đình thần xét chọn con của thân công vài người để nuôi làm hoàng tử (vì hai người trước do vua tự chọn, sợ chưa được tốt về mọi mặt). Đến tháng Mười Một, đình thần đệ lên một danh sách 12 công tử, nhưng nói rằng họ “ngày thường tính hạnh và học vấn thế nào, lũ chúng tôi không ở chung, không cùng đi lại, khó lòng biết đích xác được.”⁽¹⁾ Vua “quở” họ sao lại “nỡ lòng nào xem xét qua loa như thế”, và bảo họ phải chọn kỹ lại lấy một người. Tháng Tư năm Nhâm Thân (1872), vua Tự Đức sai Bộ Lễ xét định phép dạy học ở Dục Đức Đường, sao cho thật nghiêm minh và có hiệu quả (cách trải chiếu ngồi của các nhân viên giảng tập và của hoàng tử, chương trình ngày lễ giảng ngũ kinh và sử, ngày chẵn giảng tứ thư và *Tính lý đại toàn*; ngũ kinh và tứ thư phải học thuộc lòng).⁽²⁾ Thế rồi không rõ Tôn Nhân Phủ và đình thần có chọn thêm cho vua được người nào không nhưng ông vẫn có thêm một người con nuôi nữa. Tháng Mười Một năm Giáp Tuất (1875), vua nói: “*Trẫm tư chất yếu, hiếm con nối, rất nghĩ đến kế hay của xã tắc phải giữ lòng rất công; trước đã chọn nuôi hai con, đã từng giảng dụ bá cáo rõ, sau lại nuôi thêm con thứ hai của Kiến quốc công là Ứng Đăng, khi ấy mới 2 tuổi, các hoàng thân Tôn Nhân phủ và các quan đều biết cả; vì nghĩ em ta tâm tật khó khỏi, rất thương các cháu nghèo thiếu, cho nên đặc biệt gia hậu, không phải là thiên ái. Nay Ứng Thị đã 11 tuổi, Ứng Đăng đã 6 tuổi, Hoàng Thái hậu vui chơi với cháu quanh dưới gối và cùng với Ứng Chân thương yêu như một, người lớn thì bọn quan sư phó sớm hôm giảng dạy, người bé thì cũng dạy đọc sách, đều mong cho đức tiến nên tốt. Trẫm nếu may mà có con, thì bọn ấy rút xuống phong làm phiên vương, ban nhiều bổng lộc, thăng hoặc điềm sinh con trai vẫn không có, bổng câu không lường được thì tất chỉ người hiền là cho, vì thiên hạ được người là khó, trẫm có dụng tâm gì đâu*”.⁽³⁾ Nhân đó, vua cử Hiệp biện Đại học sĩ lãnh Lễ Bộ Thượng thư sung Cơ Mật Viện đại thần Lê Bá Thận kiêm sư phó ở Dục Đức Đường (tháng Hai năm Đinh Sửu, 1877), rồi tăng thêm lương bổng cho Ứng Chân (tháng Giêng năm Nhâm Dần, 1878), có vẻ như ông quyết tâm trau dồi để trao “gánh nặng” cho Ứng Chân. Tháng Giêng năm Quý Mùi (1883), Ứng Chân được phong Thụy quốc công (đồng thời, Ứng Kỷ được phong Kiến Giang quận công).

Vua Tự Đức biết Ứng Chân không tốt, lại ngầm giao du với Pháp, nhưng vì lớn tuổi hơn hai em nên khi lâm chung ngày 16 tháng Sáu năm Quý Mùi (19/7/1883) ở điện Càn Thành, vua trao di chiếu cho nối ngôi. Trước mặt các hoàng thân và đình thần, Ứng Chân khóc lạy nhận mệnh, rồi vào điện Hoàng Phúc cư tang. Nhưng ba ngày sau, trong buổi lễ Đăng quang, hai vị Phụ chính Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường nghe Trần Tiễn Thành tuyên di chiếu, ngang đoạn: “*Ứng Chân cố nhiên là học lâu trưởng thành, chính danh đã lâu, nhưng mặt hơi có tật, giấu kín không rõ ràng, sợ sau không sáng, tính lại hiếu dâm cũng rất là không tốt, chưa chắc đương nổi việc lớn. Nhưng nước có vua nhiều tuổi, đương lúc khó khăn này, không dùng hẳn thì*

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Bảy, tr. 1310.

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Bảy, tr. 1332.

(3) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Tám, tr. 79-80.

dùng ai?”⁽¹⁾ thì Thành đọc ấp a ấp úng, Thuyết tức giận, sai vị khác đọc lại cho rõ, rồi lập tức vin vào đó tuyên bố truất phế.⁽²⁾ Các quan im phăng phắc, chỉ viên Hình khoa chương án Phan Đình Phùng nói: “*Vua nối ngôi nếu có lỗi, chưa thấy can ngăn đã vội bàn như thế, việc bỏ vua dựng vua là việc to, lại dễ dàng quá thế*”.⁽³⁾ Thuyết quát sai tả hữu bắt trời ông đem giam ở trại quân Cẩm Y, bảo sẽ nghiêm trị (nhưng sau chỉ “đuổi” ông về quê). Ai nấy đều rầm rập ký tên vào bản tâu xin ý chỉ của Thái hậu ở cung Gia Thọ, bà nói: “*Hiện nay, trong thì lo về vua mới mất, ngoài thì lo có giặc ngoại xâm, người ít tuổi thực không đương nổi, nhưng thân này già cả, sao biết được, phần nhiều nhờ Tôn Nhân, Phụ chính, đình thần, cùng nhau chọn các hoàng đệ, ai nên lập thì lập lên làm vua*”.⁽⁴⁾ Thuyết chọn em út vua Tự Đức là Văn Lăng công Hồng Dật, đem bàn với Phủ Tôn Nhân, Hội đồng Phụ chính, đình thần, họ đều nhất trí. Ông giáng Ứng Chân làm Thụy quốc công, quản thúc ở Dục Đức Đường, sau lại giáng làm công tử, chuyển qua giảng đường Viện Thái Y,⁽⁵⁾ rồi đưa vào nhà ngục phủ Thừa Thiên, giam đói cho đến chết vào ngày mùng 6 tháng Chín năm Giáp Thân (24/10/1884). Về sau, năm 1885, vua Đồng Khánh tôn là Thụy Nguyên quận vương, tên thụy Trang Cung; năm 1892, vua Thành Thái dâng tôn thụy là Huệ Hoàng Đế, miếu hiệu là Cung Tông, mộ tôn tạo thành An Lăng. Sử gọi ông là vua Dục Đức, lấy theo tên nhà học của ông.

Tháng Năm năm Quý Mùi (1883), vua Tự Đức băng hà, để di chúc tấn phong bà làm Hoàng hậu, nhưng sau đó, triều đình bất ổn, xảy ra việc phế lập do Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Tường chủ trì. Sau khi Ứng Chân bị phế, Văn Lăng công Nguyễn Phúc Hồng Dật lên ngôi, niên hiệu Hiệp Hòa; “*其年秋尊人廷臣奉遺詔請晉尊后詣嘉壽宮(儀天章皇后所居)拜辭曰奉詔嚴訓嗣君今嗣君如此亦預有過請從謙宮奉*

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Tám, tr. 574. Nguyên trước đó, ngày 16 tháng Sáu năm Quý Mùi (1883), vua Tự Đức chọn Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết, Trần Tiễn Thành làm Phụ chính đại thần, hai ông hoàng Thọ Xuân Vương Miên Định, Tuy Lý Vương Miên Trinh làm Phụ đạo. Tường, Thuyết và Thành xin bỏ đoạn văn này, nhưng vua bảo cứ để như thế để răn dè Ứng Chân. Ngày 16 tháng Sáu, Ứng Chân họp triều đình tại điện Văn Minh, cũng đề nghị bỏ để tránh ảnh hưởng xấu về sau trước nhân dân và đặc biệt là trước người Pháp. Triều đình nói: “Hội đồng Phụ chính đã tâu, nhưng tiên đế không chịu”. Trong lễ Đăng quang ngày 19 tháng Sáu, khi tuyên đọc di chiếu, đến đoạn này, Trần Tiễn Thành hạ giọng lí nhí, ấp a ấp úng. Tường và Thuyết bắt bình đàn hặc, rồi cử Nguyễn Trọng Hợp đọc lại cho rõ ràng. Tường và Thuyết không muốn lập Ứng Chân, vì biết ông giao du nhiều với Pháp, sợ sẽ không hay, nên làm sớ tâu lên Lưỡng cung (Thái hậu Phạm Thị Hằng và Hoàng hậu Vũ Thị Duyên) kể các tội, xin bỏ. Hai bà đành chấp thuận.

(2) Thật ra đoạn văn ấy chỉ là cái cớ, chứ Tường và Thuyết đã có ý định trước rồi. Theo *Đại Nam thực lục*, Tường vốn coi thường Ứng Chân, vì ông ta hay làm lỗi, thường bị vua quở mắng, chắc sẽ không được nối ngôi, nào ngờ việc xảy ra như vậy, nên lòng không yên; Thuyết cũng không bằng lòng, vì mình thì chống Pháp mà Ứng Chân thì thích giao du với Pháp. Lại trong mấy ngày ở điện Hoàng Phúc, Ứng Chân đem người riêng vào hộ vệ, chế thẻ bài riêng cho đeo, để chúng ra vào tự do, rồi các tờ tâu từ các quân thứ và các tỉnh gửi về, để qua đêm mà không giao ra, đến khi lễ điện, mặc áo sắc lục cũ và dùng đồ riêng không theo khuôn phép. Do vậy, hai ông Phụ chính hội ý với nhau, quyết định phế truất.

(3) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Tám, tr. 579-580.

(4) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Tám, tr. 580.

(5) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Tám, tr. 594-595.

侍辰廢帝又請后御高明殿躬詣拜謁並親進玉飯后固辭不受尋駕往謙宮于溫謙堂奉侍良謙殿帝乃命尊人廷臣詳議如何務合禮制群臣乃參酌成典請以宮名美字晉尊為謙皇后”⁽¹⁾ (Mùa thu năm ấy, Tôn Nhân, đình thần vâng di chiếu xin tấn tôn. Hậu đến cung Gia Thọ (nơi Nghi Thiên Chương Hoàng hậu ở), lạy và từ chối rằng: [Tôi] vâng chiếu dạy dỗ tự quân, nay tự quân như thế cũng có lỗi, [tôi] xin đến Khiêm Cung để hầu. Lúc bấy giờ, Phế đế lại xin Hậu ngự điện Cao Minh để đến bái yết và thân dâng cơm. Hậu cố từ chối không nhận, liền đi xe đến Khiêm Cung vào Ôn Khiêm Đường kính châu hầu ở Lương Khiêm Điện. Vua bèn sai Tôn Nhân, đình thần bàn thế nào hợp lễ chế. Quần thần bèn tham chúc hết điển lễ, xin lấy tên cung làm mỹ tự tấn tôn làm Khiêm Hoàng hậu).

Vua sai làm sách vàng ấn vàng, tâu vào cung Gia Thọ, Hoàng Thái hậu bảo đình lại chờ khi nào Trung phi trở về. Mãi sau khi Nguyễn Phúc Ứng Lịch lên ngôi, niên hiệu Hàm Nghi, tháng Ba năm Ất Dậu (1885), lễ tấn tôn Nghi Thiên Chương Hoàng hậu xong, Tôn Nhân Phủ và đình thần lại xin tấn tôn Hoàng hậu, bà vẫn từ chối. Rồi tháng Năm, Kinh Thành thất thủ, từ giá Hoàng Thái hậu lánh lên Kim Long, rồi ra Quảng Trị, bà đi theo. Vua Hàm Nghi vượt đường núi qua Lào ra Hà Tĩnh kháng chiến, còn từ giá lại trở về Huế, lên Khiêm Lăng tạm ở, vì Kinh Thành đã bị Pháp chiếm đóng. Ít lâu sau, Pháp giao trả Kinh Thành, Hoàng Thái hậu về ở cung Gia Thọ, còn bà thì vẫn ở tại điện Ôn Khiêm.

Tháng Tám năm Ất Dậu (1885), Nguyễn Phúc Ứng Đăng lên ngôi, niên hiệu Đồng Khánh, rước bà về ở cung Trường Ninh. Tháng Ba năm Đinh Hợi (1887), vua Đồng Khánh xin dâng tôn hiệu Trang Ý Hoàng Thái hậu, lời dụ có đoạn giải thích: “Cái gốc thì sâu, lại thêm hiền lành cẩn thận, chẳng phải là “trang” ư? Trông xa thì ngời hơi đẹp, tời gần thì thấy sâu dày, chẳng phải là “ý” ư?”. Toàn văn tờ dụ viết:

自古英君合辟孝奉東朝既合天下之養以為養必極天下之尊以為尊漢有明德宋有宣仁皆以表鴻崇而彰景燦也欽惟我聖母含弘毓慶靜穆端型相我皇考翼宗英皇帝三十有六年嗣徽姜摯維德之行德化洽于家邦美利施于社稷奉我皇考彌留之際遺詔晉封為皇后大禮未及舉行偶遭變故仰賴我九廟之靈我聖祖母暨我聖母之積慶式克至于今日休是惟乾元坤厚流光其蘊於心而發於外也本之塞淵加之淑慎非莊者乎望之疑秀即之深冲非懿者孤朕光受丕基獲以天下親奉溫省尊親共協普率攸同昨經尊仁廷臣籲請晉加尊號欽奉慈旨謙抑之受寔惟尊光之德莫能名狀者也因念精璆玉冊代有徽稱情也亦禮也所應虔奉徽章以彰國慶茲尊仁廷臣再三敦請朕即以事奏聞幸蒙俞允其晉尊合行事宜著準有司各炤例以慰予一人歡奉之虔合萬姓尊親之念⁽²⁾ (Từ xưa, bậc vua chúa sáng suốt hiền lành, lấy hiệu thảo thờ phụng Đông triều,⁽³⁾ lấy sự nuôi dưỡng cả trong thiên hạ để nuôi dưỡng, lấy cái suy

(1) *Đại Nam liệt truyện*. Chính biên. Nhị tập. Quyển Tứ, tờ 4a-4b.

(2) *Đại Nam liệt truyện*. Chính biên. Tập 2. Quyển 4, tờ 7a-8b.

(3) Đông triều: triều đình ở phía đông, tức khu vực Tử Cấm thành thời Hán, chỉ nơi hoàng hậu, phi tần ở. Thời Hán, thái hậu và hoàng hậu ở tại cung điện Trường Lạc, nằm về phía đông cung điện Vị Ương, là nơi vua ngự, hội họp đình thần. Tại Kinh đô Huế, thì khu vực này ở phía tây bắc trong Hoàng Thành, các cung đều có tên riêng và thay đổi qua từng triều vua.

tôn nhất trong thiên hạ để suy tôn, như bà Minh Đức thời Hán,⁽¹⁾ bà Tuyên Nhân thời Tống⁽²⁾ đều là nêu đức lớn để tỏ rõ khuôn mẫu tốt đẹp vậy. Kính nghĩ Thánh mẫu ta: sâu rộng phúc lành, lặng nghiêm khuôn phép; giúp đức Hoàng khảo Dục Tông Anh Hoàng đế ta ba mươi sáu năm, nổi gương sáng của bà Khương bà Chí,⁽³⁾ chỉ một niềm giữ tròn nét hạnh; đức hóa khắp cả nước nhà, lợi ích tràn đầy xã tắc. Hoàng khảo ta lúc lâm chung để di chiếu tấn phong làm Hoàng hậu, lễ lớn chưa kịp cử hành vì gặp cơn biến cố. May nhờ chín miếu ta thiêng liêng, Thánh tổ mẫu và Thánh mẫu ta chứa phúc mà yên được đến ngày nay. Đó thực là Càn nguyên đức nhóm, Khôn hậu sáng ngời. Tất cả chứa ở bên trong mà phát ra bên ngoài vậy. Cái gốc thì sâu, lại thêm hiền lành cẩn thận, chẳng phải là “trang” ư? Trông xa thì ngời hơi đẹp, tòi gần thì thấy sâu dày, chẳng phải là “ý” ư? Trẫm nói nghiệp lớn vẻ vang, được lấy cả thiên hạ phụng thờ chăm sóc; tôn thân chung mối, cả nước⁽⁴⁾ giống nhau. Trước đây, các quan Tôn Nhân Phủ và đình thần xin phong thêm tôn hiệu, kính vâng từ chỉ nhún nhường không nhận; đó thực là cái đức cao sáng không thể hình dung được. Nhân nghĩ: sách ngọc quý báu vô ngần, các đời đều có tôn xưng; đó là tình mà cũng là lễ. Vậy nên kính dâng tên đẹp để tỏ phúc nước. Nay, các quan Tôn Nhân Phủ và đình thần ba lần cố xin, trẫm đem ngay việc ấy tâu lên, may được ơn vui lòng ý cho; còn nghi thức tấn tôn thì chuẩn giao Hữu ty chiếu lệ mà làm, để riêng trẫm yên lòng thành khẩn phụng dưỡng hợp một người với nguyện vọng tôn thân của cả nước).

Bấy giờ, đình thần bàn: “... *Lại vâng xét việc tấn tôn Hoàng Thái hậu là do chiếu chỉ để lại, sau vì loạn lạc chưa kịp cử hành; tháng Tám năm Đồng Khánh, Ất Dậu [1885] lại xin gia tôn làm Trang Ý Hoàng Thái hậu, được ý chỉ từ chối, thần dâng hai ba lần kính xin, lại được ý chỉ, việc tấn tôn giao cho Tôn Nhân, đình thần chọn ngày tốt, tấn tôn Từ Dụ Thái hoàng Thái hậu xong, rồi sau sẽ cử hành. Thần dâng bàn*

- (1) Minh Đức Hoàng hậu, con gái út của Phục Ba Mã Viện (người từng đem quân sang Giao Châu đàn áp cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng), là vợ của Hán Minh Đế. Bà 13 tuổi được tuyển vào tiềm để Thái tử, sau khi vua đăng quang, bà được phong Hoàng hậu, sử thường chép là Minh Đức Mã Hoàng hậu. Bà đoan trang hiền thực, sinh hoạt giản dị, giúp vua có công, tuy không sinh con, nhưng bà vẫn được vua sủng ái, phong làm Chính cung. Qua thời Chương Đế, bà vẫn được tấn phong Hoàng Thái hậu, tuy không phải là mẹ đích của vua. Trong lúc mẹ đích của vua là bà họ Giả chỉ được phong Quý nhân. Bà không tham gia triều chính (có tài liệu nói bà “buông rèm nghe chính” giúp vua nhỏ xử lý việc nước), và không cho ngoại thích được phong quan tước.
- (2) Tuyên Nhân Hoàng hậu, họ Cao, là vợ của Tống Anh Tông, từng nhiều năm giữ quyền nhiếp chính cho cháu trai là Tống Triết Tông, được người ta khen là “nữ trung Nghiêu Thuấn” (Nghiêu Thuấn trong giới đàn bà).
- (3) Bà Khương bà Chí: Bà Khương là Khương hậu, vợ của Chu Tuyên Vương. Vì vua hay ngủ trưa (không dậy sớm thị triều), bà rút bỏ trâm và đồ trang sức, vào cung Vĩnh Hạng là nơi cung nữ bị tội ở, nói: Vì thiếp không có tài để vua thất lễ ngủ trưa. Vua hối hận, bỏ tật ngủ trưa. Bà Chí là Thái Nhân, người đất Chí Trù, về làm vợ Vương Quý, sinh ra Cơ Xương (Chu Văn Vương).
- (4) Cả nước: nguyên văn “phổ suất”, do câu thơ trong thiên *Bắc sơn*, phần *Tiểu nhĩ* trong *Kinh Thi*: “溥天之下莫非王土率土之津莫非王臣 *Phổ thiên chi hạ mạc phi vương thổ; suất thổ chi tân mạc phi vương thần*” (Khắp dưới gầm trời đâu chẳng là đất đai của vua; khắp nơi trong nước ai chẳng là bề tôi của vua).

xét: Hiện nay việc đương bề bộn, chia làm 2 lễ sớ có chưa tiện, việc gia tôn hai chữ “Trang Ý”, xin vâng dụ thi hành; còn như sách và ấn đều xin cho hợp làm một việc. Sắc văn đại khái nói các ý vâng chiếu để lại, tấn phong Hoàng Thái hậu và xin gia tôn Trang Ý; về ấn thì khắc “Trang Ý Hoàng Thái hậu chi bảo” ngõ hầu được giản tiện cả, vua đem việc ấy tâu lên, được ý chỉ bằng lòng y cho, bèn xuống dụ cho thi hành”. Nhưng đang lúc Nam Bắc chưa yên, kho tàng chưa dư dật, nên kim sách, kim bửu đổi làm kim ngân sách, kim ngân bửu, nghĩa là vàng mạ bạc; hòm gỗ đem theo sách bửu đổi làm bằng gỗ cẩm vân, khảm xà cừ bốn góc, chỗ để khóa son son thép bạc, hộp đổi dùng bằng thiếc; hòm bạc đem theo sách, đổi chế bằng hộp lòng gỗ cẩm vân... Lễ tấn tôn cử hành ngày 27 tháng Tư (19/5/1887), sách văn như sau:

竊聞

大德必得其名

尊親之謂至孝

商祥長發源仍溯於有○⁽¹⁾

周烈不瑕盛必推於京室

皆以揚景燦而賁嘉釐也欽惟聖母皇太后陛下

壺範夙閑

徽音克嗣

溯當日垂裳之化輔佐功多

追晚年憑几之言褒崇典在

屬儀章之未舉

因變故之偶遭

仰賴聖慈每洞懷於廟社

肆惟小子迄粗定其家邦

雖盛美而弗居彌著尊光之雅

顧鋪揚其曷罄用彰崇報之彝

謹率群臣奉金冊金寶上尊號曰莊懿皇太后伏惟

丕正徽稱

茂揚淑聞

寸草寓春徽之報惟曲諒夫孝心

六旬臨壽甲之初獲長依于慈廕⁽²⁾

Tạm dịch

Trộm nghe rằng:

Đại đức ắt được tên to;

⁽¹⁾ Chữ trong dấu ○ là chữ TUNG, gồm: 女 + 戎 (theo phiên thiết dẫn trong *Khang Hy tự điển*, nhưng có người đọc là NHUNG, có lẽ vì cho chữ 戎 NHUNG là bộ phận hài âm).

⁽²⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Chính biên Đế lục kỷ. Quyển 7, tờ 4b-5b.

Tôn thân mới là hiếu lớn.

Thương hưng mãi phát, căn nguyên đầu bởi Hữu Tung;⁽¹⁾

Chu dấy không suy, thịnh vượng trước do Kinh Thất.⁽²⁾

Ấy đều là nêu đức tốt mà sáng tỏ phúc lành vậy. Kính nghĩ Thánh mẫu Hoàng Thái hậu bệ hạ:

Nề nếp giữ nghiêm;

Tiếng hay nổi khéo.

Đương buổi ấy rữ xiêm dạy việc, giúp đỡ công nhiều;

Lúc tuổi già dựa ghế để lời, thường khen điển lớn.

Mà nghi chương chưa đặt được;

Bởi biến cố bỗng xảy ra.

Ngửa cây thánh từ luôn nặng lòng thờ miếu xã;

Giúp cho tiểu tử hơn đề sức sửa gia bang.

Dầu không chịu nhận tên vinh, mà lễ tôn quang càng nhã;

Nên hãy cứ nêu chớ thiếu, để niềm sung báo thêm sâu.

Kính đem các quan bưng sách vàng bửu vàng dâng tôn hiệu là Trang Ý Hoàng Thái Hậu. Cúi nghĩ:

Chính đáng tên hay;

Tỏ bày đức tốt.

Tắc cỏ ngụ ánh xuân báo đáp,⁽³⁾ chút chi bày tỏ lòng con;

Sáu tuần tròn chu giáp đầu tiên, mãi được nương nhờ bóng mẹ.

(1) Hữu Tung: tức bà Giản Định, con gái nước Hữu Tung, kết hôn với Đế Cốc (tương truyền Đế Cốc dùng trứng huyền diệu làm sinh lễ), sinh ra ông Tiết (tổ của nhà Thương).

(2) Kinh Thất: chỉ bà Khương Nguyên (không phải nghĩa đen là nhà ở kinh đô), họ Khương, tên Nguyên, người Hữu Thái Thị, dòng dõi Viêm Đế, làm vợ vua Cao Tân, dẫm vết chân người khổng lồ mà có thai, sinh ra ông Khí (sau được vua Thuần cho làm chức Hậu tặc nên gọi là ông Tắc), tổ của nhà Chu. Cũng có người giải Kinh Thất là bà Thái Khương, vợ ông Cổ Công Đản Phủ, mẹ của Vương Quý, bà nội của Văn Vương. Lại có người cho Kinh Thất là bà Thái Nhâm, vợ của Vương Quý, sinh ra Văn Vương. Nói chung là những người vợ đảm đang nét hạnh giúp chồng lập nên sự nghiệp lớn lao (sau đây, chúng tôi sẽ có chú thích thêm). Có lẽ là từ chỉ chung vợ của các đế vương, không riêng chỉ người nào.

(3) Tắc cỏ ánh xuân: chỉ lòng mẹ đối với con ấm áp, dịu dàng, giúp con trong cuộc sống như ánh sáng mùa xuân, thuận lợi cho cây cỏ phát triển. Thơ Mạnh Giao (751-814) thời Đường, bài 遊子吟 *Du tử ngâm*: 慈母手中線/遊子身上衣/臨行密密縫/意恐遲遲歸/誰言寸草心/報得三春暉 *Từ mẫu thủ trung tuyến / Du tử thân thượng y / Lâm hành mật mật phùng / Ý khủng tri tri quy / Thủy ngôn thốn thảo tâm / Báo đắc tam xuân huy* (Tạm dịch: Áo ấy thân con mặc / Chỉ này tay mẹ khâu / Con đi mẹ nhíp kỹ / Mẹ sợ con về lâu / Ai rằng lòng tắc cỏ / Đền được ánh xuân đâu?). Ý nói lòng hiếu của người con đi xa quá ít ỏi, nhỏ bé (như cỏ dại), khó mà báo đáp được tình yêu thương chăm sóc của mẹ rộng lớn (thể hiện trong công việc may vá áo cho con) như ánh sáng cả ba tháng mùa xuân.

Năm Kỷ Sửu (1889), sau khi lên ngôi, đến tháng Mười, vua Thành Thái ban dụ: “大德必得其名尊親之謂至孝自古人君紹休受命因親教愛玉冊精璆典至鉅也欽惟莊懿太皇太后陛下端貞雅範淑慎芳型贊我翼尊英皇帝成內治之美事我慈裕博惠康壽太皇太后敦孝奉之誠美利所施社稷攸賴式至于今日休久宜盛德播于詩聲尊名光於史冊者也粵同慶初年奉我景尊純皇帝恭上徽稱茂隆孝治仰惟常貞坤后久而愈徵朕以冲齡入承大統仰賴瑤宮慈福以濟辰艱寔天之惠以無疆也乃者恭遇我慈裕博惠康壽太皇太后八旬大慶節奉行晉尊禮大禮既成群情允愜猗歟休哉重念道隆京室音嗣周姜以順而光大含弘以孝而耆敬色養尤宜範金刻玉宣播鴻猷以形容於萬一近據皇親尊人輔政廷臣等合辭籲請晉加尊號朕經以事奏達聖懷冲挹抑而弗受仍奉親率群臣再三趨庭陳懇幸蒙兩宮懿旨俯賜俞允合敬同尊載稽彝典茲奉晉加徽稱曰莊懿順孝太皇太后以伸一人榮養之忱孚億萬姓尊親之願”⁽¹⁾ (Đức lớn ắt được nêu tên, tôn thân gọi là rất hiếu. Từ xưa bậc làm vua thiên hạ nối ngôi nhận mệnh, nhân được yêu mến dạy dỗ thì việc dâng sách ngọc bửu vàng là phép tắc lớn vậy. Kính nghĩ Trang Ý Thái hoàng Thái hậu bộ hạ: Đoan trình nét tốt, thực thận khuôn thơm. Giúp Dực Tông Anh Hoàng đế ta việc trong cung tốt đẹp; thờ Từ Dụ Bác Huệ Khang Thọ Thái thái Hoàng Thái hậu ta thật trọn đạo hiếu. Việc làm tốt đẹp, xã tắc cậy nhờ. Cho đến ngày nay nếp lâu còn hợp; đức thịnh truyền khắp trong lời thơ, tên tôn rạng rỡ trong sử sách. Đến Đồng Khánh năm đầu, Cảnh Tôn Thuần Hoàng đế ta kính dâng hiệu đẹp, đạo hiếu lớn lao. Kính nghĩ: quẻ Hằng⁽²⁾ chắc bền, quẻ Khôn dày dặn, càng lâu càng sáng tỏ. Trăm tuổi còn thơ ấu vâng nối ngôi cao, ngửa nhờ phúc lành Dao Cung mà qua khỏi thời kỳ khó khăn, thật là ơn trời không bờ bến vậy. Nay kính gặp lễ lớn thọ tám mươi của Từ Dũ Bác Huệ Khang Thọ Thái thái Hoàng Thái hậu ta, kính vâng cử hành đại lễ đã xong, tình người rất thỏa, đẹp để lắm thay! Lại nghĩ đạo cao Kinh Thất, tiếng nối Chu Khương;⁽³⁾ lấy thuận mà tỏa sáng chứa sâu, lấy hiếu mà kính già nuôi mẹ; càng nên đức vàng khắc ngọc truyền rộng ơn to để hình dung trong muôn một. Gần đây, căn cứ vào lời cùng xin phong thêm tôn hiệu của hoàng thân, Phủ Tôn Nhân, Phủ Phụ Chính và đình thần, trăm đã đem việc tâu lên, lòng thánh nhún nhường gạt đi không nhận. Trăm vẫn thân dân các quan đến sân kêu xin mấy lần, may được Lưỡng cung ban ý chỉ ra ơn ưng thuận, bền cùng

(1) *Đại Nam thực lục*. Chính biên. Đế lục kỷ Phụ biên. Quyển 1, tờ 49b-51a.

(2) Quẻ Hằng: nguyên văn chép “Thường”, vì tị húy (tên bà Thái Thái Hoàng Thái hậu). Nói về đạo vợ thuận từng thì được lâu bền (đã có chú thích trước).

(3) Kinh Thất, Chu Khương: Kinh Thất là bà Thái Nhâm, vợ của Vương Quý, sinh ra Văn Vương. Bà là người họ Nhâm (viết 妊 hay 妊, có người đọc Nhậm), đời sau tôn xưng Thái Nhâm (hay Đại Nhâm), Vương Quý đón về làm vợ, bà chú trọng dạy con ngay khi còn mang thai (thai giáo) bằng cách giữ gìn cẩn thận trong phép nói năng, cử chỉ, mắt không nhìn tà sắc, miệng không nói điều xấu, tai không nghe dâm thanh, đêm nằm nhắm đọc thơ hay, kể chuyện chính đáng; sau sinh ra Cơ Xương (Văn Vương). Chu Khương là bà họ Tự, người đất Sần, đời sau tôn là Thái Tự; Cơ Xương mến đức, kết thuyền làm cầu qua sông Vị đón về làm vợ, được mẹ chồng yêu thương dạy dỗ, giữ đạo dâu con ngoan ngoãn, cần mẫn sớm hôm vun đắp nhà chồng, sinh mười người con, trong đó nổi tiếng nhất là Cơ Phát (Vũ Vương), Cơ Đán (Chu Công). Bà Thái Nhâm có đức lớn, truyền cho bà Thái Tự, hai bà đều giúp chồng, chăm lo nội chính. *Kinh Thi*, phần *Đại nhã*, mục *Văn Vương*, thiên *Đại minh*, chương II nói về bà Thái Nhâm, chương VI nói về bà Thái Tự.

nhau kính tôn. Xét xem điển cũ, nay kính thêm hiệu đẹp là Trang Ý Thuận Hiếu Thái Hoàng Thái Hậu, để bày tỏ tấm lòng một người vinh dưỡng, thỏa ước nguyện muôn họ tôn thân).

Rồi ngày 18 tháng Mười (10/11/1889), vua suất lĩnh hoàng thân, đình thần bưng sách vàng ần vàng vào cung Trường Ninh làm lễ dâng tôn hiệu Trang Ý Thuận Hiếu Thái Hoàng Thái Hậu. Hôm sau, vua lâm triều, hạ chiếu bố cáo cho thần dân cả nước biết rõ. Bài văn sách như sau:

竊聞

應天其順乎含弘裕在中之美

元吉有慶也褒讚揚至德之光

蓋誠以久則徵

而寔與名克副

欽惟皇祖母莊懿太皇太后陛下

星軒耀采

蘭掖流芳

垂女則于唐宮安貞協吉

奉慈歡于漢殿耆敬彌殷

順德洽于邦家

孝道篤乎終始

在昔精璆玉冊未足形容

顧今彤史青編愈彰盛美

藐茲冲子

仰藉鴻慈

惟化懋于宮闈

肆利施于社稷

聖懷謙挹方殷深遠之圖

景爍鋪揚倍切尊親之願

粵稽鉅典宣協昌辰恭率皇親文武廷臣奉金冊金寶恭上尊號曰莊懿順孝太皇太后

伏惟

丕正徽稱

弘宣壺訓

受茲晉福共瞻寶婺之輝

至哉坤元益引金甌之固⁽¹⁾

⁽¹⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục Chính biên Đệ lục kỷ Phụ biên*. Quyển 1, tờ 51b-52b; *Đại Nam liệt truyện Chính biên*. Tập 2. Quyển 4, tờ 10b-11b.

Tạm dịch

Trộm nghe rằng:

Ứng thiên là được xuôi thay, chứa đầy giấu nét hay lòng tốt;

Nguyên cát thì có phúc vậy, khen ngợi nêu vẻ sáng đức dày.

Bởi tháng năm đã tỏ lòng thành;

Mà danh tiếng cùng theo sự thật.

Kính nghĩ Hoàng tổ mẫu Trang Ý Thái hoàng Thái hậu bệ hạ:

Tinh Hiên⁽¹⁾ rực sáng;

Lan dịch⁽²⁾ nồng thơm.

Đề Nữ tặc⁽³⁾ chốn cung Đường, an trịnh đều tốt;

Thờ từ hoan nơi điện Hán, cung kính rất chăm.

Đức xuôi hợp với nước nhà;

Đạo hiếu giữ bền sau trước.

Thửa trước ần vàng sách ngọc, chưa đủ hình dung;

Đến nay sử đỏ tre xanh,⁽⁴⁾ càng phô thịnh mỹ.

Cháu đang tuổi nhỏ;

Ngửa cậy ơn to.

Giáo hóa tốt ở cung vi;

Ích lợi nhiều cho xã tắc.

Nhún nhường lòng thánh, đã hay tình ý sâu xa;

Rõ rệt phép hay, thỏa nguyện tôn thân tha thiết.

Trải xem điển lớn;

Cũng hợp thời lành.

Kính dẫn Tôn Nhân Phủ và văn võ đình thần bưng sách vàng bữu vàng kính dâng tôn hiệu là Trang Ý Thuận Hiếu Thái Hoàng Thái Hậu. Cúi nghĩ:

Chính đáng tên hay;

Rộng nêu đức đẹp.

(1) Tinh Hiên: Hiên là tên sao, cũng có nghĩa là xe. Sao Hiên Viên, theo quan niệm thiên văn cổ, là sao tượng trưng cho phụ nữ sang quý, chỉ xe của phụ nữ khi xuất giá vu quy, sau dùng để chỉ hậu phi trong cung vua.

(2) Lan dịch: vườn lan, chỉ cung cấm, nơi ở của phụ nữ trong cung vua.

(3) Nữ tặc: lễ phép, bổn phận của đàn bà con gái. Nữ tặc cũng là tên sách, do Văn Đức Hoàng hậu (họ Trương Tôn, vợ của vua Đường Thái Tông) soạn. Bà là con gái ông Trương Tôn Vô Kỵ, biết khuyên răn vua trọng dụng các đại thần chính trực.

(4) Sử đỏ tre xanh: sách chép sử. Sử đỏ tức đồng sử, là sách chép việc trong hậu cung của vua, nữ quan được dùng quản bút màu đỏ. Tre xanh là sách chép việc vua quan, vì xưa chưa có giấy, những cuốn sử đầu tiên được chép trên thẻ tre màu xanh đã hơi trên lửa cho toát mồ hôi mà khô đi (nên cũng gọi là "hãn thanh", mồ hôi xanh).

Nhận niềm tấn phúc, cùng xem sao Nữ⁽¹⁾ sáng ngời;

Lớn thật khôn nguyên, lại chúc âu vàng vững chắc.

Ngày Bính Ngọ mùng 5 tháng Năm năm Bính Thân (15/6/1896), gặp lễ Thất tuần đại khánh tiết, vua sai Tôn Nhân Phủ soạn định nghi thức, rồi đích thân dẫn các quan Tôn Nhân Phủ và văn võ đình thần đến cung Trường Ninh chúc mừng Hoàng Thái hậu, rồi ban ân chiếu 10 điều cho thần dân trong ngoài. Ngày mùng 5 tháng Tư năm Tân Sửu (22/5/1901), Từ Dũ Thái thái Hoàng Thái hậu băng hà; ngày 22 tháng Năm (7/7/1901), cử hành lễ Ninh lăng. Sau đó, Hoàng Thái hậu lên điện Ôn Khiêm ở để lo hương khói phụng thờ (nguyên Ôn Khiêm đường, vì bà lên ở lại đó, vua mấy lần xin trở lại cung Gia Thọ để tiện phụng dưỡng, nhưng bà không ưng, nên đổi làm Ôn Khiêm điện). Ngày Kỷ Tỵ 27 tháng Tư năm Nhâm Dần (3/6/1902), bà mất, thọ 75 tuổi, đặt tử cung ngay tại điện Ôn Khiêm để trị tang. Qua tháng Năm, vua sai xây dựng thọ phần bên Khiêm Lăng, sau đó ban dụ:

“自古莫大之粹行斯有莫大之徽稱故詠以述行謚以尊名玉冊精璆垂之無窮布之海內典至鉅也仰惟我聖祖母大行莊懿順孝太皇太后軒星表采望闕儲光德備莊誠行純懿美坤元茂順承之德易美化光京室敦孝奉之誠詩歌斯媚偶值雲雷辰節重光翼軫山河默運一心圖回庶政美利施于社稷仁恩洽于邦家淑問徽音嗣我皇曾祖妣儀天章皇后蓋女中堯舜而今世之妊姁也同慶初年奉我景宗純皇帝遵遺詔上尊孝治茂隆鴻名丕揚朕續承大統祇紹前猷責鉅德涼深惟弗克負荷是懼是賴聖慈明保式克至于今日休殷懷孺慕虔式母儀即位之年親率群臣百執恭捧冊寶加上徽稱尤已播盛洊于聲詩光尊名于典冊也矣去年四月日奉我儀天章皇后遺世上僊欽惟懿旨遵翼宗英皇帝遺囑寧陵後恭迎神主于良謙殿奉安皇祖母御于溫謙堂以便祀事奉見蘋藻盡有齋之美夙夜敦匪懈之虔方期鶴算八旬長信引靈飴之樂蟠桃千歲瑤池濃稱壽之杯鉅意本年四月日又奉靈駕升遐號攀莫逮慨慕何窮嗚呼痛哉追惟大德至仁非名言之可盡祇此揚徽表淑宜報稱之有加惟我祖母大化儼天徽猷輔聖之齋莊懿美需順孝誠早朝則戒進雞鳴待下則恩推樛木何其勤以恕也子姓和集于宮闈母儀式型于邦域何其溫以慈也利社稷而無遺聖慮非所謂賢而且明乎保太和而誕晉僊齡又非所謂靜而致壽乎經尊人廷臣文商同議請恭上尊謚曰儼天輔聖莊懿順孝勤恕溫慈賢明靜壽英皇后諒因諒因懿行而上尊稱朕詳加恭閱想當有合經以事恭達寧壽宮皇太后洞鑒用是仰遵俞旨俯採僉言謹以六月初四日合吉行事宜由有司遵辦務得衷諸情禮明示將來朕將預齋○⁽²⁾請命列廟祇捧冊寶恭詣几筵奉上尊謚庶表崇鴻而彰禎典以長垂於無既矣”⁽³⁾ (Từ xưa người có nét tốt không ai lớn bằng thì có tên đẹp không ai sánh được. Cho nên có bài lụy⁽⁴⁾ để thuật nét, có hiệu thụy để tôn tên. Sách ngọc bửu

(1) Sao Nữ: sao Bảo Vực hay Vực Nữ, một trong chòm bảy ngôi Huyền Vũ (Đầu, Ngưu, Nữ, Hư, Ngự, Thất, Bích) trong thiên văn cổ, là biểu tượng phụ nữ, được thần thoại hóa bằng nhân vật Chức Nữ, cháu gái Trời (Thiên Tôn), gả cho chàng chăn trâu (Ngưu Lang, tức sao Ngưu).

(2) Một chữ gồm bộ THỊ 示 + chữ 異 DỊ, *Khang Hy tự điển* chú là giống chữ 祀 TỰ.

(3) *Đại Nam Chính biên liệt truyện*. Nhị tập. Quyển tứ, tờ 14b-18a.

(4) Bài lụy: gần như bài văn tế, nội dung thuật lại hành trạng, sự nghiệp, đức độ, nét hạnh của người chết, hình thức thường theo thể tán (như thể nói lời trong dân gian Việt Nam, thể tứ ngôn).

vàng để lại không cùng, công bố rộng rãi khắp trong nước, là phép tắc rất lớn vậy. Ngừa nhớ Hoàng tổ mẫu Đại hành Trang Ý Thuận Hiếu Thái hoàng Thái hậu ta: Sao Hiên nêu vẻ, dòng lớn sáng ngời. Đức đủ tinh ròng, nét thuần tốt đẹp. Đức nổi Khôn Nguyên tính thuận, Dịch khen giáo hóa rõ ràng; hiếu noi Kinh Thất tâm thành, thơ ngợi tác phong đẹp đẽ. Thời buổi sấm mây bỗng tới; nước nhà dục chấn lại yên. Ngâm giúp một lòng, sửa sang mọi việc. Lợi tốt đem về xã tắc, nhân lành thấm đến bang gia. Nét hiên tiếng tốt nổi được Hoàng tăng tổ tỷ Nghi Thiên Chương Hoàng hậu ta, ấy là Nghiêu Thuấn trong giới phụ nữ, cũng là bà Thái Nhâm, Thái Tự đời nay vậy. Đồng Khánh năm đầu, vâng Cảnh Tông Thuần Hoàng đế ta tuân theo di chiếu dâng tôn hiệu, hiếu trị dồi dào, hồng danh sừng sững. Trẫm vâng theo nghiệp lớn, nổi dõi mưu xưa, trách nhiệm nặng nề mà tâm đức mỏng manh, suy nghĩ sâu xa sợ không gánh vác nổi. May nhờ Thánh từ sáng suốt giữ gìn mới yên lành đến ngày nay. Cho nên lòng con trẻ kính yêu chân thành bậc mẫu nghi, ngay năm lên ngôi, đích thân dẫn quần thần trăm quan, kính bưng sách bửu dâng thêm tên đẹp, để rộng truyền công lớn vào lời thơ, ghi tiếng to vào điển sách vậy. Năm ngoái, vào ngày tháng Tư, vâng Nghi Thiên Chương Hoàng hậu ta lánh đời lên tiên, kính vâng ý chỉ, tuân theo di chúc của Dục Tông Anh Hoàng đế, sau khi Ninh lăng, kính rước thần chủ vào điện Lương Khiêm an vị; Hoàng tổ mẫu ngự nhà Ôn Khiêm để tiện việc hương khói. Vâng thấy niềm tần tảo⁽¹⁾ nghiêm túc tốt đẹp, chăm sóc sớm hôm không mỏi. Đang mong hạc giá tám tuần, cung Trường Tín ngâm viên đường vui vẻ, đào tiên nghìn tuổi, cỡi Dao Trì dâng chén thọ nồng nàn; nào ngờ tháng Tư năm nay lại vâng xe tiên thăng hà, van nín chẳng kịp, đau xót xiết bao! Than ôi! Thương thay! Nhớ lại đức lớn nhân sâu, không lời nào nói hết được. Chỉ có khen hiên nêu đẹp, nên báo đáp thêm vào cho xứng đáng. Nghĩ Tổ mẫu ta, hóa lớn cùng trời, mưu hay giúp thánh, nghiêm trang tính tốt, nhu thuận hiếu chăm; châu buổi mai thì gà gáy dâng khuyên,⁽²⁾ đôi kẻ dưới thì cây cao ơn phủ;⁽³⁾ xiết bao siêng năng lại rộng rãi như vậy. Con cháu họ hàng tụ tập trong cung; mẫu khuôn phép tắc nêu ra khắp nước; xiết bao hiền hậu mà ôn hòa như thế. Lợi xã tắc mà không để lo cho thánh, ấy gọi là vừa giỏi giang vừa sáng suốt vậy; giữ thái hòa mà càng thêm tuổi cho tiên, lại gọi là lặn lẽ mà sống lâu vậy. Vừa qua, các quan phủ Tôn Nhân và văn võ đình thần bàn bạc với nhau, cùng xin kính dâng tôn thụy là Lệ Thiên Phụ Thánh Trang Ý Thuận Hiếu Cần Thứ Ôn Từ Hiền Minh Tĩnh Thọ Anh Hoàng Hậu, hẳn là xét theo nét tốt mà dâng tôn xưng. Trẫm kính xem lại kỹ càng, tưởng cũng rất hợp, bèn đem việc tâu lên cung Ninh Thọ xin [hương

(1) Niềm tần tảo: hai loại rau sản sinh từ dưới nước (tảo) và bãi sông (tần), ý nói dùng những thứ rất bình thường để cúng tiền nhân, nhưng với tấm lòng hiếu thảo tin thành mới quý. Chỉ người phụ nữ lo việc cúng giỗ tổ tiên.

(2) Gà gáy dâng khuyên: Bài thơ *Kế minh* thuộc *Tể phong* phần *Quốc phong* trong *Kinh Thi*, nói trời sắp sáng, lần thứ nhất nghe gà gáy, bà hiền phi đánh thức vua dậy ra họp triều, vua bảo đó là tiếng ruồi xanh; lần thứ hai thấy phương đông rạng sáng, bà lại gọi chồng dậy, vua bảo đó là ánh trắng; cuối cùng bà khuyên vua đừng vì mình mà để lỡ công việc.

(3) Cây cao ơn phủ: *Nam hữu cù mộc* là tên một thiên trong *Thi Kinh*, phần *Quốc phong*, thơ *Chu Nam*. Cù mộc là loài cây gỗ lớn, để cho các loại cây nhỏ thân dây leo quanh mà sống, ví với người vợ cả yêu thương đùm bọc các người vợ lẽ (chế độ đa thê ngày xưa).

linh] Hoàng Thái hậu soi xét, cho nên ngửa tuân chỉ dụ, cúi nhận lời quan, kính lấy ngày tốt mùng 4 tháng Sáu cử hành, nghi thức do Hữu ty xếp đặt, cốt hợp tình hợp lễ, để bảo rõ về sau. Trẫm sẽ giữ chay tịnh xin mệnh các miếu, kính bưng sách bữu kính đến trước bàn thờ, kính dâng tôn thụ, để nêu tên lớn mà tỏ điển hay, truyền lại lâu dài đến không dứt vậy).

Ngày Nhâm Thìn mùng 4 tháng Sáu (8/7/1902), cử hành lễ dâng thụ hiệu. Bài sách văn truy tôn thụ hiệu như sau:

臣聞

芳儀粹行千秋之彤管流輝

表淑揚徽萬〇⁽¹⁾之精璆有耀

稱天以誅

法月之明

欽惟皇祖母莊懿順孝太皇太后

麗水鐘靈

高門挺淑

贊我翼宗英皇帝三紀昇平之化內治以成

奉我儀天章皇后九旬壽考之歡徽音克嗣

瞻仰含孚于臣庶

儀型雅重于邇遐

尤且

大化儷天

徽猷輔聖

提躬勤恕

秉德溫慈

賢而且明民瘼無遺於聖慮

靜能致壽天和誕保乎僊齡

惟盛德至善之難忘形容不盡

溯垂裕流徽之所自感慕何窮

迺奉奏達寧壽宮皇太後俞旨敬用涓吉請合列廟恭詣几筵奉金冊金寶追上尊謚曰儷天輔聖莊懿順孝勤恕溫慈賢明靜壽英皇后伏望

保受鴻稱

默孚玄爽

來恪有廟長歆毖祀之虔

長發其祥申錫純常之嘏⁽¹⁾

(1) Một chữ gồm bộ THỊ 示 + chữ 異 DỊ, *Khang Hy tự điển* chú là giống chữ 祀 TỰ.

(2) *Đại Nam Chính biên liệt truyện*. Nhị tập. Quyển tứ, tờ 18b-19b.

Tạm dịch

Bề tôi nghe rằng:

Khuôn thơm hạnh tốt, nghìn thu bút đỏ còn ngời;

Nét tỏ đức nêu, muôn thừa ấn vàng vẫn sáng.

Ngang trời văn tả;

Sánh nhật nắng soi.

Kính nghĩ Hoàng tổ mẫu Đại hành Trang Ý Thuận Hiếu Thái hoàng Thái hậu:

Lệ Thủy⁽¹⁾ đúc thiêng;

Cao môn⁽²⁾ nổi nét.

Giúp Dực Tông Anh Hoàng đế ta xây dựng thăng bình ba kỷ, nội trị thành công;

Thờ Nghi Thiên Chương Hoàng hậu ta vui chơi thọ khảo chín tuần, huy âm nổi dõi.

Trông ngóng quan dân đều thỏa dạ;

Phép khuôn kinh ngoại thầy học đòi.

Hơn nữa:

Đại hóa theo trời;

Huy du⁽³⁾ giúp thánh.

Giữ mình cần kiệm;

Ôm đức hiền hòa.

Sáng mà lại ngoan, không để vua lo dân khổ;

Lặng nên được thọ, khiến cho mình hưởng tuổi tiên

Chỉ đức thành rất tốt khó quên, hình dung chẳng hết;

Mà ơn rũ càng dày dễ thấy, cảm mộ không nguôi.

Bèn kính tâu lên Ninh Thọ cung Hoàng Thái hậu xin chỉ dụ, kính chọn ngày lành tháng tốt, xin mệnh các miếu, kính đến bàn thờ, mang sách vàng bửu vàng truy dâng tôn thụy là Lệ Thiên Phụ Thánh Trang Ý Thuận Hiếu Cần Thứ Ôn Từ Hiền Minh Tĩnh Thọ Anh Hoàng Hậu. Cúi lạy mong:

(1) Lệ Thủy: tên huyện cực nam của tỉnh Quảng Bình, có làng Hòa Luật là quê hương của bà Vũ Thị Duyên. Cũng có thể hiểu là sông Nhật Lệ, con sông tiêu biểu của tỉnh Quảng Bình, chảy qua thành phố Đồng Hới (cũng gọi là Đại Giang); hoặc có nghĩa chung chỉ sông nước đẹp đẽ.

(2) Cao môn: chỉ nhà các quan to, nghĩa bóng là dòng dõi có tiếng tăm, nhiều đời làm quan to, như thành ngữ “trăm anh thế phiệt”. Phân biệt với 皋門 *cao môn* là cửa của vòng thành ngoài cùng (quách). Ngoài ra, cung thành thiên tử có năm lần cửa từ ngoài vào trong: 皋門 *cao môn*, 雉門 *trĩ môn*, 庫門 *khố môn*, 應門 *ưng môn* và 路門 *lộ môn* (hay 路寢門 *lộ tẩm môn*).

(3) Huy du: đức tốt, mưu hay. *Kinh Thi*, *Tiểu nhã*, thiên *Giác cung* (Tang hộ 9), chương VI: 毋教猱升木/如塗塗附/君子有徽猷/小人與屬 *Vô giáo nao thăng mộc / Như đồ đồ phụ / Quân tử hữu huy du / Tiểu nhân dữ thuộc* (Chớ dạy vượn trèo cây / Như bùn phủ bùn đầy / Nếu vua có đức tốt / Dân sẽ hóa theo ngay).

Xin nhận tên to;
 Để yên hồn sáng.
 Về nơi miếu mạo, hưởng hâm thờ cúng đời đời;
 Phát mãi điềm lành, ban thưởng ơn may kiếp kiếp.

Ngày 15 cùng tháng, rước linh giá lên an táng tại tâm mộ, đặt tên là Khiêm Thọ Lăng, ở bên tả Khiêm Lăng. Ban đầu, thần chủ rước về thờ tại điện Ôn Khiêm trong Khiêm Lăng; sau lễ cử ngu (dân gian gọi là lễ “làm tuần” bảy ngày 1 lần, tất cả 7 lần; Đế và Hậu thì 9 lần) thì làm lễ tốt khốc, rồi tế đàn, và rước thánh vị thăng phụ vào các miếu trên án thờ Dục Tông Anh Hoàng đế (án tả nhĩ trong điện Phụng Tiên và trong Thế Miếu, cùng thờ ở điện Hòa Khiêm trong Khiêm Lăng).

6. Bà Phan Thị Điều (1855-1906)

Phan Thị Điều, con đại thần Phan Đình Bình, người làng Phú Lương, huyện Quảng Điền, sinh vào giờ Bính Thìn ngày 27 tháng Bảy năm Ất Mão (8/9/1855), tiền cung năm 1869, được chọn vào làm phủ thiếp cho công tử Ứng Chân, con nuôi đầu của vua Tự Đức. Ứng Chân vốn là con thứ hai của Thụy Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Y (1833-1877), cháu nội vua Thiệu Trị, mẹ là Trần Thị Nga (1832-1911), nguyên tên là Ứng Ái, sinh ngày 4 tháng Giêng năm Quý Sửu (11/2/1853), được vua Tự Đức chọn làm dưỡng tử. Vua lại chọn con nhà tử tế cho Ứng Ái lấy làm thiếp để sớm có con nối dõi và cho đổi tên thành Ứng Chân, rồi gọi là hoàng trưởng tử; tháng Bảy năm Kỷ Ty (1869), cho làm con nuôi bà Trung phi Vũ Thị Duyên. Tháng Giêng năm Quý Mùi (1883), Ứng Chân được phong Thụy quốc công (đồng thời, Ứng Kỷ được phong Kiến Giang quận công). Vua Tự Đức biết ông không tốt, lại ngầm giao du với Pháp, nhưng vì lớn tuổi nên khi lâm chung ngày 16 tháng Sáu năm Quý Mùi (19/7/1883) ở điện Càn Thành, vua trao di chiếu cho nối ngôi.

Bà Phan Thị Điều sinh công tử Bửu Lân vào giờ Bính Thân ngày 20 (Bính Thân) tháng Hai (Đinh Mão) năm Kỷ Mão (12/3/1879), sách *Nguyễn Phúc tộc thế phả* ghi ngày 22 tháng Hai năm Kỷ Mão (14/3/1879). Lúc Ứng Chân bị phế, năm 1883 bà cùng với chồng di trú sang giảng đường của Thái Y Viện, rồi sau đó bà cũng bị an trí tại nhà Trần Vũ trong Kinh Thành Huế. Sau khi vua Kiến Phúc lên ngôi, bà được về làng nội Phú Lương sống cùng các con. Năm Mậu Tý (1888) cuối thời Đồng Khánh, bà theo Bửu Lân vào coi giữ đền thờ Kiên Thái Vương bên trong cửa Chính Đông Kinh Thành, gọi là Tôn Từ. Khi ông Phan Đình Bình bị tội giam trong ngục, bà lại phải trở lại nhà Trần Vũ. Ngày 27 tháng Chạp năm Mậu Tý (28/01/1888), vua Đồng Khánh mất, các hoàng tử đều còn nhỏ, Phủ Tôn Nhân và đình thần xin chọn Bửu Lân nối ngôi, Từ Dũ Thái hoàng Thái hậu và Lệ Thiên Anh Hoàng hậu bằng lòng, Pháp cũng đồng ý. Lễ Đăng quang cử hành ngày Giáp Tuất mùng 2 tháng Giêng năm Kỷ Sửu (01/02/1889) ở điện Thái Hòa, đặt niên hiệu là Thành Thái. Bà Phan Thị Điều được tôn xưng là Hoàng lệnh từ, mới vào Tử Cấm Thành, ở tại viện Đoan Huy, được ban hằng năm 1.200 quan tiền, 500 phương gạo. Ngày 17 tháng Hai năm Canh

Dần [07/03/1890] bà được tôn xưng Hoàng mẫu. Năm Nhâm Thìn (1892), miếu thờ Hoàng Khảo làm xong ở phường Thuận Cát bên trong Kinh Thành; ngày 27 tháng Giêng (25/2/1892), vua Thành Thái rước bài vị đặt vào án; ngày mồng 1 tháng Hai (28/2/1892), bưng ngân sách đến làm lễ suy tôn thụy Cung Tôn Huệ Hoàng Đế. Tháng Tư, hoàng thân Phủ Tôn Nhân và đình thần Phủ Phụ Chính cùng văn võ đình thần tâu xin tấn tôn huy hiệu Hoàng Thái hậu, vua thỉnh ý chỉ hai cung Gia Thọ, Trường Ninh (Từ Dũ Thái hoàng Thái hậu Phạm Thị Hằng và Trang Ý Hoàng Thái hậu Vũ Thị Duyên), rồi ban dụ rằng: “*Bậc minh vương ngày xưa lấy đạo hiếu trị thiên hạ, vui điều lành thờ mẹ, nhân người thân dạy dân, là điều trọng nhất của lễ, lớn nhất của điển vậy. Kính nghĩ Hoàng mẫu bệ hạ: Khuôn phép quẻ Khôn, hơi thơm cửa đức. Trước ở Thanh cung⁽¹⁾ giúp Hoàng khảo ta, đức lớn lòng lành, vun nền giáo hóa,⁽²⁾ thương yêu con nhỏ, nuôi nấng chu đáo đến lúc thành người. Trên cây miếu xã linh thiêng, nối theo nghiệp lớn to tát gian nan,⁽³⁾ kính cẩn sợ sệt, chỉ nhờ từ huân, ngày theo tháng tới, ngở hầu nói được liệt thánh. Trước kính hết lòng trẻ nhỏ, chưa tiến hiệu to, theo lời phủ Tôn Nhân, Phụ Chính, đình thần văn vũ cùng bàn điển lễ suy tôn, đã ban dụ cho thi hành. Quẻ Khiêm tôn mà sáng,⁽⁴⁾ lòng người đều ngóng trông. Nay lễ truy tôn ở miếu mới đã xong, vương công trăm quan trong triều cùng tâu xin tiến thêm hiệu lớn. Kính tâu lên cung Gia Thọ, cung Trường Ninh hai thánh xét rõ. Ngọc âm đã chuẩn, điển lễ đã hợp, kính chọn ngày 25 tháng này đích thân suất lĩnh các bề tôi bưng kim sách kim bảo dâng tôn hiệu cho Hoàng mẫu là Hoàng Thái hậu, những việc cần làm do Hữu ty chiếu lệ tuân hành, để thỏa lòng thành thờ phụng của riêng ta, làm sáng điển lành của nước nhà vạn thừa”.*

(1) Thanh cung: chỉ chung nơi ở của hoàng tử, thái tử khi chưa đến tuổi ra lập phủ riêng. Thanh cung nghĩa đen là cung màu xanh, vì cung xây dựng ở phương đông trong Hoàng Thành, phương đông thuộc mộc, màu xanh, ứng với quẻ Chấn của *Kinh Dịch* (quẻ Chấn đơn gồm 1 hào âm dưới 2 hào dương, tượng dương bắt đầu sinh, nên gọi là trường nam. Quẻ Chấn kép hay Thuần Chấn cũng thế).

(2) Nguyên chú: Vun nền giáo hóa, nguyên văn là “thực cơ hóa thủy”. “Thực cơ” lấy chữ trong bài sách văn đối thụy hiệu cho Thành Thái Hoàng hậu nhà Tống: “始於宮闈達於天下但惟內助實基王化 *Thủy ư cung vi, đặt ư thiên hạ, dẫn duy nội trợ, thực cơ vương hóa*” (Bắt đầu nơi cung vi mà tới khắp thiên hạ, tuy chỉ giúp đỡ việc trong nhà mà thật ra là vun đắp cho vương hóa); “hóa thủy” lấy chữ trong lời nghị đặt thụy hiệu cho Từ Ý Hoàng hậu nhà Tống: “化始於宮闈而治形于海宇 *Hóa thủy ư cung vi nhi trị hình vu hải vũ*” (Giáo hóa bắt đầu từ cung vi mà trị bình hiện ra nơi hải vũ), đều chép trong *Tống hội yếu tập cáo*.

(3) Nguyên chú: To tát gian nan, nguyên văn là “di đại đầu gian”, chữ trong *Kinh Thư, Đại cáo [Chu thu]*: “予造天役遭大投艱于朕身 *Dư tạo thiên dịch, di đại đầu gian vu trẫm thân*” (Lại đến lúc có việc của trời, đời chuyện lớn đổ chuyện khó lên cho trẫm), chỉ việc vua nhỏ nối ngôi lúc triều chính rối ren, việc nước khó khăn. Đây là lời Thành Vương mới 13 tuổi lên nối ngôi Vũ Vương, bố cáo với chư hầu khi sai Chu công (Cơ Đán) đi dẹp loạn (ba người em giúp Vũ Canh làm phản).

(4) Nguyên chú: Quẻ Khiêm tôn mà sáng, nguyên văn là “Khiêm tôn nhi quang”, chữ trong *Kinh Dịch*, quẻ Địa Sơn Khiêm, phần *Soán [Thoán] truyện*: “謙尊而光卑而不可踰君子之終也 *Khiêm tôn nhi quang, ty nhi bất khả du, quân tử chi chung dã*” (Quẻ Khiêm tôn mà sáng, thấp mà không thể vượt qua, là chung cục của kẻ quân tử).

Rồi ngày 25 tháng Tư năm Nhâm Thìn (21/5/1892), vua dẫn quân thần (Phủ Tôn Nhân, Phủ Phụ Chính, văn võ đình thần) dâng kim sách kim ấn tấn tôn Hoàng mẫu là Hoàng Thái hậu. Sách văn như sau:⁽¹⁾

臣聞

昔明王有至德要道以臨萬姓立愛惟親協于上下孝之至也欽惟皇母陛下

內秉純一

外周慈惠

夙夜嚴畏以助茲冲人

上奉東朝孝誠出於至性

下育黎庶載物由其厚德

肆以微渺

克承丕緒

尤且

久懷謙抑

未晉崇稱

溯京室之徽音

切輿情之○⁽²⁾望

迺者詳稽典禮僉言攸同是用請命廟殿奏達兩宮聖聰洞鑒親率尊人府文武臣工奉上金冊金寶上尊號曰皇太后伏惟

光受鴻名

益增繁祉

有孚元吉契億兆之歡心

申錫無疆裕邦家之盛福⁽³⁾

Tạm dịch

Bề tôi nghe rằng:

Xưa, bậc vua sáng có đức lớn đạo rộng để trị muôn dân, dựng lòng yêu mến chỉ lấy gần gũi với kẻ trên người dưới, ấy là hiết rất mực vậy. Kính nghĩ Hoàng mẫu bệ hạ:

Trong giữ tinh thuần;

Ngoài trau từ huệ.

⁽¹⁾ Thời kỳ này, Hán học chưa đến nỗi suy, nhưng hình như tác giả bài văn sách này không thông thạo lắm về văn biên ngẫu thể tứ lục, tuy cũng dùng phép đối ngẫu nhưng không tuân thủ luật phối thanh. Ví dụ câu: *Nội bình thuần nhất / Ngoại chu từ huệ* (hai chữ cuối đều thanh trắc, giá như đổi “一 nhất” ra “誠 thành” thì hợp thể hơn), hay câu: *Thượng phụng... chí tính / Hạ dục... hậu đức* (cũng vậy, nếu thay “tính” bằng “tinh” thì hợp thể hơn, và lại “chí tính” hay hơn “chí tinh”).

⁽²⁾ Chúng tôi tiếp cận văn bản này qua file ảnh chụp, chỗ có dấu ○ là một chữ bị mờ do ảnh chụp không rõ.

⁽³⁾ *Đại Nam thực lục*. Chính biên Đệ lục kỷ Phụ biên. Quyển Tứ, tờ 13b-14b.

Ngày đêm nghiêm sợ, để giúp đỡ trẻ thơ.
 Trên phụng đông triều, lòng hiếu vốn là tính sẵn;
 Dưới nuôi lê thứ, sức nâng do có đức dày.
 Nay lấy tuổi thơ,
 Cho lên ngôi lớn.
 Hơn nữa:
 Từ lâu khiêm tốn;
 Chưa nhận tên to.
 Noi tiếng tốt của người xưa;
 Thỏa lòng mong của dân chúng

Vừa rồi, xét sâu điển lễ, ai nấy cùng lời, mới xin mệnh đền miếu, tâu lên hai cung
 xem rõ, thân dẫn Phủ Tôn Nhân và văn võ đình thần kính bưng sách vàng bửu vàng,
 dâng tôn hiệu là Hoàng Thái hậu. Cúi nghĩ:

Sáng nhận tên to;
 Càng thêm may mắn.
 Vững tin tốt đẹp, hợp lòng vui sướng cả thần dân;
 Khen thưởng dồi dào, ban phúc lớn lao khắp nhà nước.

Từ tháng Năm năm Bính Ngọ (1906), bà bắt đầu ốm, bệnh càng ngày càng nặng, đến tháng Mười Một thì mất, thọ 52 tuổi, tử cung đặt tại Ninh Thọ Cung. Sách *Nguyễn Phúc tộc thế phả* ghi bà mất ngày 12 tháng Mười Một năm Bính Ngọ (27/12/1906); sách *Đại Nam thực lục*, Chính biên Đệ lục kỷ Phụ biên ghi bà mất giờ Tỵ ngày Ất Tỵ 20 tháng Mười Một năm Bính Ngọ (4/1/1907). Bỏ cáo viết: “Ngày tháng Năm năm nay, thánh mẫu Hoàng Thái hậu ta thánh cung không khỏe, trăm châu chực bên cạnh sớm tối vẫn an, khẩn cầu cung Dao tự phúc, ngày càng khỏe mạnh để an ủi lòng tôn thân của thần thứ. Đến giờ Tỵ ngày 20 tháng này, linh giá thăng hà, nhớ lại đức tốt, kính ngưỡng từ huy, kêu trời khóc đất, thương xót khôn xiết. Duy quốc gia lấy hiếu trị dân, điển lễ rất trọng, các việc nghi thức tang phục cần làm giao cho Bộ Lễ kê tra điển lệ nêu rõ từng khoản bản kỷ tâu lên chờ thi hành”.⁽¹⁾ Ngày 12 tháng Chạp (25/1/1907), vua làm lễ dâng tôn thụy Từ Minh Thực Thiện Nhu Thuận Huệ Hoàng Hậu. Bài văn sách như sau:

臣聞

嘉猷懿行千秋之彤管流芳

表淑揚徽萬祀之精繆有耀

誄以述德

⁽¹⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Chính biên Đệ lục kỷ Phụ biên. Bản dịch. Sđd, tr. 465.

名斯稱情

欽惟聖母大行皇太后陛下

瓠月凝祥

軒星飾○⁽¹⁾

嗣徽音于京室詩美思齊

相皇考于春宮樂賡重潤

待明夷用晦

而大有得尊

慈祥出於自然

明炤周乎眾理

淑慎之儀不忒本塞心淵

善慶之積有餘謀深垂裕

厭鉛華而不御維巽志柔

審素履之易安維坤則諒

盛德形容不盡而缺遺徽感慕何窮爰酌僉言載稽彝典久宜配我皇考晉上徽稱是用吉涓請命列廟祇奉冊寶恭請几筵追上尊諡曰慈明淑善柔順惠皇后伏望

誕受鴻名

默孚玄爽

來格有廟式歆孝享之虔

長發其祥申錫純常之嘏⁽²⁾

Tạm dịch

Thần nghe:

Mưu hay nét tốt, ngàn thu sử đỏ lưu thơm;

Đức lớn tình hiền, muôn thừa vàng ròng tỏa sáng.

Lụy để thuật đức;

Tên phải xứng tình.

Kính nghĩ Thánh mẫu Đại hành Hoàng Thái hậu bệ hạ:

Hồ nguyệt⁽³⁾ un tường;

Hiên tinh⁽⁴⁾ dọi thụ.

Nổi tiếng hay từ Kinh Thất,⁽⁵⁾ thi tán Tư trai;

(1) Một chữ, trên chữ 山 SƠN + dưới chữ 而 NHI, là chữ 瑞 THỤY (tên vua Bảo Đại) viết húi.

(2) *Đại Nam thực lục*. Chính biên Đế lục kỷ Phụ biên. Quyển 18, tờ 34b-35b.

(3) Hồ nguyệt: nghĩa chữ là trăng trong bầu. Chúng tôi chưa rõ điển tích này.

(4) Hiên tinh: sao Hiên, tượng người con gái lên xe về nhà chồng (đã có chú thích).

(5) Kinh Thất: chỉ bà Thái Khương, vợ của Thái Vương (Cổ Công Đản Phủ), có tài năng và đức độ, làm gương cho bà Thái Tự (vợ của Vương Quý) noi theo, sinh ra Cơ Xương (Văn Vương).

Giúp Hoàng khảo nơi Xuân cung, nhạc khen Trùng nhuận.⁽¹⁾

Nhân Minh Di dùng tối,⁽²⁾

Mà Đại Hữu được tôn.⁽³⁾

Hiền lành tính vốn tự nhiên;

Sáng suốt nghĩa theo quần chúng.

Thục thận phép khuôn không lỗi, gốc vững bền lòng;

Phúc lành chất chứa có thừa, mưu sâu cho cháu.

Chán phần son mà chẳng ngợ, Tồn rất nhu mì;⁽⁴⁾

- (1) Nhạc khen trùng nhuận: Cao Tự Thanh chú: Nguyên văn là “nhạc canh trùng nhuận”. *Hán thư* chép lúc Hán Minh Đế làm thái tử, nhạc nhân phổ thơ làm bốn bài hát là Nhật trùng quang, Nguyệt trùng luân, Tinh trùng diệu, Hải trùng khoát để ca ngợi. Thuyết xưa nói đức của thiên tử sáng ngời như mặt trời, tròn như mặt trăng, sáng ngời như sao, tươi nhuận như biển, nên bốn bài hát ấy là để ca ngợi thái tử có đức tốt làm vua. Đây có ý ca ngợi bà Từ Minh Huệ Hoàng hậu giúp vua Dục Đức cha của vua Thành Thái có đức tốt của thái tử.
- (2) Nguyên văn là “待明夷用晦而大有得尊 *Đãi Minh Di dụng hối nhi Đại Hữu đắc tôn*” (Đợi Minh Di dụng tối mà Đại Hữu được tôn). “Minh Di dụng hối”, lấy chữ trong *Kinh Dịch*, quẻ Địa Hỏa Minh Di. *Thoán từ*: 明夷利艱貞 *Minh di, lợi gian trinh* (Ánh sáng bị tổn hại, gặp phải khó khăn, giữ được điều chính đáng thì có lợi). Thoán truyện giảng rằng người quân tử ở thời tối tăm, gặp nhiều khó khăn, chỉ có cách giữ chắc đức chính đáng mới có lợi; muốn giữ đức chính đáng thì trong lòng phải sáng suốt mà bên ngoài thì nhu thuận để chống với hoạn nạn, nhẫn nại với kẻ tiểu nhân để chúng không hại mình. Phần *Đại tượng truyện*: “明入地中明夷君子以利眾用晦而明 *Minh nhập địa trung, minh di, quân tử dĩ lý chúng, dụng hối nhi minh*” (Ánh sáng vào trong đất, ánh sáng bị mờ tối, quân tử lấy đó làm lợi cho mọi người, mờ tối mà sáng). Đây ý nói vua Thành Thái khi thất thế gặp hoạn nạn mà giấu tài ẩn tiếng để tránh kẻ tiểu nhân làm hại mới có được như bây giờ, không khác gì Văn Vương, Cơ Tử ngày xưa (Văn Vương bị vua Trụ nghi ngờ giam vào ngục Dữu Lý, bèn làm ra vẻ nhu thuận, chỉ nghiên cứu các quẻ trong *Kinh Dịch*, nên ông ta cho là vô hại, tha về, nhân đó mà chuẩn bị lực lượng, trao cho con lập sự nghiệp. Cơ Tử là bề tôi và hoàng thân, can vua Trụ không được, bèn giả điên để khỏi bị giết; khi vua Trụ bại trận chết, ông cũng không chết theo, cũng không theo nhà Chu, được Vũ Vương cho ra ở Triều Tiên, lập nước mới, nối được dòng dõi Thương Ân).
- (3) “Đại Hữu được tôn”, lấy chữ trong *Kinh Dịch*, quẻ Hỏa Thiên Đại Hữu, phần *Thoán truyện*: “大有柔得尊位大中而上下應之 *Đại Hữu, nhu đắc tôn vị, đại trung nhi thượng hạ ứng chi*” (Đại Hữu, âm nhu ở ngôi tôn, đức trung lớn trên dưới ứng theo). Người quân tử phải ngăn đón điều dữ ngay khi nó chưa xảy ra và biểu dương điều lành khi nó còn mập mờ để thuận theo trời mà nhận được mệnh tốt (遏惡揚善順天休命 *át ác dương thiện, thuận thiên hưu mệnh*). Đây ý nói Từ Minh Huệ Hoàng hậu khiêm nhường mà có tư chất mẫu hậu nên được triều đình tôn kính.
- (4) *Kinh Dịch*, quẻ Thuần Tồn, *Thoán từ* nói: Tồn, tiểu hanh, lợi hữu du vãng, lợi kiến đại nhân (Tồn: hơi hanh thông, lợi ở chỗ tiến hành, nhưng có đại nhân giúp vào mới có lợi). Thoán truyện giảng rằng: Tiểu nhân mà phục tùng quân tử thì có thể tốt, nhưng phải làm việc chứ không chỉ ở yên mà tốt được, lại phải lựa bậc đại nhân mà tin theo mới thuận lợi. Phần *Thoán truyện*: “Trùng tồn dĩ thân mệnh, cương tồn hồ trung chính nhi chí hành, nhu giai thuận hồ cương, thị dĩ tiểu hanh” (Trùng Tồn để ban lệnh, tồn cứng mạnh chỗ trung chính mà thi triển chí hướng, nhu đều thuận với cương, nên được tiểu hanh). Đây ý nói bà Từ Minh Huệ Hoàng hậu có đức độ mà kết duyên với Huệ Hoàng đế rồi sinh ra con làm vua.

Xem giấy trắng mà dễ yên, Khôn thì lượng thứ.⁽¹⁾

Đức thịnh hình dung chẳng hết, mà chưa để lại tên hay, xiết bao cảm mộ. Châm chúc lời bàn, kê cấu điển lễ, rất nên phối với Hoàng khảo ta, tiền dăng hiệu đẹp. Nay chọn ngày lành, xin mệnh với các miếu, mang sách vàng bửu vàng kính dâng tôn hiệu là Từ Minh Thục Thiện Nhu Thuận Huệ Hoàng Hậu. Cúi mong:

Nhận lấy danh to;

Yên vui hồn phách.

Đi về miếu mạo, hưởng luôn thờ cúng lễ thường;

Phát mãi điềm lành, ban rộng phúc ơn không dứt.

Ngày 24 cùng tháng (06/02/1907), cử hành lễ Ninh lăng: 癸未(二十一日)帝親率群臣恭詣几筵行啟奠禮乙酉(二十三日)靈駕發寧壽宮帝具衰杖步隨至彰德蘆殿靈駕進行帝御後車隨侍至南門津次由水程進帝御龍舟隨侍文武官員兵丁各炤依圖次扈侍至南郊津次起陸進行至日(二十四日)寅刻奉安玄宮于安陵之右恭題神位于尊陵綵殿前禮成恭迎神主回寧壽宮行安禮位循用九虞(均欽命宣化公興仁國公輪番行禮開正二月初三日行卒哭禮尊人文武廷臣並諸老臣均有恭辦品儀附進)⁽²⁾ (Ngày Quý Mùi (ngày 21), vua thân dẫn các quan đến án thờ làm lễ Khai điện. Ngày Ất Dậu (ngày 23), linh giá khởi hành từ cung Ninh Thọ; vua mặc đồ tang, chống gậy tang đi bộ theo, đến điện tranh ở cửa Chương Đức, linh giá tiếp tục tiến trình, còn vua thì ngự ở xe sau theo hầu. Đến bên cửa Nam⁽³⁾ thì theo đường sông, vua ngự thuyền rồng theo hầu; các quan viên văn võ, binh lính và nhân dân lần lượt theo thứ tự hồ tòng. Đến bên Nam Giao, lên bộ đi tiếp. Đến ngày đã định (ngày 24), giờ Dần, kính an táng huyền cung ở bên phải An Lăng, kính đề thần vị ở trước Thái điện tôn lăng. Lễ xong, kính rước thần chủ về cung Ninh Thọ làm lễ an vị, lần lượt làm lễ Cữu ngu (đều sai Tuyên Hóa công [Bửu Tân] và Hưng Nhân quốc công [Bửu Kiêm] thay phiên nhau làm lễ). Ngày mùng 3 tháng Hai năm sau làm lễ Tốt khóc. Các quan Phủ Tôn Nhân và văn võ đình thần kính sắm sửa lễ phẩm dâng lên).

(1) *Kinh Dịch*, quẻ Thuần Khôn, *Thoán từ*: 坤元亨利牝馬之貞君子有攸往先迷後得 Khôn, nguyên, hanh, lợi, tấn mã chi trinh, quân tử hữu du vãng, tiên mê hậu đắc (Khôn: đầu lớn, hanh thông, thích đáng, có đức bền của con ngựa cái; người quân tử có việc làm, trước làm lỡ sau thì đạt được). Khôn giống như Càn, chỉ khác ở Càn thì trinh, còn ở Khôn thì tấn mã trinh, vì Khôn phải kết hợp với Càn mới sinh vạn vật được, cũng như con ngựa cái phải cần thuận ngựa đực mới được. Phần *Thoán truyện*: “至哉坤元萬物資生乃順承天 *Chí tai Khôn nguyên, vạn vật tư sinh, nãi thuận thừa thiên* (Hết mức thay Khôn nguyên, muôn vật nhờ sinh, lại thuận theo trời). Đây ý nói bà Từ Minh Huệ Hoàng hậu có đức nhu thuận, là bậc vợ hiền, mẫu nghi thiên hạ.

(2) Quốc Sử Quán. *Đại Nam thực lục*. Chính biên Đế lục kỷ Phụ biên. Quyển 18, tờ 36b-37a.

(3) Bên cửa Nam: có lẽ là Chính Nam Môn, cửa phía nam Kinh Thành Huế, thường gọi là cửa Thượng Tứ (vì ngay trong cửa có đóng cơ quan Thượng Tứ, có nhiệm vụ trông nom xe ngựa cho vua. Ngoài cửa là Thương Bạc, cơ quan trông coi việc ngoại giao và thương mại, bên Sông Hương ở đây cũng gọi là bến Thương Bạc.

7. Bà Nguyễn Thị Nhân (1870-1935)

Bà Nguyễn Thị Nhân, sử sách triều Nguyễn ghi Nguyễn Hữu Thị Nhân, người xã Nguyệt Viên, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (nay thôn Nguyệt Viên, xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa), con của đại thần Nguyễn Hữu Độ, sinh ngày mùng 1 tháng Một năm Canh Ngọ (22/12/1870), được hai cung chọn vào hầu vua Đồng Khánh ngày 13 tháng Giêng năm Bính Tuất (16/02/1886), và phong ngay huy hiệu Hoàng Quý phi, để cử soát việc nội cung. Nguyên khi vua đề xuất việc tấn phong, Nguyễn Hữu Độ xin từ theo phép “hồi tỵ”, vì mình đang là đại thần ở triều đình. Bài sớ đại khái nói: *“Nguyễn Hữu, tuổi còn ngây thơ, trước vâng theo ý chỉ hai cung, không dám trái mệnh chút nào, nên được sung tuyền, hiện nay sáu viện đều là người cũ khi Hoàng thượng còn ấu nãi, nay nhất đán được vượt ở hàng đầu, sợ sinh lòng kiêu căng, đổ kỵ. Hơn nữa, việc cũ của bản triều, phạm dự họ ngoại, đều phải trốn tránh, đương lúc khó khăn này, nếu theo lệ trước thì e có liên quan đến việc nước; nếu hơi có tư tình, thì e chưa hợp với điển lệ trong nước. Xin thu lại mệnh lệnh mới, được dự vào hàng Tài nhân, Mỹ nhân, năm ba năm nữa dần quen nức tấc, sẽ xin tấn phong, ngõ hầu công tư hai đường đều tiện”*.⁽¹⁾

Vua liền giao cho đình thần bàn, họ cho rằng *“Hoàng thượng chính cần người nội trị ở trong cung, họ Nguyễn Hữu tuổi tuy ngây thơ, nhưng khuôn phép ở chốn phòng khuê, vốn được gia đình giáo dục đã lâu. Nay được sung vào vị ấy, tin cũng kham được”*.⁽²⁾ Mặt khác, *“điều khoản về hồi tỵ chỉ áp dụng cho những trường hợp thông thường. Vào lúc thời thế khó khăn này, Hữu Độ phải gánh vác trách nhiệm nặng nề với quốc gia. Lòng trung thành của ông vốn rất rõ ràng, e không nên coi là vì tư tình mà phải bỏ đạo công. Vậy việc tấn phong vẫn xin tuân theo”*.⁽³⁾

Vua Đồng Khánh ban dụ rằng: *“閨門之內風化之原自古帝王之興莫不思得淑女以正內則易繫家人詩首關雎良有以也我朝定制內庭一階之上設皇貴妃儀型六院整肅內政歷世遵承代有賢淑用能克嗣徽音繁昌祥胤朕潛龍之日奉我皇考選後軍故阮艷之女阮氏為府妾是朕元配也弄瓦初度偕老相期朕嗣統云初未及晉封遽遺簪脫履故劍難求殊深惋惜節因行慶推恩雖干宮人選擇量予階級亦但位止妃嬪至如主饋猶虛以待賢德昨奉我聖祖母慈裕博惠太皇太后聖母皇太后懿旨皇帝今主鬯承祧為天下臣民之主表率宮闈此位不宜久曠乃命以顧命良臣勤政殿大學士永賴伯阮有度之女阮有氏充選經於本月十三日進入大內矣因念該大臣簪纓奕世不忝高門該夫人順淑禔躬夙稱賢婦一家福厚宜出賢媛漢之伏波宋之曹氏皆以世臣令胄彤管流輝所以特蒙選賜自天作合豈偶然哉茲若拘於常例賈魚齊寵非所以仰慰兩宮之心而成內治之美也其阮有氏著晉封為皇貴妃位號早正則宮階咸知敬承內治有人庶朕可以勵精政事此先齊家而後治國之義也”*⁽⁴⁾ (Việc chôn buồng

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Tám, tr. 224.

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Tám, tr. 224.

(3) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2010). *Đồng Khánh Khái Định chính yếu*. Bản dịch: Nguyễn Văn Nguyên. Nxb Thời đại. Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây. Hà Nội, tr. 49. Sau đây viết tắt: ĐKKĐCY.

(4) *Đại Nam thực lục Chính biên*. Đế lục kỷ Phụ biên. Quyển tam, tờ 11b -13a.

the, là gốc phong hóa. Từ xưa, các bậc đế vương dựng nghiệp không ai không nghĩ để có được người vợ hiền để sắp xếp mọi việc bên trong. Nên *Kinh Dịch* thì có lời bàn ở quẻ Gia nhân, *Kinh Thi* thì bài đầu tiên là Quan thư thật đúng như vậy. Triều ta định phép, bậc thứ nhất trong nội đình được lên đặt làm Hoàng quý phi làm hình mẫu cho lục viện, để giữ nghiêm nội chính. Các đời đều nối tiếp tuân theo, nên đời nào cũng có người vợ hiền để có thể nối được tiếng tốt, cho dòng dõi mãi được đông đúc tốt đẹp. Lúc trẫm chưa lên ngôi, Hoàng khảo đã tuyển con gái của viên Hậu quân quá cố Nguyễn Diệm là Nguyễn thị làm phủ thiếp, đó là người vợ cả của trẫm. Mới sinh được người con gái, đang mong sum họp đến già. Trẫm vừa mới nối ngôi chưa kịp tấn phong, đã vội vàng bỏ trâm cỏi giày, không thể tìm được kiếm cũ,⁽¹⁾ trong lòng vô cùng thương tiếc. Sau đó mấy lần nhân lễ khánh hạ suy ân, tuy đã chọn cung nhân, xét cho cấp bậc, nhưng cũng chỉ phong đến phi tần, còn như chủ quỹ⁽²⁾ khi tế tự vẫn còn để trống để đợi người hiền đức. Hôm trước, kính vâng ý chỉ của Thánh tổ mẫu Từ Dụ Bác Huệ Thái hoàng Thái hậu và Thánh mẫu Hoàng Thái hậu ta: Hoàng đế nay là chủ việc tế lễ thừa tự tông miếu làm chủ thần dân thiên hạ, chức vị tiêu biểu ở chốn cung vi không nên bỏ trống lâu ngày. Bèn cho con gái của cố mệnh lương thần Cần Chánh Điện Đại học sĩ Vĩnh Lại bá Nguyễn Hữu Độ là Nguyễn Hữu thị được sung tuyền, đến ngày 13 tháng này tiến vào Đại Nội. Nhân nghĩ rằng đại thần ấy đời đời trẫm anh, không thẹn là nhà cao quý; phu nhân ấy thì sửa mình thuận thực, sớm xưng hiền phụ. Một nhà phúc hậu, nên sinh được người con gái hiền lành xinh đẹp. Phục Ba thời Hán, họ Tào thời Tống đều là dòng dõi cao quý, ngời ngời bút sử còn ghi. Sở dĩ được đội ơn đặc biệt tuyền cho là do trời tác hợp chứ chẳng phải là ngẫu nhiên. Nay nếu câu nệ theo lệ thường lần lượt đều được sung ái như nhau cả thì không phải để yên lòng hai cung mà gây nên điều tốt ở việc nội trị được. Việc Nguyễn Hữu thị được tấn phong làm Hoàng Quý phi vị hiệu sớm được thỏa đáng, thì cung giai đều biết kính cần tuân theo; việc nội trị có thêm nhiều người để trẫm có thể cố gắng tập trung tinh thần lo chính sự, đó là cái ý nghĩa trước sửa việc nhà rồi sau trị nước vậy).⁽³⁾

Vua Đồng Khánh lâm bệnh và băng ngày 27 tháng Chạp năm Kỷ Sửu (28/01/1889). Tự quân Thành Thái lại gặp khó khăn về kinh tế, chưa thể làm sơn lăng cho Đại hành Hoàng đế, nên đành dùng ngay điện Truy Tư để thờ, đổi tên làm điện Ngưng Hy, và an táng ông ở đồi Hộ Thuận cách đó 30m về phía tây. Trong lời dụ có đoạn: “*Ta hết lòng kính hiếu, noi chí người trước, sai thái sử chọn đất tốt ở núi Cửu An bên phải Khiêm lăng xây dựng lăng tẩm, kính cẩn dâng tên hiệu là Tư lăng. Về huyền cung thì hữu ti khảo cứu rõ ràng lo việc lăng tẩm, phía trước bên trái sơn lăng*

(1) Kiếm cũ: chữ Hán là “cổ kiếm”. Hán Tuyên Đế khi tuổi nhỏ lấy con gái Hứa Quảng Hán. Đến khi lên ngôi vua người con gái ấy là hàng Tiệp dư. Công khanh bàn lập con gái Hoắc Quang làm Hoàng hậu. Vua mới xuống chiếu tìm thanh kiếm cũ khi vua còn nhỏ. Sau đại thần biết, mới đồng ý lập Hứa thị làm Hoàng hậu.

(2) Chủ quỹ: khi tế lễ thì con dâu cả chủ việc xới cơm dâng cúng.

(3) Tham khảo bài dịch trong: Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Tám, tr. 224-225.

dựng điện Truy Tư. Điện này theo quy chế để vương, kính tuân lời bàn năm Tự Đức thứ 29 mà làm sơn lăng tẩm điện hiện nay. Huống hồ trước kia đã vâng lời phê kính cẩn bày ảnh ngự trong điện ấy, ngày sau hãy thay bài vị bằng vàng, đã dự định lấy đó làm nơi thờ cúng. Vậy nên lấy điện ấy làm chánh điện, kính cẩn dâng thêm tên hiệu là điện Ngưng Hy, kính thờ thần vị ở đó”.⁽¹⁾ Bài vị, chân dung Kiên Thái Vương thì rước về thờ tại Hân Vinh từ đường bên bờ sông An Cựu.⁽²⁾ Trong một thời gian dài sau khi vua Đồng Khánh mất, bà cùng bà Dương Thị Thục lên Châu Ê “giữ chốn sơn lăng sương gió, trải đã vào thu hoán đổi tinh tảo; bốn mùa trôi tựa thoi đưa, hơn hai chục năm yên bề thủ tiết”.⁽³⁾

Rồi vua Duy Tân bị thực dân Pháp đầy đi an trí tại đảo Réunion, Bửu Đảo (con bà Dương Thị Thục) được chọn đưa lên ngôi, ngày 15 tháng Tư năm Bính Thìn (16/5/1916) rước vào điện Quang Minh; ngày 16 tháng Tư, vào điện Cần Chính nhận Bảo tể truyền quốc, quần thần dâng biểu khuyến tiến và hôm sau đăng quang (18/5/1916) tại điện Thái Hòa, đổi ngay niên hiệu mới là Khải Định (từ ngày 16 tháng Tư trở về trước là năm Duy Tân 10, từ ngày 17 tháng Tư về sau là năm Khải Định 1). Việc làm đầu tiên của tân hoàng đế là gởi thư cảm tạ các vị Toàn quyền đại thần, Khâm sứ đại thần, không quên Giám quốc nước Pháp. Sau đó, nhà vua tính chuyện “vun quén” cho gia đình. Trước hết, vua rước hai mẹ từ sơn lăng về Đại Nội, rồi lo tu sửa điện thờ và bắt đầu xây dựng lăng mộ cho hoàng khảo. Tháng Sáu năm Bính Thìn (1916), ông sai Bộ Công tu bổ Hoàng Ốc, và tháng Hai năm Đinh Ty (1917), bắt đầu sùng tu Tư Lăng, “lát nền thêm thạch thất, dựng nhà bia, chỗ lan can bái đình lại chế thêm tượng người và voi ngựa các hạng”,⁽⁴⁾ đến tháng Năm thì dựng bia khắc bài văn *Thánh đức thần công*, lạc khoản đề ngày 21 tháng Chín năm Khải Định thứ nhất (17/10/1916). Công trình hoàn tất, ngày 11 tháng Tám (26/9/1917), đích thân vua Khải Định lên triển yết. Tháng Giêng năm Tân Dậu (1921), sửa sang điện

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Chính biên. Đế lục kỷ Phụ biên. Sđd, tr. 77-78.

(2) Hân Vinh từ đường hay Đình Phương từ đường, thường gọi Nội từ đường hay Tôn từ (đều là tên truyền khẩu, không thấy ghi trong một thư tịch nào). Nguyên trước là Đình Phương từ đường hay điện Thiên Thành do vua Đồng Khánh xây dựng từ tháng 3/1888 tại xã An Cựu, nay là lô đất T410 trong bản đồ giải thửa, rộng 3.000m², đường Phan Đình Phùng, sát bờ thành phía tây cung An Định, phường Phú Nhuận, thành phố Huế. Cho đến nay, từ đường chưa qua lần trùng tu tôn tạo nào, chỉ sửa chữa nhỏ sau năm 1975 (các chi tiết trang trí). La thành khá cao, cổng cổ lâu nhìn ra sông An Cựu (Lợi Nông), có nề những chữ Hán “啟成中興鴻基 *Khải Thành trung hưng hồng cơ*”. Bình phong khá lớn, các chi tiết trang trí khảm sành sứ, đã bị bong lở một ít. Đình đồng đặt chính giữa phía trong bình phong, đúc thời Minh Mạng. Phủ thờ ở trung tâm khuôn viên, chiếm khoảng 100m², kiến trúc kiểu nhà rường ba gian, tuồng gỗ chạm trổ đơn giản, mái lợp ngói liệt, nóc trang trí lưỡng long triều nguyệt; nội thất bài trí ba gian thờ, nhiều án và khám, liễn đối, đặc biệt hai biển hoành khắc văn truy tư ngắn của ba vua tiền cúng. Ngôi nhà ngang kiến trúc hiện đại, ba gian. Sân sau, cách chừng 20m, có một dãy nhà ở của bà con nội ngoại tộc.

(3) Trích bài dụ của vua Khải Định (*Đồng Khánh Khải Định chính yếu*. Sđd, tr. 235).

(4) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2012). *Đại Nam thực lục*. Chính biên. Đế thất kỷ. Dịch giả Cao Tự Thanh. Nxb Văn hóa - Văn nghệ. TP. Hồ Chí Minh, tr. 120.

Ngưng Hy... Tư Lăng tọa lạc tại thôn Cử Sĩ xã Dương Xuân (nay thôn Thượng Hai phường Thủy Xuân, thành phố Huế), phần tằm lấy đồi Thiên An cách 3km phía đông nam làm tiền án, phần lăng lấy núi Thiên Thai phía đông - đông nam làm tiền án...

Trong lúc tiến hành sùng tu lăng tẩm cho cha, nhà vua cũng gia tâm chăm sóc hai bà mẹ (mẹ đích và mẹ đẻ), gọi tôn là Hoàng Nguyên từ và Hoàng Lệnh từ. Ngày mùng 6 tháng Năm năm Bính Thìn (16/6/1916), “恭迎皇元慈(即奉坤元昌明太皇太后)御回延壽宮(原寧壽宮至是改今名)皇令慈(即奉今坤元昌德太皇太后)御回長寧宮(啟定八年十二月改為長生宮)俾使晨昏侍奉” [Kính đón Hoàng Nguyên từ (tức Khôn Nguyên Xương Minh Thái hoàng Thái hậu về ở cung Diên Thọ (nguyên là cung Ninh Thọ đến lúc đó đổi tên như hiện nay), Hoàng Lệnh từ (tức nay là Khôn Nguyên Xương Đức Thái hoàng Thái hậu) về ở cung Trường Ninh (tháng 12 năm Khải Định thứ 8 đổi là cung Trường Sanh) để tiện sớm tối châu hầu] và “恭進皇元慈歲俸四千二百元(又不常支銀款五百五十元)皇令慈歲俸三千九百元(又不常支銀款四百五十元)嗣至晉尊後奉增一萬五百元(內恭進皇元慈五千五百元皇令慈五千元)”⁽¹⁾ [Kính dâng tiền tuế bổng cho Hoàng Nguyên từ 4.200 đồng (lại thêm khoản chi bất thường 550 đồng), Hoàng Lệnh từ tuế bổng 3.900 đồng (lại thêm khoản chi bất thường 450 đồng). Tiếp đến sau khi tẩn tôn kính tăng thành 1 vạn 500 đồng (trong đó kính dâng lên Hoàng Nguyên từ 5.500 đồng, Hoàng Lệnh từ 5.000 đồng)]. Hàng năm, lấy ngày mùng 1 tháng Chạp làm ngày khánh tiết Thánh thọ (ngày sinh bà Nguyễn Hữu Thị Nhân), ngày 26 tháng Ba làm ngày khánh tiết Tiên thọ (ngày sinh của bà Dương Thị Thục). Ngày mùng 7 tháng Chạp (31/12/1916), vua dẫn Tôn Nhân Phủ và đình thần văn võ vào cung Diên Thọ dâng sách vàng bửu vàng tẩn tôn huy hiệu Hoàng Thái hậu. Sách văn đã được dịch như sau:⁽²⁾

“Thần nghe rằng: Kinh Dịch còn lưu lời văn tán dương người mẹ, nơi tư sinh còn cao hơn nơi tư thủy;⁽³⁾ sách Lễ coi trọng phép tể kính thờ phụ mẫu, bảo có đại đức tất có đại danh. Đức của mẹ lớn lao, vô biên nhân từ quảng đại, nay tẩn phong đại lễ, nghi thức long trọng tôn vinh. Rạng rỡ đan thư, sáng ngời ngọc sách. Kính nghĩ Thánh mẫu Hoàng Nguyên từ bệ hạ: Phúc lớn lắng trước cổng danh gia; điềm lành rạng ở nơi đài các. Trải suốt ba năm giúp Hoàng khảo trị nước có công, lễ trời đã thuận; đứng đầu bốn sao của Đế tòa ngời ngời ngôi thứ, ánh nguyệt còn thua. Trang nhã đoan nghiêm, điềm cát tường hiện ở chính trung; thánh thiện hiển từ, nét

⁽¹⁾ Đại Nam thực lục Chính biên Đế thất kỷ. Quyển nhất, tờ 17a-18a.

⁽²⁾ Vì không có nguyên văn nên chúng tôi tạm mượn bài dịch sẵn của Nguyễn Văn Nguyên trong *Đông Kinh Khảo Định chính yếu*.

⁽³⁾ Tư sinh, tư thủy: Thiên Hệ từ trong *Kinh Dịch* có câu: 至哉坤元萬物資生...大哉乾元萬物資始 *Chí tại Khôn nguyên, vạn vật tư sinh... Đại tại Càn nguyên, vạn vật tư thủy*” (Lớn thay quẻ Khôn đầu, muôn vật sinh ra từ đây... Lớn thay quẻ Càn đầu, muôn vật bắt đầu từ đây). Quẻ Thuần Khôn gồm toàn sáu hào âm, là đất, chỉ người mẹ; quẻ Thuần Càn gồm toàn sáu hào dương, là trời, chỉ người cha. Đất sinh ra vật mà trời thì nuôi vật, nhờ đó vật tồn tại được, cũng như mẹ sinh ra con mà cha nuôi dạy con.

nhân từ tụng thơ Giao mộc.⁽¹⁾ Hoàng cung giữ nghiêm phép tắc, đoan trang hiền hậu trước lấy mình làm gương; con cái chăm sóc vồ vể, yêu quý gia ân đều coi như con đẻ. Để nay đưa con nhỏ này được lên thừa kế, thực khó kể hết công ơn, nghĩ chẳng cạn lời ca tụng. Bởi vậy sau khi đã lên tôn miếu thỉnh mệnh, thân hành dẫn quần thần tới, kính dâng kim sách, kim bảo để tấn tôn danh hiệu Hoàng Thái hậu. Cúi nghĩ: Tôn hiệu cao cả vẻ vang, đưa về dồi dào phúc khánh. Thiên hạ mẫu nghi thiên hạ phụng dưỡng, đời an lạc vui hưởng dài lâu; tám nghìn mùa xuân lại tám nghìn mùa thu, khúc dao trì kính dâng lên mãi. Kính cẩn dâng sách”.⁽²⁾

Bà thường được gọi là Thánh Cung; để phân biệt với bà Dương Thị Thục, gọi là Tiên Cung. Bà mất ngày 14 tháng Mười năm Ất Hợi (09/11/1935), vua Bảo Đại truy phong Phụ Thiên Dực Thánh Khôn Nguyên Xương Minh Mục Từ Quảng Trang Tĩnh Nhân Thọ Thuần Hoàng Hậu; lăng tên Tư Minh ở Dương Xuân; bà sinh hai con trai tên Bửu Ngụy, Bửu Nga, đều mất sớm.

8. Bà Dương Thị Thục (1858-1944)

Bà người xã Trung Kiên, huyện Phú Lộc phủ Thừa Thiên (nay thuộc xã Lộc Tiến, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế), là con gái của Phú Lộc quận công Dương Quang Hướng (tước vinh phong, không làm quan), sinh ngày 26 tháng Ba năm Mậu Thìn (18/4/1858), được nạp phi làm vợ Nguyễn Phúc Ứng Thị, không rõ năm nào. Cuối năm 1885, sau khi vua Hàm Nghi xuất bôn, Ứng Thị được chọn đưa lên ngôi, niên hiệu Đồng Khánh, tấn phong bà lên bậc Hòa tần, tuy nhiên ta không thấy ông liệt kê trong dụ tháng Tám năm Ất Dậu (1885), trong đó có Quý phi Trần Đăng thị (Trần Thị Đồng, sinh hai trai là An Hóa công Bửu Tùng, Bửu Quyền), Gia phi Phan Văn thị, Chính tần Hồ Văn thị (Hồ Thị Quy, sinh ba gái là Hỷ Duyệt, Hỷ Hỷ tức Ngọc Sơn công chúa, Nhu Hy tức Ngọc Lâm công chúa), Nghi tần Nguyễn Văn thị, Dự tần Trần Văn thị, Tiệp dư Mai Văn thị, Quý nhân Nguyễn Văn thị, Mỹ nhân Nguyễn Hữu thị, Tài nhân Trần Văn thị, và Tài nhân vị nhập lưu Mai thị. Bà đã sinh hai con trai Bửu Đảo và Bửu Khác. Thời Thành Thái, bà được gia phong Tiệp dư (1899), lên ở Tư Lãng cùng bà Nhân để lo việc hương khói cho Tiên đế. Không rõ Bửu Khác ở đâu, còn Bửu Đảo thì cũng ở Tư Lãng với mẹ.

Bửu Đảo, ngự danh Nguyễn Phúc Tuấn (chữ Hán “Tuấn” thuộc bộ “nhật”, lấy nghĩa tượng vua như mặt trời giữa trưa), sinh ngày 01 tháng Chín năm Ất Dậu (08/10/1885). Vua Đồng Khánh mất, vua Thành Thái lên ngôi, Bửu Đảo mới bốn tuổi, theo hai mẹ vào ở điện Ngưng Hy (Tư Lãng). Năm Nhâm Dần (1902), ông được xuất phủ tại xã Dương Phàm, huyện Hương Thủy, bên bờ sông An Cựu (nay thuộc phường

⁽¹⁾ Giao mộc: phiên âm sai, phải là Cù mộc (hay Cừ mộc), tên một thiên trong *Kinh Thi*, phần *Quốc phong*, thơ *Chu Nam*, thiên *Nam hữu cù mộc*. Cù mộc là loài cây gỗ lớn, để cho các loại cây thân dây leo quanh mà sống, ví với người vợ cả yêu thương đùm bọc các người vợ lẽ (chế độ đa thê ngày xưa); theo Chu Hy, thơ *Cù mộc* ca tụng ân đức bà Hậu phi của Văn Vương đối với kẻ dưới (đã có chú thích).

⁽²⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đồng Khánh Khải Định chính yếu*. Sđd, tr. 236-237.

Phú Nhuận, thành phố Huế), đặt tên là phủ An Định,⁽¹⁾ tự hiệu An Định chủ nhân. Một người Pháp, đại úy Charles Gosselin gặp ông trong thời gian này, đã kể lại trong cuốn *L'Empire d'Annam*⁽²⁾ như sau: “*Cũng trong hôm ấy, tôi tới lăng Đồng Khánh, vị vua tội nghiệp mà tất cả những người Pháp đã quen biết đều nhớ tiếc trong khi những người An Nam xem ra lại đã sớm lãng quên. Trong một ngôi điện buồn tẻ nằm lẫn giữa nhiều ngôi nhà phụ cạnh lăng, người con xanh xao của vị vua sống, một người thanh niên 17 tuổi hơi nhút nhát nhưng rất tinh tế và thông minh. Tôi đã trò chuyện cùng ông một giờ, tôi có ấn tượng về lần gặp gỡ này. Sau khi theo thói quen mời tôi uống trà và hút thuốc, hoàng tử đã nói nhiều về vị vua cha mà ông không biết vì khi cha mất ông mới 3 tuổi. Hoàng tử đã hỏi tôi về kỷ niệm mà những người Pháp có về vị vua này, sau cùng trân trọng đưa cho tôi xem một tấm ảnh trong tình trạng xấu, tấm ảnh trong đó Đồng Khánh mặc triều phục, đó là kỷ niệm duy nhất mà người con đáng thương này có được về quá khứ. Vị hoàng tử này sống ẩn dật trong nơi ở tối tăm cùng với một người thầy dạy học và những người hầu hạ, sống tách biệt do sự ganh tỵ và óc đa nghi của chế độ lúc bấy giờ. Thịnh thoảng, nhưng ngày càng thưa thớt, hoàng tử cỡi một con ngựa nhỏ vào Huế thăm các ông chú và bà cô của mình, đó là cách giải trí duy nhất của ông ngoài việc học chữ Nho, triết lý và lịch sử An Nam...*”⁽³⁾

Ngày 10 tháng Mười năm Bính Ngọ (25/11/1906), ông được tấn phong Phụng Hóa quận công; Ngày 3 tháng Hai năm Kỷ Dậu (22/02/1909) được tấn phong Phụng Hóa công. Sách *Thực lục* tán dương: “*Vua tính thông minh nhân hiếu, phụng sự hai cung tình lễ gồm hai, trước sau ít khi thay đổi. Ngày thường chỉ lấy sách vở làm vui, lại hâm mộ thiên lý, thật là thống hệ có nơi quy về, thế lớn đã định, muốn đặt thân ngoài vòng chính trị, nào ngờ trời cao có ý chờ cơ hội khiến nên như thế*”⁽⁴⁾ Sau khi vua Duy Tân bị thực dân Pháp đày đi an trí tại đảo Réunion, Bửu Đảo được chọn đưa lên ngôi, ngày 15 tháng Tư năm Bính Thìn (16/5/1916) rước vào điện Quang Minh; ngày 16 tháng Tư, vào điện Cần Chính nhận Bảo tỳ truyền quốc, quần thần dâng biểu khuyến tiến và hôm sau, ngày 17 tháng Tư đăng quang (18/5/1916) tại điện Thái Hòa, đổi ngay niên hiệu mới là Khải Định (từ ngày 16 tháng Tư trở về trước là năm Duy Tân 10, từ ngày 17 tháng Tư về sau là năm Khải Định nguyên niên). Sau khi lên ngôi, vua Khải Định đón mẹ về ở cung Trường Ninh trong Cẩm thành, gọi là Hoàng Lệnh từ. Ngày 13 tháng Chạp (06/01/1917), vua thân hành dẫn quần thần vào cung Trường Ninh dâng sách vàng bửu vàng tấn tôn Hoàng Thái phi. Sách văn đã được dịch như sau:

“*Thần nghe rằng: Đạo không gì cao bằng đạo hiếu, sách văn ghi lời yêu quý người thân; lễ chẳng gì lớn hơn danh hiệu, cốt tỏ bày nghĩa tôn trọng bề trên. Dịp tốt*

(1) Nay cũng là cung An Định, nhưng khi còn là phủ, diện tích hẹp hơn. Sau ông thua bạc, phải bán cho người ta rồi lên ở một ngôi nhà phụ bên cạnh lăng vua Đồng Khánh (Tư Lăng). Đến khi lên ngôi, mới chuộc lại và mua thêm đất chung quanh để mở rộng lập thành cung An Định.

(2) Sách *Thực lục* chép là “Đại Pháp quốc tam khuyển quan Cốt Sơ Linh” và tác phẩm là *Đại Nam kỷ sự*. Ông này nguyên làm Khâm sứ nước Lào. Sách xuất bản tại Paris năm 1904.

(3) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Chính biên Đệ thất kỷ. Cao Tự Thanh dịch. Sđd. Phần phụ lục, tr. 612.

(4) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Chính biên Đệ thất kỷ. Sđd, tr. 72.

chính hợp lúc này, lễ lớn cử hành long trọng. Kính nghĩ Tiên mẫu Hoàng Lệnh từ bề hạ: Hồ lô động nguyệt, lan điện ngưng hương. Cầm cù như Câu Dặc bao đêm ngày, đủ mùi vật vã; bú mớm chốn Đồ Sơn nhiều năm tháng, sáng nghĩa vẹn tình. Lúc nước nhà gặp bước gian nan, hầu phụng nhà vua vượt qua nguy khốn. Nuôi quả nhân dạy dỗ nên người, mẫu đức cao dày sánh cùng trời đất; giữ chốn sơn lăng sương gió, trái đã bao thu hoán đổi tinh tảo. Bốn mùa trôi tựa thoi đưa, hơn hai chục năm yên bề thủ tiết. Điềm cát tường ngược suy là từ năm Long thần phun nước; đức thịnh ắt đứng đầu hợp lời khấn chim phượng trên khuy. Khiêm nhường ắt được phúc, âm thầm rồi cũng rạng rỡ về vang; ở hiền thì gặp lành, mệnh trời hẳn quy về người có đức. Tới nay đứa con nhỏ này được tiếp nhận cơ đồ to lớn, thay cả thiên hạ mà hầu phụng sớm hôm, mãi mãi ơn nhờ trời cao thương đến. Thề long muôn phương muốn tỏ niềm kính ái, long trọng dâng lên Mẫu hậu tôn danh. Khẩn thiết tu lên mãi hai ba lần, may được bề trên bằng lòng chấp thuận. Sau khi xin mệnh ở tôn miếu, thân hành dẫn dắt quần thần tới kính dâng kim sách, kim bảo, kính dâng tôn hiệu là Hoàng Thái phi. Cúi nghĩ: Tôn hiệu cao cả về vang, đưa về dồi dào phúc khánh. Từ quẻ Tấn mà nhận phúc,⁽¹⁾ cùng nâng cổ chúc thánh thọ lâu dài; xem quẻ Ly xét cát tường,⁽²⁾ đều cầu mong yên vui mãi mãi. Kính cẩn dâng sách”.⁽³⁾

Tháng Giêng năm Đinh Tỵ (1917), vua truy tặng tổ tiên bốn đời trên hai họ ngoại thích Nguyễn Hữu và Dương Quang, bài chế sách viết (trích dịch): “*Càng tưởng nhớ đến người họ Dương ở ấp Trung Kiên là Dương Quang Hường đã quá cố, tuy thuộc dòng tộc bình thường, nhưng nhà lành vun bồi âm đức, phúc lớn dồi dào. Trăng thác vào quả bầu, ngọc ẩn trong đá trắng, sinh hạ ra Hoàng Thái phi triều ta, trong giá ngọc ngà, phúc lành châu báu...*”;⁽⁴⁾ thân phụ Dương Quang Hường tặng Tráng Vũ Tướng quân, Đô Thống Phủ chương phủ sự, tước Phú Lộc quận công, thân mẫu Nguyễn Thị Mỹ (còn thọ) phong Nhất phẩm phu nhân; dựng nhà thờ tại phía đông tòa Đông Cung, tức sau là cung An Định, gọi là Ngoại từ đường (các đời trên là hiền tổ Dương Quang Tứ, hiền tăng tổ là Dương Quang Ý, hiền cao tổ là Dương Quang Tộ, tiên tổ là Dương Quang Chính). Năm Giáp Tý (1924), bà được gia phong Khôn Nghi

(1) Quẻ Tấn nhận phúc: Tấn là quẻ thứ 35 trong *Kinh Dịch*, hạ. Hào từ, Lục nhị: *Tấn như, sâu như, trinh cát. Thụ tư giới phúc vu kỳ vương mẫu* (Hào thứ hai âm: Tiến lên mà rầu rĩ; giữ đạo chính cho bền thì tốt, nhận được phúc lành từ bà nội). Lời giảng: Hào này có đức trung chính. Nhưng không tiến lên được vì trên không có người giúp đỡ, cho nên buồn rầu. Dù vậy, cứ giữ đạo chính cho bền thì rồi cũng sẽ được bà nội giúp.

(2) Quẻ Ly: Ly nghĩa là dựa vào, thuộc vào, cũng có nghĩa là sáng sủa, đẹp đẽ (như chữ “lệ”). Quẻ Thuần Ly trong *Kinh Dịch* gồm hai quẻ Ly đơn chồng lên nhau, chứa đến hai “lửa”, nên rất sáng. *Thoán từ*: 離利貞亨畜牝牛吉 *Ly: lợi trinh; hanh, súc tần ngư, cát* (Ly: chính đáng thì lợi, bền; hanh thông; nuôi bò cái thì tốt). Lời giảng: Dựa vào chỗ chính đáng, chẳng hạn vào người quân tử, thì hanh thông. Dựa vào người thì phải sáng suốt và thuận theo người, vậy phải nuôi đức thuận, đức của con bò cái (loại này dễ bảo nhất) thì mới tốt. Ly còn nghĩa là sáng, mà có đến hai ly, nên sáng quá, tỏ ra mình hơn người thì người không ưa, nên phải giấu bớt cái sáng của mình đi mà trau dồi đức thuận mới có lợi.

(3) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đồng Khánh Khải Định chính yếu*. Sđd, tr. 237-238.

(4) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đồng Khánh Khải Định chính yếu*. Sđd, tr. 299-300.

Hoàng Thái hậu. Thời Bảo Đại gia phong Khôn Nghi Xương Đức Hoàng Thái hậu (1933). Bà mất ngày mùng 2 tháng Tám năm Giáp Thân (18/9/1944), tôn thụy Hựu Thiện Tương Thánh Khôn Nghi Xương Đức Khoan Hậu Từ Hòa Thọ Khang Trang Túc Thuần Hoàng Hậu. Đương thời gọi là “Đức Tiên Cung”; lăng mộ tên Tư Thông, tục gọi là lăng Vạn Vạn,⁽¹⁾ tại xứ đất Cù Bạc, thôn Tam Tây, xã An Cựu,⁽²⁾ huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên (nay thuộc phường An Đông, thành phố Huế).

Nhà sử học Phan Thuận An cho biết: “theo một chứng nhân lịch sử là ông Dương Quang Tùng thì lăng này đã được chọn lựa địa điểm, quy hoạch và xây dựng dưới thời vua Khải Định (1916-1925). Ông Tùng sinh năm 1931, năm nay [2002] 72 tuổi, hiện còn sống ở Huế. Ông Dương Quang Tùng gọi bà Dương Thị Thục bằng cô ruột. Ông là con của ông Dương Quang Lược, em trai của bà Tiên cung. Ông Tùng được bà Tiên cung cho vào ở với bà tại cung Trường Sanh (trong Hoàng Thành Huế) từ năm ông mới 2 tuổi cho đến khi bà mất năm 1944. Ông kể rằng bà Tiên cung mất vào ngày mùng 2 tháng 8 năm Giáp Thân (18/9/1944). Quan tài của bà được quàn tại cung Trường Sanh trong khoảng một tháng, đến tháng 9 âm lịch năm ấy, triều đình mới tiến hành lễ Ninh lăng (tức là đưa đám). Ông Tùng nhớ rõ rằng khi triều đình và hoàng tộc đưa quan tài đến lăng Vạn Vạn thì các công trình kiến trúc ở đây đã hoàn chỉnh trước rồi. Họ chỉ còn một việc là đưa quan tài vào dưới thạch thất (nhà bằng đá) trong lăng bằng đường toại đạo, rồi hạ một tảng đá lớn xuống đó để chặn kín con đường hầm này nữa là xong. Từ đó, việc quản lý khu lăng này thuộc về triều đình. Triều đình có cho xây dựng một bình xá (nhà lính) 3 gian 2 chái bằng gỗ ở bên trái trong khuôn viên của lăng để một số lính hộ lăng ăn ở trực gác. Nhưng, kể từ khi triều Nguyễn cáo chung vào năm 1945 và Huế trải qua những biến động lịch sử, ngôi nhà bị bỏ hoang, rồi tàn tạ vào những năm đầu thập niên 1950”.⁽³⁾ Như nhiều di tích khác, khu vực lăng dần dần bị dân gian lấn chiếm, diện tích mặt bằng thu hẹp dần, mãi đến cuối năm 2002, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế mới tìm cách từng bước quản lý, thuê người coi sóc. Nhìn chung, “so với những lăng mộ của các bà Hoàng hậu khác dưới thời Nguyễn, lăng Vạn Vạn có quy mô kiến trúc tương đối lớn. Ngay cả so với ngôi lăng mộ của bà Thánh cung ở gần lăng Đồng Khánh, khu lăng mộ của bà Tiên cung cũng bề thế hơn nhiều, kể cả mặt bằng xây dựng, quy mô công trình lẫn diện tích khuôn viên. Khu lăng mộ này cũng đặc biệt ở chỗ nó nằm ở vùng đồng bằng chứ không phải tại vùng núi đồi như những khu lăng tẩm khác của “đế” “hậu” triều Nguyễn. Lăng Vạn Vạn tọa lạc tại địa điểm chỉ cách Kỳ Đài (được xem là tọa độ trung tâm của Kinh Thành Huế ngày xưa và của phố Huế ngày

(1) Vạn Vạn: do cách gọi kiểu đất để mả theo thuật phong thủy của cung đình Huế, đất để mả của Hoàng hậu (vợ vua) gọi là Vạn niên cát địa (hay cát cục), của Hoàng Thái hậu (mẹ vua) gọi là Vạn vạn niên cát địa (hay cát cục), cũng như của chính Hoàng đế (vua), của Thái Thái Hoàng Thái hậu (bà nội vua) gọi là Vạn vạn niên đại cát địa (hay đại cát cục).

(2) Xã An Cựu xưa gồm hai bộ phận, An Cựu Đông và An Cựu Tây, mỗi bộ phận chia làm năm thôn, tên gọi là Nhất Đông, Nhất Tây, Nhì Đông, Nhì Tây, Tam Đông, Tam Tây... Sau năm 1975, gộp làm xã Thủy An, thành phố Huế. Ngày nay đều đã giải thể hết, chia làm hai phường An Đông, An Tây, thuộc thành phố Huế.

(3) Phan Thuận An. “Lăng Vạn Vạn”. Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*. Số 4 (38). 2002, tr. 32.

nay) khoảng 3,2km đường chim bay về phía đông nam”.⁽¹⁾ Nhà sử học đã miêu tả kỹ và cung cấp nhiều hình ảnh của lăng này trên tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số đã dẫn.

9. Bà Hoàng Thị Cúc (1890-1980)

Thường gọi là bà Từ Cung, vợ vua Khải Định, mẹ vua Bảo Đại, cũng là bà Hoàng Thái hậu cuối cùng của triều Nguyễn. Bà người ấp Mỹ Lợi, huyện Phú Lộc, phủ Thừa Thiên (nay thuộc xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế). Bà Hoàng Thị Cúc là con ông Tri huyện Hoàng Văn Tích, cháu nội ông Tri phủ Hoàng Văn Vận (Đạt hay Thuật), cháu gọi Hoàng Trọng Suyền bằng chú. Bà sinh ngày mùng 8 tháng Giêng năm Canh Dần (28/01/1890), từ bé đã giỏi việc nội trợ, khéo chế biến, nấu nướng món ăn, được nạp vào hầu Phụng Hóa công Nguyễn Phúc Bửu Đảo (sau là vua Khải Định). Ngày 23 tháng Chín năm Quý Sửu, dương lịch ngày 22/10/1913, bà sinh được một người con trai, đặt tên Vĩnh Bột. Năm 1916, vua Duy Tân (Nguyễn Phúc Vĩnh San) theo Trần Cao Vân và Thái Phiên khởi nghĩa, thất bại, bị mất ngôi và đi đày, triều đình Huế với sự đồng ý của Pháp, chọn lập Phụng Hóa công lên thay. Ông đăng quang, đặt niên hiệu Khải Định, rồi đổi tên cho con trai là Vĩnh Thụy.⁽²⁾

Năm Khải Định 2 (1917), tháng Hai, vua phong bà làm Tam giai Huệ tần (năm này chuẩn định bổng lộc đồng niên cho nội cung: tam giai tần 442 đồng 68 xu), lời dụ viết: “*Quan thư là điểm khởi đầu vương đạo, cung tường chính nơi vương hóa bắt đầu. Từ ngày xưa, các bậc đế vương không ai là không chăm lo vun vén nơi căn bản trước tiên. Trẫm khi còn chưa lên ngôi đã được Lương Cung giáng chỉ dụ khuyên nên sớm quyết định việc này cho được yên bề. Ngờ đâu vì nội chính rối ren nên đàn cầm chưa ngân thành điệu. Từ ngày tức chính tới nay vẫn tâm niệm làm tròn chữ hiếu, nên luôn nghĩ trước lo chấn chỉnh phong hóa tôn xã, rồi sau mới đến chuyện trong cung. Vì nghĩ rằng thứ bậc cung phi đảm đương trợ giúp cho vương hóa, nếu không là người am tường thì khó lái huy xa [xe dùng riêng của hoàng hậu]. Vì thế ngôi chính nội đình vẫn còn để trống, là có ý đợi người vậy. Nhưng xét thấy mấy người thiếp từ khi trẫm chưa lên ngôi vẫn hầu phụng trẫm đã nhiều năm, đáng nên thương đến mà vinh danh. Trong đó Hoàng Thị Cúc nguyên là người được từ chỉ của Hoàng Thái phi tuyển vào hầu hạ ở dinh Hoàng tử, rất được lòng bề trên, lại sớm ứng điềm mộng lành mà sinh con trai, truyền tán phong làm Tam giai Huệ tần, Trần Đăng Thị Thông làm Thất giai Quý nhân, Ngô Thị Trang làm Cửu giai Tài nhân, để đều được hưởng ân sủng. Mọi thủ tục nghi thức truyền Bộ Lễ chiếu theo lệ tuân hành*”.⁽³⁾ Đến tháng Tám cùng năm, vua “phụng lời dụ của hai cung”, tuyển Hồ Thị Chi, con gái của Học Bộ Thượng thư Hồ Đắc Trung, sung vào nội đình, tán phong Nhất giai Ân phi “để nghiêm phép tắc trong cung và giữ thể thống”. Ân phi là người có học, lanh lợi, rất giỏi tiếng Pháp,

(1) Phan Thuận An. “Lăng Vạn Vạn”. Tạp chí đã dẫn, tr. 32.

(2) Chữ 鶯 Bột bộ “điều” là loài chim như cu gáy, chữ 瑞 Thụy bộ “ngọc”, theo *Đại Nam thực lục*, XI, tr. 85. Nhưng những chữ “thụy” trong sách *Đại Nam thực lục* để thất kỷ đều viết thiếu bộ “ngọc”, do phép kiêng húy.

(3) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đồng Khánh Khải Định chính yếu*. Sđd, tr. 264.

nên luôn được theo bên vua để tiện giao thiệp với nhà đương cục Pháp, còn Huệ tần và những người khác chỉ ở trong nội đình hầu hạ Lương cung (mẹ đích và mẹ đẻ của vua). Vua lại “dùng bổng riêng” xây dựng cung An Định bên bờ sông An Cựu cho hai mẹ con Vĩnh Thụy ở.

Năm Khải Định 3 [1918], tháng Chạp [đã qua đầu năm 1819], bà được đặc cách tấn phong Nhị giai Huệ phi và vua dụ Bộ Lễ: *“Tam giai Huệ tần thể lòng hiếu thảo của trẫm mà hầu hạ Lương cung, làm hài lòng bề trên, thật là hiền thảo chăm chỉ đáng khen. Truyền chuẩn tấn phong cho là Nhị giai Huệ phi. Phạm Thị Hoài vừa được chọn đưa vào Đại Nội mà đã nhanh chóng biết phép tắc trong cung, xem ra cũng thông minh sáng dạ, truyền tấn phong cho là Ngũ giai Diễm tần, để hai người sớm được đội ơn dày”*.⁽¹⁾

Năm Khải Định 7 (1922), nhân sang Pháp xem Hội chợ “đấu xảo”, vua đem Vĩnh Thụy theo gởi cho du học, tất nhiên là học “tiếng Tây”, nhưng để con không quên gốc, vua thăng Hồng Lô tự thiếu khanh Lê Nhữ Lâm hàm Thái Thường tự khanh sung làm phụ đạo Hán học cho Đông cung, dạy thêm những kiến thức cổ điển những khi ông Hoàng con rảnh rỗi... Năm 1925, vua băng, Đông cung về dự lễ tang. Tuy được nối ngôi, nhưng sau khi đăng quang, đặt niên hiệu Bảo Đại (nên người ta gọi ông là vua Bảo Đại), ông lại trở sang Pháp tiếp tục học hành, mọi việc trong nước (chẳng có gì quan trọng vì Chính phủ Bảo hộ đã nắm hết, trừ việc tế lễ!) do Hội đồng Phụ chánh và triều đình trông coi. Từ đây, bà Huệ phi Hoàng Thị Cúc chính thức vào Nội cung ở. Năm 1932, tốt nghiệp khóa học, Bảo Đại hồi hương chấp chính, ngày 25 tháng Hai năm Quý Dậu (20/3/1933), tấn phong mẹ làm Đoan Huy Hoàng Thái hậu, thường gọi là “Đức” Từ Cung... Rồi Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, Bảo Đại đọc chiếu thoái vị tại lầu Ngọ Môn chiều ngày 30/8/1945, trân trọng trao chiếc quốc ấn bằng vàng nặng 10kg và chiếc quốc kiếm trong vỏ vàng nạm ngọc lại cho Cách mạng, trưởng đoàn Trần Huy Liệu thay mặt nhận. Cùng ngày, Tôn Quang Phiệt báo tin và trao bức điện của Chủ tịch Hồ Chí Minh mời công dân Vĩnh Thụy ra Hà Nội làm Tối cao cố vấn. Hoàng gia dọn dẹp chuyển dời. Bảo Đại cùng với mẹ (bà Từ Cung Hoàng Thị Cúc) và vợ (bà Nam Phương Hoàng hậu Nguyễn Hữu Thị Lan) cùng các con và một ít kẻ hầu người hạ rời Hoàng Thành qua ở cung An Định. Ngày 02/9/1945, Bảo Đại giã từ Huế, ra Hà Nội làm cố vấn cho Chính phủ Liên hiệp theo lời mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ít lâu sau, Bảo Đại mắc bệnh, phải sang Hongkong (Hương Cảng) chữa trị, đến khi cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa xong xuôi, ông mới về Hà Nội, rồi lại theo một phái đoàn sang Trung Khánh, Trung Quốc, làm nhiệm vụ “thân thiện” (8/1946); Chính phủ nhặn ông cứ ở lại bên ấy, gởi tiền và vàng để tiêu, ông bèn đến Hongkong cư ngụ, không trở về nữa, rồi ít lâu sau sang Pháp sum họp với gia đình; Nam Phương Hoàng hậu đã thu xếp sang Pháp trước đó, bà Từ Cung sống một mình tại cung An Định với trợ cấp ít ỏi của Chính phủ. Khi tái chiếm Việt Nam, thực dân Pháp lại dùng “lá bài Bảo Đại”, đưa

⁽¹⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đồng Khánh Khải Định chính yếu*. Sđd, tr. 266.

ông về làm Quốc trưởng, bà lại có dịp vào cung Diên Thọ, nơi dành riêng cho các bậc Hoàng Thái hậu (mẹ vua) và Thái Hoàng Thái hậu (bà nội vua)...

Cuộc chiến tranh Việt - Pháp kết thúc sau trận Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu chấn động địa cầu”, đất nước chia đôi (1954), Pháp rút quân; tại miền Nam, Ngô Đình Diệm lập Nội các, tổ chức bầu tổng thống “xanh bỏ giỏ đỏ bỏ bì” để hất chân Bảo Đại. Vị hoàng đế cuối cùng của triều Nguyễn định cư luôn tại Pháp. Bà Từ Cung lại ra khỏi Hoàng Thành, ở tại cung An Định. Nhà đương quyền Huế trưng thu cung An Định làm cơ quan phụ trách về dân tộc thiểu số, bà chuyển đến ở một tòa nhà vườn cũng trên trên đường Phan Đình Phùng, cách đó chừng vài trăm mét về phía tây (Những người thân cận với bà Từ Cung cho biết nguyên trước kia (có lẽ khi đã “thất thế”, bà mua cho Nhất giai Ân phi Hồ Thị Chỉ an trú; sau ít lâu bà Chỉ dời đi ở chỗ khác, nương nhờ cửa Phật. Một số người phục vụ ở các ngôi nhà phụ chung quanh). Tuy “hết quan hoàn dân”, bà vẫn giữ phong cách sống cung đình. Sau những biến cố năm 1963, Ngô Đình Diệm đổ, nhà đương quyền Huế trả lại cung An Định, nhưng bà vẫn ở chỗ mới, cho thân thích có khó khăn đến tạm trú. Sau giải phóng 1975, bà tự nguyện cống hiến toàn bộ cung An Định cho Nhà nước.... Bà mất ngày mùng 3 tháng Mười năm Canh Thân (10/11/1980), lễ an táng cử hành ngày mùng 10 tháng Mười (17/11/1980), mộ tại vùng Dương Xuân (thuộc phường Thủy Xuân, thành phố Huế). Bà Từ Cung có ba em trai, trong đó Hoàng Trọng Đồng khá hơn cả, là người sáng lập ban hát Kim Sanh nổi tiếng một thời ở Huế.⁽¹⁾ Ở xứ Huế thường lưu truyền những chuyện về bà kiểu “thâm cung bí sử”, nhưng đều là dạng “ngồi lê đôi mách”, vì tính hiếu kỳ mà bày đặt ra, chỉ kể cho “vui tai”, chẳng có cơ sở thực tế nào cả...

III. MỘT SỐ PHI TÂN NỘI CUNG

1. Lê Thị Ngọc Bình (1785-1810)

Lê Ngọc Bình, vợ của Nguyễn Quang Toản, do vua Gia Long nạp cung ngay sau khi chiếm lại Phú Xuân. Bà là con gái út (có người nói là con nuôi) của vua Lê

⁽¹⁾ Hoàng Trọng Đồng (1899-1987), em bà Đoan Huy Hoàng Thái hậu Hoàng Thị Cúc. Người làng Mỹ Lợi, huyện Phú Lộc, phủ Thừa Thiên (nay thuộc xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế). Sinh ngày 16 tháng Bảy năm Kỷ Hợi (21/8/1899). Thời Khải Định (1916-1925) được thưởng hàm Bát phẩm, bổ làm Ngũ đẳng Thị vệ, sung Thị Hậu. Nhưng ông không mặn mà lắm với những chức hàm ấy, mà sa đà say mê thơ ca và âm nhạc, từng được tháp tùng Đồng cung thái tử Vĩnh Thụy sang Pháp du học (1922). Chẳng học chính trị, cũng chẳng học cách trí, ông chuyên chú nghiên cứu loại hình nhạc kịch Opéra và thủ đắc khá nhiều. Năm 1925, về nước, ông thấy hát bội (tuồng cổ) đang ít được lớp người mới ưa thích, nên gia công cải biên, kết hợp ca Huế với tuồng cổ mà tạo ra lối ca kịch gọi là Kim Sanh (tên tự của ông), rồi cùng với anh (Hoàng Trọng Khanh) và em (Hoàng Trọng Tước tức Hưu) lập một ban hát, gọi là “Gánh ca Huế Kim Sanh”, sau đổi “Đoàn ca kịch Kim Sanh”, sử dụng những làn điệu cổ trong hát bội kết hợp với ca Huế. Đoàn bắt đầu lưu diễn năm 1938, rất được ưa thích và phát triển mạnh từ cung đình cho đến dân gian. Các làng quê xa xôi hẻo lánh, mỗi lần mở hội, vào đám, thường mời đoàn về trình diễn tại sân đình hay góc chợ, bà con nô nức đi xem. Sau năm 1954, khán giả thưa dần, và đến năm 1956 thì đoàn ca kịch Kim Sanh tự giải thể. Ông Đồng mất ngày 15 tháng Bảy năm Đinh Mão (9/8/1987).

Hiển Tông, tức em khác mẹ của Lê Ngọc Hân, đi theo chị và nhân đó được thành hôn với Quang Toàn (thông tin này cũng rất khả nghi, cần kiểm chứng). Bà sinh ngày 12 tháng Chạp năm Giáp Thìn (22/1/1785), được vua Gia Long phong làm Tả cung tần năm 1802. Bà mất ngày 12 tháng Chín năm Canh Ngọ (10/10/1810), được gia tặng là Đức phi, thụy Cung Thận, tẩm ở làng Trúc Lâm (Hương Long, Hương Trà, Thừa Thiên Huế), nhà thờ ở Kim Long (sau dời qua Phú Xuân, nay thờ tại phủ Thường Tín). Bà sinh được 2 trai 2 gái. Trưởng nam là Quảng Oai công Nguyễn Phúc Quân (1809-1829), thứ nam là Thường Tín công Nguyễn Phúc Cự (1810-1849). Trưởng nữ là An Nghĩa công chúa Ngọc Ngôn, thứ nữ là Mỹ Khê công chúa Ngọc Khuê.⁽¹⁾

Trong thế kỷ XX, có người nhầm bà này với Lê Ngọc Hân, gây tranh cãi hơn nửa thế kỷ trong học giới. Theo Minh Vũ Hồ Văn Châm, bản Quốc ngữ *Hoàng triều ngọc phả* soạn dưới triều Thành Thái (1889-1906) mà ông đọc được năm 1988 có ghi mẹ đẻ của hai ông hoàng Quảng Oai công và Thường Tín quận vương là công chúa Lê Ngọc Hân, con vua Lê Hiển Tông (chúng tôi không biết tư liệu này), sau đó, trên tạp chí *Nam phong* số 103 năm 1926 có bài *Ngọc Hân công chúa dật sử* bằng chữ Hán (không ghi tên tác giả), cũng kể chuyện đại khái như thế. Đến lượt *Bulletin des Amis du Vieux Hué* (Tập san *Những người bạn của Cố đô Huế*, thường gọi là *Đô thành hiếu cổ*) số ra ngày 10/12/1941 có in bài *Les caprices du Génie du mariage ou l'extrordinaire destinée de la Princesse Ngọc Hân* (Những trớ trêu của Bà Nguyệt hay số phận lạ lùng của công chúa Ngọc Hân), tác giả Phạm Việt Thường không rõ dựa vào đâu mà đưa ra câu chuyện éo le này: kẻ chiến thắng (Nguyễn Ánh), vào cung kẻ chiến bại (Nguyễn Huệ), gặp người đàn bà sắc nước hương trời (Lê Ngọc Hân), và quyết định lấy nàng làm vợ, mặc dù thái giám Lê Văn Duyệt và các đại thần can ngăn. Từ đó, nhiều người tin chắc câu chuyện “*Số đâu có số lạ lùng / Con vua mà lấy hai chồng làm vua*”... Sự thật lịch sử thì Hoàng hậu Ngọc Hân đã mất năm 1799, Phan Huy Ích đã làm năm bài văn tế Nôm, trong đó có bài làm thay vua Cảnh Thịnh; sách *Đại Nam thực lục đệ tam kỷ* (thời Thiệu Trị) cũng kể việc “ngụy đô đốc Hải” ngầm đem hài cốt Ngọc Hân và hai con (chết non) về chôn tại làng Phù Ninh (tỉnh Bắc Ninh) rồi lập đền thờ; việc bị phát hiện, tháng Bảy năm Nhâm Dần (1842), vua Thiệu Trị sai đào vớt hài cốt xuống sông, phá hủy đền thờ...⁽²⁾

Lại gần đây xuất hiện một câu chuyện khác dưới dạng “thâm cung bí sử”. Trên tạp chí *Sông Hương* số Tết Mậu Dần (tháng 2 năm 1998), nhân một bạn đọc “*nghe rất xôn xao trong dư luận xã hội rằng: vua Minh Mạng không phải dòng họ Nguyễn*”, nêu câu hỏi “*điều đó có đúng không?*”. Có lẽ vì vấn đề rất lạ tai, sự thật chưa hề “rất xôn xao trong dư luận” như kiểu “phóng đại” của người hỏi, nên người phụ trách tạp chí không dám trả lời minh bạch, chỉ trích đăng lại một bài viết trên báo *Đại đoàn kết* số cuối tháng 6/1997. Đó là một việc làm thận trọng và cần thiết của nhà báo. Chúng tôi không được đọc chính bài ấy trên tờ *Đại đoàn kết*, nên chỉ căn cứ vào lời thuật lại của

⁽¹⁾ Hội đồng Trị sự Nguyễn Phúc tộc. (1995). *Nguyễn Phúc tộc thế phả*. Nxb Thuận Hóa. Huế, tr. 222.

⁽²⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Sđd. Tập Sáu, tr. 388-389.

tạp chí *Sông Hương* mà thôi. Tác giả Đặng Văn Thư (Gia Lương - Hà Bắc) lấy tư liệu từ hai cuốn gia phả xa xôi, một ở Thanh Hóa, một ở Hải Dương, kể chuyện năm 1803, vua Gia Long ra kinh lý xứ Quảng (Quảng nào? Vì nhiều xứ Quảng lắm đấy chứ!), nạp một người thiếp của Trương tướng quân (cha của Trương Đăng Quế) mới 18 tuổi đã có mang, sau sinh ra Hoàng tử Đảm (tức vua Minh Mạng). Rồi năm Gia Long thứ 9 (1810), vua muốn lập Đảm làm Thái tử, bốn vị đại thần Lê Chất, Lê Văn Duyệt, Đặng Trần Thường, Nguyễn Cảnh Bị phản đối. Sau đó, vua tột hiềm khích, Gia Long nghe lời dèm, bắt giam cả bốn vị và hành quyết theo lối “tam “ban triều điển”⁽¹⁾ năm 1816... Năm 1819, hoàng tử Đảm lên ngôi, tức vua Minh Mạng, rất tin dùng Trương Đăng Quế, 26 tuổi, vì biết là anh mình.

Câu chuyện thoát nghe có vẻ “rất lịch sử”, nhưng xem lại thì cũng rất... phi lịch sử, nên chính tác giả muốn được “xác minh, cung cấp thêm tư liệu và giải tỏa cho những băn khoăn của nhiều người”. Vì vậy chúng tôi xin mạo muội góp một vài ý để soi sáng câu chuyện trên đây. Trước hết, về nơi sinh và năm sinh của vua Minh Mạng, sách vở đã chép rất rõ: ngày 23 tháng Tư năm Tân Hợi (25/5/1791) tại lân Tân Lộc phía hữu thành Gia Định, nơi chỗ ở của Tổng quốc công phu nhân; về sau, vua cho xây chùa Khải Tường để kỷ niệm, mẹ là bà Trần Thị Đương (Đang) người làng Văn Xá. Như vậy, khi lên ngôi đầu năm 1820, ông đã ba mươi tuổi, và đến năm 1828 thì được 38 tuổi, phù hợp với lời dụ nhân Nguyễn Đăng Khoa ở Quảng Trị dâng viên ngọc tỷ khắc bốn chữ *Vạn thọ vô cương*: “*Trăm ngày đêm héo hon lo nghĩ không yên, năm nay chưa tới bốn mươi tuổi mà răng đã có cái rụng, tóc đã điểm bạc...*”⁽²⁾ Nếu cho rằng ông sinh năm 1803 như câu chuyện, thì hóa ra ông lên ngôi năm 17 tuổi, nhất là không thể sinh con đầu lòng năm 1807 (Nguyễn Phúc Dung, sau đổi Miên Tông, tức vua Thiệu Trị) khi mới 5 tuổi! Vậy, câu chuyện ấy là hoàn toàn bịa đặt! Đúng là không thể lấy chuyện “thâm cung bí sử” làm lịch sử được, chỉ để giải trí khi nhàn rỗi mà thôi!

2. Ngô Thị Chính (1792-1843)

Ngô Thị Chính còn có tên Kiều, người thôn Bình Thuận Đông, tổng Hòa Bình, huyện Kiến Hòa, phủ Kiến An, trấn Định Tường,⁽³⁾ con ông Chương cơ Ngô Văn Sờ. Bà sinh năm Nhâm Tý (1792), được tiến cung năm Gia Long thứ 7 [1808], làm phủ thiếp hoàng tử Nguyễn Phúc Đảm, sau ông lên ngôi năm Canh Thìn, phong bà vị hiệu Cung tần, lại gia hiệu Hiền tần rồi dần dần được tấn phong đến Hiền phi. Bà mất năm Quý Mão (1843), mộ tại làng Châu Chử (tên dân gian là Châu Ê), huyện Hương Thủy, phủ Thừa Thiên (nay thuộc xã Thủy Bằng, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế). Bà sinh năm con trai và bốn con gái. Các hoàng tử là Nguyễn Phúc Chính (*Nguyễn Phúc tộc thế phả* cũng phiên Trinh, trên bộ “nhật”, dưới chữ “chính” mới 01 tuổi đã mất), Vĩnh Tường quận vương Miên Hoành (1811-1835), Phú Bình quận

(1) Đặc ân “cho chết”, vua ban ba thứ: chén thuốc độc, dải lụa và thanh gươm, cho tự ý chọn.

(2) Sử Quán triều Nguyễn. (1994). *Minh Mệnh chính yếu*. Bản dịch: Nxb Thuận Hóa. Tập 1, tr. 38.

(3) Theo *Hoàng tử phả*. Đệ nhất quyển, tờ 9b. Theo *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, bà người làng nào không rõ, huyện Đăng Xương (Quảng Trị).

vương Miên Áo (1817-1865), Hòa quốc công Miên Quân (1828-1863), Quảng Hóa quận công Miên Uyển (1833-1893); các hoàng nữ là Ngọc Tông (1812-1824), Khuê Gia (1813-1865), Uyển Diễm (1815-1836), Thụy Thục (1829-1835).

Thân phụ của bà, ông Ngô Văn Sở, vốn là một tướng lĩnh cấp dưới của Tây Sơn từ đầu cuộc khởi nghĩa (1771), làm đến chức Đô úy, nhưng sớm về hàng quân Nguyễn vương (không rõ năm nào), được thăng dần đến Vệ úy vệ Hùng Nhuệ. Năm 1799, ông cùng Võ Tánh giữ thành Bình Định. Hai tướng Tây Sơn Trần Quang Diệu và Võ Văn Dũng vây chặt lâu ngày, trong lúc Nguyễn vương ra khôi phục Phú Xuân, trong thành tuyệt lương, Võ Tánh giao thành cho Tây Sơn, tự đốt chết, ông lại trốn được, trở về theo Nguyễn vương. Sau, vua Gia Long thăng cho chức Khâm sai Chương cơ, làm Tổng quản đạo Thanh Hóa, sau mắc tội chiếm đoạt ruộng đất, bị giáng cách, rồi mất. Năm 1822, vua Minh Mạng cho khai phục nguyên hàm Chương cơ lãnh Trấn thủ Thanh Hóa, thụ Trung Tráng, lại cho gia đình 200 phương gạo. Sách *Nguyễn Phúc tộc thế phả* chú rằng “ban đầu ông làm chức Đại tư mã triều Tây Sơn” là nhầm với nhân vật trùng họ tên khác.⁽¹⁾

3. Nguyễn Thị Bửu (1801-1851)

Sử sách triều Nguyễn ghi là Nguyễn Khắc Thị Bửu, người lân Tân Khánh, ấp Tân Đồn, tổng Bình Trị, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, trấn Phiên An⁽²⁾ (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), con ông Tư không Nguyễn Khắc Thiệu⁽³⁾ và phu nhân Nguyễn

⁽¹⁾ Đại tư mã Ngô Văn Sở (? -1794) người gốc Trảo Nha, huyện Thạch Hà, xứ Nghệ An), ông nội là Ngô Mạnh là một võ quan, làm Đô thống Phú Xuân dưới thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, sang thời Nguyễn Phúc Thuần, bị ngoại tả Trương Phúc Loan chèn ép, ám hại, ông đem cháu trốn vào vùng Tây Sơn, ở nhờ nhà Bùi công (cha của Bùi Đắc Tuyên), dạy võ cho người con gái của ông này (Bùi Thị Xuân), ngụ tại làng Bình Thạnh, huyện Tuy Phước (nay Quy Nhơn). Nguyễn Huệ biết tài ông, sai Trần Quang Diệu và Đặng Đình Minh đến mời. Ông ra giúp Tây Sơn, năm 1773, được cử làm Chinh Nam đại tướng quân, cùng Nguyễn Văn Lộc, Lê Văn Hưng đánh chiếm ba phủ Phú Yên, Diên Khánh, Bình Thuận. Năm 1786, ông được thăng Đô đốc, theo Nguyễn Huệ ra chiếm Phú Xuân; tháng 01/1787, làm Đại tư mã, tước Ích quốc công, theo Vũ Văn Nhậm, Phan Văn Lân ra Thăng Long bắt giết Nguyễn Hữu Chỉnh. Sau khi Nguyễn Huệ giết Vũ Văn Nhậm, giao cho ông trấn thủ Bắc Hà. Ông có công dẹp loạn Trần Quang Châu và dư đảng nhà Lê. Năm 1789, sau khi vua Quang Trung đại phá giặc Thanh xâm lược, vẫn giao cho ông trấn thủ Bắc Hà, điều hành việc ngoại giao với nhà Thanh. Năm 1793, vua Cảnh Thịnh phong chức Đại tổng lý, tước Kiến Uy công, theo các tướng Phạm Công Hưng, Nguyễn Văn Huân, Lê Văn Trung vào Quy Nhơn đẩy lui quân Nguyễn, rồi chiếm lấy thành Hoàng Đế, Tây Sơn vương Nguyễn Nhạc uất ức mà chết. Ông trở ra trấn thủ Bắc Hà. Năm 1794, vì ông thuộc phe Thái sư Bùi Đắc Tuyên, nên bị Võ Văn Dũng sai người ra bắt về Phú Xuân, bỏ vào cũi dìm sông chết.

⁽²⁾ Theo *Hoàng tử phả*. Đệ nhất quyển, tờ 13a.

⁽³⁾ Nguyễn Khắc Thiệu (1764-1816) là một công thần của vua Gia Long, từng có mặt trong thời kỳ bôn tẩu ở miền Nam. Tổ tiên gốc huyện Tống Sơn, xứ Thanh Hóa, dời vào Gia Định, đời đời học nho và làm thuốc. Ông sớm mồ côi cha, thờ mẹ một niềm hiếu thảo, 13 tuổi theo học với Võ Trường Toản. Năm Mậu Thân (1788), do thầy tiến cử, ông được bổ vào Thị Thư Viện (cơ quan trông coi văn từ như Hàn Lâm Viện), chuyển sang Nội Thị Thư Viện, rồi Hàn Lâm Viện, thăng tham luận đạo Đông Khẩu. Năm Kỷ Mùi (1799), đi đánh Quy Nhơn, ông phụ trách đốc vận quân tư, binh khí; thăng Tham tri Bộ Công. Năm Canh Thân (1800), ông ở lại Gia

Thị Phú. Bà sinh giờ Canh Ngọ ngày 15 tháng Bảy năm Tân Dậu⁽¹⁾ (23/8/1801), được vua Gia Long chọn vào làm Thị nội ở tiếm để Hoàng tử Đảm năm 1814. Sau khi lên ngôi năm 1820, vua Minh Mạng phong bà là Cung tần. Đến năm 1831, bị giáng xuống làm Mỹ nhân, năm 1833 được khôi phục lại Cung tần. Năm 1836 được phong làm Thục tần.⁽²⁾ Bà tính hiếu thảo, đoan trang, nhân từ, dạy con theo lễ giáo phong kiến, nhưng lấy cần kiệm làm gốc, không cho đọc các loại sách nhảm nhí. Vì liên can đến án người nhà lấy trộm vàng trong cung, bà bị cách chức Thục tần, năm sau được khôi phục làm Tiệp dư (1837). Đến năm 1849, Miên Thẩm làm nhà vườn riêng ở phía sau phủ gọi là Tiêu Viên, đón mẹ và các em ra ở. Bà mất ngày 17 tháng Tám năm Tân Hợi (12/9/1851), thụy là Đoan Liệt. Miên Thẩm dâng sớ kêu xin, lời lẽ thống thiết, vua Tự Đức cảm động, cấp trả cho bà vị hiệu Thục tần. Bà sinh bảy con, chết non ba người, còn lại một người con trai đầu lòng là Miên Thẩm, ba gái là Vĩnh Trinh, Trinh Thận và Tĩnh Hòa, cả bốn người đều giỏi thơ văn, nổi tiếng danh sĩ đất Thần kinh.

Sau khi mẹ qua đời, Miên Thẩm đã cải tạo ngôi nhà ở của mình trong phủ làm nhà thờ, một gian hai chái, bộ tuồng gỗ kiểu nhà rường, vách xây gạch, cửa bàn khoa, mái lợp ngói liệt; nội thất bài trí ba án thờ, đặc biệt một tủ đựng các mộc bản văn thơ Tùng Thiện Vương (chưa được kiểm tra). Bức hoành đề 淑嬪端烈祠堂 *Thục tần Đoan Liệt từ đường*” với lạc khoản “嗣德壬午 Tự Đức Nhâm Ngọ” (1882), bài vị trên bàn thờ ghi “前朝婕妤嗣德四年八月十一日薨贈淑嬪阮克氏諡端烈神主 *Tiền triều Tiệp dư Tự Đức tứ niên bát nguyệt thập nhất nhật hoảng, tặng Thục tần Nguyễn Khắc thị thụy Đoan Liệt thần chủ*”, lại phối thờ bài vị thân phụ và thân mẫu của bà Thục tần.

4. Lê Thị Ái (1799-1863)

Lê Thị Ái, lúc nhỏ có tên là Cầu. Con gái thứ của Cẩm Y vệ Hiệu úy Lê Tiến Thành,⁽³⁾ người xã An Triền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên. Bà sinh vào giờ Kỷ

Định, đốc vận lương thực cho quân đội; qua năm Tân Dậu (1801), ông trông coi hai tàu bọc đồng Bằng Phi và Phụng Phi, chở lương gạo từ Quảng Nam vào Quy Nhơn. Năm Gia Long 5 (1806), ông chuyển sang Hữu Tham tri Bộ Công; năm sau, làm Đề điều trưởng thi Hương Bắc Thành và Hải Dương. Năm 1808, ông cùng Hữu Tham tri Nguyễn Đức Huyền coi quân và thợ xây dựng Văn Miếu Huế và nhà Quốc Học; năm 1809, coi việc đề chính ở Bắc Thành kiêm cả Thủy sư. Năm 1811, mẹ ốm chết, ông xin về thăm và cư tang. Năm 1813, mãn tang, ông lãnh Hộ tào tại Gia Định, đến mùa đông năm Gia Long 15 (1816), ông bị bệnh chết, được truy tặng hàm Tư không.

(1) Theo *Hoàng tử phả*. Đề nghị quyền, tờ 28a. *Nguyễn Phúc tộc thế phả* ghi bà sinh ngày 30 tháng 7 năm Tân Dậu (07/9/1801).

(2) Theo *Hoàng tử phả*. Đề nghị quyền, tờ 28a.

(3) Ông Lê Tiến Thành chỉ là “học trò” thời trước, chưa hề làm quan, chức Hiệu úy vệ Cẩm Y chỉ là hàm vinh phong. Miên Trinh có bài *Ngoại đại phụ Lê công di sự (Vĩ Dã hợp tập*, Văn, quyển 2, tờ 22b-23b) viết về hành trạng ông ngoại, tạm dịch phần chính như sau: “Ông ngoại là người họ Lê ở làng Vân Trình, huyện Phong Điền, ruộng đất của cải chưa bằng kẻ hạng trung, nhưng được tiếng nhân hậu thuận thiện. Ông húy Tiến Thành, cha mất, chú chăm nuôi rất ân cần, ông cũng phụng sự như cha đẻ, làng xóm khen là hiếu thảo. Ông thừa trẻ thông minh, ham học, đọc sách không ngơi. Trước ở ngoài phía nam thôn, cát nổi lên thành hai bãi đối nhau, hình nhọn, dài, vuông vắn bằng phẳng, thầy địa nói là tường bút

Mão ngày 20 tháng Mười năm Kỷ Mùi (17/11/1799), tiến cung hầu tiếm để năm 1813 được sung làm Cung nhân, được phong Tài nhân (1820), Mỹ nhân (1824), Tiệp dư (1836), mất vào giờ Mậu Dần ngày 26 tháng Tám năm Quý Hợi (8/10/1863), thọ 65 tuổi thụy là Tĩnh Nhu.⁽¹⁾ Ngoài Miên Trinh, bà còn có hai hoàng nam là Miên Long, Miên Quan và hai hoàng nữ Trang Tĩnh, Nhân Trinh, trong đó, Miên Long và Nhân Trinh mất sớm. Bà là người có kiến thức và đức hạnh, tiêu biểu cho phụ nữ thời phong kiến; hiếu thảo với cha mẹ, yêu thương chị em, họ hàng, khéo nuôi dạy con cháu, khoan dung với kẻ ăn người ở trong nhà.

Mộ bà tọa lạc trên lô đất ký hiệu E.43 rộng 5.600m², cách trung tâm thành phố Huế khoảng 2km về phía tây nam, nay thuộc địa phận phường Phường Đúc, sát bên đường Bùi Thị Xuân. Nơi đây, năm 1863 an táng bà Lê Tiệp dư, rồi sau khi Miên Trinh mất, thể theo nguyện vọng sinh bình của nhà thơ, gia đình chôn ông bên cạnh mẹ ngày 20 tháng Chạp năm Thành Thái 9 (12/01/1898). Từ đó đến nay, hai ngôi mộ vẫn được giữ nguyên tại chỗ, không có sửa chữa gì lớn, và đã được cấp bằng công nhận di tích quốc gia cùng phủ thờ. Tẩm mộ bà Tiệp dư gồm hai vòng thành. La thành ngoài, mặt trước dày 0,55m, cao 0,80m, có cổng ra vào, trụ hai bên cổng cao 1,30m, các mặt khác cao 1,55m, dày 0,88m. La thành trong dày 0,60m, cao 1,20m. Bình phong cao 1,40m, rộng 2,50m, dày 0,60m. Trước tẩm, bên góc phải từ ngoài vào có một bi đình, trong dựng tấm bia bằng đá thanh toàn thân cao 1,55m, rộng 0,64m, dày 0,14m. Diềm bia cả bốn bên bằng nhau, đều chạm hình chim phụng. Bia đặt trên đế chân quỳ cao 0,25m, dài 0,94m, rộng 0,55m, trang trí hoa lá cách điệu. Bài văn do chính Tuy Lý Vương soạn, khắc chân phương 21 dòng, 1.266 chữ, thuật lại thân thế, tính tình của mẹ, lời lẽ trang trọng nhưng tình cảm chân thiết. Bia dựng năm Thành Thái 2 (1890).⁽²⁾

5. Nguyễn Thị Bích (1830-1909)

Sử sách triều Nguyễn ghi tên Nguyễn Nhượng Thị Bích (1830-1909), con ông Bô chánh Nguyễn Nhượng Sơn, người huyện An Phúc, đạo Ninh Thuận (nay là tỉnh Ninh Thuận). Tương truyền mẹ bà là Thục nhân họ Nguyễn khi có thai, mộng thấy sao Bích⁽³⁾ sa vào miệng rồi nuốt đi, cho nên khi sinh con, đặt tên Bích. Lúc còn bé, bà rất thông minh, học trong nhà theo truyền thống gia đình trâm anh thế phiệt, đến tuổi trưởng thành đã có tiếng giỏi văn thơ. Năm Mậu Thân (1848), bà 19 tuổi, được Lâm Duy Nghĩa tiến cử lên vua Tự Đức. Lúc đó, ông Nguyễn Nhượng Sơn đang làm Án sát

ngiên, ắt có người hiền đạt văn học. Ông nghe vậy, học không cốt ở văn chương mà dốc chí vào kinh tế. Bấy giờ, triều ta vận nước khó khăn, xe rồng ruổi vào Nam. Ông không ra làm quan mà đóng cửa dạy học trò, ngày ngày câu cá trên bãi sông, uống rượu làm vui. Ngụ Trung thư Trần Văn Kỷ oai quyền hách dịch, thế mạnh khuynh đảo trong triều ngoài nội, cùng quê với ông, rất trọng ông, muốn kết giao, nhiều lần sai người đem vật đến biếu, ông đều mềm mỏng khước từ, bèn dong xe ngựa đích thân đến thăm, ông say ngất ngưỡng không nói một lời nào, than thở mà về, dặn con tên Khuê theo ông mà học”.

(1) Theo *Hoàng tử phả*. Đệ nhị quyển, tờ 31a - 31b.

(2) Xem thêm: Lê Nguyễn Lưu. “Khu di tích lăng mộ Tuy Lý Vương và bài bia Tiên mẫu Lê Tiệp dư thần đạo biểu”. Tạp chí *Thông tin Khoa học và Công nghệ*, số 4(14).1996.

(3) Tên của một ngôi sao trong nhị thập bát tú, tượng trưng cho sách vở.

tỉnh Thanh Hóa, nhận được chỉ đem con gái vào kinh hầu vua. Vua khiến bà làm bài thơ nhan đề *Tảo mai* (Mai nở sớm), bà làm ngay, có câu kết rằng: 若教用汝和羹味 / 願作良臣佐輔商 *Nhược giao dụng nhữ hòa canh vị / Nguyên tác lương thần hữu phụ Thương* (Nếu dùng ngươi để nêm canh nhĩ⁽¹⁾ / Tôi giỏi xin làm giúp được Thương), theo điển vua Cao Tông nhà Thương khen Phó Duyệt. Vua khen thưởng, ban cho 20 đỉnh bạc, rồi tuyên vào cung, sung chức Thượng nghị sự vụ. Vì giỏi văn học, biết giữ lễ phép, nên bà thường được theo hầu vua ở trong cung, hay theo ngự du để ứng chế, và được vua quý mến, năm Canh Tuất (1850) phong Tài nhân, năm Canh Thân (1860) phong Mỹ Nhân, rồi Quý nhân, năm Mậu Thìn (1868) phong Tiệp dư... Vua Tự Đức không có con, nên chọn Ứng Đăng⁽²⁾ và Ứng Kỷ (hay đọc Ứng Thị, cũng có tên Ứng Đường) làm con nuôi, giao cho bà giảng dạy kinh điển và những việc trong cung, nên mọi người gọi là Tiệp dư phu tử (Thầy Tiệp dư).

Từ sau khi vua Tự Đức mất (1883), trong mọi việc quan trọng, đình thần đều phải xin ý chỉ của Thái hoàng Thái hậu Phạm Thị Hằng và Hoàng Thái phi Vũ Thị Duyên, bà trở thành “bí thư” của nội cung, bao nhiêu văn thư từ lệnh của Lưỡng cung đều do tay bà thảo ra cả. Tháng Năm năm Ất Dậu (1885), Kinh Thành thất thủ, bà theo Lưỡng cung ra Quảng Trị, rồi về Khiêm Lăng, cuối cùng trở lại Đại Nội. Năm Nhâm Thìn (1892), đề thưởng công, Lưỡng cung phong cho bà huy hiệu Lễ tần bậc ba. Về sau, bà mất năm Kỷ Dậu (1909). Tháng Hai năm Canh Tuất (1910), vua Duy Tân “*chuẩn cho sao lục hành trạng của Lễ tần triều trước Nguyễn Nhược thị chép vào liệt truyện (chép vào sau truyện Anh Hoàng hậu). Lễ tần phụng hầu dưới triều Dục Tông Anh Hoàng đế, trải thăng tới tứ giai dung giáo tập tam cung lục viện, về sau giúp đỡ hai cung được thăng tam giai, trải hết gian lao, rất có danh tiếng, đặc chuẩn sao lại hành trạng phụ vào sử sách để đặc biệt biểu dương*”.⁽³⁾

Bà có để lại tác phẩm *Loan dư hạnh Thực quốc âm ca* (Bài ca bằng chữ Nôm “Xe loan vào đất Thực”),⁽⁴⁾ thường gọi tắt *Hạnh Thực ca*, bằng thể lục bát, thuật lại các

(1) Nêm canh: Tích: Phó Duyệt trước không rõ họ gì, ở ẩn đất Phó Nghiêm, làm nghề dùng ván ép đất xây tường. Vua Thương Cao Tông mộng thấy được người hiền giúp nghiệp đế vương tên Duyệt, bèn cho vẽ hình giống như trong mộng, đưa đi tìm khắp nước, rồi gặp được ông mời về giúp nước, lấy tên đất làm họ, tức là Phó Duyệt. Quả nhiên, ông thành công, vua khen ngợi, ví như nấu canh trong vạc, khéo nêm muối (diêm) và mớ (mai) cho vừa ngon, vì muối thì mặn, mớ thì chua, làm sao cho điều hòa, vừa phải không dễ.

(2) Ứng Đăng, ngự danh Nguyễn Phúc Hạo, con thứ ba của Kiên Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Cai (Theo *Nguyễn Phúc tộc thế phả*, sách *Thực lục* (bản dịch) chép Hồng Hối, có lẽ nhầm mặt chữ: chữ “hối” bộ “nhân” thuộc loại chữ hiếm), em của Nguyễn Phúc Ứng Đường (vua Đồng Khánh), anh của Nguyễn Phúc Ứng Lịch (vua Hàm Nghi); mẹ là Bùi Thị Thanh, sinh ngày 2 tháng Giêng năm Kỷ Tỵ (12/02/1869), được vua Tự Đức nhận làm con nuôi lúc mới hai tuổi (1870), giao cho bà Học phi Nguyễn Thị Hương chăm sóc. Sau, Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường bỏ vua Hiệp Hòa (Nguyễn Phúc Hồng Dật), đưa ông lên ngôi, niên hiệu Kiến Phúc (1884).

(3) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục Chính biên Đế lục kỷ Phụ biên*. Cao Tự Thanh dịch. Sđd, tr. 536.

(4) *Hạnh Thực*: vào đất Thực, chỉ việc Đường Minh Hoàng tránh nạn An Lộc Sơn phải chạy vào đất Thực, ở đây ngầm ý kể chuyện vua Hàm Nghi tránh nạn trốn ra Quảng Trị.

sự kiện xảy ra trong triều, trọng tâm là cuộc khởi nghĩa của Tôn Thất Thuyết, kinh đô thất thủ, vua Hàm Nghi phải xuất thân.

6. Nguyễn Thị Định (1883-1971)

Sử sách triều Nguyễn và cả *Nguyễn Phúc tộc thế phả* không nói đến các bà vợ của vua Thành Thái, chỉ cho biết vua Duy Tân là con của bà Nguyễn Thị Định, lý lịch của bà cũng hoàn toàn không để lại gì. Gần đây, chính nhà sử học Phan Thuận An đã có cơ may được diện kiến nhân vật mang biệt danh “Ngài Sanh”⁽¹⁾ và kể rõ “ngọn ngành” trong bài tham luận về đề tài *Vua Duy Tân và cuộc vận động khởi nghĩa ở Trung Kỳ năm 1916* của Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế. Những gì chúng tôi trích dẫn sau đây đều rút ra từ bài *Nghe ngài Sanh kể chuyện về vua Duy Tân và gia đình* in trong tập sách cùng nhan đề trên (PTS Đỗ Bang chủ biên. Nxb Tri thức. Thành phố Hồ Chí Minh, từ trang 248). Trước hết, nhà sử học cho biết biệt danh và tiểu sử vắn tắt của bà Nguyễn Thị Định như sau: “Ở cố đô Huế có một số biệt danh mà vài thế hệ trẻ hiện nay không biết được. Chẳng hạn như, trước năm 1975, nói đến Ngài Đích và Ngài Sanh thì những người lớn tuổi còn sống đến nay ai cũng biết đó là danh xưng tôn kính dùng để chỉ hai bà vợ của vua Thành Thái. Ngài Đích là biệt danh dùng để tôn xưng bà Nguyễn Gia Thị Anh, vợ chính của nhà vua, mặc dù bà không có con để nối dõi. Còn ngài Sanh, tên thật là Nguyễn Thị Định, tuy chức phận không lớn, nhưng đã có công sinh ra vua Duy Tân, cho nên bà được vinh danh là Ngài Sanh. Sinh năm [Quý Mùi] 1883, bà Nguyễn Thị Định gốc người Bình Định, vì có nhan sắc và đức hạnh cho nên được tuyển vào cung lúc mới 15 tuổi. Từ đó, cuộc đời của bà gắn liền với những biến cố lịch sử thăng trầm của mạt kỳ triều Nguyễn. Bà mất ngày mùng 6 tháng Năm năm Tân Hợi, tức là ngày 29 tháng 5 năm 1971 tại Huế”.

Bà sinh được một người con trai đầu, chính là Nguyễn Phúc Vĩnh San (tức vua Duy Tân), và một người con gái là Nguyễn Phúc Lương Nhân (sinh năm 1906, lấy chồng là luật sư Vương Quang Nhường ở Sài Gòn); sau khi sang Réunion với chồng, bà có thai, rồi về nước sinh thêm một người con trai út là Nguyễn Phúc Vĩnh Hòe (sinh năm 1919, sau nhập ngũ, cấp bậc chuẩn úy, bị ngộ độc thức ăn chết năm 1953 tại Hóc Môn; có 7 người con); các con đều mất trước bà. Sau khi Vĩnh San lên ngôi, bà vẫn ở trong Đại Nội, cùng một cung Diên Thọ với bà Đích, nhưng hai điện đối diện nhau qua một sân; “chính quyền Bảo hộ trả lương cho hai mẹ con bà mỗi tháng 50 đồng tiền ăn (lương thực) và 189 đồng tiền tiêu (chi dụng). Bà phải bán dần các tư trang mới đủ ăn tiêu”. Bà Đích là con viên đại thần Nguyễn Thân, một người rất được chính phủ Bảo hộ tin tưởng, nên người con gái cũng nhận đó mà “lên mặt” hống hách, thành ra giữa hai bà xảy ra xích mích nhau, “lời qua tiếng lại” có khi rất nặng nề...

Nhà sử học Phan Thuận An viết: “Trước khi bà tạ thế gần một năm, tôi có may mắn được bà cho hầu chuyện tại tư thất của bà ở Kiệt 1 Tam Tòa, đường Nguyễn Huệ (nay là địa chỉ 22 kiệt 24 đường Lê Thánh Tôn) trong Thành Nội. Bấy giờ, mặc dù tuổi

(1) Sanh: tức là “sinh”, nói theo ngữ âm xứ Huế. Vì bà là sinh mẫu của vua Duy Tân.

đã gần 90, nhưng bà vẫn còn minh mẫn và sức khỏe còn khá tốt, tháng nào cũng có thể ngồi xe xích lô đến Văn phòng Viện Bảo tàng Huế để lãnh lương trợ cấp của Chính phủ Việt Nam Cộng hòa dành cho các bà hoàng của triều Nguyễn”.

7. Mai Thị Vàng (1899-1980)

Mai Thị Vàng là con Thượng thư Mai Khắc Đôn,⁽¹⁾ người Hậu thôn làng Kim Long, huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên (nay thuộc phường Kim Long, thành phố Huế), sinh năm Kỷ Hợi (1899). Mười tám tuổi, bà được nạp vào hậu cung hầu vua Duy Tân. Tháng Chạp năm Ất Mão (đầu năm 1916), “chọn trưởng nữ của kiêm Thượng thư Bộ Lễ sung giáo đạo Mai Khắc Đôn là Mai Thị Vàng tiến vào nội cung. Lúc đầu là hai cung ban ý chỉ nói tuổi tác đức nghiệp của vua đều đã trưởng thành, đã chọn tuyển Mai Bá thị phong tư nét na có thể xứng đáng, sai hữu ty soạn nghi thức chọn ngày tốt tiến vào nội cung để sung việc hầu hạ. Phủ Tôn Nhân và bộ Lễ tham chước kính nghĩ những việc cần làm, kính phụng chuẩn cho lấy ngày ngự ra lầu mới [lầu Du Cữu] cử hành”.⁽²⁾ Đến tháng Ba, bàn việc sắc phong, “Khâm sứ Charles trả lời nói chiếu lệ trong nội cung năm Thành Thái thứ 5 có ba vị, trong đó có một vị phong làm Nhị giai phi. Nay xin tuân chiếu lệ trước, phong Mai Bá thị trong nội đình làm Nhị giai phi để trọng sự thể. Bề tôi phủ Phụ Chính dâng phiến tấu lên xin chỉ, cho như lời xin”.⁽³⁾ Bèn phong bà Mai Thị Vàng làm Nhị giai Diêu phi. Sau khi vua bị đày, Hoàng phi Mai Thị Vàng tuy được ngải ly hôn và cho tùy quyền tái giá, nhưng bà vẫn không lấy chồng, bà mất ngày 11/3/1980 tại quê nhà Kim Long.

8. Hồ Thị Chi (1902-1985)

Hồ Thị Chi người xã An Truyền, huyện Phú Vang, phủ Thừa Thiên (nay thuộc xã Phú An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế), là con ông Thượng thư Hồ Đắc Trung,⁽⁴⁾ sinh năm Tân Sửu (1901). Bà thừa nhỏ được học cả chữ Hán lẫn tiếng Pháp,

(1) Mai Khắc Đôn sinh ngày 28 tháng Chạp năm Nhâm Tý (05/02/1853), mất ngày 28 tháng Chạp năm Kỷ Tỵ (27/01/1930). Ông đỗ Cử nhân năm 1884, được bổ làm quan trải qua nhiều chức vụ, lên đến Thượng thư Bộ Lễ rồi nghỉ hưu vào năm 1916. Ông từng là thầy dạy học cho vua Duy Tân ở tòa Kinh Diên do Phủ Phụ Chính mở vào năm 1910.

(2) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Chính biên. Đế lục kỷ Phụ biên. Sđd, tr. 638.

(3) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*. Chính biên. Đế lục kỷ Phụ biên. Sđd, tr. 643.

(4) Hồ Đắc Trung tự Tín Trai, hiệu An Đàm, con ông Cử nhân Hồ Đắc Tuấn và bà Công Nữ Thúc Huân (con gái Tùng Thiện Vương Miên Thẩm), người làng Chuồn (An Truyền, nay thuộc xã Phú An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế). Ông sinh năm Tân Dậu (1861), đỗ Cử nhân khoa Giáp Thân (1884), làm quan đến Đông Các Điện Đại học sĩ, Lễ Bộ Thượng thư, Cơ Mật Viện đại thần, Quốc Sử Quán Tổng tài, Quốc Tử Giám Tế tửu, tước Khánh Mỹ quận công. Ông bản tính nhân hậu, ngay thẳng, từng tha tội cho Thái Phiên và Trần Cao Vân trong phong trào chống thuế ở Quảng Nam năm 1908, thảo bản án bệnh vực cho vua Duy Tân trong cuộc khởi nghĩa năm 1916 ở Huế... Ông qua đời giờ Sửu ngày 24 tháng Hai năm Tân Tỵ, Bảo Đại 16 (11/3/1941). Ông có hai vợ. Bà chính thất là Công Nữ Á Nam, ái nữ của Hậu Lộc quận công Nguyễn Phúc Miên Thích, thất lạc vô tự. Bà kế thất là Châu Thị Ngọc Lang (cũng đọc Lương), người xã An Lai, huyện Quảng Điền, con ông Hộ Bộ Thị lang Châu Văn Khoa và bà Trần Thị Uyển, sinh ngày 12 tháng Năm năm Ất Sửu, Tự Đức 18 (5/6/1865), mất ngày 16 tháng Tư năm

biết chơi đàn (bầu, tranh, piano), nhan sắc xinh đẹp. Vào mùa hè, vua Duy Tân thường ra bãi biển Cửa Tùng (Quảng Trị) nghỉ mát, Thượng thư Hồ Đắc Trung hầu giá, bà được đi theo cha du ngoạn. Vua trông thấy, rất ưng ý (bà chỉ kém ngài hai tuổi). Rồi triều đình được lệnh từ nội cung, đến nhà xin một tấm ảnh trình lên Lương cung (bà Từ Dũ và bà Trang Huy). Sau đó, ông bà Thượng thư được triệu vào nội châu Thái hậu, báo cho biết sẽ nạp con gái họ cho vị hoàng đế trẻ tuổi, và trao sính vật lễ hỏi (một đôi hoa tai, một chiếc vòng vàng). Nhưng rồi đột nhiên vào tháng 12/1915, vua Duy Tân mời gặp riêng Hồ Đắc Trung, nói chuyện hủy hôn ước mà không nêu lý do, chỉ bảo: “Thầy hãy an ủi con gái của thầy và gả ngay cho người khác, đừng để cô ấy buồn tội nghiệp. Thầy nên hiểu vì tôi thương cả gia đình thầy, nên phải từ hôn với người mà tôi mến thương từ hai năm nay”. Gia đình đành ngậm ngùi dâng trả sính lễ, riêng bà rất đau khổ, nhất là ngày 30/01/1916, triều đình vẫn cử hành lễ nạp phi, và người con gái được vào cung là Mai Thị Vàng (1899-1980), lệnh ái của vị sư phó Mai Khắc Đôn ở Kim Long. Tháng 5/1916, cuộc khởi nghĩa do vua Duy Tân lãnh đạo và hai chí sĩ Thái Phiên, Trần Cao Vân tổ chức thất bại vì cớ kẻ cáo giác, Pháp biết trước đã tước hết vũ khí của lính tập. Tất cả các yếu nhân đều bị bắt, Pháp giao cho Nam triều lập hội đồng xét xử, trong đó Hồ Đắc Trung lại là một thành viên chủ chốt. Từ nhà tù, hai chí sĩ Trần, Thái bí mật nhờ người trao cho ông Trung một mảnh giấy nhỏ, ngụ ý “xin đồ hết tội lên đầu chúng tôi, chúng tôi chịu chết miễn là cứu được nhà vua”. Vì thế hai ông bị kết án tử hình ngay, còn vua Duy Tân thì chỉ bị lưu đày vì trẻ người non dạ, nghe theo lời dụ dỗ của bọn “bất hảo”... Mặt thám Pháp nghi ngờ mối quan hệ giữa nhà vua với vị thượng thư, đưa ra thẩm vấn. Vua Duy Tân nói: “Vì thương nhà ông Hồ Đắc Trung đông con, sợ bị liên lụy mà từ hôn và không cho biết vì sao cả”. Chúng đành chịu, chấp nhận bản án (Bản án đại khái: Đứng về phía chính phủ Bảo hộ thì ngài can tội “phản nghịch”, nhưng đứng về phía chính phủ Nam triều thì ngài là một ông vua biết thương dân và được lòng dân. Như vậy, luận về tội thì quả ngài có tội đối với chính phủ Bảo hộ, còn đối với nhân dân Việt Nam thì ngài không có tội gì cả. Vậy nên xét tình mà truất phế ngài và để cho ngài tự do trở về với danh vị một hoàng tử như trước. Như thế lòng dân mới khỏi oán thán chính phủ Pháp là khắc nghiệt). Phía Pháp không có lý do gì để bác bản án, nhưng lại yêu cầu phía triều đình Huế phải tìm một ông hoàng thân Pháp lập lên ngôi, đó là Bửu Đảo (vua Khải Định). Trong hồi ký *Đường thiên sen nở*, sư bà Diệu Không (thê danh Hồ Thị Hạnh) viết: “Về đến nhà, cụ tôi thuật lại những điều trên và nói: Chính ngài đã cứu vớt gia đình ta, thật quá quý! Biết rõ sự thật, cả nhà, nhất là chị tôi khóc suốt mướn”.

Đến khi vua Khải Định lên ngôi, chọn Hồ Thị Chỉ làm chánh phi, vì bà rất giỏi tiếng Pháp có thể làm thông dịch viên giúp vua giao tiếp với người Pháp. Trước đó, Bửu Đảo đã có vợ là bà họ Trương, con đại thần Trương Như Cương, nhưng bà này đã bỏ đi tu. Bây giờ, “người hầu” của vua là Hoàng Thị Cúc cũng đã sinh một người con trai, đặt

Nhâm Ngọ, Bảo Đại 17 (30/5/1942), sinh hạ 15 con, tảo thương 3, còn lại 12, đặt tên bằng chữ Hán trai bộ “tâm”, gái bộ “thảo”: Hồ Thị Phương, Hồ Đắc Khải, Hồ Thị Lan, Hồ Thị Huyền, Hồ Thị Thái, Hồ Đắc Diễm, Hồ Đắc Di, Hồ Thị Chỉ, Hồ Đắc Liên, Hồ Đắc Ân, Hồ Thị Hạnh, Hồ Đắc Thứ.

tên Vĩnh Bột (sau đổi Vĩnh Thụy). Khi vua tỏ ý với Hồ Đắc Trung, cả nhà rất khó xử, nhưng Hồ Thị Chỉ khẳng khái “hy sinh” vì quyền lợi của gia đình, ông đành chấp nhận. Tháng Tám năm ấy (1917), vua ban dụ như sau: *“Vương hóa bắt đầu từ nội bộ, “Quan thư”, “Thước sào” xếp thứ nhất trong Nhị Nam. Trị nước trước hết phải tề gia, hiền phụ ấp Khương cũng dựa vào hàng thập loạn. Xét nay ngôi phi nắm việc nội chính từ lâu vẫn còn để khuyết. Chưa tìm được người thì biết trao cho ai. Vị trí này để trống là để đợi tìm được người hiền biết làm vui lòng bề trên, đồng thời chu toàn tứ đức, tránh cho trầm khỏi phải áy náy mà để tâm vào việc nội trị bên trong, thì sẽ tấn phong cho cấp bậc cao quý. Làm như thế cốt để nghiêm giáo hóa trong nhà vậy. Nay kính nhận được từ dụ của Lưỡng cung nói rằng: “Nhà vua đã vất vả vào việc cơ vụ, thì nội chính không thể thiếu người phụ tá để trông nom sai khiến nội thuộc, nên chọn một người cung phi thay mặt trông nom hầu hạ già này, đỡ cho nhà vua khỏi phải bận tâm lo nghĩ. Nghe nói quan Cơ Mật đại thần, Hiệp tá đại học sĩ lãnh Học Bộ Thượng thư kiêm Lễ Bộ sự vụ Khánh Mỹ tử Hồ Đắc Trung có người con gái thứ ba là Hồ Thị Chỉ rất có dung nhan đức hạnh, nên tuyển sung vào nội cung, tấn thăng làm hàng phi để nghiêm phép tắc trong cung và giữ thể thống”. Kính vâng ngọc chỉ, không dám chậm trễ trái lời, truyền cung lục từ dụ chuyển cho viên đại thần ấy tuân mệnh. Đồng thời truyền bảo cho Khâm Thiên Giám chọn ngày lành để vào ngày đó đưa tiến vào Đại Nội kính yết đứng nghì thức. Lại kính vâng theo ý chỉ, rộng lượng gia ân, truyền chuẩn tấn phong cho thị ấy làm Nhất giai Ân phi để thị sớm được đội ơn vinh sủng, mãi mãi giữ thuần phụ đạo. Truyền hữu ty tuân theo lệ cũ xưa nay đệ phiến phúc tâu tưng khoản đợi chuẩn thi hành”*.⁽¹⁾

Cuối cùng lễ nạp phi cũng diễn ra ngày 03/12/1917. *“Bà rất được nể trọng với tư cách là hoàng hậu xuất hiện cùng Khải Định trong những lần tiếp tân, yến tiệc với quan khách trong ngoài nước. Bà xinh đẹp, thông thái, am hiểu văn hóa, ứng xử phương Đông phương Tây lịch lãm, nói tiếng Pháp thông thạo, vẫn làm phiên dịch cho nhà vua”*.⁽²⁾ Nhưng vua Khải Định mất (1925), Hoàng thái tử Vĩnh Thụy đã được phong Đông cung được đưa lên ngôi, ít lâu sau tấn phong mẹ (bà Hoàng Thị Cúc) hiệu vị Đoan Huy Hoàng Thái hậu (20/3/1933). Bà Ân phi phải xuất cung, sang ở lầu Khải Tường trong cung An Định một thời gian, rồi chuyển về một ngôi biệt thự bên đường Phan Đình Phùng (do bà Đoan Huy tậu), đến năm 1968 trở lại lầu Khải Tường, và cuối cùng vào Dòng Chúa Cứu Thế. Thời gian này, bà mắc chứng trầm cảm, thần kinh không ổn định, thường ngày cứ đi đi lại lại trong nhà, miệng liên tục nói tiếng Pháp. Có dạo, em bà là Hồ Đắc Ân (Nguyễn Cương ghi nhầm là anh) đưa bà vào Sài Gòn để chăm sóc, chữa trị, lại có dạo em bà là sư Diệu Không đưa bà lên chùa Khải Ân (Tuần) để tĩnh dưỡng. Sau năm 1975, hai ông Hồ Đắc Diễm và Hồ Đắc Di từ Hà Nội vào tìm thăm. Gặp lại người thân, *“bà trở nên tỉnh táo, nhớ rõ mọi việc... Hàng ngày, bà lại làm bánh bèo, nậm, lọc, chả giò mang lên cho anh ở nhà khách số 2 và số 5 đường Lê Lợi. Ôn lại những kỷ niệm xưa, bà nhớ rất kỹ, thỉnh thoảng trong câu*

(1) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đồng Khánh Khải Định chính yếu*. Sđd, tr. 265-266.

(2) Những đoạn trích dẫn này và dưới đây là theo Nguyễn Cương. “Chuyện về đệ nhất Ân phi của vua Khải Định”. Tạp chí *Huế Xưa & Nay*. Số 107, năm 2011.

chuyện bà lại dùng tiếng Pháp đệm vào khá dài để diễn đạt ý mình muốn nói”. Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên thời ấy đã thu xếp cho bà một căn hộ đường Phan Châu Trinh, bà yên tâm ở cho đến khi mất năm 1985.

IV. VÀI NÉT VỀ NỘI TRÙ

Nội trừ là thành phần, cũng là cơ quan chăm lo về việc ẩm thực không chỉ riêng nội cung mà cả hoàng cung nữa, nói chung là ẩm thực cung đình. Trong cả hai lớp văn hóa cung đình và dân gian Huế, ẩm thực đều được coi là một phương thức trị liệu: “Đói ăn rau, đau uống thuốc”, chỉ có điều đối với cung đình thì quan niệm ấy rõ rệt hơn với sự tham gia trực tiếp của nhân viên Viện Thái Y. Dưới đôi mắt của nhà Đông y, mỗi món ăn là một vị thuốc, được tính được miêu tả rõ ràng. Ngay gạo tẻ (ngạnh mễ), loại lương thực rất thông thường, cũng được xem là một vị thuốc có vị ngọt, tính bình, dùng giải khát, tiêu đàm, cầm tả, bồi dưỡng khí huyết, hay gạo nếp (đạo mễ) có vị ngọt, tính ôn, làm ấm bụng, mạnh tỳ, bổ phế thận, trị ỏi mửa, tỳ vị suy nhược, đau dạ dày, tiểu tiện ra chất nhờn. Gạo lứt (huyền mễ) nấu cơm ăn với muối vừng (mè) trước nay đã nổi tiếng có tác dụng dưỡng sinh rất tốt, điều hòa ngũ tạng, bổ tỳ vị, thông phế khí, làm chắc gân xương, mạnh thân thể, yên tâm trí, chữa táo bón. Bo bo (ý dĩ) thì vị ngọt, tính lạnh, làm mạnh tỳ vị, lợi thủy, thẩm thấp, chữa phù thũng vì thiếu chất dinh dưỡng, đau khớp, nhức mỏi, chân tay nặng nề, trừ mủ, tiêu đàm, làm khô vết thương, chữa áp xe phổi...

1. Món ăn ngự thiện

Nói chung, mỗi vị thuốc trong Đông Y thông thường cũng là một món ăn, một thức uống, thiên về thực vật hơn các loài khác, đem điều chế phối hợp với nhau thì thành ra phương thang, mà điều chế cũng không gì khác ngoài cách làm của “nhà bếp”: nấu, nướng. Người xưa bảo: “Đói ăn rau, đau uống thuốc”. Thật ra, ăn rau sống khó mà đỡ đói, nhưng nhiều loại thảo vật cấp thời có thể dùng ngay làm thuốc cũng chữa được khối bệnh, giúp nông dân qua cơn nguy cấp trong cuộc sống lao động hàng ngày. Rau húng (kê tô, thủy tô) chẳng hạn, vị cay, mùi thơm, tính mát, phát tán phong nhiệt, trị cảm, ho, sốt, nhức đầu, sưng rất cổ họng, kiết lỵ ra máu, ăn không tiêu, bụng đầy. Diếp cá (ngư tinh thảo) vị cay và chua, mùi tanh, giải nhiệt độc, tiêu viêm, trị cảm sốt, sởi, đau mắt, trĩ, đình nhọt, ung phôi, kinh nguyệt không đều. Rau má (liên tiền thảo, tích huyết thảo) vị đắng, hơi the, mùi thơm, tính mát, giải nhiệt, nhuận gan, tiêu độc, cầm máu, sát trùng, lợi tiểu, trị bệnh gan, huyết nhiệt, chảy máu cam, thổ huyết, kiết lỵ, táo bón, mụn nhọt, rôm sảy. Rau răm (thủy liễu) vị cay, mùi thơm, tính ấm, kích thích tiêu hóa, trị bệnh kém ăn, nhiễm trùng đường ruột, tẩy giun sán nhẹ, chữa hắc lào, chốc lở, sâu quảng, rần cắn, lại bổ máu. Ngoài ra, thịt hột (ba ba) có chất keo động vật, rất bổ ích đối với cơ thể con người, thường dùng làm món ăn trị liệu và bổ huyết; lươn (sâm đất) thông kinh hoạt lạc, trị các bệnh thuộc tai, mắt, lợi cho các tuyến trong cơ thể, bồi dưỡng sức khỏe; hải sâm bổ âm, bổ thận, tráng dương, nhuận táo, người già thần kinh yếu, phụ nữ có thai và hậu sản, bệnh nhân thiếu máu, lao phổi, trúng phong, chân tay tê bại dùng rất có lợi. Ngay gia vị như ớt cũng có giá

trị liệu pháp: chống chữa ngứa ngứa ngoài da, những cơn đau thần kinh ngoại biên, những chứng rối loạn tiêu hóa, chứng cao huyết áp (vì làm nở mạch máu)... Vì thế cho nên người ta không thể không cẩn thận khi ăn thứ gì lạ...

Các món ăn cung đình trong mỗi bữa được tổ chức lại thành một phương thang⁽¹⁾ để vừa bổ dưỡng, vừa trị bệnh, và đó là trách nhiệm của Viện Thái Y. Nhưng ăn uống cũng phải cẩn thận, vì hai ba món nào đó kết hợp với nhau sẽ đưa đến tác hại làm nguy tính mạng, người xưa gọi là chúng “kị” nhau, kiểu như “ngũ hành tương khắc”.⁽²⁾ Kinh nghiệm truyền thống cung cấp nhiều chỉ dẫn quý báu về vấn đề này, như: ăn cua với vỏ quýt thì hay ngứa ngứa, bị ứa hơi, kiết lỵ; ăn cua đinh với rau dền hay rau răm dễ bị sinh bụng, nhức chân; ăn dưa hấu với dầu mè dễ sinh chứng đau bụng bão; ăn gan dê với thịt heo dễ sinh chứng ra đàm, trệ khí; ăn hành với mật ong hay phát chứng cuồng điên, trường ung; ăn khoai lang với mật ong dễ bị tiết tả, đau bụng, hoắc loạn... Kể có hàng chục “bài học” như thế, đặc biệt các ngự y chăm sóc sức khỏe cho hoàng đế và hoàng gia cần phải biết rõ để chỉ dạy nhà bếp.

Trong ẩm thực cung đình, ngoài cỗ bàn cúng tế, thì quan trọng hàng đầu là ngự thiện, tức món ăn dành riêng cho đế và hậu. Chúng tôi chưa thấy sách nào, mục nào chép kĩ các thức ăn của vua ngoài tục truyền “gạo ngự” lấy từ giống lúa đặc biệt trồng ở cánh đồng An Cựu xưa, gọi là “gạo de An Cựu” trong câu ca dao: *Tôm rần bóc vỏ bỏ đuôi / Gạo de An Cựu mà nuôi mẹ già*. Ta không biết đích xác gạo de được lấy giống từ đâu và triều đình thu nạp từ bao giờ, nhưng từ cuối thế kỷ XVIII, đã được Lê Quý Đôn kể đến trong *Phủ biên tạp lục*: “*Có thứ là lúa nhé, hợp với ruộng cao, hạt nhỏ mà dài, rất thơm, nửa tháng 10 cấy, nửa tháng ba gặt*”,⁽³⁾ và mãi đến đầu thế kỷ XX vẫn còn. Sử chép tháng 8 năm Mậu Ngọ, Khải Định 8 (1918), “*Lại trích gạo thơm thu được ở mười mẫu ruộng xã An Cựu hàng năm để tiến cung; (ruộng xã An Cựu Thừa Thiên sản gạo có mùi thơm, trong niên hiệu Tự Đức chuẩn trích 10 mẫu, lại chước trừ sưu sai cho 50 người cày cấy, hàng năm nộp gạo thơm cho Thương trường chuyển tiến nạp vào đại nội. Đến năm Đồng Khánh thứ ba vẫn giữ lệ cũ, năm Thành Thái thứ 10 đình bãi, đến lúc ấy lại khôi phục lệ cũ trích thu)*”.⁽⁴⁾ Không chỉ tục truyền, mà các cuốn sử nhà Nguyễn cũng ghi chép rõ ràng. Tất nhiên sản phẩm nông nghiệp này đã biến mất cùng với sự tiêu trầm của chế độ phong kiến nhà Nguyễn và tiến trình đô thị hóa của địa phương, nhưng dấu tích còn trên một cột mốc có khắc chữ Hán.⁽⁵⁾

Một số tên sản phẩm khác kèm từ “ngự” cũng khẳng định đó là món dành riêng cho vua, như đậu ngự, chuối ngự (chuối ngự nay ít thấy, trái khá lớn, dài như chuối và

(1) Xem: Phan Tấn Tô. (1998). *Chữa bệnh bằng thức ăn thông thường*. Nxb Thuận Hóa (tái bản). Huế.

(2) Kim khắc mộc, mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim.

(3) Lê Quý Đôn. (2015). *Phủ biên tạp lục*. Bản dịch Trần Đại Vinh. Nxb Đà Nẵng. Tr. 299.

(4) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. (2012). *Đại Nam thực lục Chính biên Đệ thất kỷ*. Bản dịch Cao Tự Thanh. Nxb Văn hóa Văn nghệ. Thành phố Hồ Chí Minh. Tr. 1214.

(5) Theo anh Huỳnh Đình Kết, cán bộ Nhà Văn hóa dân gian thành phố Huế, cột mốc nguyên ở thôn Tứ Đông xã An Cựu, được đưa về trụ sở Ủy ban Nhân dân phường Phú Hội, rồi lột vào tay

nhưng tròn mập như chuối mật mốc, khi chín thì vỏ đỏ hồng rất đẹp; đậu ngự nhiều hơn, hạt to, thường dùng nấu chè)... Sách *Hội điển* có liệt kê một loạt thực đơn thết tiệc sứ giả Trung Quốc và làm quà cung đốn hàng ngày cho họ, chắc hẳn cũng là những món ngự thiện, gồm thủy sản (như: yến sào, vây cá, bào ngư, hải sâm, nhu ngư - thường gọi cá khoai, bóng cá, cá viên, tôm to, cua biển, cá dầm...); cầm thú (như: gân hươu, thịt gà quay, thịt gà ninh, thịt dê, dạ dày lợn, thịt lợn ninh, giò lụa, giò hoa, chân lợn ninh, thịt móng ngựa, thịt vịt ninh, thịt vịt quay, thịt ngan quay, bồ câu trắng, chả rán...); lương thực (như: cơm nếp lam, xôi đỏ, miến...); chè (như: trứng gà, hột sen, đậu ngự...); quả (như: quýt, cam, chuối, nho, dưa, hạt dưa, sơn trà, chanh, đậu lạc...); bánh (như: lá gai, tiền đôi, uyển cao, bột vàng, bột màu, trứng gà, bao, bột sắn trắng, bột sắn vàng, đa, hồng, hình củ gừng, trứng sê, ráng vùng, thạch hoa, củ cải, bột lục bách...); mứt (như: bát bửu, tứ linh, màu hoa, màu quả, táo, gừng, bí...); kẹo (như: đường phèn, mạch nha, hồng, cam, củ cải, long nhãn, sơn trà...). Trong số này, chúng ta chỉ đếm được trên đầu ngón tay những món quý hiếm, cao sang... Ngày nay, trong các đám tiệc, người ta hay biến những món thông thường thành cao sang bằng cách đặt tên với những từ rất kêu...

Ngoài ra, một bài ca *Nam Ai* của xứ Huế lưu truyền từ xưa, do ông Võ Quê sưu tập được đăng trong *Hương hoa đất Việt*, có liệt kê hơn ba chục món ngự thiện như “*nem công, thẩu thỏ, xôi vò, nham bò, trứng gà lợn, khum lệt, xào lươn, bó sò trâu. Chiên cua gạch, hầm câu, cao lầu, kho tàu, thịt quay, dưa gia, kiểu thịt phay, găm ghì, măng cày. Hòn hôn, nướng sê, um cò, tao sò, mực trộn, gân chân vịt, giò nai, cháo hải sâm. Kim châm, da bì, bánh mì tây. Rượu dầm cam bồ đào. Chồn hương leo, su sê chế điều. Liên tử bình ba tiêu, chánh hoài, ý dĩ, an la ba la mật, phò ma cô lông, liên trà*”. Những món trong bài này, cổ kim ta tây đủ cả, một số ít là vị thuốc chính thức, còn lại đều là thực phẩm có tác dụng bổ dưỡng và trị liệu nếu nhìn bằng đôi mắt của thầy lang... Nói chung thì chúng chẳng có gì khác lạ so với những sản phẩm trong dân gian, dễ mua sắm từ các chợ búa vùng kinh kỳ hay phụ cận, trừ một số rất ít đặc biệt quý hiếm hay lạ lùng được giao cho địa phương cống nạp, như theo tư liệu làng xã vùng Huế, ngay từ thời các chúa, An Bằng (xã Vinh An, huyện Phú Vang) phải nộp “cá cảm” (tức ta gọi là cá măng)⁽¹⁾ hàng năm; Mỹ Toàn (xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc) phải nộp củ mài vào các kỳ tế tôn miếu. Đầu tiên phải kể đến “bát trân”, tức tám món quý gồm yến sào, hải sâm, bào ngư, bào xi, lộc cân, cửu không, tê bì, hùng

một cán bộ hưu trí đang lưu giữ. Chữ đề: “香粳田十畝 *Hương canh điền thập mẫu*” (mười mẫu ruộng hương canh). Sách *Đại Nam nhất thống chí* giải thích “canh là loại gạo ít nhựa không dính”, và “lúa thơm (hương đạo) tục gọi lúa da vàng, thân lúa cứng, bông lúa dày, hạt thóc hơi dài, gạo rất trắng, nấu cơm rất thơm mềm; lại có một loại tục gọi de trắng, hạt thóc hơi vàng, gạo trắng và thơm, tháng 10 cấy, tháng 3 chín, ưa ruộng thấp, các tỉnh đều có, nhưng chỉ có lúa sản ở xã An Cựu, huyện Hương Thủy là hơn cả, cũng gọi là *lúa hương An Cựu*, hàng năm phải cống” (Bản dịch Viện Sử học. Nxb Thuận Hóa. Huế. 1992. Tập I, tr. 250 - 251).

⁽¹⁾ Sách *Đại Nam nhất thống chí* dẫn sách *Bản thảo* nói bụng cá phẳng, miệng lớn, vây nhỏ, sặc vàng, cũng có con sặc đỏ, tục gọi là cá măng lửa, con lớn nặng đến 30, 40 cân; nó nuốt cá khác rất dữ, trong ao hồ có nó, thì không nuôi được cá khác. Dùng cá này được ích tì và trị ho (Bản dịch: Hoàng Văn Lâu. Sđd, tr. 311).

chươngng. Yến sào là tổ chim én (sẽ nói kỹ sau). Hải sâm là sao biển hay đĩa biển, nai biển, sách *Bản thảo cương mục* của Lý Thì Trân (Trung Quốc) chép là hải qua bì (vỏ dừa chuột biển), thân mềm, chia nhiều cánh như sao, sống ở vùng nước cạn (như Lăng Cô), chuyên ăn bùn. Bào ngư là một loại cá hương ướp muối rồi phơi khô. Hào xi là một loại sò sống ở vùng đầm phá hay ao hồ gần biển có đá như Lăng Cô. Lộc cân là gân ở chân hươu nai, có tính bổ dưỡng cao, người ta dùng làm thuốc giúp các bà mẹ tạo nhiều sữa cho con bú. Cừu khổng là một loại ốc trên vỏ có 9 lỗ thông hơi xếp hàng đều đặn, sống ở biển, sinh sản nhiều ở Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh. Tê bì là da con tê giác, một thứ rất hiếm ở nước ta từ thời cận đại. Hùng chương là tay gấu, tức phần lòng bàn chân, người ta cũng dùng làm thuốc bổ dưỡng. Những món trong bát trân thì hoặc phải bỏ tiền sai người đi mua, có khi sang tận Trung Quốc vì trong nước quá hiếm, hoặc bắt các địa phương cống nạp, nhưng đó không phải là những món ăn thông thường vua dùng hàng ngày, mà chỉ “năm thì mười họa”.

Trong bát trân thì yến sào (tổ én) đứng đầu, tổ của chim én. Chim én, gọi bằng các tên khác nhau: huyền điều, ất điều, chí điều, ý nhi, du ba, thiên nữ... Đây là con chim huyền thoại của Trung Quốc, gắn liền với tổ tiên nhà Thương.⁽¹⁾ Chim làm tổ ở trong các hang đá, trên cao, có nhiều ở Cù Lao Chàm (Quảng Nam). Tổ én màu trắng hay xanh nhạt, cấu tạo do niêm dịch bài tiết (nước bọt), chứa nhiều chất bổ dưỡng rất tốt, từng được khắc hình vào cửa đình (Tuyên đình) đặt trước Thê Miếu. Để pha chế tổ én thành món ăn,⁽²⁾ người ta phải loại bỏ các tạp chất, nhất là lông tơ, một công việc khá tỉ mỉ, tốn nhiều thời gian, sau đó mới tạo thực đơn nhiều thứ khác nhau tùy thích, như cháo (tổ én với nước gà mái hay thịt bò, thêm vào bột báng hay bún tàu, chưng cách thủy), chè (cũng chưng cách thủy với nước và đường phèn hay đường trắng, có thể thêm hạt sen), hầm (với bò câu mới ra ràng, chưng cách thủy). Yến sào là một món ăn ngon và bổ, tất nhiên không chỉ dành cho vua, mà bất cứ ai có tiền cũng đều dùng được. Nó còn là một thứ thuốc trị liệu để chữa các bệnh phổi, dạ dày, khó tiêu, hen suyễn, tắc đàm...

Trong bài “Nhân tuần văn hóa Huế, nói về món ăn cung đình”, Tôn Nữ Nghi Trinh viết: “*Tôi được nghe kể về một số món ăn được chuẩn bị tương đối cầu kỳ, tiêu biểu là món “sâu mây”. Đây là một loại ấu trùng sống trong thân cây mây, chẻ dây*

(1) Theo truyền thuyết Trung Quốc, nàng Giản Dịch, thứ phi của Đế Cốc, ở trên đài cao, vua Đế Cốc phái chim phượng hoàng đến làm mối, biểu trưng cho nàng, nàng ăn trứng mà thụ thai, rồi sinh ra ông Tiết. Lớn lên, Tiết được vua Thuấn sai giúp Cồn, rồi giúp Vũ (con ông Cồn) trị thủy, có công được phong ở đất Thương - Ân; về sau, cháu xa đời là Thành Thang diệt vua Kiệt tàn bạo mà lập ra nhà Thương, tôn ông Tiết là thủy tổ của nhà Thương. Người ta cũng giảng huyền điều là chim én, vì chim én lông màu đen. Thiên *Huyền điều* thuộc *Thương tụng* trong *Thi kinh* có những câu: 天命玄鳥/降而生商’ 宅殷土芒芒/古帝命武湯/正域彼四方 *Thiên Mệnh huyền điều / Giáng nhi sinh Thương / Trạch Ân thổ mang mang / Cổ đế mệnh Vũ Thang / Chính vực bỉ tứ phương* (Trời khiến chim én / Xuống sinh nhà Thương / Dựng đất Ân mệnh mang / Xưa Trời sai Vũ Thang / Sửa sang cả bốn phương).

(2) Xem: Bác sĩ A. SALLET. *Tổ chim én: những con én biển và tổ ăn được của chúng*. Bản dịch: Nguyễn Cửu Sà. (1930). *Những người bạn của Cố đô Huế*. Tập XVII. Nxb Thuận Hóa. Huế. 2003.

mây ra sẽ tìm thấy. Không hiểu nó có mùi vị thế nào mà các vua chúa xưa lại thích ăn. Người ta phải nhặt những con sâu trên rừng về, đem thả vào ngọn cây mía trong vườn. Con nhộng đục vào thân mía để ăn. Chờ đúng ngày nhộng vừa lớn, người ta chẻ cây mía ra lấy con nhộng đó làm thức ăn. Một món lạ của vua chúa chẳng qua cũng chỉ là một món ăn thường thấy, không tốn công tìm kiếm, nếu so với việc đi săn gấu để kiếm “hùng chưởng” (tay gấu) của vua chúa Trung Hoa thì quả thật là đơn giản”.⁽¹⁾ Một tư liệu của Bộ Lễ in trong tạp chí *Những người bạn Cố đô Huế* liệt kê những món ăn tiếp đãi sứ giả nhà Thanh (Trung Quốc) năm 1822 thời Minh Mạng, cho biết cỗ thượng hạng (hạng nhất) gồm 30 món, trong đó gồm các món chế biến từ gia súc, gia cầm (heo, dê, gà, vịt, bồ câu), như luộc, rán, chả, hải sản (yến sào, hải sâm, mực khô, tôm hùm) và các món bánh (mè xừng, bánh rán mỡ, bánh ngọt, bánh ngũ sắc, bánh ít, bánh bột sắn vàng, bánh bột sắn trắng, bánh in, bánh nếp lam, bánh nếp lứt, bánh đậu xanh, bánh gói giấy), hoa quả (chè hạt sen, cam, quýt, chuối), thêm 16 món tráng miệng gồm bánh (bánh bát bửu, bánh tứ linh, bánh hoa, bánh hình nghêu, bánh hình trái lựu, bánh thuần), mứt (bí, gừng thái, gừng củ, vừng, đậu phụng), hoa quả (nho, sơn trà, hạt dưa).⁽²⁾ Những món quý hiếm cũng chỉ đếm trên đầu ngón tay, và số lượng nhiều cũng là do chế biến, như lợn thì có món hầm, món luộc (phay), món rán (rô ty), lòng luộc...

Các bô lão làng Phước Yên (nay thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền) còn kể về một món ăn dùng trong các lễ hưởng, lễ kỵ ở tôn miếu triều Nguyễn, món xôi đường. Làng Phước Yên là một làng chuyên cung cấp người cho Ty Lý Thiện. Nguyên liệu dĩ nhiên là nếp, loại nào cũng được, nhưng nếp thơm thì tốt nhất, kèm đậu đen hay đậu đỏ. Người ta đồ xôi riêng, và nấu đậu “rim” đường riêng, sao cho hạt nở mềm nhưng không nứt vỡ, chất ngọt thấm đều. Xong, trộn hai thứ với nhau, hong trên lửa than một thời gian nữa... Xôi đường xới ra chén, đĩa, phải để thật nguội ăn mới ngon; vị ngọt và béo hòa quyện vào nhau, thấm từ đầu lưỡi đến tận thân tâm, đậm đà mà thanh tao. Nếu gia thêm đường, có thể đóng thành bánh, để lâu được cả tháng. Dân Phước Yên làm món này vào dịp tế đình, Tết Nguyên đán hay kỵ giỗ quan trọng...

Nguyên liệu để chế biến các món ăn cung đình một phần mua tại các chợ vùng kinh kỳ, một phần khác là sản phẩm cống nạp từ nhiều địa phương trong cả nước. Nói là cống nạp, nhưng sự thật là do các quan tỉnh bỏ tiền công ra mua của dân chứ chẳng phải bóc lột, cướp không, hoặc là do trao đổi kiểu “*bánh ít đưa đi, bánh dì trả lại*”, địa phương cung cấp sẽ được đền bù bằng cách cho quyền miễn thuế má, lao dịch. Năm 1825, vua Minh Mạng có chỉ rằng: “此南巡原欲省方觀民凡所過地方應需物件以至象馬草料一切並從厚價毋須滋擾于民”⁽³⁾ ([Trẫm] đi tuần thú miền Nam lần này vốn muốn xem xét nhân dân các địa phương. Đi qua địa phương nào, phàm những

(1) Tạp chí *Sông Hương*, số 123, tháng 5/1999, tr. 23.

(2) Tạp chí *Những người bạn Cố đô Huế* (BAVH). Bản dịch: Phạm Như Tùng. Tập IV năm 1917. Thuận Hóa. Huế. 1998, tr. 98-101.

(3) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ Chính biên*. Quyền Lục thập tứ, tờ 1a.

thứ cần dùng cho đến cỡ làm thức ăn cho voi ngựa tất cả đều trả giá ưu đãi, không nên gây thêm phiền nhiễu cho dân). Hay năm 1826, sai “*廷臣給憑派員十五通分往廣平廣治及甘露道廣南廣義平定富安平和等轄會同該各營鎮道臣照隨地產之多寡貨價之高下出力認真估價和買使民樂輸將市無滯貨*”⁽¹⁾ (Đình thần cấp giấy phép cho 15 người phái viên chia đi khắp các hạt Quảng Bình, Quảng Trị, đạo Cam Lộ, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Bình Hòa bàn bạc cùng với các quan doanh, trấn đạo ấy, tùy theo sản vật địa phương nhiều hay ít, giá hàng cao hay thấp, xem xét kỹ càng định giá thu mua phải chăng, để dân vui lòng mang bán, hàng hóa thị trường khỏi ế đọng). Hoặc năm 1833: “*嗣有和買物項必由土產業戶不得分送社民至如轄民現在輸賣若干不拘價值多寡即行照數當面給還錢文毋得遲留日予並嚴飭吏役無得一毫措勒留難希圖染指*”⁽²⁾ (Từ nay đặt mua các sản vật, phải mua ở các hộ sản xuất, không được chia về cho từng người dân trong các xã. Còn như dân trong hạt hiện đem đến bán cho bao nhiêu, không kể giá trị nhiều ít, phải trả tiền mặt ngay cho họ, không được để chậm trễ lâu ngày. Và phải nghiêm sức cho chức dịch không được bức bách làm khó dễ cho dân để hòng chám dứt). Như vậy, “cống nạp” tuy là một hình thức bắt buộc, nhưng không có nghĩa là “bóc lột” vô điều kiện, người cống nạp vẫn được trả tiền và hưởng một quyền lợi nào đó (như miễn sưu thuế).

Ngay từ thời các chúa, dân phường An Bằng vốn làm nghề biển, lại là con cháu những người theo giúp Nguyễn Hoàng (dùng ghe biển chở chúa từ Thanh Hóa vào năm 1570 và làm hướng đạo đi đánh dẹp giặc giã), được khỏi phải nộp thuế ghe thuyền qua các bến tuần, thay bằng hàng năm nộp một khối lượng các “cảm” (theo các cụ đó là cá cơm, để làm mắm); năm 1753, tổng Diên Trường đòi thu thuế ghe chài, họ làm đơn kêu “*bản phường hữu châu bằng Nội phủ thụ nạp thuế cảm tính bất thụ nạp thuế chích*” (phường chúng tôi có bằng son của Nội phủ cho nạp cá cảm chứ không nạp thuế ghe”. Dân phường Mỹ Tuyên (Mỹ Lợi) thì do “*前前朝祖父從德仙主有功許憑從內府應務常年納薯蕷上進正旦萬壽並奉祀內外各祠堂係搜差各位並準*” (Từ triều xưa, các vị tổ phụ của chúng tôi theo Chúa Tiên có công, được cấp bằng theo Nội phủ làm việc, hàng năm nộp củ mài dâng lên các lễ Chính đán, Vạn thọ và kỵ giỗ các nhà thờ bên nội, bên ngoại, nên được miễn các thứ thuế sai dư và sưu dịch. - Trích tờ thị năm 1765). Hai làng ấy hiện còn giữ những tờ “thị” của phủ chúa về việc này...

Những sản phẩm cần thu mua cũng đồng thời là đặc sản của một địa phương nhất định. Trong nước thì như thóc gạo ở Gia Định, thóc nếp ở Bắc Thành, ý dĩ (bo bo) ở Quảng Trị, tê giác ở Bình Định, An Giang, các loại táo đỏ, táo đen, táo vàng, nhãn, vải ở Gia Định, Thừa Thiên, Quảng Ngãi, cam đường ở Thanh Hóa, Hải Dương, chanh quả ở Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, dưa hấu ở Quảng Bình, đường ở Quảng Nam, Quảng Ngãi, ngỗng ở Nam Định, gà ở Bắc Thành, hạc ở Gia Định, yến sào ở Gia Định, Quảng Nam, gân hươu ở Phú Yên, An Giang, Gia Định, Bình Thuận, Khánh Hòa, vây cá ở Hà Tiên, Gia Định, Bình Thuận, Phú Yên, hải

⁽¹⁾ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ Chính biên*. Quyển Lục thập tứ, tờ 2a.

⁽²⁾ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ Chính biên*. Quyển Lục thập tứ, tờ 3b - 4a.

sâm ở Hà Tiên, Phú Yên, cá man lê ở Bình Định, Vĩnh Long, mực ống khô ở Quảng Bình, nước mắm cá ở Bình Thuận, Bình Hòa, Gia Định, Phú Yên, cửu khổng ở Quảng Bình, các loại chè (trà) đã chế biến ở Hà Nội, Quảng Ngãi, Quảng Nam... Đôi khi những mặt hàng quý hiếm các địa phương không có hoặc chưa đủ thì phải mua của nước ngoài, chủ yếu là Trung Quốc, đặc biệt các thứ được liệt...

2. Tổ chức nhà bếp

Việc ăn uống trong chốn cung đình rất được quan tâm, đặc biệt có riêng những tổ chức, những bộ phận chuyên lo việc chợ búa nấu nướng cho bữa ăn của vua và cổ cúng của hoàng gia. Nhưng trên hết là Thái Y Viện thường xuyên phải cử nhân viên đến cố vấn cho nhà bếp về vấn đề thực đơn, vệ sinh và kiểm nghiệm thức ăn sắp dâng lên vua. Hàng ngày, viện phái nhân viên vào ngự trù (nhà bếp vua) đề xuất thức ăn tùy theo tình hình sức khỏe của vua. Nhà bếp làm xong, trước khi tiến lên “ngự thiện” lại phải ném kỹ từng món, có khi phải ném ngay trước mặt vua, đã an toàn rồi mới được phép lui ra.

Về ngự trù, một bộ phận thời chúa Nguyễn được tái lập từ năm 1802 với tên gọi Nội Trù thuyền,⁽¹⁾ trực thuộc vệ Thị Nội do Bộ Binh quản lý; năm 1808, cơ quan này đổi làm Tư Thiện đội, và đến năm 1820 triều Minh Mạng bắt đầu gọi là Thượng Thiện đội. Khoảng tháng Sáu năm Bính Tuất (7/1826), vua Minh Mạng cho xây một ngôi nhà bảy gian làm trụ sở tại bên trái sân trước Duyệt Thị Đường, đối diện với trụ sở Thái Y Viện và gọi là Thượng Thiện Sở. Từ Sở Thượng Thiện đến Duyệt Thị Đường qua một cửa nhỏ mang tên Thượng Thiện Sở Môn, cửa hướng tây. Cả hai kiến trúc Thái Y Viện, và Thượng Thiện Sở đều có tường bao bọc ngăn cách với Duyệt Thị Đường. Điều đó cho thấy hai công trình kiến trúc này là hai khu vực riêng biệt và hoàn toàn độc lập với Duyệt Thị Đường. Sự liên hệ của ba công trình chỉ là đường đi trước mặt Duyệt Thị Đường chạy thông từ Duyệt Thị Tả Môn đến Duyệt Thị Hữu Môn.⁽²⁾

Năm 1829, đội Thượng Thiện được liệt vào cấm binh, bỏ nguyên hiệu Thị Nội, rồi năm 1841 lại đổi liệt vào biên binh chính ngạch. Nhân viên thường 50 người, đại đa số thuộc dân làng Phước Yên (xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, Thừa Thiên Huế), nơi chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên đóng phủ chính khoảng 1626 - 1635, trong số đó có một viên quản lãnh (chỉ khi lâm thời cần đến mới cử ra chứ không đặt chức quan chuyên trách), một cai đội, một đội trưởng, sau đổi một suất đội, hai đội trưởng, hai ngoại ủy đội trưởng. Nhân viên nếu thiếu thì sẽ bổ sung bằng biên binh của Ty Lý Thiện.

Đội Thượng Thiện lo thực hiện toàn bộ việc bếp núc, từ mua sắm thức ăn, nấu nướng các món cho đến dụng cụ om, nôi, xanh, cháo, mâm, thau (phần nhiều bằng đồng, riêng om nôi có thứ bằng đất nung), bát, đĩa, thìa (muỗng), đũa, tăm... dưới sự

(1) Trù là tên riêng một ngôi sao theo thiên văn cổ, nằm ngoài hướng Tây Nam, chủ về việc ăn uống, nên chỉ nhà bếp. Thời trước, thuyền Nội Trù đã có trong phủ chúa Nguyễn; thuyền là một đơn vị quân đội từ 50 đến 100 người.

(2) Về dấu tích của Thượng Thiện Sở, tham khảo thêm: Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế. (2003). *Khảo cổ học tại Di tích Cố đô Huế 1999 - 2002*. Huế. Tr. 88 - 89.

giám sát của Viện Thái Y (vì thế, hai cơ quan này đóng ở vị trí gần nhau). Sách *Đại Nam hội điển sự lệ* ghi quy định năm 1833 như sau: “凡日進玉食珍饈之奉均準依式度恭辦其管領係由簡命無有定員如奉有傳進饌品物者敬謹供辦凡關御用玉粒月以三次照據戶部轉進所應敬謹檢收備用至如供進御所日用之水由所司供納必敬謹檢視瀘淨如法其魚戶日進鮮魚柴戶月供薪料均照數登收以備供用凡恭造穀膳要在十分精潔其應需物料並支銷錢數按期由所司衙門照領至如尚膳之所具有戒禁諸不預職事人員毋得出入與一應禁忌之物毋得毫犯⁽¹⁾ (Phàm hàng ngày tiến dâng cơm và những thức ăn ngon đều phải theo đúng cách thức đã quy định sẵn mà làm. Về chức quản lãnh, chọn bổ theo lệnh không có nhân viên nhất định. Còn khi phụng mệnh truyền dâng lên những thực phẩm, thức ăn ngon thì kính cẩn mà bày biện. Tất cả gạo cho vua dùng, thì do Bộ Hộ chuyển dâng lên, mỗi tháng ba lần, phải kính cẩn kiểm tra thu cho đủ dùng. Còn như dâng nước để vua dùng hàng ngày thì có cơ quan trông coi việc ấy cung nạp, phải kính cẩn kiểm tra, lọc gạn trong sạch cho đúng quy định. Hộ làm cá thì hàng ngày dâng cá tươi, hộ kiểm củi hàng tháng cung nạp củi, đều có đăng ký số lượng để thu cho đủ dùng. Phàm khi nấu món ăn, cốt phải thật sạch sẽ. Còn những vật liệu cần dùng và số tiền chi tiêu thì lãnh ở nha môn coi giữ việc ấy. Đến như chỗ Thượng Thiện có đủ những quy định cấm các nhân viên không có phận sự gì thì không được ra vào, cùng những vật nhất thiết cấm kỵ không được vi phạm chút nào).

Dĩ nhiên, đội Thượng Thiện phải bám sát sở thích của hoàng đế mà lo chế biến các món ăn cho phù hợp, vì khẩu vị mỗi ngài một khác. Vua Gia Long ăn uống giản dị nhất. Khi còn ở Gia Định, theo John Barrow trong tập *A Voyage to Cochinchina in the years 1792 and 1793* (Một cuộc du hành đến xứ Đàng Trong năm 1792 và 1793), bản in tại London năm 1806, mỗi ngày ông dậy sớm đi chăm sóc công việc: “*Từ 12 giờ cho đến 1 giờ trưa, ngài mới dùng bữa, thường là ngay tại xưởng đóng tàu. Thức ăn gồm có cơm và cá phơi khô. Khoảng 2 giờ, ngài trở về nghỉ, ngủ giấc trưa. Đến 5 giờ chiều, ngài lại thức dậy và tiếp các võ quan, đô đốc, pháp quan, viên chức hành chánh, lắng nghe những việc được tâu trình xem nên chấp thuận, bác bỏ hoặc cho ý kiến cố vấn. Công việc hành chánh thường khiến ngài bận rộn cho đến nửa đêm. Sau đó, ngài lui về phòng, viết chú thích ghi nhớ những việc đã xảy ra trong ngày... Xong đâu đấy, ngài mới dùng một bữa ăn tối nhẹ, và dành riêng chừng một giờ đồng hồ cho gia đình*”.⁽²⁾ Về sau, một người phương Tây⁽³⁾ đã gặp ngài tại Kinh đô Huế cũng cho biết ngài “*sống rất điều độ. Nhà vua không bao giờ uống rượu. Bữa ăn của vua chỉ gồm một ít thịt, cá, cơm, rau, bánh, trái. Khi ăn, vua không bao giờ cho bắt cứ ai, kể cả hoàng hậu, ngồi cùng bàn*”. Như vậy, vua Gia Long là người rất bình dân trong cuộc sống hàng ngày. Cũng phải, vì ông đã bôn tẩu khắp nơi suốt này chục năm, đói khát nhiều phen...

Ngược lại, vua Đồng Khánh thì rất rắc rối, hàng ngày “*ăn cơm ba lần, vào lúc 6 giờ sáng, 11 giờ trưa và 5 giờ chiều. Mỗi buổi ăn có 50 món khác nhau, do 50 người*

(1) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ Chính biên*. Quyển Nhất bách tứ thập nhị, tờ 23b - 24a.

(2) Lược trích từ sách *Nguyễn triều. Hội đồng Hoàng tộc Nguyễn Phúc hải ngoại*, tr. 17.

(3) Phan Thuận An dẫn. Không nói rõ “người phương Tây” này là ai.

đầu bếp nấu nướng cho hoàng cung. Mỗi người lo nấu món riêng của mình và khi chuông đổ thì trao cho đám thị vệ đưa qua đoàn thái giám. Các ông này lại chuyển đến năm cung nữ và chỉ có mấy nàng mới được hân hạnh quỳ gối hầu cơm đức vua. Ngài nhấm nháp vài món ăn và uống một thứ rượu mạnh đặc biệt chế bằng hạt sen với các loại cây có mùi thơm. Đức vua Đồng Khánh cũng dùng rượu chát ở Bordeaux theo lời khuyên của các y sĩ để giúp tạng phủ hơi yếu... Gạo đức vua dùng phải thật trắng và chọn lựa từng hạt, nấu trong nồi đất, mỗi lần nấu xong thì đập bỏ. Đũa vua dùng phải vót bằng tre vừa mới trổ đủ lá và thay đổi hàng ngày, loại đũa ngài không tiện dụng vì hơi nặng đối với tay nhà vua. Số lượng gạo phải được xem kỹ và cân thật đúng, không bao giờ nhiều hay ít hơn. Nếu đức vua không ăn như ngày thường, nếu ngài thấy không ngon miệng, thì ngài gọi các viên ngự y đến xem mạch bốc thuốc. Mỗi lần dùng thuốc, ngài bắt các y sĩ uống trước mắt ngài”.⁽¹⁾

Việc ăn uống ở trong cung rất được quan tâm nên triều đình cũng có những quy định về chế độ dâng tiến lên cho vua và hoàng gia dùng, và tiền bạc để mua sắm thực phẩm để làm các món ăn giúp bộ phận Thượng Thiện, nội trù biết để tuân theo mà làm việc, nhằm quản lý nghiêm chôn nội đình. Năm Gia Long thứ 2 [1803], quy định “玉食每月錢三十貫點心每月錢二十貫王后宮御膳每月錢三十貫”⁽²⁾ (Cơm bữa mỗi tháng 30 quan tiền, điểm tâm mỗi tháng 20 quan tiền. Ngự thiện cung Vương hậu mỗi tháng 30 quan tiền); và: “每月白米十方糧米六十方交護衛員單領恭進慈壽宮”⁽³⁾ (Mỗi tháng gạo trắng 10 phương, gạo lương 60 phương, giao cho viên hộ vệ làm đơn nhận kính dâng vào cung Từ Thọ). Năm Minh Mệnh nguyên niên [1820], lại chuẩn tâu: “玉食錢每月五十貫御粟春白揀取全好二十升花鹽一方○⁽⁴⁾水二疊水油十九斤十一兩每夜三碟每碟三兩五錢薪四千五百斤炭四百斤橄欖尾燈三十枚小蠟燭二十枝每枝重蠟一兩五錢紅布一尺白布二尺素席一隻又例定全年支官錢四十貫辦買鮮榔芙葉煙藥元甲紙恭進御用”⁽⁵⁾ (Tiền cơm mỗi tháng 50 quan, thóc vua dùng phải già trắng chọn toàn loại ngon 20 thăng, muối 1 phương, nước mắm 2 vò, dầu 19 cân 11 lạng mỗi đêm 3 đĩa mỗi đĩa 3 lạng 5 đồng cân, củi 4500 cân, than 400 cân, cây trám, vĩ đăng⁽⁶⁾ 30 cây, đèn sáp nhỏ 20 cây mỗi cây sáp nặng 1 lạng 5 đồng cân, vải đỏ một thước, vải trắng 2 thước, chiếu trắng một chiếc. Lại có lệ định mỗi năm chi 40 quan tiền để mua cau tươi, lá trầu, thuốc hút giấy loại tốt nhất kính dâng lên để vua dùng).

Đến năm Thiệu Trị nguyên niên [1841] chuẩn tâu rằng: “原尚膳隊依例製辦玉食每日三次各錢一貫共錢九十貫由戶部祇領每日點心一次並不期奉有製辦穀味亦併由侍衛臣支出官錢交伊隊領辦其物項由庫祇領請以正月朔為始所有一月祇領錢九十貫御粟已舂精白全好二十升花鹽一方北圻○⁽¹⁾米已舂二十七碗明春已

(1) Phan Thuận An. “Tổ chức ăn uống của các vua triều Nguyễn trong hoàng cung Huế”. Tạp chí Xưa và Nay. Hà Nội. Số 39, tháng 5/1997.

(2) Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ Chính biên. Quyển Ngũ thập thất, tờ 1a.

(3) Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ Chính biên. Quyển Ngũ thập thất, tờ 2a.

(4) Chữ trong dấu ○ là chữ CẨM, gồm: 魚+ 咸.

(5) Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ Chính biên. Quyển Ngũ thập thất, tờ 1a.

(6) 尾燈 vĩ đăng: chúng tôi chưa rõ nghĩa là gì.

春九碗薪四千五百斤小項紅燈三十株每株長一尺圓五寸炭四百六十斤○⁽²⁾水八十四斤紅布一尺白布四尺黃蠟十二斤豆油二百三十六斤四兩白席六隻⁽³⁾ (Vốn trước đây đội Thượng Thiện theo lệ làm cơm mỗi ngày ba bữa, mỗi bữa đều một quan tiền, cộng tiền là 90 quan do kính nhận ở Bộ Hộ. Mỗi ngày điểm tâm một bữa và có chế biến bất kỳ món ăn nào cũng đều do quan thị vệ chi tiền nhà nước giao cho đội Thượng Thiện nhận để làm. Những vật dụng nhận ở kho xin lấy ngày mùng một tháng Giêng bắt đầu. Trong một tháng được nhận tiền 90 quan, thóc vua dùng đã giã trắng sạch toàn loại ngon 20 thăng; muối 1 phương; gạo nếp Bắc Kỳ đã giã 27 bát, gạo minh xuân đã giã 9 bát; củi 4500 cân; đèn màu đỏ loại nhỏ 30 cây, mỗi cây dài một thước tròn 5 tấc; than 460 cân; nước mắm 84 cân; vải đỏ 1 thước; vải trắng 4 thước; sáp vàng 12 cân; dầu phụng 236 cân 4 lạng; chiếu trắng 6 chiếc).

Đến năm 1846 lại có bản bạc chuẩn định về việc mua và làm thức ăn lo ăn uống cho vua rằng: “御膳之朝膳一次晚點心一次值錢各一貫午膳一次值錢二貫暮膳一次值錢一貫五陌其品味應增減照隨錢數支辦務得適當每月共錢一百六十五貫內九十貫照例由戶部單領內七十五貫由侍衛支發如遇小月折扣至如另有宰作雞鴨蝦○⁽⁴⁾蟹○⁽⁵⁾各味所支錢文數干併由侍衛支發⁽⁶⁾ (Ngự thiện buổi sáng một bữa, chiều một bữa điểm tâm trị giá tiền đều là 1 quan, một bữa ăn trưa trị giá tiền là 2 quan, một bữa ăn tối trị giá tiền 1 quan 5 tiền. Còn những món ăn nên tăng giảm tùy theo số tiền cấp phát mà làm, cốt làm sao cho vừa đủ mỗi tháng cộng tiền là 165 quan. Trong đó 90 quan do làm đơn nhận từ Bộ Hộ, 75 quan do thị vệ cấp phát. Nếu gặp tháng thiếu thì cắt bớt đi. Còn như có mổ gà vịt, làm mắm tôm mắm cua các món ấy chi hết số tiền bao nhiêu đều do thị vệ cấp phát).

Nhân viên đội Thượng Thiện phải chịu nhiều “điều cấm” để bảo đảm an toàn trong việc ăn uống.⁽⁷⁾ Mục nói về nghi chế trong luật lễ quy định chung: “若造御膳誤犯食禁廚子杖一百若飲食之物不潔淨者杖八十揀擇誤不精者杖六十(御藥御膳)不品嘗者笞五十監臨提調官各減醫人廚子罪二等若監臨提調官及廚子人等誤將雜藥至造御膳處所者杖一百所將雜藥就令自喫(御膳所)廚子人等有犯監臨提調官知而不奏者門官及守衛失於探檢者與犯人同罪並臨期奏聞區處(食禁如本草物性相反相忌周禮內則所載不食之類)”⁽⁸⁾ (Nếu làm các món cho vua nhằm thức ăn gì phải kiêng, thì người nhà bếp phải phạt 100 trượng. Những thức ăn uống làm không sạch sẽ, phải phạt 80 trượng; chọn nhầm không được tinh tường, phải phạt 60 trượng; không

(1) Chữ trong dấu ○ là chữ NOÃN, gồm: bộ 禾 + bên tả là trên chữ 而 dưới chữ 大.

(2) Chữ trong dấu ○ là chữ CẨM, gồm: 魚 + 咸.

(3) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*. Chính biên. Quyển Ngũ thập thất, tờ 2b.

(4) Chữ trong dấu ○ là chữ CẨM, gồm: 魚 + 咸.

(5) Chữ trong dấu ○ là chữ CẨM, gồm: 魚 + 咸.

(6) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ Chính biên*. Quyển Ngũ thập thất, tờ 3a.

(7) Đề phòng kẻ phản nghịch lợi dụng nhà bếp để đầu độc vua, như chuyện Nguyễn Văn Tường tự tay “bốc” thuốc và “sắc” thuốc dâng vua Kiến Phúc, sau khi uống thuốc, vua mất, người ta cho là Tường đầu độc.

(8) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ Chính biên*. Quyển Nhất bách bát thập thất, tờ 1a - 1b.

nằm trước các thứ ấy (thuốc của vua, thức ăn của vua), phải phạt 50 roi, các quan giám lâm, đề điều đều được giảm nhẹ hơn người làm thuốc, người nấu bếp hai bậc. Nếu quan giám lâm, đề điều và người nấu bếp lâm lỡ đem các vị thuốc đến nơi làm thức ăn của vua, thì phải phạt 100 trượng, đem những vị thuốc ấy bắt phải uống. Các người nấu bếp (ở chỗ làm thức ăn của vua) có sự can phạm, quan giám lâm, quan đề điều biết mà không tâu lên, quan coi cửa và quan thủ vệ không dò xét ra cũng phải phạt với can phạm và đến lúc ấy tâu lên sẽ xem xét xử lý cho phải chăng (món ăn phải kiêng, như là tính của các loại vật chép trong Bản thảo, thức này trái tính với thức kia, thức này kỵ nhau với thức khác, trong mục Nội tắc ở Chu lễ đã chép là không ăn những loại ấy).

Để đảm bảo tốt công việc ở Sở Thượng Thiện, vào năm 1836 vua Minh Mệnh đã có chỉ dụ rằng: “尚膳事關慎重經準精選三四十名常川應直茲著于現在三十九名數內詳加遴選其不堪者汰出仍于理膳各隊兵遴出謹慎堪幹者充填務足四十名之數嗣後缺出亦照此例辦理”⁽¹⁾ (Việc Thượng Thiện rất quan trọng, đã từng chuẩn cho tuyển chọn ba bốn mươi người thường xuyên ứng trực. Nay chuẩn cho 39 người hiện đang ở đây trong số đó phải lựa chọn kỹ càng hơn nữa, để những người không kham nổi thì thải ra, nhưng phải chọn ra những binh lính trong đội Lý Thiện xem người nào cẩn thận có thể đảm đương được công việc thì sung điền vào cho đủ số lượng 40 người. Từ nay về sau có khuyết cũng chiếu theo lệ ấy mà làm).

Tóm lại, nhiệm vụ chính của đội Thượng Thiện trong nội cung là cung cấp các bữa ăn hàng ngày cho hoàng đế, nhằm hỗ trợ cho Viện Thái Y trong việc giữ gìn sức khỏe của ngài. Các nhân viên đều chịu sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ để tránh những mưu toan đầu độc nhà vua, và thực tế điều đáng tiếc ấy đã không xảy ra suốt triều Nguyễn. Miếng ăn của vua không những được xem là quan trọng, phải chăm sóc chu đáo, mà còn được xem là may mắn, cho nên vua Tự Đức kể lại chuyện lúc còn bé trong bài văn bia *Khiêm cung ký* (dịch): “*Có lúc ta đang hầu cơm, Người [chỉ vua Thiệu Trị] cho ta ăn, cũng bảo ta bỏ đĩa xuống làm thơ ngay trên chiếu; sai cung tần mang bút mực đến đặt tại chỗ ngồi, cho ta lấy dùng. Đâu ngờ được ơn huệ dồi dào đến thế! Tiểu tử nào dám trái phép, liền vịnh thành bài ngay. Người trao chén ngọc với thức ăn thừa cho ta, bảo: Con ăn đi! Để hưởng cái khước của ta!*”.

Bên cạnh đội Thượng Thiện, trong cung còn có Viện Thượng Trà, đội Phụng Thiện, Ty Lý Thiện chuyên trách các việc phục vụ khác nhau. Nguyên năm 1802, vua Gia Long lập các đội Thị Trà, mộ dân ngoại tịch sung vào, đặt làm chín đội, từ đội Nhất đến đội Cửu; năm 1812 đổi làm vệ Thị Trà; năm 1815 chuyển vệ Thị Trà thành vệ Kiện Vũ (sau là Trung vệ của dinh Tiền Phong), rồi mộ thêm đặt hai đội Thị Trà mới Nhất và Nhị. Năm 1823, vua Minh Mạng gộp cả hai đội lại làm Viện Thượng Trà, gồm 90 lính, năm 1825 chuẩn cho thuộc Thị Nội, rồi năm 1829 liệt vào cấm binh, bỏ nguyên hiệu Thị Nội, số nhân viên nâng lên 100 (1830), lại giảm xuống 60 (1833), cuối cùng liệt làm biên binh chính ngạch (1841)... Nhiệm vụ của Viện Thượng Trà bao

⁽¹⁾ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ Chính biên*. Quyền Nhất bách tứ thập nhị, tờ 24a -24b.

gồm cả lo việc cung cấp thức uống cho vua dùng lần lễ phẩm tế tự ở tôn miếu, tức trà và rượu. Sách *Đại Nam hội điển sự lệ* ghi quy định năm 1833 như sau: “凡應奉進御用之物敬謹恭辦遇有祀享慶賀朝會等日奉御殿及奉大駕行幸諸地方院使副使一員左右護侍餘弁兵各整其服飾奉遞御用物件扈從其常日則循例分派弁兵佇慈壽宮前之左右廡並閱是堂恭備差使凡恭遇祀享諸禮節奉御行禮者前一日晚分恭領尚方酒品並卮格敬謹檢視○⁽¹⁾誌遞就祭所欽交所司守護恭備福酒之用又凡奉有賜食者祇領官茶奉行酌款至如常日例應款茶者祇領官茶備款皇子諸公文武百官之現侍直者與庭議日各按日款茶如例”⁽²⁾ (Tất cả những thứ dâng lên cho vua dùng, thì phải kính cẩn sắp đặt. Gặp có những ngày lễ hưởng, tự, khánh hạ, triều hội, rồi lúc vua ngự ở trên điện và khi ngự giá đi thăm các địa phương thì một viên viện sứ hay phó sứ đi theo hầu bảo vệ hai bên tả hữu. Còn biên binh thì đều trang phục chỉnh tề theo xa giá kính dâng những thứ cần cho vua dùng. Ngày thường thì theo lệ phái biên binh đứng hầu hai bên Tả vu Hữu vu trước cung Từ Thọ và Duyệt Thị Đường phòng khi sai khiến việc gì. Khi gặp tất cả các lễ tự, hưởng mà vua đi làm lễ, thì buổi chiều ngày hôm trước phải phái người đến nhận rượu của vua dùng và ly chén kính cẩn kiểm tra xem xét niêm phong ghi lại đưa đến nơi tế giao cho người có trách nhiệm ở đó trông giữ, để chuẩn bị làm rượu khi ẩm phúc.⁽³⁾ Lại nữa khi vua ban cho hưởng phải kính lãnh trà công để khoản đãi. Còn như thường ngày lệ đãi nước trà thì kính lãnh trà công để đãi các hoàng tử vương công và văn võ bá quan đang đứng trực hầu ở đó. Và khi triều đình nghị sự đều khoản đãi nước trà như thường lệ).

Đội Phụng Thiện thì phụ trách nhà bếp tại cung Từ Thọ trong cấm thành, phục vụ thái hậu, phi tần, gồm một chức suất đội, hai chức đội trưởng và khoảng 30 lính lấy ở Ty Lý Thiện sung vào, cũng được liệt làm biên binh chính ngạch từ năm 1841 (từ thời các chúa, nhân viên nội cung đều thuộc ngạch lính).

Lại năm 1802, vua Gia Long sai mộ dân ngoại tịch đặt làm các thuyền Nội Trù Nhất hơn 100 người, Nội Trù Nhị hơn 70 người, Nội Trù Tam hơn 50 người, cùng đội Trung Càn thuộc thuyền Thị Hành khoảng 70 người; đến năm 1807, chọn trong số đó những tay thạo giỏi đặt làm hai đội Ty Thiện Nhất và Nhị, mỗi đội 50 người, còn lại hơn 100 người sung vào đội Ngoại Trù, sau cũng chuyển làm đội Ty Thiện Tam (1811). Năm 1822, vua Minh Mạng điều chỉnh lập làm Ty Lý Thiện, Ty Lý Thiện tả và Ty Lý Thiện hữu, mỗi ty có hai hoặc ba đội, mỗi đội khoảng 54 lính do một viên suất đội chỉ huy, giữ nhiệm vụ chuẩn bị lễ phẩm cỗ bàn tế tự, tiệc tùng. Nhân viên lính tráng hầu hết là dân làng Phước Yên. Năm 1829, vua Minh Mạng chuẩn: “福煙社原無揀例其在籍民只全留附辦理膳司諸事務茲該各司隊兵缺額而該社壯民現數居多應摘取七十三名補入該司隊定額以足每隊五十名之數餘仍前附辦再如揀擇該社民須揀精熟諸事者俾資應辦若徒取無用之徒充額以便賣放歇役規圖私蒞

(1) Chữ trong dấu ○ là chữ NIÊM, gồm: 麥 + 占.

(2) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ Chính biên*. Quyển Nhất bách tứ thập nhị, tờ 15a - 15b.

(3) Rượu cúng rồi, ban một chén cho chủ tế.

生出弊來必將管率等員嚴懲不貸嗣有缺額招募充數儻有逋逃由兵部轉飭該地方拿解充額”(1) (Xã Phước Yên,(2) nguyên không có lệ tuyển lính, chỉ toàn phụ giúp làm những công việc ở Ty Lý Thiện. Nay đội binh các ty ấy thiếu ngạch, mà tráng dân sở tại của xã ấy hiện đang nhiều, nên trích lấy 73 người bỏ vào ngạch đã định thuộc đội ty ấy, cho đủ số mỗi đội 50 người. Số còn lại phụ giúp như trước. Lại chọn dân xã ấy, nên lựa những người thạo việc, để đảm đương công việc. Nếu chỉ dùng những lũ vô dụng cho đủ ngạch, để tiện bán ra lấy vào mưu toan lợi riêng, sinh ra tệ hại thì phải đem những viên quân suất nghiêm trị, không tha. Sau này có thiếu ngạch, cho mộ đủ số. Nếu có kẻ lẩn trốn, thì Bộ Binh sức địa phương ấy bắt giải đến để sung ngạch).

Họ được liệt làm biên binh tạp ngạch từ năm 1841, và quy định: Ty Lý Thiện chuyên làm cỗ bàn mỹ vị, Ty Lý Thiện Tả chuyên làm kẹo bánh, đồ nước, Ty Lý Thiện Hữu chuyên việc quấy gánh dâng tiến.

3. Khi đầu bếp cung đình đi chợ

Theo như trên, những đầu bếp phục vụ trong hoàng cung không phải từ trên trời xuống, nguyên vật liệu ở Nội trù cũng mua ngoài chợ phổ khắp nơi, một số quý hiếm đặc biệt thì do các địa phương chịu trách nhiệm dâng nộp (cung tiến, cống nạp). Món ăn khác nhau chẳng qua ở cách chế biến thô hay tinh, phối hợp khéo hay vụng mà thôi, cho nên ẩm thực dân gian và ẩm thực cung đình chỉ phân biệt ở cấp độ. Nhà nước không quy định được giá cả thị trường, cho nên người bán tự ra giá cao, người mua phải mặc cả cho đến khi hai bên thỏa thuận (ngã giá) thì trao đổi. Nhưng đầu bếp Hoàng cung mà đi chợ dân gian thì chắc cũng khó tránh khỏi tình trạng cậy thế dìm giá để thủ lợi. Không chỉ đầu bếp Hoàng cung, mà đầu bếp các nhà quyền quý cũng vậy. Trên địa bàn kinh đô Phú Xuân, lớp người này rất nhiều. Có lẽ lúc đầu, ngón lưu manh ấy gây nhiều xáo động thị trường chồn kinh kỳ, nên tiếng kêu ca cũng lọt vào đến cửu trùng. Ngay năm mới lên ngôi (1820), vua Minh Mạng không thể làm ngơ, đã nói với Nguyễn Văn Hưng, Ký lục dinh Quảng Đức rằng: “京城都會之地商賈湊集比聞尚膳及諸衙門膳夫多以聲勢嚇人賤買貨物市人苦之朕欲法行自近故令尚膳皆佩信牌以為識(牌刻尚膳二字)敢侑妄行非法者捕治毋寬”(3) (Kinh thành là đất đô hội, buôn bán tập trung đông đúc, gần đây nghe nói người Thượng Thiện và nhà bếp ở các nha môn, nhiều kẻ lấy thanh thế dọa nạt người mà mua hàng rẻ, người ở chợ lấy làm khổ vì điều đó. Trẫm muốn luật pháp thi hành từ chỗ gần, cho nên ra lệnh cho người Thượng Thiện đều đeo tín bài để biết (thẻ bài khắc hai chữ Thượng Thiện), hễ dám làm bậy trái pháp luật thì bắt trị không tha).

Sau “dụ” này, năm Minh Mạng thứ 7 (1826), các quan phụ trách Phủ Thừa Thiên là Phủ doãn Hoàng Kim Xán, Phủ thừa Nguyễn Kim Bảng truyền ra một tờ yết thị để

(1) *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ Chính biên*. Quyển Nhất bách tứ thập tam, tờ 28b - 29a.

(2) Nay là làng Phước Yên, thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

(3) *Đại Nam thực lục Chính biên Đế nhị kỷ*. Quyển Nhất, tờ 36a.

cụ thể hóa cái lệ mới. Chúng tôi tìm thấy một bản sao chép tờ yết thị ấy trong hòm bộ làng Xuân Hòa huyện Hương Trà (nay thuộc phường Hương Long, thành phố Huế) như sau:

Nguyễn văn

明命七年八月十五日

臣黃金燦臣阮金榜奉旨畿甸之內法令纂嚴乃向來多有倚托勢要之徒凌逼平民威脅買賣前經面諭承天府衙門如有拿獲此犯即宜從嚴懲治但未有明旨頒行未足以昭典刑而齊民信著嗣凡尚膳與各該衙門廚夫及無賴光棍等威脅市肆賤賣貨物專取其利在某地方不拘贓數多少查救顯確即行奏明降旨押赴原犯地方斬首示眾著為例

Tạm dịch

“Ngày 15 tháng Tám năm Minh Mạng thứ 7 [16/9/1826].

Bê tôi là Hoàng Kim Xán và Nguyễn Kim Bảng vâng chỉ giữ nghiêm phép nước trên địa phận kinh kỳ, thế mà trước nay có nhiều kẻ cậy thế ức hiếp nhân dân, bắt ép mua bán. Xưa từng được vua dụ trực tiếp trước mặt cho các nha môn phủ Thừa Thiên, nếu bắt được kẻ phạm tội ấy thì lập tức trừng trị thật nghiêm, nhưng vì chưa có chỉ cụ thể ban hành, nên chưa đủ để làm sáng tỏ hình pháp khiến nhân dân tin theo. Từ nay, hễ Thượng Thiện và đầu bếp các nha môn cùng bọn côn đồ vô lại, tên nào ức hiếp chợ quán mua rẻ hàng hóa để kiếm lời, ở bất cứ nơi đâu, không kể số tang vật nhiều hay ít, tra cứu chính xác rồi, phải tâu lên dọ chỉ ban xuống, bắt giải về chỗ phạm tội, chém đầu cho dân chúng biết rõ. Nay chép làm lệ.”

Cũng vào năm 1826, An Khánh công Quang cho tôi tố trong phủ đi mua rẻ hàng ở chợ, bị phạt bổng một năm. Vua dụ Bộ Hình rằng: “畿甸之地法令纂嚴乃向來多有倚託勢要之徒凌逼平民威脅買賣前經面諭京尹捕治若非申明禁令何以彰國憲而齊民信乎嗣凡尚膳與諸衙廚夫及無賴光棍等敢有賤買市肆貨物者不拘贓數多少準即奏明于地方斬首示眾”⁽¹⁾ (Chôn kinh kỳ pháp lệnh rất nghiêm, nhưng từ trước đến nay bọn côn đồ ý thế áp bức dân thường, uy hiếp người mua bán ở chợ. Trước đây đã xuống dụ trước mặt quan Kinh doãn là phải bắt để trị tội. Nếu không nêu rõ lệnh cấm thì làm sao có thể tỏ rõ được phép nước để dân đều tin theo được? Từ nay tất cả nhà bếp của Thượng Thiện và các nha cùng bọn côn đồ vô lại dám mua rẻ hàng hóa ở chợ, không kể tang vật nhiều hay ít đều phải tâu rõ ngay, đem chém đầu ở địa phương cho mọi người biết).

Vua Minh Mạng luôn luôn cảnh giác về chuyện đầu bếp cung đình và các nha môn lợi dụng thế quan mà không chế giá cả, thường xuyên nhắc nhở dự phòng từ trung ương đến địa phương. Dụ năm 1829: “嗣後遇有和買諸物項只據城轄所有轉飭地方官吏秉公和買毋得一豪滋弊務使民樂於輸賣”⁽¹⁾ (Từ sau gặp có thu mua

⁽¹⁾ Đại Nam thực lục Chính biên Đế nhị kỷ. Quyển Thập tứ, tờ 2b - 3a.

các sản vật, chỉ căn cứ những thứ trong hạt có thứ gì mà chuyển sức cho quan lại địa phương theo công bằng mà thu mua, không được mảy may sinh thói xấu, cốt để dân vui lòng đem bán); dụ năm 1833: “嗣後如有和買諸物項各據商戶業戶或於市上或於所有之處依價和買不得分補再嚴飭吏役總里人等毋得索擾留難俾吾民樂於輸賣”⁽²⁾ (Từ sau nếu có mua các thứ sản vật, đều căn cứ vào giá cả của những nhà buôn, nhà sản xuất hoặc chợ hoặc ở chỗ có bán mà thu mua đúng giá, không được phân bổ. Lại phải nghiêm sức cho bọn chức dịch, tổng lý không được sách nhiễu, làm khó dễ, để dân ta vui lòng đem đến bán)... Như thế, vua quan triều Nguyễn cũng tỏ ra quan tâm đến cả những việc “lặt vặt” liên quan đến đời sống hàng ngày của nhân dân, chứ đâu đến nỗi “bóc lột tàn bạo” như lời phê phán của các sử gia ta trong giai đoạn đấu tranh chống thực dân và phong kiến.

L N L - N C T

⁽¹⁾ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ Chính biên*. Quyển Lục thập tứ, tờ 2a - 2b.

⁽²⁾ *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ Chính biên*. Quyển Lục thập tứ, tờ 2b.